

MINH QUÁN
NGHIỆP XỨ

THERAVĀDA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

MINH QUẢN NGHIỆP XÚ

Tác giả: Ngài Anuruddha
Việt dịch: Tỳ kheo Khải Minh (Bhikkhu Jotivādī).

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



Lời nói đầu

Suốt thời gian 4 a tăng kỳ 100 ngàn đại kiếp, Đức Bồ Tát vun bồi ba la mật tròn vẹn đầy đủ cũng chỉ với ước nguyện tha thiết được giác ngộ chân pháp và thành tựu Toàn Giác Trí. Với lòng Đại Bi vô lượng, Đức Thế Tôn đã tạm thời không viên tịch Níp Bàn (parinibbāna) để mang suối nguồn giải thoát và những chân lý thanh cao mà Ngài đã chứng đạt đến với chúng sanh hữu duyên, giúp cho nếm trải hương vị cao quý của Pháp thâm sâu trác tuyệt ấy.

Tùy theo căn cơ mà mỗi người trong chúng ta có sự hiểu và sự thực hành không giống nhau để thấu rõ bản chất nơi thân tâm này. Dầu như thế nào thì hãy luôn tinh cần bất thối đối với hành trình “vạn nan” mà chúng ta đã mù tịt bấy lâu, bởi vì đây là con đường duy nhất đưa đến diệt tận mọi khổ đau, là con đường mà Chư Phật và Chư Hiền Thánh ba đời cũng đã tự mình hoàn tất trọn vẹn.

45 năm chuyên mê khai ngộ với vô vàn lời dạy cao quý được thuyết đến cho tất cả chúng sanh với mỗi căn cơ khác nhau và nếu gom gọn lại chính là Tam Tạng, thu gọn Tam Tạng thì chỉ có Tam Tướng vì Đức Thế Tôn luôn chỉ dạy rõ

ràng trong pháp thuyết của Ngài về sự thật của danh và sắc này là vô thường không bao giờ Ngài thuyết giảng chỉ dạy là thường, là khổ không bao giờ Ngài thuyết giảng chỉ dạy là lạc và là vô ngã không bao giờ Ngài thuyết giảng chỉ dạy là ngã. Cô đọng Tam Tướng thì chỉ có sanh diệt mà thôi bởi đó là quy luật vận hành bất biến của pháp hữu vi không có một chúng sanh nào ngay đến Đức Phật có thể ngăn cản chi phối được. Và sự xuất hiện của Chư Phật chính là ánh sáng phơi bày sự thật tàn khốc bị che lấp bao đời ấy, giúp kẻ phàm phu “hữu nhãn” có thể nhận ra đâu là “đạo” và đâu là “phi đạo”.

Đây là dịch phẩm mà cổ Thượng Tọa Khải Minh đã dày công phiên dịch từ khá lâu trước khi từ bỏ xác thân, nay hội đủ duyên lành chúng con xin trân trọng giới thiệu đến Chư Tôn Đức cùng toàn thể quý Phật Tử với mục đích nhằm tưởng niệm 1 năm khuất bóng Thượng Tọa. Dù vậy nhưng như lời Lão Tử: *“Người chết chỉ thực sự chết khi không còn sống trong lòng người khác”* đã phần nào nhắc nhở chúng con đến hình bóng và sự hiện hữu của Thượng Tọa qua những trang sách với những dịch phẩm rất mực thiết thân trên bước đường học đạo và hành đạo.

Mong rằng dịch phẩm này sẽ góp phần bổ sung cũng như làm phong phú hơn hành trang tu tập thoát ly sanh tử của tất cả người cầu đạo. Và chắc chắn sẽ không sao tránh khỏi những thiếu sót dù chúng con đã cố gắng như có thể nhưng vì “kém trí thiếu tài” nên kính mong các bậc minh triết từ bi dung thứ và chỉ bảo.

Chúng con cũng xin thành kính tri ân Thượng Tọa Pháp Nhiên đã hỗ trợ để tác phẩm có thể đến với công chúng. Cùng tri ân tấm lòng của quý Phật Tử đã chung hùn phước giúp cho quá trình ấn tống được thuận lợi trọn vẹn.

Cuối cùng, chúng con kính xin dâng phước báu này đến hương linh cố Thượng Tọa Khải Minh, mong rằng Thượng Tọa có thể tiếp tục tiến bước trên hành trình giác ngộ giải thoát, sở nguyện đở dang mau chóng viên thành.

Nguyện cầu tất cả chúng sanh thấy đều an vui!

Thắp bút!

Những ngày cuối năm 2023



**Namo Tassa Bhagavato Arahato
Sammāsambuddhassa**

MINH QUÁN NGHIỆP XỨ
(Vipassanākammaṭṭhāna)
CHƯƠNG 9

1- Thất Thanh Tịnh
(Visuddhi)

Vipassanākammaṭṭhāne pana sīlavisuddhi cittavisuddhi
diṭṭhivisuddhi kaṅkhāvitaraṇavisuddhi
maggāmaggaññāḍassanavisuddhi
paṭipadāññāḍassanavisuddhi ñāḍassanavisuddhi ceti
sattavidhena visuddhisañgaho.

Minh quán nghiệp xứ được xếp theo 7 thanh tịnh:

1- Giới thanh tịnh (Sīlavisuddhi): Sự thanh tịnh của giới.

2- Tâm thanh tịnh (Cittavisuddhi): Sự thanh tịnh của tâm.

3- *Kiến thanh tịnh* (Ditṭhivissuddhi): Sự thanh tịnh của việc thấy.

4- *Đoạn nghi thanh tịnh* (Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi): Sự thanh tịnh của trí tuệ thoát khỏi hoài nghi.

5- *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh* (Maggāmaggañānadassanavisuddhi): Sự thanh tịnh của việc thấy rõ bằng trí tuệ là đạo hành và phi đạo hành.

6- *Hành lộ tri kiến thanh tịnh* (Paṭipadāñānadassanavisuddhi): Sự thanh tịnh trong việc thấy rõ bằng trí tuệ về pháp tiền hành đưa đến phương pháp thực hành duy nhất.

7- *Tri kiến thanh tịnh* (Ñānadassanavisuddhi): Sự thanh tịnh trong việc thấy rõ thuần nhất của trí tuệ.

2- Tam Tướng (Lakkhaṇa)

Aniccalakkhaṇaṃ dukkhalakkhaṇaṃ anattalakkhaṇaṃ ceti tīṇi lakkhaṇāni.

Tướng có 3 loại:

1- *Vô thường tướng* (Aniccalakkhaṇa): Tướng trạng vô thường.

2- *Khổ tướng* (Dukkhalakkhaṇa): Tướng trạng khổ.

3- *Vô ngã tướng* (Anattalakkhaṇa): Tướng trạng vô ngã.

3- Ba Tỳ Quán

(Anupassanā)

Aniccānupassanā dukkhānupassanā anattānupassanā
ceti tisso anupassanā.

Tỳ quán có 3 loại:

1- *Vô thường tỳ quán* (Aniccānupassanā): Thường quán thấy được vô thường.

2- *Khổ tỳ quán* (Dukkhānupassanā): Thường quán thấy được khổ.

3- *Vô ngã tỳ quán* (Anattānupassanā): Thường quán thấy được vô ngã.

4- Mười Tuệ Quán

(Vipassanāñāṇa)

Sammasanañāṇaṃ udayabbayañāṇaṃ bhagañāṇaṃ
bhayañāṇaṃ ādīnavañāṇaṃ nibbidāñāṇaṃ
muñcitukamyatāñāṇaṃ paṭisaṅkhāñāṇaṃ
saṅkhāruppekkhāñāṇaṃ anulomañāṇaṇceti dasa
vipassanāñāṇāni.

10 tuệ quán:

1- *Thẩm sát tuệ* (Sammasanañāṇa): Tuệ quán tam tướng của danh sắc.

2- *Sanh diệt tuệ* (Udayabbayañāṇa): Tuệ quán thấy sự sanh và diệt của danh sắc.

3- *Hoại diệt tuệ* (Bhaṅgañāṇa): Tuệ quán thấy sự diệt của danh sắc.

4- *Kinh hãi tuệ* (Bhayañāṇa): Tuệ quán thấy danh sắc nguy hiểm đáng sợ hãi.

5- *Quá hoạn tuệ* (Ādīnavañāṇa): Tuệ quán thấy tai họa của danh sắc.

6- *Yếm ó tuệ* (Nibbidāñāṇa): Tuệ quán phát sanh sự nhàm chán danh sắc.

7- *Dục thoát tuệ* (Muñcitukamyatāñāṇa): Tuệ muốn buông bỏ thoát khỏi danh sắc.

8- *Trạch sát tuệ* (Paṭisaṅkhāñāṇa): Tuệ quán rộng lớn về tam tướng của danh sắc.

9- *Hành xả tuệ* (Saṅkhārupekkhāñāṇa): Tuệ quán tìm kiếm con đường rời thân nhiên với danh sắc.

10- *Thuận thứ tuệ* (Anulomañāṇa): Tuệ quán thấy trùng khớp với tám tuệ quán (Sanh diệt tuệ... Hành xả tuệ) phần đầu và đạt đến sức mạnh làm cho Đạo tuệ sanh lên.

5- Ba Giải Thoát

(Vimokkha)

Suññato vimokkho animitto vimokkho appaṇihito vimokkho ceti tayo vimokkhā.

Giải thoát có 3 loại:

1- *Không tánh giải thoát* (Suññatavimokkha): Giải thoát bằng sự rỗng không.

2- *Vô tướng giải thoát* (Animittavimokkha): Giải thoát bằng không có hiện tướng dấu hiệu.

3- *Phi thuộc lụy giải thoát* (Appaṇihitavimokkha): Giải thoát bởi không là nơi nương của ái dục.

6- Ba Giải Thoát Môn **(Vimokkhamukha)**

Suññatānupassanā animittānupassanā
appaṇihitānupassanā ceti tīṇi vimokkhamukhāni ca
veditabbāni.

Giải thoát môn có 3 loại:

1- *Không tánh tùy quán* (Suññatānupassanā): Giải thoát bằng sự quán thấy pháp rỗng không.

2- *Vô tướng tùy quán* (Animittānupassanā): Giải thoát bằng sự quán thấy rằng không có hiện tướng dấu hiệu.

3- *Phi thuộc lụy tùy quán* (Appaṇihitānupassanā): Giải thoát bằng sự quán thấy rằng không là nơi nương của ái dục.

Minh Quán Nghiệp Xứ



Trình Bày 7 Thanh Tịnh

Theo Thắng Pháp Tập Yếu Luận

1- Giới Thanh Tịnh

(Sīlavisuddhi)

Katham paṭimokkhasaṃvarasīlaṃ indriyaṃvarasīlaṃ
ājīvaṃparisuddhisīlaṃ paccayasannissitasīlañceti
catupārisuddhisīlaṃ sīlavisuddhināma.

Giới thanh tịnh là gì?

Giới thanh tịnh có 4 loại:

1- *Biệt biệt giải thoát giới* (paṭimokkhasaṃvarasīla):
Giới thu thúc theo trong giới bốn paṭimokkha.

2- *Quyền thu thúc giới* (indriyaṃvarasīla): Giới thu
thúc phòng hộ 6 quyền.

3- *Nuôi mạng thanh tịnh giới* (ājīvaṃparisuddhisīla): Giới
nuôi mạng thanh tịnh.

4- *Quán tưởng thanh tịnh giới* (paccayasannissitasīla):
Giới quán tưởng nương vào tứ vật dụng.

Đây gọi là giới thanh tịnh.

2- Tâm Thanh Tịnh

(Cittavisuddhi)

Upacārasamādhi appanāsamādhi ceti dūvidhopi samādhi cittavisuddhī nāma.

Tâm thanh tịnh tức định có 2 loại:

1- *Cận định* (upacārasamādhi): Định gần kề với chi thiền.

2- *Kiên cố định* (appanāsamādhi): Định vững chắc tức định làm cho thiền chứng sanh lên.

3- Kiến Thanh Tịnh

(Diṭṭhivisuddhi)

Lakkhaṇarasapaccupaṭṭhānapadaṭṭhānavasena nāmarūpapariggaho diṭṭhivisuddhi.

Việc ghi nhận danh sắc theo trạng thái, phân sự, thành tựu, nhân cận gọi là Kiến thanh tịnh.

4- Đoạn Nghi Thanh Tịnh

(Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi)

Tesameva ca nāmarūpānaṃ paccayapariggaho kaṅkhāvitaraṇavissuddhi nāma.

Việc ghi nhận biết được duyên của danh sắc gọi là Đoạn
nghỉ thanh tịnh.

5- Đạo Phi Đạo Tri Kiến Thanh Tịnh (Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi)

Và 10 Tỳ Phiền Não Quán (Vipassanūpakilesa)

Tato paraṃ pana tathā pariggahitesu sapaccayesu
tebhūmikaṣaṅkhāresu atītādibhedadinnesu
khandhādinayamārabba kalāpavasena ṣaṅkhipitvā
aniccaṃ khayatṭhena dukkhaṃ bhayatṭhena anattā
asāraḷṭṭhenāti addhānavasena santativasena khaṇavasena
vā sammasanañāṇena lakkhaṇattayaṃ sammasantassa
tesve paccayavasena khaṇavasena ca udayabbayañāṇena
udayabbayaṃ samanuppassantassa ca.

Obhāso pīti passaddhi Adhimokkho ca paggaho

Sukhaṃ ñāṇamupaṭṭhāna Mupekkhā ca nikanti ceti.

Obhāsādivipassanūpakkilesaparipanthapariggahavasena
maggalakkhaṇavavattḥānaṃ
maggāmaggañāṇadassanavisuddhi nāma.

Tiếp theo sau Đoạn nghỉ tịnh thì pháp hành tam giới
cùng với duyên được phân loại khác nhau như quá khứ...
mà hành giả đã nhìn thấy theo trạng thái được đề cập trong

Kiến thanh tịnh và Đoạn nghi thanh tịnh. Lúc này, pháp hành được rút gọn thành từng nhóm theo cách thuyết giảng như uân, xứ... rồi hành giả quán tam tướng theo mãnh lực của thời gian, theo mãnh lực của sự nối tiếp hoặc theo mãnh lực sát na bằng Thâm quán tuệ “*Danh sắc là pháp vô thường bởi sự diệt mất không bền vững trường tồn, là khổ bởi nguy hiểm đáng sợ hãi, là vô ngã bởi không cốt lõi không theo quyền lực của người nào cả*”. Rồi quán sự sanh diệt của danh sắc trong pháp hành tam giới bằng Sanh diệt tuệ theo mãnh lực của duyên và theo mãnh lực của sát na. Tuệ khẳng quyết dứt khoát theo đường lối tương trạng của Minh quán đúng hay sai do năng lực ghi nhận biết chướng ngại tức tùy phiền não quán như ánh sáng... sanh lên.

Mười tùy phiền não quán:

- 1- Hào quang (obhāsa): Có ánh sáng hiển lộ sanh lên nơi tâm.
- 2- Hỷ (pīti): Năm loại phỉ lạc.
- 3- Tịnh (passaddhi): Trạng thái an tịnh vắng lặng.
- 4- Đức tin (adhimokkha): Niềm tin có sức mạnh vững mạnh.
- 5- Tinh cần (paggaha): Sự nỗ lực mãnh liệt.
- 6- Lạc (sukha): Sự an lạc thoải mái.
- 7- Trí tuệ (ñāṇa): Trí tuệ đời đời.
- 8- Niệm (upaṭṭhāna): Ghi nhớ vững chắc.

9- Xả (upekkhā): Trạng thái thản nhiên.

10- Ái chấp (nikanti): Sự thỏa thích vừa lòng, tức thỏa thích trong chín tùy phiền não đầu.

Chính tuệ này gọi là Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh.

6- Hành Lộ Tri Kiến Thanh Tịnh

(Paṭipadāññadassanavisuddhi)

Tathā paripanthavimuttassa pana tassa
udayabbayaññato paṭṭhāya yāvānulomā tilakkhaṇaṃ
vipassanāparamparāya paṭipajjantassa nava vipassanāni
paṭipadāññadassanavisuddhi nāma.

Chín tuệ quán của hành giả giải thoát khỏi tai họa tức tùy phiền não quán, hành giả đang thực hành Minh quán thấy được tam tướng tiếp nối nhau kể từ Sanh diệt tuệ cho đến Thuận thứ tuệ gọi là Hành lộ tri kiến thanh tịnh.

7- Tri Kiến Thanh Tịnh

(Ññadassanavisuddhi)

Tassevaṃ paṭipajjantassa pana
vipassanāparipākamāgamma idāni appanā
uppajjissatī bhavaṅgaṃ vocchinditvā
uppanamanodvārāvajjanānantaram dve tīṇi

vipassanācittāni yaṅkiñci aniccādilakkhaṇamarabbha
parikammopacārānulomanāmena pavattanti.

Khi hành giả đang thực hành như vậy bởi nương vào dòng Minh quán già mạnh thì 2-3 sát na tâm Minh quán hiển lộ một loại nào của Vô thường tướng... diển tiến theo tuần tự thì tâm khai ý môn cắt đứt dòng hữu phần sanh lên, ngay lúc này sẽ thành tựu tâm vững chắc (appana) gọi là chuẩn bị (parikamma), cận hành (upacāra), thuận thứ (anuloma).

Yā vipassanā sikhappattā sā sānulomā. Saṅkhārupekkhā
vuṭṭhānagāminī vipassanāti ca pavuccati.

Tuệ quán nào đạt đến đỉnh cao, tuệ quán đó tiến hành đến Thuận thứ tuệ. Hành xả tuệ ngài gọi là xuất hành Minh quán (vuṭṭhānagāminīvipassanā).

Tato paraṃ gotrabhūcittaṃ nibbānamāmbitvā
puthujanagottamabhibhavantaṃ
ariyagottamabhisambhantañca pavattanti.

Tiếp theo đó tâm chuyển tộc bắt lấy Níp Bàn làm cảnh, rồi cắt đứt phàm chủng làm cho Thánh chủng sanh lên.

Tassānantarameva maggo dukkhasaccaṃ parijānanto
samudayasaccaṃ pajahanto nirodhasaccaṃ sacchikaronto
maggasaccaṃ bhāvanāvasena appanāvīthimotarati.

Tuần tự tiếp theo tâm chuyển tộc thì Thánh đạo liễu tri Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, tác chứng Diệt đế đưa đến tâm lộ kiên cố bằng mãnh lực làm phát triển Đạo đế.

Yadi vuṭṭhānagāminīvipassanā aniccato vipassati animitto vimokkha nāma hoti.

Nếu xuất hành Minh quán thấy đặc biệt bằng trạng thái vô thường thì đạo sanh lên gọi là Vô tướng giải thoát (animittavimokkha).

Yadi vuṭṭhānagāminīvipassanā dukkhato vipassati appaṇihito vimokkha nāma honti.

Nếu xuất hành Minh quán thấy đặc biệt bằng trạng thái khổ thì đạo sanh lên gọi là Phi thuộc lụy giải thoát (appaṇhitavimokkha).

Yadi vuṭṭhānagāminīvipassanā anattato vipassati suññato vimokkha nāma hoti.

Nếu xuất hành Minh quán thấy đặc biệt bằng trạng thái vô ngã thì đạo sanh lên gọi là Không tánh giải thoát (suññatavimokkha).

Tato paraṃ dve tīṇi phalacittāni pavattitvā nirujjhanti. Tato paraṃ bhavaṅgapātova hoti puna bhavaṅgaṃ pana vicchinditvā paccavekkhaṇañāṇani pavattanti.

Tiếp theo sau đạo tuệ thì 2-3 tâm quả sanh lên (theo tương ứng với người độn căn và lợi căn), sau đó thì tâm đưa vào hữu phần, tiếp đến các tuệ phần khán (paccavekkhaṇañāṇa) cắt đứt dòng hữu phần rồi sanh lên tiếp tục.

Maggam phalañca nibbānaṃ Paccavekkhati paṇḍito
Pahīne kilese sese ca Paccavekkhati vā na vā
Chabbisuddhikamenevaṃ Bhāvetabbo cutubbidho
Ñānadassanavisuddhi Nāma maggo pavuccati
Ayamettha visuddhibhedo

Bậc Thánh nhân hiền trí luôn xem xét lại đạo tuệ, quả tuệ và Níp Bàn, còn đối với phàm nã đã sát trừ và phàm nã chưa sát trừ đôi khi có xem xét lại đôi khi không xem xét lại (tùy theo pháp học).

Bốn Thánh đạo nương từ việc tu tiến sáu thanh tịnh được gọi là Tri kiến thanh tịnh. Như đã đề cập trên là trình bày phân loại 7 thanh tịnh theo minh quán nghiệp xứ.

Trình Bày Phân Loại Về Giải Thoát ¹

1- Tattha anattānupassanā attābhinivesaṃ
muñcantī suññatānupassanā nāma vimokkhamukhaṃ
hoti. Aniccānupassanā vipallāsanimittaṃ muñcantī
animittānupassanā nāma vimokkhamukhaṃ
hoti. Dukkhānupassanā taṇhāpaṇidhiṃ muñcantī
appanīhitānupassanā nāma vimokkhamukhaṃ hoti.

Trong phân loại có 3 nhóm giải thoát:

¹ Theo phương cách của Thắng Pháp Tập Yếu Luận

- Vô ngã tùy quán thường quán thấy được bằng trạng thái vô ngã đoạn trừ được sự chấp thủ về ngã, xếp vào giải thoát môn gọi là Không tánh tùy quán. Là sự giải thoát do quán thấy rằng là pháp rỗng không.

- Vô thường tùy quán thường quán thấy được bằng trạng thái vô thường đoạn trừ được tướng của pháp điên đảo, xếp vào giải thoát môn gọi là vô tướng tùy quán. Là sự giải thoát do quán thấy rằng không có hiện tượng, dấu hiệu.

- Khổ tùy quán thường quán thấy được bằng trạng thái khổ đoạn trừ được ái hệ lụy (taṇhāpanidhi), xếp vào giải thoát môn gọi là phi thuộc lụy tùy quán. Là sự giải thoát do quán thấy rằng không là nơi nương của ái dục.

2- Tasmā yadi vuṭṭhānagāminī vipassanā anattato vipassati suññatovimokkho nāma hoti maggo yadi aniccato vipassati animitto vimokkho nāma dukkhato vipassati appaṇihito vimokkho nāmāti ca maggo vipassanāgamanavasena tīṇi nāmāni labhati.

Nếu xuất hành Minh quán thấy rõ vô ngã thì Thánh đạo gọi là Không tánh giải thoát.

Nếu xuất hành Minh quán thấy rõ vô thường thì Thánh đạo gọi là Vô tướng giải thoát.

Nếu xuất hành Minh quán thấy rõ khổ thì Thánh đạo gọi là Phi thuộc lụy giải thoát.

Vì vậy, Thánh đạo mới có ba loại tên do năng lực tu tiên của tuệ quán.

3- Tathā phalañca maggāgamanavasena maggavīthiyaṃ.

Đối với Thánh quả cũng có ba loại tên giống như trong tâm lộ đắc đạo do năng lực tiến hành của Thánh đạo.

4- Phalasangāhāyanaṃ pana yathāvuttanāyena vipassantānaṃ yathāsakaṃ phalamuppajjamaṇampi vipassanāgamanavaseneva suññatādivimokkhoti pavuccati.

Trong tâm lộ nhập thiền quả thì tâm quả cho dù đang sanh lên do tuệ quán trong cơ tánh của mình, ngài cũng gọi là Không tánh giải thoát... bởi năng lực tiến hành thuần nhất của tuệ quán.

Ālambanavasena pana sarasavasena ca nāmatayaṃ sabbatthāpi sabbesampi samameva.

Đối với việc gọi tên theo ba nhóm sanh lên với các bậc Thánh nhân như trong các tâm lộ đắc đạo và tâm lộ nhập thiền quả đều ngang bằng do năng lực của cảnh và do năng lực của phận sự công việc (kiccarasa) và phận sự của thành tựu (sampattirasa).

Ayamettha vimokkhabhedo

Kết Thúc Phân Loại Trong Phần Nghiệp Xứ Tập Yếu



Phân Theo Người

(Puggalabheda)

Phân loại theo Thánh nhân và sát trừ phiền não tuân tự bảng 4 đạo:

1- Ettha pana sotāpattimaggaṃ bhāvetvā
ditṭhivicchikicchāpahānena pahīnāpāyagamano
sattakkhattuparamo sotapanno nāma hoti.

Trong việc phân theo 4 bậc Thánh:

Bậc tinh cần tu tiến Minh quán cho đến khi tác chứng Nhập Lưu đạo là bậc sát trừ bất thiện pháp thấy được nhân dẫn đến khổ cảnh do đã sát trừ được tà kiến và hoài nghi nên được gọi là bậc Nhập Lưu thất hoàn sanh (sattakkhattuparamasotapanna). Bậc Nhập Lưu này sẽ sanh trong cõi vui dục giới nhiều nhất chỉ bảy kiếp.

2- Sakadāgamimaggaṃ bhāvetvā rāgadosamohānaṃ
tanukarattā sakadāgāmī nāma hoti sakideva imaṃ lokaṃ
āgantvā.

Khi bậc Nhập Lưu tinh cần tu tiến Minh quán cho đến khi tác chứng Nhất Lai đạo thì được gọi là bậc Nhất Lai bởi vì sẽ sanh lại chỉ một kiếp nữa trong cõi dục giới, do nhân đã làm giảm nhẹ dục ái, sân hận, si mê.

3- Anāgāmimaggaṃ bhāvetvā kāmarāgabyāpādānaṃ
anavasesappahānena anāgāmī nāma hoti anāgantvā itthattaṃ.

Khi bậc Nhất Lai tinh cần tu tiến Minh quán cho đến khi tác chứng Bất Lai đạo được gọi là bậc Bất Lai tức không sanh trở lại cõi vui dục giới nữa, do nhân đã sát tuyệt hoàn toàn dục ái và sân hận không còn dư sót.

4- Arahattamaggam bhāvetvā anavasesakilesappahānena arahā nāma hoti khīṇāsavo loke aggadakkhiṇeyyo.

Khi bậc Bất Lai tinh cần tu tiến Minh quán cho đến khi tác chứng A La Hán đạo được gọi là bậc A La Hán hay là bậc Lộ Tận, là bậc cao thượng trên thế gian xứng đáng được nhận lãnh sự lễ bái cúng dường do nhân đã sát tuyệt tất cả phiền não không còn dư sót.

Ayamettha puggalabhedo

Phần trình bày trên là phân theo bậc Thánh
trong Minh quán nghiệp xứ

Trình Bày Phân Theo Nhập Thiền ¹

1- Phalasangamaṃ panettha sabbesampi yathāsakaṃ phalavasena sādharmaṇāva.

Trong việc phân theo nhập thiền thì nhập thiền quả khởi hiện phổ biến với các bậc Thánh tùy theo riêng biệt tâm quả của mình.

2- Nirodhasamāpattisamāpajjanam pana anāgāmīnañceva arahantānañca labbhati.

¹ Theo phương cách của Thắng Pháp Tập Yếu Luận

Đối với việc nhập thiền diệt thì chỉ khởi hiện với các bậc Bất Lai và bậc A La Hán.

3- Tattha yāthākkamaṃ paṭhamajjhānādimaḥaggasamāpattiṃ samāpajjitvā vuṭṭhāya tattha gate saṅkhāradhamme tattha tattheva vipassanto yāva akiñcaññāyatanam gantvā tato paṭhamadhiṭṭheyyādikaṃ pubbakiccaṃ katvā nevasaññānāsaññāyatanam samapajjati.

Bậc Thánh nhập vào thiền đạo đại theo tuần tự sơ thiền, nhị thiền... khi nhập thiền đó rồi xuất ra thì quán xét pháp hành trong các thiền nhập đó cho đến cuối cùng là thiền vô sở hữu xứ. Tiếp theo sau đó mới làm các tiền sự (pubbakicca) như chú nguyện... rồi nhập vào thiền phi tướng phi phi tướng xứ.

4- Tassa dvinnam appanājavanānam parato vacchijjati cittasantati.

Sau đó nối tiếp theo là tâm đồng lực kiên cố tức hai sát na thiền phi tướng phi phi tướng xứ của bậc Thánh bị cắt đứt.

5- Tato param nirodhasamāpanno nāma hoti.

Tuần tự tiếp theo sau đó ngài gọi là bậc nhập thiền diệt.

6- Vuṭṭhānakāle pana anāgāmino anāgāmiphalaḥcittam arahato ca arahataphalacittam ekavārameva pavattitvā bhavaṅgapātava hoti.

Trong việc xuất khỏi thiền diệt thì tâm quả Bất Lai của bậc Bất Lai và tâm quả A La Hán của bậc A La Hán diễn tiến chỉ một sát na rồi tiếp tục đưa vào hữu phần.

7- Tato param paccavekkhaṇañāṇani pavattantīti.

Tiếp theo thì Tuệ phản khán sanh lên.

Ayamettha samāpattibhedo niṭṭhito ca
vipassanākammaṭṭhānanayo.

*Kết Thúc Việc Trình Bày Phân Theo Nhập Thiền
Trong Minh Quán Nghiệp Xứ
Và Trình Bày Theo Phương Pháp Minh Quán Nghiệp Xứ*



LUẬN GIẢI Ý NGHĨA MINH QUÁN NGHIỆP XỨ THEO THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN

GIẢI THÍCH PĀLI ĐIỀU THỨ NHẤT

Trình Bày Đến 7 Thanh Tịnh

Ngài giáo thọ sư Anuruddha sau khi trình bày kết thúc Chỉ tịnh nghiệp xứ (samathakammaṭṭhāna), ngài tiếp tục trình bày đến Minh quán nghiệp xứ theo như chủ định trong phần đầu nên mới đề cập “Vipassanākammaṭṭhāne pana...”

Thanh tịnh (visuddhi) trong Minh quán nghiệp xứ nghĩa là sự thanh tịnh đặc biệt xa lìa khỏi phiền não nên gọi là thanh tịnh.

Khi phân ra được hai từ Vi + Suddhi, Vi = Đặc biệt, Suddhi = Thanh tịnh.

Như định nghĩa: “Visesena sujghanam visuddhi” (Vi là tiếp đầu ngữ, Suddha là ngữ căn).

Sự thanh tịnh đặc biệt xa lìa khỏi phiền não gọi là thanh tịnh gồm có giới, định, tuệ, tức bảy thanh tịnh.

Những sự thanh tịnh hiện hữu diễn tiến trên thế gian như nước trong sạch, người nữ thanh tịnh, người nam thanh tịnh, nơi chốn thanh tịnh... không được gọi là thanh tịnh mà gọi là trong sạch, thanh tịnh theo thông thường. Chỉ có sự thanh tịnh của giới, định, tuệ thì mới có thể làm cho người trở thành thiên giả và Thánh nhân vì thế mới gọi là thanh tịnh.

Trình bày định nghĩa theo một lý khác nữa:

1- Visujjhatīti visuddhi (năng động thể (kattusādhana): Pháp nào hăng làm cho thanh tịnh đặc biệt, pháp đó gọi là thanh tịnh.

2- Visodhetīti visuddhi (năng động thể (kattusādhana): Pháp nào tẩy rửa thân, ngữ, ý cho thanh tịnh đặc biệt, pháp đó gọi là thanh tịnh.

3- Visujjhati etāyāti visuddhi (thụ động thể (karaṇasādhana): Thân, ngữ, ý hăng được thanh tịnh đặc biệt do pháp tánh nào, pháp tánh đó gọi là thanh tịnh.

4- Visujjhanam visuddhi (trạng thái đơn thể (bhāvasādhana): Sự trong sạch đặc biệt, gọi là thanh tịnh.

Cả bốn câu này gồm có giới, định, tuệ tức bảy thanh tịnh.

1- Giải Thích Về Giới Thanh Tịnh **(Sīlavisuddhi)**

Sự thanh tịnh của giới:

Từ “giới” (sīla) trong giới thanh tịnh nghĩa là sự thanh tịnh của 4 loại giới:

1- *Biệt biệt giải thoát giới* (pāṭimokkhasaṃvarasīlaṃ): Giới thu thúc trong giới bốn pāṭimokkha.

2- *Quyền thu thúc giới* (indriyasaṃvarasīlaṃ): Giới phòng hộ thu thúc cả 6 quyền.

3- *Nuôi mạng thanh tịnh giới* (ājāvaparissuddhisīlaṃ): Giới nuôi mạng thanh tịnh.

4- *Quán tưởng thanh tịnh giới* (paccayasannissitasīlaṃ): Giới nương vào tứ vật dụng.

1- Pāṭimokkhasaṃvarasīlaṃ được phân ra thành ba từ:

Patimokka + Saṃvara + Sīla = Pāṭimokkhasaṃvarasīla.

Như định nghĩa: “Pāṭimokkhasaṃvaro ca so sīlaṃ cāti pāṭimokkhasaṃvarasīlaṃ”.

Giới giúp cho người gìn giữ thoát khỏi bốn khổ cảnh.

Chi pháp: 5 giới, 8 giới, 10 giới, 227 giới.

2- Indriyasaṃvarasīlaṃ được phân ra thành ba từ:

Indriya + Saṃvara + Sīla = Indriyasaṃvarasīla.

Như định nghĩa: “Indriyaṣaṃvaro ca so sīlaṃ cāti indriyaṣaṃvarasīlaṃ”.

Gìn giữ thu thúc cả 6 quyền nên gọi là quyền thu thúc giới.

Chi pháp: Tâm sở niệm đồng sanh với tâm đại thiện.

3- Ājīvaparissuddhisīlaṃ được phân ra thành ba từ:

Ājīva + Parisuddhi + Sīla = Ājīvaparissuddhisīla.

Như định nghĩa: “Ājīvaparissuddhi ca so sīlaṃ cāti ājīvaparissuddhisīlaṃ”.

Tìm kiếm nuôi mạng bằng chánh mạng tức cư sĩ tránh xa việc nuôi mạng bất chánh. Còn đối với tỳ kheo, sadi tránh xa các việc làm tà mạng gây hủy hoại danh tiếng gia đình người khác theo trong giới bốn patimokkha nên gọi là nuôi mạng thanh tịnh giới.

Chi pháp: Tâm sở chánh mạng đồng sanh với tâm đại thiện.

4- Paccayasannissitasīlaṃ được phân ra thành ba từ:

Paccaya + Sannissita + Sīla = Paccayasannissitasīla.

Như định nghĩa: “Paccayasannissitaṃ ca sīlaṃ cāti paccayasannissitasīlaṃ”.

Giới quán tưởng nương vào tứ vật dụng gọi là quán tưởng thanh tịnh giới.

Chi pháp: Tâm sở trí tuệ đồng sanh với tâm đại thiện.

Sự thanh tịnh của tứ thanh tịnh giới

- 1- Desanāsuddhi: Sự thanh tịnh do thể hiện.
- 2- Saṃvarasuddhi: Sự thanh tịnh do thu thúc.
- 3- Eṭṭhisuddhi: Sự thanh tịnh do việc tìm kiếm nuôi mạng.
- 4- Paccavekkhaṇasuddhi: Sự thanh tịnh do việc quán xét.

Nói theo thông thường thì thường giới gọi là giới thanh tịnh, cho nên giới thanh tịnh của cư sĩ là 5 giới, của cận sự nam, cận sự nữ là 8 giới, của sadi là 10 giới, của tỳ kheo là 227 giới.

Giới thanh tịnh là thường giới bởi vì thường giới gột rửa thân, ngữ cho trong sạch, xa lìa khỏi ác giới và làm cho thành tựu phận sự là cứ điểm của pháp bậc cao như thiền định, đạo, quả sanh lên. Vì vậy khi nói theo thông thường thì thường giới gọi là giới thanh tịnh.

2- Giải Thích Về Tâm Thanh Tịnh

(Cittavisuddhi)

Sự thanh tịnh của tâm:

Cittavisuddhi được phân ra thành 2 từ:

Citta = Tâm. Visuddhi = Thanh tịnh.

Citta + Visuddhi = Cittavisuddhi gọi là sự thanh tịnh của tâm.

Như định nghĩa: “Cittassa visuddhi cittavisuddhi”.

Sự thanh lọc tâm của hành giả không cho bụi nhơ triền cái bám vào nên gọi là tâm tịnh.

Chi pháp: Tâm sở nhất hành hợp trong tâm đại thiện, tâm đại tố, tâm thiện đáo đại, tâm tố đáo đại.

Tâm thanh tịnh gồm có hai loại định là *cận định* (upacārasamādhī) và *kiên cố định* (appanāsamādhī).

Một lý khác nữa:

Tâm thanh tịnh có 2 loại:

1- Định Chỉ tịnh (samathasamādhī): Gồm có hai loại định là cận định và kiên cố định.

2- Định Minh quán (vipassanākhaṇikasamādhī): Là sát na định (khaṇikasamādhī).

Định có ba loại là sát na định, cận định, kiên cố định.

Cận định và kiên cố định gọi là tâm tịnh, bởi vì có sự thanh tịnh đặc biệt ly bụi nhơ triền cái và thanh lọc tâm của hành giả khỏi cấu uế triền cái. Nhưng ngài chỉ nêu tâm đồng sanh với định làm trọng yếu gọi là Tâm thanh tịnh.

Sát na định là định tạm thời thuộc định hợp trong tâm đại thiện hoặc tâm đại tố sanh lên với hành giả thiền quán (vipassanāyānikayogī) ghi nhận danh sắc cũng gọi là Tâm thanh tịnh, nhưng được xếp vào bằng cách nương theo (anuloma).

Mặc dù định được gọi là Tâm thanh tịnh nằm ở lãnh vực bên trong và có cảnh nhưng cận định là định hợp trong tâm đại thiện, tâm đại tố có Chỉ tịnh nghiệp xứ làm cảnh, kiên cố định là định hợp trong 9 thiên đạo đại có chế định, chơn đế nương từ 30 chỉ tịnh nghiệp xứ làm cảnh.

3- Giải Thích Về Kiến Thanh Tịnh

(Diṭṭhivissuddhi)

Sự thanh tịnh do sự thấy:

Diṭṭhivissuddhi được phân ra thành hai từ:

Diṭṭhi: Sự thấy, Visuddhi: Thanh tịnh, gom lại thành diṭṭhivissuddhi.

Như định nghĩa: “Diṭṭhiyeva visuddhi diṭṭhivissuddhi”.

Tuệ có thể biết được danh sắc theo:

1- Trạng thái (lakkhaṇa): Biết được đặc tánh riêng biệt của mình (paccayattalakkhaṇa) tức danh sắc.

2- Phận sự (rasa): Biết được phận sự hoặc việc làm của danh sắc.

3- Thành tựu (paccupaṭṭhāna): Biết được thành quả hoặc trạng thái hiện bày của danh sắc.

4- Nhân cận (padatthāna): Biết được nguyên nhân gần của danh sắc nên gọi là Kiến thanh tịnh.

Chi pháp: Tâm sở trí tuệ hợp trong 4 tâm đại thiện tương ưng trí có danh sắc làm cảnh.

(Việc trình bày trạng thái, phạm sự, thành tựu, nhân cận của tâm, tâm sở, sắc pháp đã được trình bày trong pháp duyên khởi (paṭiccasamupāda).

Giải thích:

Sự biết được danh sắc bằng năng lực của trạng thái, phạm sự, thành tựu, nhân cận hay một trong bốn pháp hoặc hai hay ba pháp cũng được gọi là Kiến thanh tịnh. Nói theo 16 tuệ quán thì được xếp vào Danh sắc phân tích tuệ.

Danh sắc phân tích tuệ là tuệ ghi nhận biết được danh sắc theo thực tánh thật gọi là Kiến thanh tịnh bởi vì thanh lọc tâm của hành giả lìa khỏi thân kiến (sakkāyadiṭṭhi).

4- Giải Thích Về Đoạn Nghi Thanh Tịnh (Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi)

Sự thanh tịnh do trí tuệ thoát khỏi hoài nghi:

Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi được phân ra thành ba từ:

Kaṅkhā + Vitarāṇa + Visuddhi, gom lại thành kaṅkhāvitaraṇa visuddhi.

Như định nghĩa: “Kaṅkhāvitaraṇā eva visuddhi kaṅkhāvitaraṇavisuddhi”.

Trí tuệ có năng lực biết được nhân của danh sắc tức biết được sắc tập khởi, nhân của sắc, danh tập khởi, nhân của danh. Khi biết được nhân của danh sắc thì thoát khỏi được hoài nghi cho nên trí tuệ này gọi là Đoạn nghi thanh tịnh.

Chi pháp: Tâm sở trí tuệ hợp trong tâm đại thiện tương ưng trí có duyên của danh sắc làm cảnh.

Duyên của danh sắc là:

1- Duyên làm cho danh sắc sanh lên (tâm, tâm sở và sắc nghiệp) trong thời tục sinh, gồm có vô minh, ái dục, thủ, nghiệp.

2- Duyên làm cho danh sanh lên (tâm, tâm sở) trong thời bình nhật, gồm có 6 sắc vật như nhãn vật, nhĩ vật... làm Vật tiền sanh y duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya) và 6 cảnh như cảnh sắc, cảnh thanh... làm Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya).

3- Duyên làm cho sắc sanh lên (4 sắc sở sanh (catusamuṭṭhānikarūpa) trong thời bình nhật, gồm có nghiệp, tâm, quý tiết và vật thực (đoàn thực).

4- Duyên làm cho danh sanh lên (tâm quả dị thực, tâm sở) gồm có tâm thiện, tâm bất thiện.

5- Duyên làm cho danh sanh lên (tâm khai môn, tâm sở) tức tâm hữu phần dứt dòng (bhavaṅgupaccheda) sanh lên bằng mãnh lực Vô gián duyên (Anantarapaccaya)...

Duyên đạt tuệ (paccayapariggahañāṇa) là tuệ ghi nhận

thấy được nhân duyên của danh sắc sanh lên trong ta gọi là Đoạn nghi thanh tịnh bởi thoát khỏi 8 pháp hoài nghi trong Thắng Pháp và 16 pháp hoài nghi liên quan với ba thời trong Kinh tạng.

8 pháp hoài nghi trong Thắng Pháp:

1- Buddhē kaṅkhati: Hoài nghi về 9 ân đức Phật, như Araḥam... là sự thật như đã nói hay chẳng?

2- Dhamme kaṅkhati: Hoài nghi về 6 ân đức Pháp, như Svākkhāto... là sự thật như đã nói hay chẳng?

3- Saṅghe kaṅkhati: Hoài nghi về 9 ân đức Tăng, như Supaṭipanno... là sự thật như đã nói hay chẳng?

4- Sikkhāya kaṅkhati: Hoài nghi về điều học như việc thực hành liên quan với giới, định, tuệ rằng các việc thực hành mà Đức Phật Gotama định đặt lên là đúng hay sai như thế nào và sẽ nhận được lợi ích thật sự hay chẳng?

5- Pubbante kaṅkhati: Hoài nghi về 5 uẩn quá khứ, như nói rằng tất cả chúng sanh đã từng sanh lên trong quá khứ có thật sự hay chẳng?

6- Aparante kaṅkhati: Hoài nghi về 5 uẩn vị lai, như nói rằng chết rồi sẽ sanh lên tiếp tục nữa có thật sự hay chẳng?

7- Pubbantāparante kaṅkhati: Hoài nghi về 5 uẩn quá khứ và vị lai, như tất cả chúng sanh đang sống hiện lộ trong hiện tại, nói với nhau rằng đã từng sanh lên và sẽ sanh lên tiếp tục nữa có thật sự như vậy hay chẳng?

8- Idhappaccayatā paṭiccasamuppannesu dhammesu kaṅkanti: Hoài nghi về pháp duyên khởi như trong pháp duyên khởi thì hành... có vô minh... làm duyên tức trong vấn đề phước, tội và việc nối tiếp theo của kiếp sống mới thì sự thấy, sự nghe của tất cả chúng sanh... liên quan từ sự mê muội và việc sắp đặt tạo tác bằng thân, ngữ, ý... là nguyên nhân có thật sự hay chẳng?

16 pháp hoài nghi trong Kinh Tạng:

Hoài nghi về 5 uẩn thuộc về quá khứ có 5, hoài nghi về 5 uẩn thuộc về vị lai có 5, hoài nghi về 5 uẩn thuộc về hiện tại có 6.

Hoài nghi về 5 uẩn quá khứ có 5:

1- Ahoṣiṃ nu kho ahaṃ atītamaddhānaṃ: Ta đã từng sanh lên trong thời quá khứ có thật vậy hay chẳng?

2- Na nu kho ahoṣiṃ atītamaddhānaṃ: Ta không từng sanh lên trong thời quá khứ có thật vậy hay chẳng?

3- Kiṃ nu kho ahoṣiṃ atītamaddhānaṃ: Nếu đã từng sanh lên thì là người thế nào trong thời quá khứ?

4- Kathaṃ nu kho ahoṣiṃ atītamaddhānaṃ: Ta có thân thể hình dáng thế nào trong thời quá khứ?

5- Kiṃ hutvā kiṃ ahoṣiṃ nu kho ahaṃ atītamaddhānaṃ: Ta đã từng sanh lên như thế nào và đã từng sanh lên là gì tiếp theo như thế nào trong thời quá khứ?

Hoài nghi về 5 uẩn vị lai có 5:

1- Bhavissāmi nu kho ahaṃ anāgatamaddhānaṃ: Ta sẽ sanh lên trong thời vị lai phải chăng?

2- Na nu kho bhavissāmi ahaṃ anāgatamaddhānaṃ: Ta sẽ không sanh lên trong thời vị lai phải chăng?

3- Kiṃ nu kho bhavissāmi anāgatamaddhānaṃ: Nếu sẽ sanh lên thì là người như thế nào trong thời vị lai?

4- Kathaṃ nu kho bhavissāmi anāgatamaddhānaṃ: Ta sẽ có hình dáng thân thể như thế nào trong thời vị lai?

5- Kiṃ hutvā kiṃ bhavissāmi nu kho ahaṃ anāgatamaddhānaṃ: Ta sẽ sanh lên như thế nào và sẽ sanh lên là gì tiếp theo như thế nào trong thời vị lai?

Hoài nghi về 5 uẩn hiện tại có 6:

1- Ahaṃ nu kho smi: Hiện tại là ta phải chăng?

2- No nu kho smi: Hiện tại không phải là ta phải chăng?

3- Kiṃ nu kho smi: Hiện tại kiếp sống của ta là gì?

4- Kathaṃ nu kho smi: Hiện tại ta có hình dáng thân thể như thế nào?

5- Ayam nu kho satto kuto āgato: Chúng sanh hiện giờ đến từ nơi nào?

6- So kuhiṃ gāmi bhavissati: Chúng sanh đó sẽ sanh lên nơi nào?

5- Giải Thích Về Đạo Phi Đạo Tri Kiến Thanh Tịnh

(Maggāmaggañānadassanavisuddhi)

Sự thanh tịnh do biết được con đường đúng và sai:

Maggāmaggañānadassanavisuddhi được phân ra thành năm từ:

Magga = Con đường + Amagga = Không phải con đường
+ Ñāṇa = Sự hiểu biết + Dassana = Sự thấy + Visuddhi = Sự thanh tịnh.

Sự thanh tịnh do thấy rõ bằng trí tuệ là con đường thực hành và không phải là con đường thực hành.

Chi pháp: Tâm sở trí tuệ.

Thâm quán tuệ (sammasanañāṇa) là tuệ suy xét tam tướng của danh sắc và Sanh diệt tuệ (udayabbayañāṇa) là tuệ giai đoạn đầu thấy được sự sanh và sự diệt của danh sắc nhưng vẫn còn non yếu, vào giai đoạn này thuộc lãnh vực của Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh. Bởi vì hai tuệ quán này thanh lọc tâm thoát khỏi ba pháp chấp trước (gāha) là ái dục, ngã mạn, tà kiến trong mười loại tùy phiền não (upakilesa) là con đường sai, cho nên khi Sanh diệt tuệ vào giai đoạn đầu hành giả thấy được sự sanh diệt của danh sắc sanh lên nối tiếp nhau không gián đoạn.

Khi một trong mười loại tùy phiền não sanh lên thì trí tuệ ghi nhận xem xét thực tướng của con đường rằng ánh

sáng... không phải là con đường, bởi vì là nguyên nhân cứ điểm của ái dục, ngã mạn, tà kiến. Thật sự chỉ có tuệ quán tiên hành theo tâm lộ mới thoát khỏi tùy phiền não quán như ánh sáng... Đó mới là con đường, gọi là Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh vì thấy được con đường và không phải là con đường và điều trọng yếu ở thời điểm này là chinh đốn được sai lầm trong tùy phiền não quán không phải là con đường làm cho trở thành con đường thanh tịnh.

Tùy phiền não quán không sanh lên với 3 nhóm người:

- 1- Bậc Thánh nhân là bậc đã tác chứng.
- 2- Hành giả thực hành sai đạo lộ Minh quán.
- 3- Hành giả thôi chuyển buông bỏ nghiệp xứ.

Chỉ có người nỗ lực tinh cần thì tùy phiền não quán mới sanh lên và tùy phiền não quán sanh lên ngay lúc Sanh diệt tuệ còn non yếu (*taruṇaudayabbayañāṇa*).

Hai tuệ quán là Thâm quán tuệ và Sanh diệt tuệ còn non yếu được gom vào trong Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh.

6- Giải Thích Về Hành Lộ Tri Kiến Thanh Tịnh (Paṭipadāññadassanavisuddhi)

Sự thanh tịnh do biết được trong việc thực hành đúng:

Paṭipadāññadassanavisuddhi được phân ra thành năm từ:

Paṭipadā = Thực hành + Ñāṇa = Sự hiểu biết +
Dassana = Sự thấy + Visuddhi = Thanh tịnh, gom lại thành
Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi.

Sự thanh tịnh do thấy rõ bằng trí tuệ pháp tiến hành đưa
đến con đường thực hành duy nhất và tuệ quán được gom
vào trong Hành lộ tri kiến thanh tịnh có 9:

- 1- Sanh diệt tuệ.
- 2- Hoại diệt tuệ.
- 3- Kinh hãi tuệ.
- 4- Quá hoạn tuệ.
- 5- Yếm ó tuệ.
- 6- Dục thoát tuệ.
- 7- Trạch sát tuệ.
- 8- Hành xả tuệ.
- 9- Thuận thứ tuệ hay Đế thuận thứ.

Chín tuệ quán kể từ Sanh diệt tuệ giai đoạn sau vượt
qua khỏi mười tùy phiền não quán cho đến Thuận thứ tuệ
gọi là Hành lộ tri kiến thanh tịnh. Bởi vì chín tuệ quán này
thanh lọc tâm cho thoát khỏi ba sự ghi nhớ sai lầm là thường
tướng, lạc tướng, ngã tướng.

7- Giải Thích Về Tri Kiến Thanh Tịnh (Ñāṇadassanavisuddhi)

Sự thanh tịnh do thấy rõ được Thánh đế:

Ñāṇadassanavisuddhi được phân ra thành ba từ:

Ñāṇa: Sự hiểu biết + Dassana: Sự thấy + Visuddhi:
Thanh tịnh, gom lại thành Ñāṇadassanavisuddhi.

Sự thanh tịnh do trí tuệ thực chứng được.

Như định nghĩa:

1- Catusaccam jānātīti ñāṇam: Liễu tri Tứ Thánh Đế gọi là trí tuệ

2- Paccakkhato passatīti dassanam: Tác chứng được Níp Bàn gọi là thấy.

3- Kilesamalato visujjhaṇtīti visuddhi: Sự thanh tịnh xa lìa khỏi bụi nhơ phiền não nên gọi là thanh tịnh.

Chi pháp: Tâm sở trí tuệ hợp trong tâm đạo.

Tóm Lược Thất Thanh Tịnh

1- Giới thanh tịnh là **giới học**.

2- Tâm thanh tịnh là **tâm học**.

<i>Thuộc</i>	}	Là				
<i>Hiệp</i>			}	tuệ		
<i>Thế</i>					}	học .
<i>Thuộc Siêu Thế</i>						
3- Kiến thanh tịnh.						
4- Đoạn nghi thanh tịnh.						
5- Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh.						
6- Hành lộ tri kiến thanh tịnh.						
7- Tri kiến thanh tịnh.						

Cả bốn đạo tuệ như Nhập Lưu đạo tuệ... đều gọi là Tri kiến thanh tịnh, bởi vì thanh lọc tâm trong sạch khỏi cấu uế tức si mê hôn ám không biết được 8 pháp:

1- Không biết được thân, tâm này là khổ.

2- Không biết được sự thỏa thích vừa lòng là nhân sanh khổ.

3- Không biết được Níp Bàn là pháp diệt khổ.

4- Không biết được Bát Thánh Đạo là phương pháp thực hành đưa đến Níp Bàn.

5- Không biết được sanh hữu đã từng sanh lên tức không tin có kiếp sống trước (nhưng không có sự mê muội đối với sanh hữu sẽ có tiếp theo).

6- Không biết được sanh hữu sẽ có trong vị lai tức không

tin về sự kiện sẽ sanh lên tiếp tục (nhưng không có sự mê muội đối với sanh hữu đã từng có).

7- Không biết được sanh hữu đã từng sanh và sẽ sanh lên tiếp tục tức không tin cả kiếp trước lẫn kiếp vị lai. Mà chỉ tin trong kiếp hiện tại này rằng được sanh ra từ cha mẹ và khi chết rồi thì chấm dứt tất cả.

8- Không biết được sự diễn tiến của tất cả chúng sanh nương vào pháp làm nhân và quả, như vô minh, ái dục là nơi nương sanh. Và hiểu rằng sự sanh lên tiếp nối liên quan nhau trong giữa giai đoạn chưa tác chứng Níp Bàn không phải là pháp làm nhân và quả chi cả mà chỉ là sự diễn tiến theo quyên lực của Thượng đế sáng tạo nên.

Người muốn tác chứng thành bậc Thánh rồi viên tịch Níp Bàn nên hiểu biết đến tầm quan trọng của thất thanh tịnh như giai đoạn đầu của việc thực hành phải có “Giới thanh tịnh và Tâm thanh tịnh” làm nền tảng cho việc thực hành thì Kiến thanh tịnh... cho đến Hành lộ tri kiến thanh tịnh mới thành tựu theo tuần tự được. Và kể từ đó “Tri kiến thanh tịnh” là thanh tịnh quan trọng nhất cũng sẽ hoàn thành.

Nếu việc thực hành của mình mà thiếu mất Giới thanh tịnh và Tâm thanh tịnh thì Kiến thanh tịnh cho đến Hành lộ tri kiến thanh tịnh cũng không sanh lên được. Khi bốn thanh tịnh này không sanh lên được thì Tri kiến thanh tịnh là thanh tịnh sau cùng cũng sẽ không sanh lên.

Do đó, mới so sánh bảy thanh tịnh này giống như việc xây dựng một bảo tháp.

So Sánh 7 Thanh Tịnh

- | | | |
|-------------------------------------|---|---------------------------|
| 1- Giới thanh tịnh. | } | Nhu nền móng
bảo tháp. |
| 2- Tâm thanh tịnh. | | |
| 3- Kiến thanh tịnh. | } | Nhu thân
bảo tháp. |
| 4- Đoạn nghi thanh tịnh. | | |
| 5- Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh. | | |
| 6- Hành lộ tri kiến thanh tịnh. | | |

7- Tri kiến thanh tịnh được so sánh như cây lọng bằng vàng kết châu báu (ngọc) là đỉnh của bảo tháp.

Hoặc bảy thanh tịnh được so sánh với sự hình thành của thân thể như sau:

Giới thanh tịnh và Tâm thanh tịnh như đôi chân.

Kiến thanh tịnh... cho đến Hành lộ tri kiến thanh tịnh như thân mình.

Tri kiến thanh tịnh như cái đầu.

Kết Thúc Thất Thanh Tịnh





GIẢI THÍCH PĀLI ĐIỀU THỨ HAI

Trình Bày Đến Tam Tướng

Tướng (lakkhaṇa) là dấu hiệu của pháp hành. Cho nên tất cả vật gì hiện bày trên thế gian này dù là danh hay sắc, hữu thức hoặc vô thức cả bên trong lẫn bên ngoài, nếu xem xét thì sẽ hiểu được mọi vật ấy đều có trọn vẹn cả ba dấu hiệu là vô thường, khổ, vô ngã. Và sẽ khẳng định được các pháp này đều là các pháp hành là pháp sanh lên bởi có nhân duyên tạo tác.

Như định nghĩa “Sakkhīyati lakkhatitabbaṃ anenāti lakkhaṇaṃ”. Các bậc hiền trí ghi nhớ biết pháp đáng biết (pháp hữu vi) theo dấu hiệu, vì thế dấu hiệu là nhân cho sự ghi nhớ nhận biết pháp nên biết là pháp hữu vi nên được gọi là tướng.

“Aniccassa lakkhaṇaṃ aniccalakkhaṇaṃ”. Dấu hiệu của pháp hành là vô thường, gọi là vô thường tướng, tức sự chấm dứt, diệt mất.

Như trình bày “Aniccaṃ khayattṭhena”. Vô thường do ý nghĩa chấm dứt diệt mất.

Một lý khác nữa:

“Aniccassa bhāvo aniccatā”. Đời sống luôn luôn chấm dứt diệt mất nối tiếp nhau theo sự biến hoại của pháp hành, gọi là vô thường.

“Aniccatāyeva lakkhaṇaṃ aniccalakkhaṇaṃ”. Đời sống luôn luôn chấm dứt diệt mất nối tiếp nhau theo sự biến hoại của pháp hành là dấu hiệu làm cho ghi nhớ biết được, gọi là vô thường tướng.

“Dukkassa lakkhaṇaṃ dukkhalakkhaṇaṃ”. Dấu hiệu của pháp hành là khổ, gọi là khổ tướng, tức không thể chịu đựng được phải diệt đi.

Như trình bày “Dukkhaṃ bhayaṭṭhena”. Khổ do ý nghĩa hiểm họa đáng sợ hãi.

Một lý khác nữa:

“Dukkassa bhāvo dukkhatā”. Không thể chịu đựng được phải luôn luôn diệt đi nối tiếp nhau theo sự khốn đốn của pháp hành, gọi là khổ.

“Dukkhatāyeva lakkhaṇaṃ dukkhalakkhaṇaṃ”. Không thể chịu đựng được phải luôn luôn diệt đi nối tiếp nhau theo sự khốn đốn của pháp hành là dấu hiệu làm cho ghi nhớ biết được, gọi là khổ tướng.

“Anattassa lakkhaṇaṃ anattalakkhaṇaṃ”. Dấu hiệu của tất cả pháp không phải là ta gọi là vô ngã tướng, tức không cốt lõi không phải là ta, họ không thể sai khiến làm cho diển tiến theo mong muốn.

Như trình bày “Anattā asāraṭṭhena”. Vô ngã bởi do ý nghĩa không cốt lõi, không phải là ta, họ và không thể sai khiến làm cho diễn tiến theo mong muốn.

Một lý khác nữa:

“Anattassa bhāvo anatattā”. Không cốt lõi, không phải là ta, họ không thể sai khiến làm cho diễn tiến theo mong muốn của tất cả pháp, gọi là vô ngã.

“Anattatāyeva lakkhaṇaṃ anattalakkhaṇaṃ”. Không cốt lõi, không phải là ta, họ không thể sai khiến làm cho diễn tiến theo mong muốn của tất cả các pháp là dấu hiệu làm cho ghi nhớ nhận biết được, gọi là vô ngã tướng.

Sự Khác Biệt Giữa Vô Thường, Khổ, Vô Ngã Với Vô Thường Tướng, Khổ Tướng, Vô Ngã Tướng

Vô thường và **khổ** là pháp hữu vi như danh sắc, ngũ uẩn thuần nhất là chơn đế.

Vô ngã gồm pháp hữu vi và vô vi như danh sắc, ngũ uẩn, Níp Bàn và chế định diễn tiến theo tất cả pháp.

Do đó, bậc Chánh Đẳng Giác mới thuyết “Sabbe saṅkhārā aniccā, sabbe saṅkhārā dukkhā, sabbe dhammā anattā”.

Còn từ **vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng** tức hiện tượng của chế định là sự diễn tiến của danh sắc, ngũ uẩn,

Níp Bàn và chế định mà không phải là hiện thân thực tánh của pháp chơn đế và thính danh chế định (saddapaññatti), nghĩa chế định. Cho nên hiện tượng chế định của danh sắc, ngũ uẩn cũng tức là hiện tượng chấm dứt diệt mất, hiện tượng chế định của Níp Bàn tức hiện tượng không có sự sanh diệt và luôn vắng lặng khỏi phiền não ngũ uẩn, hiện tượng của thính danh chế định và nghĩa chế định tức hiện tượng không có sự sanh diệt. Nhưng thính danh chế định thuộc loại danh chơn chế định (vijjamānapaññatti) thì có chứa đựng chi pháp thực tánh như từ “sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Níp Bàn...”. Còn nghĩa chế định thì không có chi pháp thực tánh chỉ diễn tiến theo từ định đặt lên với nhau và diễn tiến theo hình dáng sắc tướng, kích thước của sắc tứ đại.

Nói tóm lại chỉ có từ vô thường và vô thường tướng theo mỗi pháp nghĩa là vô thường không phải là vô thường tướng; khổ và khổ tướng; vô ngã và vô ngã tướng cũng diễn tiến tương tự như vô thường và vô thường tướng. Ví như nói “người nam đi” (puriso gacchati) thì trong nơi đây từ “người nam” tức thân thể, từ “đi” là cử chỉ của người nam đang dở chân bước. Cho nên “người nam” không phải là cử chỉ, cử chỉ không phải là người nam chỉ là nương vào thân của người nam. Người nam ngồi, người nam ngủ, người nam đứng cũng như vậy.

Vì thế, sự khác biệt của vô thường và vô thường tướng được ngài giáo thọ sư Buddhaghosa trình bày trong Thanh Tịnh Đạo rằng:

(Aniccaṃ) Aniccanti khandhapañcakam kasmā uppādavayaññathattabhāvā hutvā abhāvato vā.

Danh sắc, ngũ uẩn gọi là vô thường bởi vì có sự biến hoại thay đổi do sanh diệt và trở thành loại khác (già).

Một lý khác nữa:

Bởi vì sanh lên rồi tiêu hoại diệt đi không còn dư sót, gọi là vô thường.

(Aniccakakkhāṇa) Uppādavayaññathattam aniccakakkhāṇam, hutvā abhāvasaṅkhāto vā ākāravikāro.

Trạng thái diễn tiến do sự sanh diệt và trở thành loại khác (già), gọi là vô thường tướng.

Một lý khác nữa:

Trạng thái diễn tiến sanh lên rồi tiêu hoại diệt mất không còn dư sót, gọi là vô thường tướng.

(Dukkham) Yadaniccaṃ tam dukkhanti vacanato pana tadeva khandhapañcakam, dukkham, kasmā abhiñhapaṭipīlanā.

Chính danh sắc ngũ uẩn là khổ, tương ứng như bậc Chánh Đẳng Giác thuyết rằng “Pháp nào vô thường pháp đó là khổ” bởi vì danh sắc ngũ uẩn bị khốn khổ áp bức do sự sanh diệt.

(Dukkhalakkhāṇa) Abhiñhapaṭipīlanākāro dukkhalakkhāṇam.

Trạng thái thường xuyên bị khốn khổ áp bức, gọi là khổ tướng.

(Anatta) Yaṃ dukkhaṃ tadanattāti pana vacanato tadeva khandhapañcakaṃ anattā, kasmā avasavattanato.

Chính danh sắc ngũ uẩn gọi là vô ngã, tương ứng như bậc Chánh Đẳng Giác thuyết rằng “Pháp nào là khổ pháp đó là vô ngã”, bởi vì danh sắc ngũ uẩn không ở dưới quyền lực sai khiến của người nào cả.

(Anattalakkhaṇa) Avasavattanākāro anattalakkhaṇaṃ.

Trạng thái không diễn tiến dưới quyền lực sai khiến của người nào, gọi là vô ngã tướng.

Nguyên nhân từ “vô ngã” có chi pháp không giống nhau, như:

Sabbe dhammā anattā Ngài thuyết cho tất cả hội chúng hiểu đến tất cả pháp hiện hữu trên thế gian dù là chơn đế hay tục đế cũng đều là vô ngã.

Tadeva khandhapañcakaṃ anattā Ngài thuyết danh sắc ngũ uẩn làm cảnh thuận nhất của tuệ quán.

Cho nên từ “vô ngã” trong hai câu mới có chi pháp không giống nhau.

Kết Thúc Giải Thích Về Tam Tướng.



GIẢI THÍCH PĀLI ĐIỀU THỨ BA

Trình Bày Về 3 Tỳ Quán (Anupassanā)

Anupassanā nghĩa là thường xuyên thấy rõ, phân ra được thành 2 từ:

Anu + Passanā, Anu = Thường xuyên, Passanā = Thấy rõ, gom lại thành Anupassanā tức *thường xuyên thấy rõ*.

Tỳ quán (anupassanā) tức tâm sở trí tuệ là tuệ quán có sự quán xét thấy rõ được pháp hành tam giới bằng vô thường, khổ, vô ngã, chính vì thế mới có ba.

Ba tỳ quán được trình bày định nghĩa từ như sau:

Aniccassa anupassanā aniccānupassanā.

Thường xuyên quán xét thấy rõ vô thường cho đến khi vô thường tướng hiển lộ, gọi là vô thường tỳ quán.

Một lý khác nữa:

Aniccatāya anupassanā aniccānupassanā.

Thường xuyên quán thấy rõ vô thường, gọi là vô thường tỳ quán (aniccānupassanā).

Chi pháp: Tâm sở trí tuệ.

Trong định nghĩa vô thường tùy quán thứ hai nếu nói theo định nghĩa thì phải chứng đắc bằng sắc pháp. Nhưng trong nơi đây vô thường tùy quán (aniccatānupassanā) bỏ tiếp vị ngữ “tā” nên không chứng đắc bằng sắc pháp theo vô thường tùy quán.

18 Đại Minh Quán **(Mahāvīpassanā)**

Trí tuệ được gọi là **tùy quán (anupassanā)** nếu trình bày theo tam tướng thì có ba như đã đề cập, nhưng trình bày theo chi tiết thì được gọi là đại minh quán.

Đại minh quán có 18:

Aṭṭhārasa mahāvīpassanā nāma aniccānupassanādikā paññā

- 1- Yāsu aniccānupassanaṃ bhāvento nīcassaññaṃ pajahati,
- 2- Dukkhānupassanaṃ bhāvento sukhasaññaṃ pajahati,
- 3- Anattānupassanaṃ bhāvento attasaññaṃ pajahati,
- 4- Nibbidānupassanaṃ bhāvento nandiṃ pajahati,
- 5- Virāgānupassanaṃ bhāvento rāgaṃ pajahati,
- 6- Nirodhānupassanaṃ bhāvento samudayaṃ pajahati,
- 7- Paṭinissaggānupassanaṃ bhāvento ādānaṃ pajahati,

- 8- Khayānupassanaṃ bhāvento ghanasaññaṃ pajahati,
- 9- Vayānupassanaṃ bhāvento āyūhanaṃ pajahati,
- 10- Vipariṇāmānupassanaṃ bhāvento dhuvasaññaṃ pajahati,
- 11- Animittānupassanaṃ bhāvento nimittaṃ pajahati,
- 12- Appaṇihitānupassanaṃ bhāvento paṇīdhiṃ pajahati,
- 13- Suññatānupassanaṃ bhāvento abhinivesaṃ pajahati,
- 14- Adhippaññādhammavipassanaṃ bhāvento
sārādānābhinivesaṃ pajahati,
- 15- Yathābhūtañāḍadassanaṃ bhāvento
sammohābhinivesaṃ pajahati,
- 16- Ādīnavānupassanaṃ bhāvento ālayābhinivesaṃ pajahati,
- 17- Paṭisaṅkhānupassanaṃ bhāvento appaṭisaṅkhaṃ pajahati,
- 18- Vivatṭānupassanaṃ bhāvento saṃyogābhinivesaṃ pajahati.

(Thanh Tịnh Đạo)

Trí tuệ quán xét thấy pháp hành tam giới thường xuyên bằng vô thường... gọi là 18 đại Minh quán.

1- Trong 18 đại Minh quán khi hành giả tu tiến Vô thường tùy quán thì đoạn trừ được Thường tưởng.

2- Khi tu tiến Khổ tùy quán thì đoạn trừ được Lạc tưởng.

3- Khi tu tiến Vô ngã tùy quán thì đoạn trừ được Ngã tưởng.

- 4- Khi tu tiến Yểm ó tùy quán thì đoạn trừ được Hỷ ái.
- 5- Khi tu tiến Ly tham tùy quán thì đoạn trừ được Tham ái.
- 6- Khi tu tiến Diệt tùy quán thì đoạn trừ được Tập tánh (samudaya).
- 7- Khi tu tiến Xả ly tùy quán (tuệ buông bỏ khỏi việc chấp thủ là thường tướng, lạc tướng, ngã tướng, mỹ tướng xuôi hướng về Níp Bàn) thì đoạn trừ được phiền não Chấp thủ không cho thấy được tác hại của pháp hành.
- 8- Khi tu tiến Đoạn tùy quán (khayānupassanā) (tuệ thấy được sự chấm dứt của danh sắc) thì đoạn trừ được Thuần khối tướng (ghanasaññā) (tướng thành khối, đồng, tập hợp).
- 9- Khi tu tiến Hoại tùy quán (vayānupassanā) (tuệ thấy được sự tiêu hoại của pháp hành diệt mất và sẽ sanh lên trong tương lai giống như sự tiêu hoại của pháp hành đang hiện hữu trước mặt) thì đoạn trừ được sự Tích tập (āyuhana) khao khát tăng trưởng dục lạc.
- 10- Khi tu tiến Biến hoại tùy quán (vipariṇṇanupassanā) (tuệ thấy được thay đổi không có sự bất biến) thì đoạn trừ được Vĩnh hằng tướng (dhuvasaññā).
- 11- Khi tu tiến Vô tướng tùy quán (animittānupassanā) (tuệ thấy rằng không có hiện tượng, hình dáng là nơi nương) thì đoạn trừ được Tập khối tướng (ghananimitta) và Thường tướng (niccanimitta) thành khối hình dáng trường tồn bất biến như nhau.

12- Khi tu tiến Vô thuộc lụy tùy quán (appaṇihitānupassanā) (tuệ thấy rằng không có pháp nào đáng thỏa thích đáng mong muốn) thì đoạn trừ được Ái thuộc lụy (paṇidhi) (sự thỏa thích mong muốn trong cảm giác an lạc).

13- Khi tu tiến Không tánh tùy quán (tuệ thấy rằng chỉ là cái ta, họ, rộng không không ở dưới quyền lực sai khiến của bất cứ ai) thì đoạn trừ được Quyền lực thủ (abhinivesa) là sự chấp thủ rằng ta, họ ở dưới quyền lực sai khiến.

14- Khi tu tiến Thượng tuệ pháp minh quán (adhipaññādharmavipassanā) (tuệ thấy được rõ ràng nhất trong cảnh và biết cảnh rằng danh và sắc là pháp hành diệt mất chấm dứt chẳng phải là ta, họ mà chỉ là sự diệt mất chấm dứt nương vào sự thấy rõ ràng sự diệt của danh sắc thuộc về cảnh và biết cảnh) thì đoạn trừ được Thiên chấp phi thực trạng cốt lõi (sārādānābhinivesa) chấp thủ rằng là đẹp đẽ cốt lõi bền vững.

15- Khi tu tiến Như thật tri kiến (yathābhūtañāṇadassana) (tuệ thấy được danh sắc và pháp làm duyên của danh sắc theo sự thật) thì đoạn trừ được Hôn kiến chấp (sammohābhinivesa). Là sự chấp thủ bởi mê muội trong vấn đề hoài nghi như hiện giờ không phải là ta phải chăng?... và đoạn trừ được tà kiến rằng thượng đế là vị sáng tạo ra thế gian...

16- Khi tu tiến Quá hoạn tuệ (adīnavānupassanā) (tuệ thấy được nguy hại của danh sắc bởi nương vào sự diệt mất chấm

dứt đáng sợ hãi) thì đoạn trừ được Y xứ chấp (ālayābhinivesa) là sự chấp thủ trong danh sắc là nơi nương tựa.

17- Khi tu tiến Trạch sát tùy quán (tuệ thấy được danh sắc có bản chất vô thường, khổ, vô ngã khởi hiện để vứt bỏ lìa khỏi cảnh danh sắc) thì đoạn trừ được Phi trạch sát (appaṭisaṅkhā) là sự không xem xét cho tỏ tường danh sắc có bản chất vô thường, khổ, vô ngã là hiện thân của si ám.

18- Khi tu tiến Ly luân tùy quán (vivattānupassanā) (tuệ thấy được danh sắc có tánh chất vô thường, khổ, vô ngã nên phát sanh chán nản muốn buông bỏ là hiện thân của Hành xả tuệ, Thuận thứ tuệ) thì đoạn trừ được Thiên chấp kiết sử (saṃyogābhinivesa) là sự chấp thủ dính mắc trong danh sắc là hiện thân của ái dục, ngã mạn, tà kiến.

Giải Thích Theo Tuần Tự Trong 18 Đại Minh Quán

1- Vô thường tùy quán (Aniccānupassanā)

Vô thường tùy quán là tuệ quán thấy được sự vô thường của danh sắc nương từ việc thấy rõ sanh diệt trong sát na đang ghi nhận danh sắc, tuệ này được gọi là “vô thường tùy quán”.

Sự khác biệt nhau của từ vô thường, vô thường tướng, vô thường tùy quán:

Vô thường: Pháp không thường tồn.

Vô thường tướng: Dấu hiệu biết được vô thường.

Vô thường tùy quán: Tuệ thường xuyên quán thấy được vô thường của danh sắc, ngũ uẩn hoặc thân tâm. Gồm có tâm sở trí tuệ hợp trong tâm đại thiện, tâm đại tố sát na đang ghi nhận biết danh sắc, ngũ uẩn hoặc thân tâm.

Trong Thanh Tịnh Đạo trình bày:

Aniccanti khandhapañcakam. Kasmā.

Uppādavayaññathattabhāvā hutvā abhāvato vā,
uppādavayaññathattam aniccalakkhaṇam hutvā
abhāvasaṅkhāto vā ākāravikāro.

(Phần giải thích về Hành lộ tri kiến thanh tịnh)

Danh sắc, ngũ uẩn gọi là vô thường bởi vì có sự biến hoại đổi thay do sanh diệt và trở thành loại khác (già).

Một lý khác nữa:

Sanh lên rồi hoại diệt đi không còn dư sót, sự diễn tiến có trạng thái biến hoại thay đổi do sanh diệt và trở thành loại khác (già), gọi là Vô thường tướng.

Một lý khác nữa:

Trạng thái diễn tiến sanh lên rồi hoại diệt đi không còn

đư sót gọi là Vô thường tướng, ám chỉ sự tan rã bởi sự diệt đi của danh sắc, ngũ uẩn sanh lên rồi không tồn tại trong trạng thái thuần nhất. Sự quán thấy được sắc pháp... là vô thường do mãnh lực của Vô thường tướng được gọi là Vô thường tùy quán.

Vô thường tướng có hai là uppādavayaññathattaṃ và hutvā abhāva.

Nơi đây đề cập đến tướng thứ hai là hutvā abhāva tức sanh lên rồi diệt đi không còn dư sót, là tướng quan trọng hơn tướng thứ nhất. Bởi vì tướng thứ hai này có sự hiện bày rõ ràng với trí tuệ của hành giả trong tuệ quán vào giai đoạn đầu kể từ Hoại diệt tuệ (bhaṅgañāṇa) sanh lên... trở đi. Khi quán thấy được danh sắc vô thường theo tướng thứ hai rồi thì cũng có thể nói được là Vô thường tùy quán trở thành đặc biệt phát triển tốt nhất. Cho nên ngài trưởng lão giáo thọ sư Ānanda trình bày trong vibhaṅgamūlaṭṭikā:

Hutvā abhāvattthenāti idaṃ itaresaṃ catunnaṃ ākārānaṃ saṅghaṃ hutvā visuṃ vuttaṃ.

Bốn vô thường tướng ngoài ra hutvā abhāva thì được gom vào trong Vô thường tướng hutvā abhāva, nên ngài giáo thọ sư số giải mới trình bày theo riêng biệt rằng hutvā abhāvattthena.

Giải thích: Ngài giáo thọ sư số giải trình bày trong Số giải bộ Phân Tích (Sammohavinodanīatthakathā) rằng danh sắc ngũ uẩn là vô thường bởi vì sanh lên rồi diệt đi không

còn dư sót (hutvā abhāva) rồi trình bày tiếp là vẫn còn có bốn tướng nữa để làm cho biết được danh sắc ngũ uẩn là vô thường.

Đó là 4 tướng:

- 1- Uppādavayavantattā: Sinh lên cuối cùng thì diệt mất.
- 2- Vipariṇāma: Thay đổi không bất biến.
- 3- Tāvakālika: Tồn tại tạm thời.
- 4- Niccapaṭikkhepa: Tương phản lại sự thường tồn.

Cả năm tướng trạng (gom vào hutvā và abhāva) là dấu hiệu làm cho biết được danh sắc ngũ uẩn là vô thường. Ngài giáo thọ sư sơ giải không nêu lên trình bày cả năm loại mà chỉ trình bày riêng biệt trọng yếu duy nhất từ hutvā abhāva, sự việc mà ngài không nêu lên trình bày 4 tướng trạng với nhau nữa bởi vì trong bốn tướng trạng có sự sinh lên cuối cùng thì diệt mất (uppādavayavantattā)... được gom chung vào trong tướng trạng sinh lên rồi diệt mất không còn dư sót (hutvā abhāva). Nghĩa là khi hành giả quán thấy được danh sắc vô thường theo tướng trạng hutvā abhāva thì ngay khi đó cũng biết được bốn tướng trạng này.

Pháp nào có bốn duyên tạo tác làm cho sinh lên pháp đó gọi là hữu vi. Các pháp hữu vi theo thường nhiên có sự sanh, trụ, diệt (uppāda, thīti, bhaṅga) là tướng của pháp hữu vi (saṅkhatalakkhaṇa), là dấu hiệu làm cho ghi nhớ biết được pháp hữu vi và sanh, trụ, diệt gọi là sanh, già, chết (jāti-

jarā - maraṇa) cũng được. Hữu vi và tướng của pháp hữu vi này khi nói theo việc quán thấy của tuệ quán thì pháp hữu vi là vô thường, tướng của pháp hữu vi là tướng vô thường cho nên mỗi sát na sanh, trụ, diệt mới là vô thường tướng.

Đối với sát na diệt thì trình bày sự vô thường hiển lộ rõ ràng trọn vẹn đúng theo tướng được gọi là vô thường hơn hai sát na kia.

Nếu như chỉ quán thấy sát na sanh, sát na trụ còn sát na diệt không thấy được thì chưa được xếp vào là thấy được vô thường thật sự mà chỉ là tự mình phỏng đoán rằng các pháp này khi có sự sanh, trụ thì phải có sự diệt, nếu có sự diệt thì pháp này mới là vô thường. Việc tự mình phỏng đoán như vậy thì chẳng phải là sự thấy được vô thường thật sự, chỉ khi quán thấy được sát na diệt của pháp hữu vi trọn vẹn rõ ràng thì chính trong sát na đó mới được gọi là thấy được vô thường thật sự. Cho nên ngài giáo thọ sư số giải mới giải thích từ hutvā abhāva trình bày tiếp theo đến vô thường tướng bằng từ khaṇabhāṅgena bhedo bởi vì muốn làm cho biết đến phần đỉnh cao trong Vô thường tướng.

Ngài trưởng lão giáo thọ sư Dhammapāla trình bày trong hậu số giải Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimaggamahāṭīkā) “Kiñcāpi uppādādi tividhampi saṅkhatalakkhaṇattāya aniccalakkhaṇaṃ tathāpi jātijarādisu na tathā aniccalakkhaṇaṃ pākaṭaṃ hutvā uppaṭṭhāṭi yathāvayakkhaṇeti āha bhāṅgo nāma aniccatāya paramā koṭṭi”.

Ba sát na như sát na sanh... cho dù là vô thường tướng do hình thành dấu hiệu của pháp hữu vi như nhau, nhưng sát na sanh và sát na trụ không hiển lộ vô thường tướng rõ ràng giống như sát na diệt. Nên ngài giáo thọ sư số giải mới đề cập rằng chính sát na diệt là phần đỉnh cao của Vô thường tướng.

Vô Thường Tùy Quán Thật Và Giả

Pháp vô thường và vô thường tướng này đã đề cập trong phần đầu là có sự khác biệt nhau, nhưng việc ghi nhận biết pháp vô thường tức danh sắc đang sanh lên thì một pháp vô thường tướng nào cũng sẽ hiện bày cho thấy được vô thường ngay trong cùng sát na đó. Việc thấy được vô thường bằng sự ghi nhận biết như vậy gọi là “Vô thường tùy quán thật”.

Nếu như không ghi nhận biết được pháp vô thường đang sanh lên mà chỉ suy nghĩ quán xét về Vô thường tướng trong việc tụng niệm “*Sabbe saṅkhārā aniccā*” “*các pháp hữu vi là vô thường*” theo chế định vô thường, như vậy thì Vô thường tướng sẽ không có cơ hội hiển lộ được. Sự thực hành như vậy gọi là “Vô thường tùy quán giả”.

Ngài giáo thọ sư Mahābuddhaghosa trình bày trong số giải bộ Pháp Tụ (Aṭṭhasālinīatthakathā):

1- Vuṭṭhānagāminī pana vipassanā kimārammaṇāti?
lakkhaṇārammaṇāti,

2- Lakkhaṇaṃ nāma paññattigatikaṃ
navattabbadhamabhūtaṃ,

3- Yo pana aniccaṃ dukkhaṃ anattāti tīṇi lakkhaṇāni
sallakkheti tassa pañcakkhandhā kaṇṭhe baddhakunapa
viya honti,

4- Saṅkhārārammaṇeva ñāṇaṃ saṅkhārato vuṭṭhāti,

5- Yathā hi eko bhikkhu pattaṃ kiṇitukāmo
pavattavanijena pattaṃ abhataṃ disvā haṭṭhapahaṭṭho
gaṇhissāmīti cintetvā vimaṃsamāno tīṇi chiddāni passeyya

6- So na chiddesu nirālayo hoti, patte pana nirālayo hoti,

7- Evameva tīṇi lakkhaṇāni sallakkhetvā saṅkhāresu
nirālayo hoti, saṅkhārārammaṇeva ñāṇena saṅkhārato
vuṭṭhātīti veditabbaṃ,

8- Dussopamāyapi eseva nayo.

Dịch pāli trên:

1- **Vấn:** *Xuất hành minh quán (Vuṭṭhānagāminivipassanā) là Hành xả tuệ giai đoạn cuối và Thuận thứ tuệ có cảnh gì? (bởi vì có điều hoài nghi rằng xuất hành Minh quán có pháp hành làm cảnh hoặc có tam tướng làm cảnh, nếu có pháp hành làm cảnh thì tam tướng không làm cảnh được, nếu có tam tướng làm cảnh thì không nên nói rằng “Chuyển tộc tuệ và Đạo tuệ” thoát khỏi cảnh pháp hành mà nên đề cập rằng “Chuyển tộc tuệ và Đạo tuệ” thoát khỏi cảnh tam tướng vì vậy mới đặt câu hỏi này).*

Đáp: Xuất hành Minh quán có tam tướng làm cảnh.

2- Thông thường tam tướng có thực tánh thuộc chế định mà chẳng phải gọi là pháp dục giới, pháp đáo đại hay pháp siêu thế chi cả.

3- Nhưng người nào ghi nhận thấy được tam tướng như Vô thường tướng, Khổ tướng, Vô ngã tướng, ngũ uẩn liên quan với một pháp trong tam tướng nào của người ghi nhận thấy được tam tướng thì tuệ quán sẽ hiển lộ với người đó “*giống như xác rắn, xác chó sinh thối đang cọt nơi cỏ*”.

4- Do đó, khi quán thấy được tam tướng thì thoát khỏi cảnh pháp hành danh sắc ngũ uẩn.

5- Điều này được ví dụ như một vị tỳ kheo đi tìm mua bát, khi bát được chủ tiệm đem đến cho xem thì cảm thấy hài lòng và suy nghĩ sẽ mua bát này, rồi mới xem xét kỹ càng thì thấy bát đó có ba lỗ thủng, ngay lúc ấy thì không còn thích thú muốn mua bát nữa.

6- Trong việc chấm dứt sự thích thú hài lòng, vị tỳ kheo không còn thích thú khẩn khát với bát đó vì thấy được 3 lỗ thủng ấy.

7- Điều ví dụ này như thế nào khi đã quán thấy tam tướng thì sự thích thú hài lòng với pháp hành cũng không còn nữa. Bởi vì Chuyển tộc tuệ và Đạo tuệ sanh liên tiếp theo sau xuất hành Minh quán cũng thoát khỏi cảnh pháp hành bằng xuất hành Minh quán có pháp hành cùng với tam tướng làm cảnh.

8- Các bậc hiền trí nên hiểu ý nghĩa cùng với ví dụ mua vải có ba nơi rách cũng giống như vậy.

Ngài trưởng lão giáo thọ sư Ānanda trình bày trong hậu số giải bộ Pháp Tụ (Aṭṭhasālinīmūlaṭīkā):

1- Aniccaṅti ādinā saṅkhāresu pavattamānena ñāṇena lakkhaṇānipi paṭividdhāni honti,

2- Tadākārasaṅkhāraggaṇatoti āha lakkhaṇārammaṇāti,

3- Saṅkhārammaṇā eva yathavuttādhippāyena lakkhaṇārammaṇāti vuttāti dassento lakkhaṇaṃ nāmāti ādimāha,

4- Aniccatā dukkhatā anattatāti hi visuṃ gayhamānaṃ lakkhaṇaṃ paññatti gatikam paramatthato avijjamānaṃ,

5- Avijjamānattā eva parittādivasena na vattabbadhamabhūtaṃ,

6- Tasmā visuṃ gahetabbassa lakkhaṇassa paramatthato abhāvā aniccaṃ dukkhaṃ anattāti saṅkhāre sabhāvato sallakkhenta lakkhaṇāni nāmāti āha yo pana aniccaṃ dukkhaṃ anattāti tīṇi lakkhaṇāni sallakhetīti,

7- Yasmā ca aniccanti ādinā saṅkhārāva dissamānā tasmā te kaṅthe buddhakunapaṃ viya paṭinissajjanīyā honti.

1- Thấu đáo xuyên suốt tam tướng bằng tuệ quán thấy pháp hành vô thường...

2- **Vấn:** *Do nhân nào mà xuyên suốt thấu đáo được tam tướng?*

Đáp: Bởi vì ghi nhận thấy được ba tướng trạng của pháp hành là Vô thường tướng, Khổ tướng, Vô ngã tướng, cho nên ngài giáo thọ sư sơ giải mới đề cập rằng xuất hành Minh quán có tam tướng làm cảnh.

3- Tôi đã đề cập rằng *xuất hành Minh quán có pháp hành làm cảnh chính pháp hành này có tam tướng làm cảnh như đã thích giải rồi*. Do đó, ngài giáo thọ sư sơ giải khi muốn trình bày vấn đề này mới đề cập tiếp theo: “*lakkhaṇaṃ nāma...*”. Nghĩa là sự diễn tiến trong việc quán thấy tam tướng của xuất hành Minh quán chẳng phải là quán xét tam tướng theo cách tụng niệm “*các hành là vô thường (sabbe saṅkhārā aniccā)*...” thì thấy được tam tướng mà chỉ có quán xét pháp hành theo vô thường, khổ, vô ngã thì sau đó tam tướng mới hiển lộ lên.

4- Giải thích về từ *lakkhaṇaṃ nāma...* ngài giáo thọ sư đề cập đến tam tướng mà hành giả quán xét theo riêng biệt không liên quan với việc ghi nhận biết danh sắc đang sanh lên là vô thường, khổ, vô ngã, có thực tánh chế định, không có thực tánh chơn để hiển lộ.

5- Do nhân quán lấy tam tướng theo riêng biệt mà không có thực tánh chơn để hiển lộ, chính như vậy mới không được đề cập vượt quá là pháp dục giới chi cả.

6- Do quán lấy tam tướng theo riêng biệt không ghi nhận

biết danh sắc đang sanh lên thuộc tam tướng không có thực tánh chơn đế, còn người quán xét ghi nhận pháp hành theo vô thường, khổ, vô ngã theo thực tánh đang sanh lên mới gọi là ghi nhận thấy tam tướng.

Cho nên ngài giáo thọ sư sơ giải mới trình bày “Yo pana aniccam dukkham anattāti tīṇi lakkhaṇāni sallakkheti”.

7- Do hành giả quán xét ghi nhận thấy được pháp hành danh sắc là vô thường... nên mới vứt bỏ pháp hành danh sắc này và ném đi thật xa giống như gỡ xác rắn, xác chó sinh thối đang mang ở cổ quăng bỏ ra cho thật xa.

Tóm lại: Theo sơ giải và hậu sơ giải thì tuệ quán thấy Vô thường tướng hay Khổ tướng hoặc Vô ngã tướng mà do nương vào sự ghi nhận biết pháp hành danh sắc theo thực tánh đang sanh lên được gọi là “Vô thường tùy quán”.

Việc ghi nhận trong giai đoạn tuệ tùy quán (anupassanāñāṇa) của hành giả đạt đến Vô thường tùy quán là có thể ghi nhận thấy được “tam tướng” trong mỗi sát na.

Tuệ ghi nhận pháp hành danh sắc đang sanh lên nối tiếp nhau liên tục không gián đoạn, tuệ này được gọi là Tuệ tùy quán. Tuệ tùy quán này mặc dù đạt đến Danh sắc phân tích tuệ (nāmarūpaparicchedañāṇa), Duyên đạt tuệ (paccayapariggahañāṇa) thuộc về tuệ tri (ñītapariññā) nhưng cũng không được gọi là Vô thường tùy quán... bởi vì chỉ thấy được pháp hành danh sắc và nhân duyên của danh sắc đang có theo pháp mà thôi. Cho tới khi tuệ tùy quán

này vào đến tuệ quán giai đoạn đầu như Thâm quán tuệ (sammasanañāṇa)... trở đi mới gọi là Vô thường tùy quán hay Khổ tùy quán hoặc Vô ngã tùy quán tùy theo sự ghi nhận quán thấy của hành giả.

Nghĩa là:

Nếu ghi nhận quán thấy pháp hành danh sắc không bất biến trường cửu thì gọi là Vô thường tùy quán mà không gọi là Khổ tùy quán hoặc Vô ngã tùy quán.

Nếu ghi nhận quán thấy pháp hành danh sắc không thể chịu đựng được thì gọi là Khổ tùy quán mà không gọi là Vô thường tùy quán hoặc Vô ngã tùy quán.

Nếu ghi nhận quán thấy pháp hành danh sắc không dưới quyền sai khiến thì gọi là Vô ngã tùy quán mà không gọi là Vô thường tùy quán hoặc Khổ tùy quán.

Nên ngài trưởng lão giáo thọ sư Ānanda mới nêu lên trình bày trong bộ Phân Tích hậu sơ giải (Sammohavinodanīmūlaṭṭikā):

1- Aniccādīhi aniccalakkhaṇādīnaṃ aññattavacanamaṃ rupanādivasena pavattarūpadiggahaṇato viṣiṭṭhassa aniccādiggahanassa sabbhāvā.

2- Na hi nāmarūpaparicchedamattena kiccāsiddhi hoti aniccādayo ca rūpādīnaṃ ākāra dattṭhabbā.

3- Aniccanti ca gaṇhanto dukkhaṃ anattāti na gaṇhāti tathā dukkhādiggahaṇe itarassāggahaṇaṃ.

1- Sự việc trình bày về trở thành loại khác của vô thường tướng... ngoại trừ ra danh sắc ngũ uẩn là vô thường... bởi vì quán xét thấy được đặc biệt Vô thường tướng ngoài ra từ việc ghi nhận biết danh sắc đang diễn tiến theo trạng thái sắc tiêu hoại, trạng thái danh hương đến cảnh sanh lên.

2- Thật ra việc ghi nhận thấy của hành giả được thành tựu Vô thường tùy quán, Khổ tùy quán, Vô ngã tùy quán chỉ do nương vào việc thấy được danh sắc thì vẫn chưa thành tựu được mà phải quán xét ba tướng trạng của danh sắc như Vô thường tướng... mới thành tựu được Vô thường tùy quán.

3- Hành giả đang ghi nhận thấy pháp hành danh sắc là vô thường thì lúc đó không ghi nhận thấy được khổ, vô ngã. Tương tự như vậy khi đang ghi nhận thấy khổ thì không ghi nhận thấy được vô thường, vô ngã. Khi ghi nhận vô ngã thì không thấy được vô thường, khổ. Nghĩa là không thấy được cùng một lúc ba tướng được.

Tóm lại: Trong pāli điều thứ nhất và thứ hai thì tuệ quán ghi nhận quán thấy pháp hành danh sắc đang sanh lên theo thực tánh và tuệ quán ghi nhận quán thấy tam tướng của pháp hành thì danh sắc đó không giống nhau, nhưng mỗi pháp của hai tuệ quán thì giống nhau. Khi hành giả ghi nhận thấy pháp hành danh sắc ở giai đoạn Danh sắc phân tích tuệ, Duyên đạt tuệ thuộc tuệ tri thì sẽ tháp tùng thấy được tam tướng của pháp hành danh sắc nhưng thật sự không được. Hành giả phải tu tiến Minh quán đến giai đoạn đầu như Thâm quán tuệ... thuộc đạt tri (tīraṇapariññā) tiếp theo mới thấy được

tam tướng của pháp hành danh sắc. Do đó, ngài giáo thọ sư sơ giải mới nêu lên trình bày tam tướng ngoài pháp hành danh sắc vô thường, khổ, vô ngã theo riêng biệt nữa.

**Thực Hành Nhằm Cắt Đứt Liên Lưu Định Kiến
Và Phá Vỡ Thuần Khô Định Kiến
Để Tuệ Quán Đạt Đến
Vô Thường Tỳ Quán Thật**

Khi hành giả ghi nhận quán thấy pháp hành danh sắc đang sanh theo thực tánh sanh lên từ nhân duyên thì Liên lưu định kiến (Santatipaññatti) và Thuần khô định kiến (Ghanapaññatti) che đậy sự sanh diệt của pháp hành danh sắc sẽ được phá hủy. Ngay khi sự thấy được thanh tịnh sanh lên trong lúc nào thì lúc đó tuệ quán của hành giả đạt đến Vô thường tỳ quán...

Giải thích: Người không ghi nhận thấy được pháp hành danh sắc đang sanh lên trong mỗi giai đoạn của tâm và sắc thì đừng nói chi đến sự sanh diệt của pháp hành danh sắc mà ngay cả danh sắc đang sanh diệt đang hiển hiện cũng không thấy không biết được vì chỉ thấy chỉ biết theo chế định.

Như khi thấy các sắc thì chỉ biết chỉ hiểu là người nam, người nữ, trẻ con, người lớn, thú vật, cây cối, nhà cửa, quần áo; khi nghe tiếng thì nhận định là tiếng của người nam, người nữ, thú vật, nhạc cụ, khóc, cười; khi ngửi mùi thì chỉ

biết chỉ hiểu là mùi hoa, mùi thơm, mùi thức ăn, mùi phân, mùi nước tiểu; khi nếm vị thì chỉ biết và hiểu là vị me, vị chanh, vị chua, vị trái cây, vị ớt, vị muối, vị đường; khi xúc chạm với sự lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, chùng thì chỉ biết chỉ hiểu là nước đá, nước nóng, lửa, bông gòn, bông vải, cây, dao, gạch, đá, xẹp xuống, phồng lên, thân thể thư giãn nhẹ nhàng, căng thẳng, nặng nề, gờ tay lên, đưa tay ra, co tay, duỗi chân... Các sự việc này đều là do Liên lưu định kiến và Thuần khối định kiến che đậy các cảnh bên ngoài và tâm lộ biết cảnh bên trong. Cho nên sự hiểu biết như vậy gọi là không cắt đứt được Liên lưu định kiến và cũng không phá vỡ Thuần khối định kiến.

Đúng theo sự thật thì ngay sát na nhìn thấy một vật nào thì cảnh sắc cũ diệt đi, cảnh sắc mới sanh lên rồi cũng lại diệt đi... tiến trình này nối tiếp nhau không gián đoạn nhưng người thấy chỉ thấy cảnh sắc mới sanh lên suốt giai đoạn đang nhìn. Tâm lộ sanh lên bắt cảnh sắc đó bắt nguồn từ sự thấy cũ diệt đi, sự thấy mới sanh lên thay thế nối tiếp nhau không gián đoạn. Nhưng do người nhìn thấy hiểu sai nên cho rằng cảnh sắc mà mình đang nhìn thấy hay sự thấy của mình đang thấy trong phút đầu và mỗi phút sau vẫn chỉ là một và y như nhau không thay đổi.

Trong sát na được nghe, được ngửi, được nếm, được xúc chạm thì tiếng với sự nghe; mùi với sự ngửi; vị với sự nếm; lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, chùng với sự xúc chạm đều có thuộc tánh giống như vậy. Tức khi sát na cũ diệt đi thì sát

na mới sanh lên nối tiếp liền nhau không gián đoạn nhưng do sự hiểu sai rằng là một như nhau hay bình thường không thay đổi.

Việc sanh lên nối tiếp nhau của cảnh bên ngoài và tâm lộ biết cảnh bên trong do Liên lưu định kiến. Sự sanh lên nối tiếp nhau có thực tánh không gián đoạn của cảnh bên ngoài và tâm lộ bên trong giống như thành nhóm, thành khối do Thuần khối định kiến. Khi Liên lưu định kiến hiện bày trong tâm thì Thuần khối định kiến cũng cùng hiện bày trong tâm, cho nên gom hai loại lại gọi là Liên lưu thuần khối định kiến (Santatighanapaññatti).

Chính Liên lưu thuần khối định kiến che đậy mới làm cho người không có niệm ghi nhận danh sắc đang sanh lên và không thấy sự sanh diệt là Vô thường tướng được. Còn đối với người ghi nhận được pháp hành danh sắc đang sanh lên do có niệm biết sự nối tiếp nhau không gián đoạn thì thấy được thấu đáo Liên lưu thuần khối định kiến che đậy sự sanh diệt của pháp hành danh sắc.

Phá vỡ Liên lưu thuần khối định kiến này bằng việc ghi nhận thấy được tâm lộ sanh lên trước và tâm lộ sanh lên sau trong lúc thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm sự lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, chùng, mồi, đau nhức, vui buồn, suy nghĩ... cắt đứt thành từng phần không phải cùng một tánh chất như nhau. Về phương diện sắc thì ghi nhận thấy sắc sanh lên trước và sắc sanh lên sau trong lúc phồng lên, xẹp xuống, hơi thở vô, hơi thở ra, đỡ tay lên, duỗi chân ra, bước

tới trước, bước lui về sau, đứng lên, ngồi xuống, ngó bên trái, nhìn bên phải, nháy mắt, há miệng cũng cắt đứt thành từng phần không phải là một tánh chất như nhau.

Chính sự thấy của lộ tâm và cảnh thành từng phần này được gọi là cắt đứt Liên lưu định kiến và phá vỡ Thuần khối chế định thì Vô thường tướng tức sự sanh diệt cũng hiển lộ lên. Như thế, tuệ quán của người đó đạt đến *vô thường tùy quán thật*.

Khi tuệ quán đạt đến *vô thường tùy quán thật* thì việc ghi nhận biết được oai nghi lớn, oai nghi nhỏ, hơi thở vô, hơi thở ra, thấy, nghe, mỗi, nhúc, vui, buồn, suy nghĩ trong giai đoạn này hành giả có thể chuyển đổi thành việc quán xét nơi tâm đến sự vô thường cũng được (trong khổ tùy quán, vô ngã tùy quán thật sanh lên cũng có thể chuyển đổi thành việc quán xét nơi tâm đến khổ, vô ngã không phải là ta, họ cũng như vậy). Nhưng việc chuyển đổi quán xét như vậy không quan trọng mà quan trọng là quán xét thấy được vô thường tướng... mọi lúc trong sát na đang ghi nhận thấy, bởi vì vô thường tướng không hiển lộ được nương từ việc không thích hợp (thuận lợi). Nhưng đối với tâm chỉ thấy vô thường tướng bằng mãnh lực của tướng nghiêng về suy nghĩ tác ý đến vô thường thì dẫn đến hiểu sai rằng mình thấy được vô thường tướng bằng mãnh lực của tuệ quán do không tinh thức. Chính vì thế nên việc chuyển đổi quán xét như vậy mới không quan trọng.

Việc giải thích như đã đề cập nên hiểu theo số giải và hậu số giải mà ngài nêu lên luận giải:

1- Aniccalakkhaṇaṃ t̄va udayabbayānaṃ amanasikāra santatiyā paṭicchannattā na upaṭṭhāti.

2- Udayabbayaṃ pana pariggahetvā santatiyā vikopitāya aniccalakkhaṇaṃ yāthāvasarasato upaṭṭhāti.

*(Thanh Tịnh Đạo Phần Xiển Minh
Hành Lộ Tri Kiến Thanh Tịnh)*

1- Vô thường tướng mà Đức Phật thuyết trước hết là sự diệt không hiển lộ được, bởi vì không quán thấy được sự sanh diệt do Liên lưu định kiến che đậy.

2- Nhưng khi ghi nhận quán thấy được sự sanh diệt thì chặt đứt được Liên lưu định kiến và vô thường tướng cũng sẽ hiển lộ thật sự theo thực tánh của mình.

1- Santatiyā hissa paṭicchannattā aniccalakkhaṇaṃ na upaṭṭhāti sāca santati udayabbayāmanasikārena paṭicchādikā jatā.

2- Udayabbayaṃ passato na udayāvatthā vayāvattham pāpuṇāti vayāvatthā vā udayāvattham añño udayakkhano añño vayakkhaṇoti ekapi dhammo khaṇavasena bhedato upaṭṭhāti pageva atītādikoti āha udayabbayaṃ pana... upaṭṭhātīti.

3- Tattha santatiyā vikopītāyāti pubbāpariyena pavattamānānaṃ dhammānaṃ aññoaññabhāvalakkhaṇena santatiyā ugghāṭitāya na hi sammadeva udayabbayaṃ sallakkheṇa tassa dhammā sambandhabhāvena upaṭṭhahanti.

4- Athako ayosalākā viya asambandhabhāvenāti sutṭhutam aniccalakkhaṇaṃ pākaṭaṃ hoti.

(Hậu Sớ Giải Thanh Tịnh Đạo)

1- Vô thường tướng không hiển lộ với người không ghi nhận quán thấy pháp hành danh sắc đang sanh lên do Liên lưu định kiến che đậy nên sự sanh lên nối tiếp nhau của danh sắc che đậy vô thường tướng bởi vì không ghi nhận quán thấy được sự sanh diệt.

2- Người ghi nhận quán thấy sự sanh diệt mà sát na sanh không dẫn đến sát na diệt, sát na diệt cũng không dẫn đến sát na sanh, sát na sanh hiển lộ thành một pháp, sát na diệt hiển lộ thành một pháp không lẫn lộn nhau, ngay cả sắc hoặc danh cũng hiển lộ thành mỗi pháp trong sát na sanh và sát na diệt. Còn đối với danh sắc quá khứ và vị lai tức quá khứ với hiện tại, hiện tại với vị lai thì không có điều gì đáng hoài nghi phải hiển lộ chắc chắn theo riêng biệt, cho nên ngài giáo thọ sư mới đề cập “Udayabbayaṃ pana... uppattḥāti”.

3- Trong lời nói của ngài giáo thọ sư sớ giải đề cập Santatiyā vikopitāya (chặt đứt Liên lưu định kiến).

Giải thích: Khi loại bỏ được sự sanh lên nối tiếp nhau không gián đoạn do ghi nhận thấy được tiến trình của danh sắc theo riêng biệt sanh trước và sanh sau đang có thật sự với người ghi nhận quán thấy sự sanh diệt nối tiếp nhau đúng đắn trọn vẹn, do nhóm danh sắc này sẽ không thành một như nhau.

4- Nhóm danh sắc này chỉ hiển lộ khác thời điểm không lẫn lộn, giống như những que sắt được cột lại thành từng bó một nhưng vẫn hiện bày thành riêng biệt từng cây, cho nên vô thường tướng mới hiển lộ rõ ràng ngay tức thì.

Lại nữa, trong hậu số giải Thanh Tịnh Đạo (visuddhimaggamahāṭīkā) đề cập “Pageva atītādiko” đối với danh sắc quá khứ và vị lai tức quá khứ với hiện tại, hiện tại với vị lai thì không điều gì đáng hoài nghi chắc chắn phải hiện bày theo riêng biệt. Điều này ám chỉ đến việc quán thấy được danh sắc theo vô thường tướng quá khứ vị lai mà chẳng phải quán thấy được rõ ràng chỉ là thấy theo ước định gọi là vô thường tùy quán phỏng đoán hoặc *Vô thường tùy quán theo kinh nghiệm* (anvaya aniccānupassanā). Còn đối với việc quán thấy vô thường tướng về danh sắc ngay hiện tại tức đang sanh lên là sự quán thấy rõ ràng, gọi là *Vô thường tùy quán hiển lộ* (Paccakkhaaniccānupassanā).

Pháp Bị Đoạn Trừ Bằng Vô Thường Tùy Quán

Khi tuệ quán thấy được “vô thường tướng” theo thực tánh thì tướng thường tồn bất biến không thay đổi tức Thường điền đảo tướng (Saññāvipallāsa) diệt mất. Khi Thường điền đảo tướng diệt mất thì Thường điền đảo kiến (Niccadiṭṭhivipallāsa), Thường điền đảo tâm (Niccacittavipallāsa) cũng tháp tùng theo giảm nhẹ xuống thì diệt được phiền não luân hồi, nghiệp luân hồi, quả luân hồi. Nương từ Thường điền đảo tướng sẽ sanh lên tiếp tục nữa theo tương ứng từ đó phiền não luân hồi tức vô minh hôn ám không biết được thực tánh đang hiện bày và ái dục thỏa thích nhiễm đắm trong cảnh, thủ bám giữ trong cảnh bởi mãnh lực của tham và tà kiến. Nghiệp luân hồi tức hành sắp xếp tạo tác thân, ngữ, ý trong việc thiện và bất thiện, còn nghiệp hữu tức bắt tay vào hành động bằng thân, ngữ, ý trong việc thiện và bất thiện, quả luân hồi tức thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sanh, già, chết.

Lại nữa, việc hiển lộ của “vô thường tùy quán” nếu nói theo tuệ quán thì hiển lộ khi Thâm quán tuệ và Sanh diệt tuệ sanh lên nhưng chưa đầy đủ thật sự bởi vì trong sát na đó vẫn không diệt được thường tướng liên quan đến Liên lưu thuần khối định kiến lẫn không phá vỡ được.

Sự diệt trừ các pháp điền đảo của “vô thường tùy quán” theo như giải thích trong bộ Vô Ngại Giải Đạo

(Paṭisambhidāmagga) và hậu số giải Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimaggamahātikā) “Aniccato anupassanto nīccasaññaṃ pajahati”. ”. Người quán thấy được pháp hành danh sắc là vô thường thì đoạn trừ được thường tưởng, vô thường tùy quán thật nói theo tuệ quán thì phải hiển lộ đến Hoại diệt tuệ (bhangañāṇa)... trở đi thuộc đoạn tri (pahānapariññā) mới đoạn trừ được thường tưởng bằng mãnh lực đoạn trừ tạm thời (tadaṅgapahāna).

1- Nīccasaññanti nīcagāhaṃ saññāsīsena niddeso sukhasaññaṃ attasaññanti etthāpi eseva nayo.

2- Nīccasaññāyāti saṅkhatadhammā nīcā sassatāti evaṃ pavattāya micchāsaññāya saññaggahaṇeneva dīṭṭhicittānampi gahaṇaṃ datṭhabbaṃ esanayo ito parāsu.

(Hậu số giải Thanh Tịnh Đạo)

1- Sự chấp thủ trong pháp hành danh sắc là bất biến, không đổi thay gọi là thường tưởng (nīccasañña).

Thường tưởng là từ trình bày nêu tưởng lên dẫn đầu làm trọng yếu. Trong từ lạc tưởng, ngã tưởng cũng nên hiểu tương tự theo như vậy.

2- Thường tưởng tức hài lòng thỏa thích bởi tà tưởng.

Giải thích: Sự hài lòng thỏa thích bởi tà tưởng (micchāsañña) là ghi nhận sai theo lẽ lồi rằng pháp hành tức sắc, thính... và sự thấy, nghe... là thường còn tồn tại không thay đổi.

Các học viên nên hiểu về điều này khi nêu tưởng lên trình bày thì cũng đồng nghĩa tháp tùng theo bày tỏ kiến diên đảo và tâm diên đảo.

Khô tùy quán và vô ngã tùy quán cũng nên hiểu theo lý như vậy.

Vấn: *Các phiền não như thường diên đảo tướng... mà vô thường tùy quán diệt được là thuộc quá khứ, vị lai hay hiện tại?*

Đáp: Chẳng phải thời nào cả mà thuộc phiền não ngoại thời tức tiềm miên đang ngủ ngâm trong cơ tánh bởi chưa hiển lộ thành thực tánh chơn đế.

Thật ra trong các phiền não đó thì phiền não quá khứ đã diệt trong quá khứ, phiền não vị lai chưa sanh lên và sẽ sanh lên mà thôi. Còn phiền não hiện tại cũng không có bởi vì trong sát na hiện tại chỉ có tâm đại thiện tức vô thường tùy quán đang sanh lên. Vì vậy phiền não đã diệt gọi là quá khứ, vị lai hoặc hiện tại thời nào cũng không được nên mới thuộc phiền não ngoại thời tức phiền não tiềm miên.

Trong các phiền não liên quan đến ba thời và vượt khỏi ba thời thì phiền não vị lai và phiền não tiềm miên có thực tánh tương tự nhau bởi chưa hiện bày thành thực tánh chơn đế, nhưng khi nói theo sự sanh lên thì khác nhau tức phiền não sẽ sanh lên chắc chắn thuộc phiền não vị lai. Như trong sát na có sự hài lòng thỏa thích thì trong sát na đó phiền não khác nữa ngoài ra tham và si thuộc phiền não vị lai; sát

na có sự buồn phiền, sầu khổ, nóng giận thì trong sát na đó phiền não khác ngoài ra sân và si thuộc phiền não vị lai; sát na không có sự tin tưởng mà chỉ có sự lưỡng lự hoài nghi trong điều đáng tin như ân đức Tam Bảo... trong sát na đó thì phiền não khác ngoài ra si và hoài nghi thuộc phiền não vị lai bởi vì chắc chắn sẽ sanh lên tiếp tục.

Phiền não sẽ sanh lên không chắc chắn thuộc phiền não tiềm miên và phiền não tiềm miên nói theo *quan điểm pháp nghĩa* (dhammādhittāna) chỉ có một tức sẽ sanh lên không chắc chắn, nhưng nói theo *quan điểm nhân sinh* là phiền não tiềm miên đang ngủ ngầm, có 4 nhóm:

- 1- Nhóm có phiền não tiềm miên sẽ sanh lên chắc chắn.
- 2- Nhóm có phiền não tiềm miên sẽ sanh lên không chắc chắn.
- 3- Nhóm có phiền não tiềm miên sẽ không sanh lên chắc chắn.
- 4- Nhóm có phiền não tiềm miên sẽ không sanh lên nhưng không chắc chắn.

Trong bốn nhóm này thì người bố thí, trì giới, tu tiên, đang nằm ngủ thì phiền não tiềm miên của nhóm người này sẽ sanh lên chắc chắn.

Người tục sinh bằng tâm tam nhân đang thực hành Minh quán tinh cần cùng lập nguyện rằng sẽ thực hành cho đến khi đắc chứng đạo quả thì phiền não tiềm miên của nhóm người này một số phiền não hoặc tất cả sẽ sanh lên không chắc chắn.

Người thực hành tác chứng đạo, quả thì phiền não tiềm miên của nhóm người này sẽ không sanh lên chắc chắn tùy theo đạo, quả mà mình tác chứng được và sân phiền não tiềm miên của bậc Bất Lai sẽ không sanh lên chắc chắn.

Người tục sinh bằng tâm tam nhân thực hành Minh quán tinh cần cùng lập nguyện rằng sẽ thực hành cho đến khi tác chứng đạo quả thì phiền não của nhóm người này một số hoặc tất cả sẽ không sanh lên nhưng không chắc chắn và sân phiền não tiềm miên của phạm thiên phạm đang tu tiến Minh quán sẽ không sanh lên nhưng không chắc chắn.

Tóm lại: Phiền não tiềm miên nếu không nêu người lên mà chỉ đề cập riêng biệt về thực tánh thật theo quan điểm pháp nghĩa thì không thuộc phiền não vị lai mà chỉ là phiền não ngoại thời, nhưng nếu nói theo quan điểm nhân sinh thì phiền não tiềm miên này được xếp vào phiền não vị lai cũng có, không thuộc phiền não vị lai cũng có.

Sự Ngủ Ngâm Của Phiền Não Tiềm Miên Và Pháp Đoạn Trừ

Sự ngủ ngâm của phiền não tiềm miên (anusayakilesa) có 2 loại:

1- Phiền não ngủ ngâm sanh lên nối tiếp theo danh sắc gọi là **phiền não tiềm miên trong cơ tánh** (santānānusayakilesa).

2- Phiền não ngũ ngầm trong cảnh thuộc sắc khả ái (piyarūpa), sắc khả hỷ (sātarūpa), sắc không khả ái (apiyarūpa), sắc không khả hỷ (asātarūpa) gọi là **cảnh phiền não tiềm miên** (arammaṇānusayakilesa).

Trong hai loại này thì bốn đạo đoạn trừ được *phiền não tiềm miên trong cơ tánh* bằng tuệ quán có danh sắc làm cảnh, vô thường tùy quán... đoạn trừ được *cảnh phiền não tiềm miên*. Đối với *phiền não tiềm miên trong cơ tánh* khi nào còn là phàm nhân thì cho dù người đó từng thực hành minh quán nhiều lần, nhiều lượt hoặc đang thực hành hay là bậc thiền giả (jhānalābhī), thông giả (abhiññālābhī) thị hiện được các loại thần thông hay sẽ sanh lên làm phạm thiên nối tiếp nhau nhiều kiếp nhiều cõi đi nữa thì vẫn còn hiện hữu đầy đầy phiền não tiềm miên bởi chưa đoạn trừ cho dù chỉ chút ít. Còn *cảnh phiền não tiềm miên* khi tuệ quán của hành giả đạt đến Hoại diệt tuệ thì cảnh phiền não tiềm miên cũng bị đoạn trừ ngay khi đó kể từ tuệ này trở đi.

Như Đức Phật thuyết trong bộ Phân Tích (vibhaṅga):

Sattānusayā kāmārāgānusayo paṭighānusayo
mānānusayo ditṭhānusayo vicikicchānusayo
bhavarāgānusayo avijjānusayo yaṃ loke piyarūpa sātārūpa
ettha sattānaṃ rāgānusayo anuseti, yaṃ loke appiyarūpaṃ
asātārūpaṃ ettha sattānaṃ paṭighānusayo anuseti, iti imesu
dvīsu dhammesu avijjā anupaṭitā, tadekaṭṭho māno ca ditṭhi
ca vicikicchā ca daṭṭhabbā.

Bảy loại phiền não tiềm miên tức pháp tánh thỏa thích hài lòng đắm nhiễm trong ngũ dục ngũ ngẫm trong cơ tánh, pháp tánh nóng giận ngũ ngẫm trong cơ tánh, pháp tánh tự cao ngũ ngẫm trong cơ tánh, pháp tánh thấy sai ngũ ngẫm trong cơ tánh, pháp tánh ngờ vực ân đức Phật, ân đức Pháp, ân đức Tăng, cha mẹ, thầy tổ ngũ ngẫm trong cơ tánh, pháp tánh thỏa thích hài lòng trong sanh hữu ngũ ngẫm trong cơ tánh, pháp tánh làm lạc trong vấn đề thấy sai ngũ ngẫm trong cơ tánh (đây là phiền não tiềm miên trong cơ tánh). Sắc khả ái sắc khả hỷ có thực tánh đáng hài lòng đáng ưa thích hiện hữu trên thế gian tức pháp hành danh sắc bên trong ta, dục ái và hữu ái tiềm miên của tất cả chúng sanh thường ngũ ngẫm trong sắc khả ái, sắc khả hỷ theo thực tánh đáng dính mắc đáng thỏa thích này; sắc không khả ái không khả hỷ là tánh chất không đáng dính mắc không đáng thỏa thích hiện hữu trên thế gian tức pháp hành danh sắc bên trong ta thì phần uất tiềm miên của tất cả chúng sanh thường ngũ ngẫm trong sắc không khả ái không khả hỷ theo thực tánh không đáng ưa thích không đáng hài lòng, vô minh tiềm miên cũng luôn ngũ ngẫm trong dục ái và phần uất này, còn ngã mạn tiềm miên, tà kiến tiềm miên và hoài nghi tiềm miên này cũng hiện hữu trong cùng một tâm có vô minh (đây là cảnh phiền não tiềm miên).

Phiền não tiềm miên trong cơ tánh là phiền não đang ngũ ngẫm trong cơ tánh bởi trạng thái chưa hiện bày thực tánh chơn đế tức chưa đến ba sát na (sanh, trụ, diệt), người chưa đoạn trừ sát tuyệt được phiền não tiềm miên gọi là

phàm nhân. Nhóm phàm nhân này cho dù còn trong bào thai người mẹ, là trẻ con, thanh thiếu niên, người lớn hay người già là cư sĩ hay xuất gia, đắc thiên đắc thông có thể thăng thiên, độn thổ, sau cùng được sanh lên làm phạm thiên nhiều kiếp nhiều cõi đi nữa thì nhóm phàm nhân này cũng vẫn là người còn phiền não tiềm miên, ngay cả tác chứng Nhập Lưu, Nhất Lai đi nữa cũng vẫn còn năm loại phiền não tiềm miên vẫn chưa sát tuyệt hoàn toàn chỉ đoạn trừ được tà kiến tiềm miên, hoài nghi tiềm miên. Khi tác chứng Bất Lai thì hữu ái tiềm miên, ngã mạn tiềm miên, vô minh tiềm miên cũng vẫn còn chưa dứt tuyệt hoàn toàn cho nên bốn nhóm người này vẫn còn phiền não tiềm miên. Ví như người bệnh chưa dứt có người đến hỏi thăm rằng có mạnh khỏe không? Mặc dù trong lúc đó không bệnh cũng đáp rằng đang bệnh, bởi suy nghĩ bệnh đã từng có và sẽ bệnh nữa trong ngày sắp tới. Hoặc ví như người không nhận đủ từ việc nhận thí thục, khi bị hỏi rằng ngài có nhận được thục không? Mặc dù lúc đó không nhận được thục thật nhưng cũng trả lời rằng tôi nhận được bởi vì suy nghĩ đến đã từng nhận được và sẽ nhận được nữa trong ngày sắp tới.

Như Đức Phật thuyết trong tiềm miên song (anusayayamaka):

Yassa kâmarâgânusayo uppajjati tassa paṭighânusayo uppajjatīti?

“Dục ái tiềm miên đang sanh lên với người nào thì phần uất tiềm miên cũng đang sanh lên với người đó phải chăng?”.

Đáp: Āmantā phải rồi.

Sự việc Ngài trả lời như vậy bởi vì Ngài ám chỉ đến vẫn còn pháp tiềm miên bởi tánh chất đã từng sanh và sẽ sanh.

Nhưng nếu hỏi rằng:

Yassa kāmarāgo uppajjati tassa paṭigho uppajjati?

“Dục ái đang sanh với người nào thì phần uất đang sanh với người đó phải chăng?”.

Đáp: Nuppajjati không phải đang sanh.

Lại nữa, bảy loại phiền não tiềm miên khi hiển lộ lên theo thực tánh chơn để tức đưa đến bộc phát (phiền não thô) thì đồng sanh trong cùng một tâm với nhau, không đồng sanh trong cùng một tâm với nhau cũng có nhưng khi vẫn còn là tiềm miên thì cả bảy loại đang ngủ ngầm trong cùng một tâm với nhau.

Do đó, Đức Phật mới thuyết trong tiềm miên song:

Yassa kāmarāgānusayo anuseti tassa paṭighānusayo anuseti?

“Dục ái tiềm miên ngủ ngầm trong cơ tánh của người nào thì phần uất tiềm miên ngủ ngầm trong cơ tánh của người đó phải chăng?”.

Đáp: Āmantā phải rồi.

Vì vậy, việc đoạn trừ phiền não tiềm miên trong cơ tánh được sát tuyệt cũng có nhưng chỉ duy nhất bằng đạo tuệ, còn

đối với tuệ quán chỉ đoạn trừ được tạm thời mà thôi, còn thiền định thì có thể đoạn trừ bằng cách áp chế tức đè nén được thời gian lâu như nhiều ngày nhiều tháng nhiều năm nhiều đại kiếp.

Cảnh phiền não tiềm miên: Việc sanh lên của phiền não không chấm dứt được trong cảnh vẫn không sanh lên được khi quán thấy sự thật bằng tuệ quán và đạo tuệ, phiền não này gọi là cảnh phiền não tiềm miên.

Như Đức Phật giáo giới cho các tỳ kheo:

Sukhāya bhikkhave vedanāya rāgānusayo pahātabbo dukkhāya vedanāya paṭighānusayo pahātabbo, adukkhamasukhāya vedanāya avijjānusayo pahātabbo (Tương Ứng Kinh Phẩm Tương Ứng Thọ).

“Này các tỳ kheo! Các người nên đoạn trừ dục ái tiềm miên trong cảm thọ lạc, đoạn trừ phần uất tiềm miên trong cảm thọ khổ, đoạn trừ vô minh tiềm miên trong cảm thọ phi khổ phi lạc”.

Lời giáo giới này ngài ám chỉ đến “cảnh phiền não tiềm miên”.

Ngài giáo thọ sư sơ giải cũng đề cập rằng: “Imasmim sutte ārammaṇānusayo kathito” trong kinh như: Sukhāya bhikkhave vedanāya... này Đức Thế Tôn thuyết đến cảnh phiền não tiềm miên nhưng chẳng phải Ngài chỉ dạy đến việc thực hành để đoạn trừ “cảnh phiền não tiềm miên” mà

chỉ là nhắc nhở cho thực hành theo con đường tứ niệm xứ. Bởi vì nếu các tỳ kheo không thực hành theo con đường tứ niệm xứ thì không có con đường nào khác thực hành để đoạn trừ được cảnh phiền não tiềm miên này. Nếu như thực hành theo con đường tứ niệm xứ bằng cách miên mật thì có thể nói được là đoạn trừ phiền não trong việc cảm thọ cảnh.

Như ngài giáo thọ sư hậu số giải trình bày trong nhập xuất tức niệm nghiệp xứ (*ānāpānassatikammaṭṭhāna*) của hậu số giải Thanh Tịnh Đạo:

Aniccānupassanā tāva taṇṅgappahānavasena
niccasaññaṃ pariccajati pariccajantī ca tathā appavattīyaṃ
ye niccanti gahaṇavasena kilesā tammūlakā abhisañkhāra
tadubhayamūlakā ca vipākā khandhā anāgate uppajjeyyaṃ
te sabbepi appavattikaraṇavasena pariccajati tathā
dukkhānupassanādayo tenāha vipassanā hi taṇṅgavasena
saddhiṃ khandhābhisañkhārehi kilese pariccajattī.

Vô thường tùy quán biểu hiện sự diệt đầu tiên (đoạn trừ) dứt bỏ được thường tưởng bởi mãnh lực đoạn trừ tạm thời (*taṇṅgapahāna*), khi vô thường tùy quán (đoạn trừ) dứt bỏ được thường tưởng, nếu như không quán thấy được vô thường thì các phiền não có thể sanh lên được về sau do mãnh lực của sự chấp thủ danh sắc là thường còn và tối vi hành (*abhisañkhāra*) tức bất thiện, thiện hiệp thể có phiền não làm gốc, danh uẩn quả là hiện thân kiếp sống mới có nghiệp và phiền não làm gốc có thể sanh lên về sau, vô thường tùy quán dứt bỏ được thường tưởng, dứt bỏ tất

cả phiền não, nghiệp, quả không cho cùng sanh lên được nữa. Khổ tùy quán, vô ngã tùy quán dứt bỏ lạc tướng, ngã tướng... cũng diễn tiến tương tự giống như vậy cho nên ngài giáo thọ sư Mahābuddhaghosa mới trình bày trong Thanh Tịnh Đạo rằng: *Tuệ quán dứt bỏ được phiền não cùng danh uẩn quả và tối vi hành bằng mãnh lực đoạn trừ tạm thời.*

Khi vô thường tùy quán sanh lên thì “khổ tùy quán và vô ngã tùy quán” sanh lên theo.

Vấn: *Trong vấn đề này khi có sự quán thấy vô thường thì phiền não liên quan đến thường tướng không hiện khởi trong cảnh đó được. Vấn đề thấy được rõ không có điều gì phải hoài nghi nhưng có câu hỏi liên quan với lạc tướng và ngã tướng cùng sanh lên trong cảnh giống như vậy thì như thế nào?*

Đáp: Không sanh lên được, bởi vì hành giả quán thấy trong cảnh vô thường bởi mãnh lực hiển lộ của vô thường tướng tức sanh diệt. Khi trở lại quán thấy trong cảnh đó một lần nữa thì không thấy được lạc mà chỉ thấy khổ bởi sự sanh diệt không ngừng lần không thấy được bản ngã là cốt lõi trong cảnh đó, mà chỉ thấy rằng không dưới quyền lực sai khiến không diễn tiến theo ý muốn chỉ diễn tiến theo nhân duyên cho nên phiền não liên quan với lạc tướng và ngã tướng không sanh lên trong cảnh mà quán thấy vô thường này được.

Như Đức Thế Tôn thuyết trong Tăng Chi Bộ Kinh (aṅguttaranikāya):

Aniccasaññā bhāvetabbā asmimānaṃ samugghātāya, aniccasaññino bhikkhave anattasaññā saṅghāti, anattasaññi asmimānasamugghātaṃ papunāti diṭṭheva dhamme nibbanaṃ.

Hãy tu tiên vô thường tướng (hiện tượng không thường) để tẩy trừ ngã mạn (asmimāna) có trạng thái kiêu ngạo rằng ta là thế này, thế kia cho chấm dứt hoàn toàn. Nay các tỳ kheo! Vô ngã tướng (hiện tượng không phải là ta, họ) thì tự cao bởi sự tốt đẹp, với người quán thấy được vô thường, người quán thấy được vô ngã tức không phải là ta, họ thường là người am hiểu nhỏ bỏ được ngã mạn có tánh chất đề cao mình rằng ta đã tác chứng Níp Bàn tức sự vắng lặng phiền não hiển lộ trong kiếp sống hiện tại.

Trong pāli thì từ căn bản quan trọng dẫn chứng trong vấn đề này có trực tiếp đề cập trong pāli rằng: “Aniccasaññino bhikkhave anattasaññā saṅghāti”. Và giáo thọ sư số giải cũng đề cập giải thích rộng theo pāli này trong số giải Tăng Chi Bộ Kinh (aṅguttaraatthakathā):

Anattasaññā saṅghātīti aniccalakkhaṇe diṭṭhe anattalakkhaṇaṃ diṭṭhameva hoti, etesu hi tīsu lakkhaṇesu ekekasmim diṭṭhe itaradvayaṃ diṭṭhameva hoti. Tena vuttaṃ aniccasaññino bhikkhave anattasaññā saṅghātīti.

Đức Phật thuyết “Anattasaññā saṅghāti” (hiện tướng vô ngã tướng là không phải ta, họ tự đề cao mình tốt đẹp).

Giải thích: Khi quán thấy sự sanh diệt thuộc vô thường

tướng thì cũng sẽ thấy vô ngã tướng tức không dưới quyền sai khiến mà chỉ có sanh diệt diễn tiến thành tựu theo nhân duyên. Thật ra khi thấy được một tướng nào trong ba tướng thì chắc chắn cũng phải thấy được hai tướng còn lại.

Cho nên Đức Thế Tôn mới thuyết “Aniccasaññino bhikkhave anattasaññā saṅghāti”. Này các tỳ kheo! Vô ngã tướng là hiện tướng không phải ta, họ thường tự nêu cao mình tốt đẹp, đối với người quán thấy được vô thường.

Giải Thích Về Ngã Mạn

Ngã mạn (asmimāna) nghĩa là kiêu ngạo cho rằng ta như thế này, thế kia. Các bậc Thánh ngoại trừ bậc A La Hán cho dù là bậc không có thân kiến hiểu sai về danh sắc là ta, họ, nam, nữ, người, thú như tất cả phàm nhân đang thấy. Nhưng ngã mạn tự kiêu rằng mình như thế này, như thế kia do nương vào ân đức tốt đẹp đang có trong mình vẫn còn bởi vì ngã mạn này thuộc về ngã mạn như chân (yathāvamāna) là tự cao đúng theo sự thật chẳng phải là ngã mạn phi như chân (ayāthāvamāna) là tự cao không đúng theo sự thật. Do đó, hành động, lời nói, suy nghĩ của ba bậc Thánh hữu học đôi khi kết hợp với ngã mạn như cho mình là bậc Thánh có niềm tin kiên cố nơi ân đức Tam Bảo, có giới trong sạch. Nếu là bậc Bất Lai thì tự cao đặc biệt hơn nữa rằng ta không vui, buồn đối với cảnh tốt, cảnh xấu, nếu có khả năng hiểu biết thì chấp rằng ta là người có khả năng hiểu biết suy nghĩ

bên trong tâm, hay biểu hiện ra bằng thân hoặc phát ra bằng ngữ có trạng thái tương tự giống như thân kiến cho nên ngã mạn này gọi là kiến mạn (*ditthimāna*) và thời điểm hiện bày chánh kiến trong ba Thánh đạo cao có phần sự đoạn trừ tà kiến cũng nhắm đến ngã mạn này. Tất cả chánh kiến trong ba Thánh đạo cao thì chánh kiến trong A La Hán đạo mới đoạn trừ hoàn toàn được ngã mạn.

Lại nữa, tất cả phàm nhân đang ghi nhận quán danh sắc mà một loại vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng nào hiển lộ lên thì cũng đoạn trừ được ngã mạn giống như vậy nhưng không phải đoạn trừ sát tuyệt.

Trình Bày Vô Thường Tướng, Khổ Tướng Theo Chế Định Và Vô Ngã Tướng

Trong tam tướng thì “vô thường và khổ” có 2 loại:

- 1- Theo chế định.
- 2- Theo thực tánh.

Theo chế định thì ở trong lĩnh vực thân kiến của dân gian định đặt nói với nhau khi thấy một đối tượng nào tiêu hoại như thú chết, người chết, từng giàu có rồi trở lại nghèo khổ, có danh tiếng quyền uy trở thành mất danh tiếng mất uy quyền thì thường nói với nhau là vô thường. Chính mình hay người khác bệnh hoạn không khỏe mạnh hoặc bị đánh, chém, đâm hay gai đâm thì than van rồi thường hay nói với

nhau là khổ. Như vậy gọi là vô thường, khổ theo chế định diễn tiến theo quan kiến của dân gian, còn đối với vô ngã tướng của dân gian thì không nhìn thấy được và do không thể nhìn thấy được nên mới không có định đặt nói với nhau là vô ngã.

Theo thực tánh thì nằm trong lãnh vực chánh kiến thuộc lãnh vực của bậc Chánh Đẳng Giác thuyết về thực tánh sanh diệt cho nên trong thời kỳ không có Phật Giáo thì vô thường, khổ theo thực tánh mới không có ai nói với nhau. Thời ấy, Chư Phật Độc Giác và các bồ tát cũng không thể nói hoặc diễn đạt về vô thường, khổ theo thực tánh cho mọi người nghe được mà chỉ nói hoặc diễn đạt vô thường, khổ diễn tiến theo chế định mà thôi. Đối với vô ngã tướng thì Chư Phật Độc Giác và các bồ tát cũng không thể nói hoặc diễn đạt được. Cho nên, mọi người khi được nghe pháp về vô thường và khổ từ Chư Phật Độc Giác và các bồ tát không thể chứng đắc Đạo, Quả được chỉ làm cho tâm đại thiện sanh khởi mà thôi.

Lại nữa, sự tác thành do thực chứng và thuyết pháp về vô thường, khổ, vô ngã theo thực tánh khác nhau như tác chứng bằng việc tu tiến minh quán, thuyết pháp được thành tựu cũng do việc học tập Thắng Pháp. Cho nên, Chư Phật Độc Giác cho dù thực chứng được vô thường, khổ, vô ngã theo thực tánh cho đến khi thật sự tác chứng A La Hán nhưng do khiêm khuyết việc học tập Thắng Pháp thuộc về pháp học nên không thể thuyết đến thực tánh vô thường,

khổ được. Còn đối với các bồ tát cho dù là bậc có đủ trí tuệ đi nữa nhưng cũng không thực chứng được vô thường, khổ theo thực tánh.

Tóm lại vô thường tướng, khổ tướng theo thực tánh nằm trong lãnh vực của chánh kiến, và vô ngã tướng chỉ có bậc Chánh Đẳng Giác và nam thánh văn, nữ thánh văn có học tập tốt về Thắng Pháp mới thuyết giảng được. Như ngài giáo thọ sư Buddhaghosa trình bày trong bộ số giải Phân Tích (sammoavinodanāttakathā):

1- Aniccadukkhalakkhaṇāni uppādā vā tathāgatānaṃ anuppādā vā paññāyanti.

2- Anattalakkhaṇaṃ vinā buddhappādā na paññāyati buddhuppādeyeva paññāyati.

3- Mahiddhikā hi mahānubhāvā tāpasaparibbājakā sarabhaṅgasatthārādayopi aniccaṃ dukkhanti vuttaṃ sakkonti anattāti vattaṃ na sakkonti.

4- Sacepi te sampattaparisāya anattāti vattaṃ sakkuneyyumaṃ sampattaparisāya maggaphalapaṭivedha bhaveyya.

5- Anattalakkhaṇaṃ paññāpanassa hi aññassa kassaci avisayo sabbaññū buddhānameva visayo.

6- Evametamaṃ anattalakkhaṇaṃ apākaṭamaṃ.

7- Tasmā satthā anattalakkhaṇaṃ dassento aniccena vā dassesi dukkhena va aniccadukkhehi vā.

1- Cho dù thời kỳ có Đức Phật xuất hiện hay không xuất hiện thì vô thường tướng, khổ tướng cũng luôn hiện bày.

2- Ngoài thời kỳ Đức Phật hiện khởi thì vô ngã tướng không hiển lộ chỉ hiển lộ riêng biệt trong thời kỳ Đức Phật xuất hiện.

3- Các đạo sĩ như bồ tát Sarabhaṅga... có nhiều uy lực thần thông chỉ có thể thuyết được vô thường, khổ mà không thể thuyết được vô ngã.

4- Thật vậy các vị đó không thể thuyết được tiến trình vô ngã của danh sắc cho đại chúng thính pháp nên đại chúng đó không thể chứng đắc đạo quả được.

5- Thật ra sự hiển lộ của vô ngã tướng không thuộc lãnh vực của một người nào ngoại trừ bậc Chánh Đẳng Giác, chỉ duy nhất thuộc lãnh vực của bậc Toàn Giác.

6- Vô ngã tướng không hiển lộ trong thời kỳ không có Phật Giáo.

7- Bởi vì bậc Tối Thượng Đạo Sư của thế gian khi Ngài thuyết về vô ngã tướng thì giải thích giáo thuyết theo thực tánh vô thường hay khổ hoặc cả vô thường và khổ.

Theo dẫn chứng mà ngài giáo thọ sư sơ giải đề cập rằng việc thuyết về vô ngã tướng của bậc Chánh Đẳng Giác đôi khi ngài nêu lên vô thường để so sánh, đôi khi ngài nêu lên khổ để so sánh, đôi khi ngài nêu lên cả vô thường, khổ để so sánh nhằm thấy được vô ngã.

Vấn: *Như vậy sẽ làm cho phát sanh hoài nghi rằng vì sao tất cả đại chúng nghe được vô thường, khổ từ bỏ tất đạo sư Sarabhaṅga mà không thực chứng được vô ngã để tác chứng đạo, quả.*

Đáp: Việc thuyết về vô thường, khổ của các vị đó là thuyết về vô thường, khổ *theo chế định* đã đề cập phần đầu chẳng phải là vô thường, khổ thật sự làm cảnh cho tuệ quán. Còn đối với việc thuyết về vô thường, khổ của bậc Chánh Đẳng Giác mà ngài giáo thọ sư sơ giải đề cập trên là thuyết về vô thường, khổ *theo thực tánh* làm cảnh của tuệ quán cho nên người nghe mới có thể thực chứng được vô ngã.

Nên ngài giáo thọ sư trưởng lão nanda mới trình bày trong mūlatīkā:

Anattalakkhaṇaṃ paññāpanassa aññesaṃ avisayattā
anattalakkhaṇadīpakānaṃ aniccadukkhakkhaṇānañca
paññāpanassa avisayatā dassitā hoti evaṃ pana
duppaññāpanatā etesaṃ durupaṭṭhānatāya hoti.

Ngài giáo thọ sư sơ giải đề cập rằng việc thuyết giảng làm cho đại chúng thực chứng được vô ngã tướng không phải là lãnh vực của người khác. Cho nên việc thuyết giảng đến vô thường tướng, khổ tướng thật sự để làm cho đại chúng tỏ ngộ vô ngã tướng cũng không phải là lãnh vực của người khác.

Việc thực chứng và thuyết giảng về tam tướng thật sự là vấn đề vô cùng khó bởi vì sự hiển lộ tam tướng thật sự được trong trí tuệ của đại chúng là điều rất khó.

Ghi chú: Việc giải thích về minh quán còn lại thì khổ tùy quán (dukkhānupassanā)... chỉ trình bày riêng về ý nghĩa đặc biệt mà không đề cập đến trong vô thường tùy quán (aniccānupassanā). Còn ý nghĩa giống nhau với vô thường tùy quán thì đề cập lặp lại nữa.

Kết Thúc Vô Thường Tùy Quán



2- Khổ Tùy Quán

(Dukkhānupassanā)

Khổ tùy quán được trình bày định nghĩa: “Dukkassa anupassanā dukkhānupassanā”.

Quán xét thấy được danh sắc liên tục là khổ cho đến khi khổ tướng hiển lộ gọi là khổ tùy quán.

Hoặc một lý khác: “Dukkhatāya anupassanā dukkhānupassanā”.

Quán xét thấy được khổ liên tục gọi là khổ tùy quán.

Chi pháp: Tâm sở trí tuệ.

Trình Bày Sự Khác Biệt Của 3 Từ

1- Khổ pháp (Dukkhadhamma): Pháp khổ tức danh sắc.

2- Khổ tướng (Dukkhalakkhaṇa): Dấu hiệu để ghi nhận khổ của danh sắc.

3- Khổ tùy quán (Dukkhānupassanā): Tuệ thường xuyên quán thấy danh sắc là khổ.

Khổ tùy quán là tuệ quán thấy không thể chịu đựng được đối với danh sắc bắt nguồn liên quan từ sự thấy rõ của việc áp bức bởi trạng thái sanh diệt nối tiếp nhau không gián đoạn trong sát na ghi nhận danh sắc theo thực tánh.

Do đó, các học viên nên hiểu giữa từ khổ, khổ tướng, khổ tùy quán có sự khác biệt nhau như sau:

Khổ là pháp thuộc về khổ tức danh sắc.

Khổ tướng là dấu hiệu ghi nhận biết được khổ tức sự sanh diệt nối tiếp nhau không gián đoạn.

Khổ tùy quán là tuệ quán thấy danh sắc thường xuyên là khổ hoặc sát na đang thấy được sự sanh diệt của danh sắc nên khởi lên sự nhận thức trong sát na đó rằng “thân, tâm này là pháp đáng ghê tởm, đáng kinh sợ, không tốt đẹp, là hiểm họa không tìm thấy được sự an lạc thật sự”.

Gồm có trí tuệ hợp trong tâm đại thiện, đại tố ghi nhận biết danh sắc.

Giải Thích Về Khổ Tùy Quán

Thông thường tất cả mọi người hiểu rằng trong đời sống của tất cả chúng sanh thì phạm thiên có sự an lạc, chư thiên bậc cao có sự an lạc nhưng chư thiên bậc thấp thì có sự khổ. Nhân loại có thân thể đầy đủ, có sức khỏe tốt, giàu sang, danh tiếng thì có sự an lạc; thân thể khiếm khuyết, bệnh tật hoành hành, sức khỏe không tốt, nghèo khó, khốn đốn là khổ. Một số loài bàng sanh được an lạc, một số loài bàng sanh thì khổ, chúng sanh địa ngục, ngạ quỷ, atula là khổ.

Các sự việc này là hiểu đúng theo cách nhìn nhận ở khía cạnh hưởng thụ cảnh lạc, khổ, hỷ, ưu của tất cả chúng sanh. Nhưng thật sự thì an thân lạc tâm hay đau thân khổ tâm đều có sự sanh lên rồi diệt đi không tồn tại lâu dài. Sau đó lại sanh lên nữa nối tiếp nhau mãi không gián đoạn. Vì vậy, cho dù danh sắc có an lạc hay không an lạc đi nữa thì tất cả đều là khổ cả.

Khổ nói theo quan điểm pháp nghĩa chỉ có 3 loại:

1- *Khổ khổ* (dukkhadukkha): Gọi là khổ bởi vì không thể chịu đựng được là khổ thật sự, tức đau thân khổ tâm.

2- *Hoại khổ* (vipariṇāmadukkha): Gọi là khổ bởi vì thay đổi bất thường không dừng lại, tức an thân lạc tâm.

3- *Hành khổ* (saṅkhāradukkha): Gọi là khổ bởi vì có sự sắp xếp áp đặt do sanh diệt, tức danh sắc hay thân tâm.

Đau thân khổ tâm gọi là *khổ khổ* bởi vì thân có trạng thái

diễn tiến khác nhau. Như tức bụng, đầy hơi, bị bong gân, nhức đầu, đau răng, ung nhọt, bị đánh, đâm, chém, bệnh hoạn... nhiều thứ nhiều loại luôn diễn ra hằng ngày. Còn về tâm thì buồn phiền, chán nản, nóng giận, sợ hãi liên quan từ sự đối mặt với các hiểm họa đang hiện hữu trong mọi ngày. Hai sự khổ này đều khó chịu đựng được cho nên ngài mới đề cập là *khổ khổ*.

Sự an thân lạc tâm gọi là *hoại khổ* bởi vì có sự biến đổi bất thường không dừng lại. Như trong sát na thân thể đang xúc chạm với sự lạnh do có luồng gió mát thổi đến hay đang quạt thì sát na đó sự an thân lạc tâm sanh lên nhưng khi bất chợt gió ngừng thổi hoặc quạt ngừng quay thì sự an thân lạc tâm cũng diệt mất. Chính vì thế mà ta mới thường xuyên tắm rửa để thân tâm được an lạc sanh lên nữa.

Sự lạc tâm sanh lên từ sự thấy, sự nghe, sự ngửi mùi, sự nếm vị tốt nhưng khi dừng lại sự thấy, sự nghe, sự ngửi, sự nếm hoặc các cảnh này diệt mất thì sự lạc tâm cũng diệt đi đồng cùng trong chính sát na đó. Khi làm cho hiện hữu thì phải chờ đợi bổ sung thêm vào không cho thiếu sót thì sự lạc tâm mới hiện hữu vì vậy ngài mới đề cập rằng an thân lạc tâm là *hoại khổ*.

Danh sắc gọi là *hành khổ* bởi vì sắp xếp áp đặt do sự sanh diệt tức danh sắc ngũ uẩn hay tâm. Một lần búng ngón tay thì một ngàn tỷ sát na sanh lên, diệt đi cũng một ngàn tỷ sát na. Sắc hoặc thân sanh lên nhiều hơn năm mươi tỷ, diệt đi cũng nhiều hơn năm mươi tỷ. Sự sanh diệt như vậy chỉ có

người tu tiến mình quán mới thực chứng được hoặc người học tập tốt về tiến trình của danh sắc mới biết được. Ngoài ra thì không ai biết được như vậy, nhưng cho dù ai biết hoặc không biết đi nữa thì thực tánh của danh sắc cũng chỉ luôn như vậy giống như hình ảnh hiện bày trong máy truyền hình hoặc trên màn ảnh chiếu phim. Hình ảnh hiện bày này tuần tự nối tiếp nhau từ sự kết nối của từng tấm phim nhỏ gắn liền nhau được hoàn chỉnh rồi chiếu ra nhìn thấy như liền lạc nhau thành một. Chỉ khoảng một phút phim hình trải qua hàng trăm tấm nhưng người xem không biết được điều này. Việc sanh diệt nối tiếp nhau của danh sắc không gián đoạn cũng như vậy. Cho nên ngài mới đề cập tất cả danh sắc là *hành khổ*.

Trong ba loại khổ này thì duy nhất *hành khổ* hiện hữu trong khắp cùng pháp hành cả hữu thức lẫn vô thức. Cho nên ngài giáo thọ sư Dhammapāla mới trình bày trong hậu số giải Thanh Tịnh Đạo (visuddhimaggamahāṭikā): “Tīsu dukkhatāsu saṅkhāradukkhatāva byāpīni”. Trong ba loại khổ thì duy nhất hành khổ có cùng khắp trong tất cả pháp hành cả hữu thức lẫn vô thức.

Khổ tướng là dấu hiệu làm nhân cho biết được khổ cũng có 3 loại:

1- *Khổ khổ tướng* (Dukkhadukkhalakkhaṇa): Dấu hiệu làm nhân cho biết được khổ khổ tức khổ thật sự. Là trạng thái khó chịu đặng đặng hiện hữu bên trong thân và tâm sát na đang cảm giác cảnh.

2- *Hoại khổ tướng* (Vipariṇāmadukkhakkhaṇa): Dấu hiệu làm nhân cho biết được hoại khổ tức không phải là khổ thật sự không có ai suy nghĩ đến loại khổ này. Nghĩa là trạng thái không như cũ của sự an lạc hiện hữu bên trong thân và tâm sát na đang cảm giác cảnh.

3- *Hành khổ tướng* (Saṅkhāradukkhakkhaṇa): Dấu hiệu làm nhân cho biết được hành khổ tức khổ cùng khắp khó biết được. Như trạng thái sanh diệt tiếp nối nhau không gián đoạn.

Ba loại khổ này không có chư thiên và phạm thiên có quyền lực hoặc Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào định đặt làm cho diễn tiến. Nhưng chính tướng hiện hữu trong ba loại khổ này là pháp định đặt cho nhóm pháp này là khổ. Giống như con rắn có nhiều loại nhưng đều có thân hình tròn dài như nhau. Cho dù bên ngoài có hình thể giống nhau nhưng cũng có dấu hiệu làm cho biết được rằng dữ hoặc không dữ thuộc loại nào như rắn hổ ngựa, rắn rầu, rắn hổ mang, rắn cạp nong, rắn lục, rắn đuôi chuông, rắn nước... Điều này như thế nào thì ba loại khổ cũng như thế đó.

Khổ tùy quán là tuệ thường xuyên quán thấy danh sắc là khổ cũng có 3 loại:

1- *Khổ khổ tùy quán* (Dukkhadukkhānupassanā): Tuệ quán thấy khổ là khổ thật sự.

2- *Hoại khổ tùy quán* (Vipariṇāmadukkhānupassanā): Tuệ quán thấy khổ không phải là khổ thật sự.

3- *Hành khổ tùy quán* (Saṅkhāradukkhānupassanā): Tuệ quán thấy khắp cùng là khổ khó nhận ra được.

Khổ khổ tùy quán và *hoại khổ tùy quán* là **khổ tùy quán giả**. Nghĩa là sự thực chứng khổ khổ và hoại khổ vẫn còn *thuộc chế định* chưa đúng theo mục đích mà Đức Phật đề ra là đưa đến tác chứng đạo, quả. Còn *hành khổ tùy quán* là **khổ tùy quán thật**, tức thực chứng hành khổ là thực chứng sự diễn tiến của danh sắc theo thực tánh mà không pha trộn chế định và có thể sát trừ được phiền não đúng theo mục đích mà Đức Phật đề ra:

Sabbe saṅkhārā dukkhāti Yathā paññāya passati

Atha nibbandati dukkhe Esa maggo visuddhiyā.

Khi nào người thực hành quán thấy bằng tuệ quán rằng tất cả hành là khổ, khi đó thường nhàm chán trong hành khổ (thân, tâm) thì sự nhàm chán này là đạo lộ thanh tịnh khỏi tất cả phiền não.

Lại nữa, danh sắc được gọi là khổ bởi vì là vô thường có sự sanh diệt, còn đối với sự sanh diệt thuộc khổ tương là dấu hiệu làm cho biết được các pháp này là khổ. Cho nên ngài giáo thọ sư Mahābuddhaghosa mới trình bày trong Thanh Tịnh Đạo: “Yadaniccaṃ taṃ dukkhanti vacanato pana tadeva khandhapañcakam dukkham, kasmā? Abhiṇhappatipīḷanā, abhiṇhappatipīḷanākāro dukkhalakkhaṇam”.

Chính ngũ uẩn là pháp khổ bởi vì bậc Chánh Đẳng Giác

thuyết: “Pháp nào là vô thường pháp đó là khổ”. Do ngũ uẩn bị sanh diệt thường xuyên áp bức, trạng thái áp bức bởi sự sanh diệt thường xuyên là khổ tướng.

Sự Khác Biệt Giữa Người Không Có Niệm Với Người Có Niệm

Người không có niệm ghi nhận: Người không ghi nhận biết danh sắc nên không thể biết được sự áp bức bởi trạng thái sanh diệt đang diễn tiến của danh sắc không gián đoạn trong sáu môn. Cho nên khi có trạng thái đau, mỏi, nhức, mệt, nóng... đó là khổ thân sanh lên nương từ sự đi, đứng, ngồi, nằm một oai nghi nào nhiều hơn. Lúc đó không thực chứng được sự khổ đang có trong thân do pháp hành danh sắc luôn biến hoại mà chỉ thấy theo chế định nương từ thân kiến như ta đau, mỏi, nhức, mệt, nóng do ngồi hoặc nằm... nhiều rồi thay đổi oai nghi mới. Giống như đứa bé nhìn thấy con cọp bằng điện tử chớp mắt há miệng di chuyển đến thì sợ hãi chạy trốn không dám đến gần vì nghĩ đó là con cọp thật.

Do đó khổ thân thuộc khổ khổ và thực tánh không thể chịu đựng được thuộc khổ khổ tướng mới không thể hiển lộ với người đó theo thực tánh chơn để được liên quan từ việc thay đổi oai nghi che đậy khổ thân. Và thực tánh khổ không thể chịu đựng được do không có sự biết mình (tỉnh giác) khi khổ khổ và khổ khổ tướng không thể hiển lộ theo thực tánh chơn để nơi tâm được.

Sự hiển lộ của hoại khổ và hoại khổ tướng, hành khổ và hành khổ tướng cũng không có điều gì phải hoài nghi bởi vì sẽ không chắc chắn hiển lộ nơi tâm. Cho nên người không có niệm ghi nhận danh sắc khổ và khổ tướng đang sanh lên trong thân có thực tánh thô mới không thể hiển lộ theo thực tánh chơn để được vì vậy khổ tùy quán thật là pháp dẫn đến tâm lộ đặc đạo mới không sanh lên được.

Người có niệm ghi nhận: Đối với người ghi nhận biết được danh sắc thì thực chứng được sự áp bức bằng trạng thái đang diễn tiến sanh diệt của danh sắc không gián đoạn trong sáu môn cho nên khi hoại khổ tướng hiện bày, tức lạc thân sanh lên trong sát na đầu của một oai nghi nào nhưng sau đó diệt mất thì người đó cũng có thể thực chứng hoại khổ tướng này được. Và cũng có thể thực chứng trong sự đau, mỗi, nhức, mệt, nóng... sanh lên trong sát na đó hoàn toàn bằng pháp hành danh sắc không cho rằng ta đau, mỗi, nhức, mệt, nóng... Khi không chịu đựng nổi sau thời gian dài thì có tâm suy nghĩ sẽ thay đổi oai nghi khởi lên thì cũng biết đến lúc tâm muốn thay đổi suốt cho đến đang thay đổi oai nghi theo tuần tự. Sau khi thay đổi oai nghi xong rồi thì lạc thân sanh lên cũng có thể biết trong sự lạc thân này và sau đó lạc thân diệt đi thì người đó cũng nhận biết được. Như vậy là có niệm ghi nhận biết hành khổ và hành khổ tướng, hoại khổ và hoại khổ tướng, khổ khổ và khổ khổ tướng sanh lên trong oai nghi khác nhau theo tuần tự nối tiếp nhau không gián đoạn. Cho nên việc thực hành biết

được một trong bốn oai nghi nào như đã đề cập thì việc thực hành như vậy gọi là loại trừ sự che đậy oai nghi. Như vậy mới là khổ tùy quán thật sự là pháp đưa đến tâm lộ đặc đạo sanh lên với người đó.

Như ngài giáo thọ sư Mahābuddhaghosa trình bày trong Thanh Tịnh Đạo: “Dukkhalakkhaṇaṃ abhiñhasampaññānaṃ amanasikārā iriyāpathehi paññānattā na upaṭṭhāti, abhiñhasampaññānaṃ manasikatvā iriyāpathehi ugghāṭite dukkhalakkhaṇaṃ yāthāvasarasato upaṭṭhāti”.

Khổ tướng không hiển lộ bởi vì không có sự ghi nhận quán xét về sự áp bức bởi trạng thái thường xuyên sanh diệt và việc che đậy thay đổi bằng oai nghi mới như đi, đứng, ngồi, nằm. Nhưng khi ghi nhận quán xét sự áp bức bởi trạng thái thường xuyên sanh diệt để lộ bỏ sự che đậy oai nghi thì việc ghi nhận đau, nhức trước, sau đó mới thay đổi oai nghi cho đến tâm suy nghĩ sẽ thay đổi, việc thay đổi oai nghi, sự an lạc mới sanh lên. Như vậy khổ tướng mới hiển lộ theo thực tánh thật sự của mình.

Lại nữa, trong lời đề cập của ngài giáo thọ sư sơ giải cũng trình bày rõ về ba khổ tướng như trình bày về khổ tướng bằng từ iriyāpathe ugghāṭite, trình bày về hoại khổ tướng và hành khổ tướng bằng từ abhiñhasampaññānaṃ manasikatvā.

Sự Diệt Trừ Ba Pháp Điên Đảo... Bằng Khổ Tỳ Quán

Khổ tỳ quán thật sự tức sự thực chứng danh sắc ngũ uẩn là khổ, sanh lên bởi nương vào sự hiển lộ của khổ tướng thì ngay trong sát na nào đó sẽ đoạn trừ được ba pháp điên đảo (vipallāsa) như lạc điên đảo tướng, lạc điên đảo tâm, lạc điên đảo kiến cùng với phiền não cho đến hành động tốt, xấu thuộc thiện, bất thiện nghiệp.

Nghĩa là thông thường theo lĩnh vực tâm của con người khi có sự thấy, nghe... cho đến suy nghĩ sanh lên liên quan với mình hoặc người khác thì ngay trong sát na đó ba pháp điên đảo cũng thường xuyên sanh lên như sát na thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng. Cho đến suy nghĩ lúc đó chỉ có sự ghi nhớ, suy nghĩ, thấy, trong sự thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng là an lạc hoặc khi sát na suy nghĩ các sự việc cũng cảm giác là an lạc thì trong sát na đó các phiền não như ái dục, ngã mạn, tà kiến cho đến hành động tốt xấu thuộc thiện nghiệp, bất thiện nghiệp cũng sanh lên nương vào tâm. Hoặc sát na đang thay đổi đại oai nghi như đi, đứng, ngồi, nằm hay nhìn phải, ngó trái, cúi xuống, ngẩng lên, duỗi tay, duỗi chân, nháy mắt, há miệng thuộc tiểu oai nghi. Hay sát na thân thể mát mẻ trong mùa nóng, thân thể ấm áp vào mùa lạnh, thân thể nhẹ nhàng thoải mái, có sự ghi nhớ, suy nghĩ thấy rằng thoải mái thì sát na đó các phiền não như ái dục, ngã mạn, tà kiến cho đến hành động tốt xấu thuộc thiện nghiệp, bất thiện nghiệp cũng sanh lên chính là ba pháp điên đảo đồng cùng tháp tùng với

phiền não và thiện nghiệp, bất thiện nghiệp sanh lên nương vào thân.

Như vậy bốn danh uẩn dị thực quả và sắc nghiệp là chúng sanh, người là quả liên quan từ thiện nghiệp bất thiện nghiệp cũng sanh lên luân chuyển diễn tiến trong ba cõi do không có cơ hội gián đoạn. Sự sanh lên của pháp điền đảo... cho đến thiện nghiệp bất thiện nghiệp là nhân và sự sanh lên của quả tức chúng sanh, người đều là tác hại liên quan từ việc không ghi nhận biết khổ đang có trong thân tâm.

Đến khi thực hành ghi nhận biết được thân tâm là khổ do nương vào sự hiển lộ của khổ tướng, lúc đó trí tuệ thực chứng khổ trong thân tâm thì khổ tùy quán cũng diệt trừ ba pháp điền đảo tháp tùng cùng với phiền não cho đến khi làm cho thiện nghiệp bất thiện nghiệp không sanh lên, khi pháp nhân không sanh lên được thì pháp quả cũng không sanh lên được giống như vậy. Chính tiến trình này gọi là diệt trừ ba pháp điền đảo... bằng khổ tùy quán.

Kết Thúc Khổ Tùy Quán



3- Vô Ngã Tùy Quán

(Anattānupassanā)

Trí tuệ quán thấy được vô ngã không có cốt lõi không dưới quyền sai khiến của danh sắc nương từ sự thấy rõ không phải là ta, chúng ta, họ bởi trạng thái sanh diệt nối tiếp nhau không gián đoạn trong sát na đang ghi nhận biết danh sắc theo thực tánh, trí tuệ này gọi là vô ngã tùy quán.

Vô ngã (anattā) phân ra được thành 2 từ: Na + Attā tức không phải là ta, được phân ra thành 4 loại:

- 1- Tâm.
- 2- Thân.
- 3- Thực tánh.
- 4- Chơn đế hoặc thức đặc biệt.

Điều thứ 1: Ngã (attā) trong pālī: “Attānaṃ damayanti paṇḍitā”. *Các bậc hiền trí luôn trau dồi mình.* Từ “mình” trong pālī này là tâm.

Điều thứ 2: Ngã (attā) trong pālī: “Natthi attasamaṃ pemaṃ”. Không thương yêu ai bằng thương chính ta.

Trong pālī này thân.

Điều thứ 3: Ngã (attā) trong pālī: “Attadīpā bhikkhave viharatha”. *Này các tỳ kheo, hãy là nơi nương tựa của mình.* Từ “mình”. Trong pālī này tức thiện nghiệp theo thực tánh.

Điều thứ 4: Ngã (attā) trong pāli: “Ayaṃ attā nicco dhuvo sassato avipariṇāmadhammo”. *Ta là pháp thường tồn vững chắc tồn tại bền vững không diệt mất.*

Từ “*ta*” trong pālī điều thứ 4 này là chí thượng ngã (paramaatta) hoặc chí thượng thức (paramaviññāṇa) mà người dân Ấn Độ chấp thủ với nhau cho đến ngày nay.

Từ ngã trong 4 điều này thì điều quan trọng là pháp thường tồn của người dân Ấn Độ (điều thứ 4), còn 3 loại ngã tức tâm, thân, thực tánh thì đúng theo tánh chất của mình cho nên ngã là pháp thường tồn là pháp chánh yếu đối lập lại pháp vô ngã. Vô ngã tức không phải là ta ám chỉ đến không phải là ta trong điều thứ tư.

Phần nhiều dân Ấn Độ chấp thủ rằng ngã không chết, không diệt mất, là pháp thường tồn của mọi người, con người phải có ngã, người và thú vật chết nhưng ngã không chết, ngã làm như thế nào cũng được, quyền lực tự tại của ngã có vô số thứ. Ngã là tên gọi của sanh mạng, trong nơi đây dân Ấn Độ ám chỉ đến một loại thức đặc biệt khi con người chết rồi nhưng sanh mạng hoặc ngã không chết mà phải tìm nơi mới nữa.

Ngã là người thọ lãnh (vedaka) tức người cảm thọ lạc và khổ, hành động tốt hoặc xấu thì ngã là người thọ lãnh quả trong vị lai.

Ngã là nơi trú ngụ (nivāsi) tức người thường tồn không chết, khi ngôi nhà cũ hư hoại thì dời đi đến chỗ mới tiếp tục.

Ngã là người sáng tạo (sayamvasī) tức hành động nào đi nữa cũng diễn tiến theo bản ngã của tâm như mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị... đều là bản ngã của tâm mọi thứ mọi loại cho nên bản ngã mới là chúa tể của thế gian là bậc sáng tạo nên thế gian.

Người chấp thủ về thực chất của bản ngã hoặc danh tánh của bản ngã như đã đề cập trên trong Phật Giáo gọi là người có ngã chấp thủ (attavādupādāna) tức người có luận điểm chấp thủ về bản ngã, luận điểm bản ngã trong Phật Giáo giải thích là tà kiến tức quan kiến sai lầm, là quan kiến không đúng đắn, quan kiến lầm lạc.

Vô ngã (anatta) trình bày định nghĩa như: “Na + Attā = Anattā”. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không phải là ta nên gọi là vô ngã.

Một lý khác nữa, “Natthi atta etassa khandhapañcakassāti vā anattā”. Bản ngã không có đối với danh sắc, ngũ uẩn vì vậy danh sắc, ngũ uẩn mới gọi là vô ngã. Nghĩa là sắc, thọ, tưởng, hành, thức của danh sắc ngũ uẩn không có ngã cho nên danh sắc ngũ uẩn là vô ngã. Ngoài ra danh sắc, ngũ uẩn thì Níp Bàn, chế định cũng không có ngã giống như vậy. Do đó, tất cả pháp hữu vi và vô vi mới là vô ngã.

Đối với vô thường, khổ thuần nhất là pháp hành (saṅkhāra) thuộc pháp hữu vi (saṅkhatadhamma), vô ngã thì gồm cả pháp hữu vi và vô vi tức tất cả Níp Bàn lẫn chế định.

Như Đức Phật thuyết rằng: Sabbe saṅkhārā aniccā (*tất*

cả hành là vô thường), sabbe saṅkhārā dukkhā (*tất cả hành là khổ*), sabbe dhammā anattā (*tất cả pháp là vô ngã*).

Một lý khác nữa, bậc Đạo Sư nêu lên thuyết trong Tạng Luật bộ Tập Yếu (parivāra):

Aniccā sabbasaṅkhātā Dukkhānattā ca lakkhitā

Nibbānaṃ ceva paññatti Anattā iti nicchitā.

Tương trạng của tất cả pháp hành là vô thường, khổ, vô ngã, còn Níp Bàn và chế định nhất định là vô ngã.

Một lý khác nữa, từ Anattā asāraikatthena là vô ngã do ý nghĩa không cốt lõi hoặc không dưới quyền lực của ai nên gọi là vô ngã.

Nghĩa là thông thường sắc pháp thường không có cốt lõi mỗi sát na đều đưa đến sự diệt mất, khi không còn sanh mạng, hơi ấm (usamātejo) và thức thì không có một sắc nào sử dụng được lúc cận tử hay lấy sắc nào làm cốt lõi để dùng cho một việc nào cũng không được, nói theo trạng thái thì có trạng thái thường luôn sanh diệt.

Cho nên bậc Tối Thượng Đạo Sư mới ví dụ so sánh “Phenapiṇḍupamaṃ rūpa” sắc giống như bọt nước, còn danh thì giống như không xúc chạm hoặc không nắm lấy được, nhóm thợ, tưởng cũng không dùng cho việc nào được, sanh diệt rồi không, không thể ngăn cản không cho sanh diệt được. Cho nên thực tánh này mới gọi là vô ngã.

Sự Khác Biệt Giữa Vô Ngã, Vô Ngã Tướng, Vô Ngã Tùy Quán

1- Vô ngã (anattā): Danh sắc ngũ uẩn là vô ngã, không phải là bản ngã trong Thanh Tịnh Đạo trình bày:

Yam dukkham tadanattāti pana vacanato tadeva khandhapañcakam anattā kasmā? Avasavattanato.

Danh sắc ngũ uẩn gọi là vô ngã thích hợp như Đức Thế Tôn thuyết: Pháp nào là khô, pháp đó là vô ngã bởi vì danh sắc không ở dưới quyền lực sai khiến của người nào.

2- Vô ngã tướng (anattalakkhaṇa): Dấu hiệu ghi nhận biết rằng không phải là bản ngã của danh sắc trong Thanh Tịnh Đạo trình bày: “Avasavattanākāro anattalakkhaṇam”. Trạng thái diễn tiến không dưới quyền lực sai khiến của người nào gọi là vô ngã tướng.

Một lý khác nữa, **vô ngã tướng** được định nghĩa: “Anattassa lakkhaṇam anattalakkhaṇam”. Dấu hiệu của tất cả pháp không phải là ta gọi là vô ngã tướng. Tức không có cốt lõi, không có ta, họ sai khiến làm cho diễn tiến theo mong muốn.

3- Vô ngã tùy quán (anattānupassanā): Tuệ quán thấy sự không diễn tiến trong quyền lực của danh sắc, được định nghĩa: “Anattassa anupassanā anattānupassanā”. Việc ghi nhận thấy danh sắc thường luôn là vô ngã cho đến khi vô ngã tướng hiển lộ gọi là *vô ngã tùy quán*.

Hoặc một lý khác nữa, “Anattatāya anupassanā anattānupassanā”. Việc ghi nhận thấy thường luôn không cốt lõi, không có ta, họ, sai khiến làm cho diễn tiến theo mong muốn của người nào được gọi là *vô ngã tùy quán*.

Việc Quán Xét Về Ngã Và Vô Ngã

Kesā tóc, lomā lông, nakhā móng, dantā răng, taco da, maṃsaṃ thịt, nahāru gân, aṭṭhi xương, aṭṭhimiñjaṃ tủy xương, vakkamaṃ thận, hadayaṃ tim, yakanaṃ gan, kilomakaṃ hoành cách mô, pihakaṃ bao tử, papphāsaṃ phổi, antaṃ ruột già, antagaṇaṃ ruột non, udariyaṃ vật thực mới, karīsaṃ vật thực cũ, matthalungaṃ óc.

20 thể trước này Bạc Đạo Sư thuyết trong Kinh tạng và Thắng Pháp tạng là địa giới (pathavī dhātu).

Vô ngã tướng không hiển lộ bởi vì thuần khối che đậy cho nên mới không thấy rõ được vô ngã tướng, nếu phá vỡ được thuần khối thì cũng thấy rõ được vô ngã tướng.

Như ngài giáo thọ sư Mahābuddhaghosa trình bày trong Thanh Tịnh Đạo:

Anattalakkhaṇaṃ nānādhātuviniḃbhogassa amanasikārā ghanena paṭicchannattā na upaṭṭhāti nānādhātuyo viniḃhujjitvā ghanaviniḃbhage kate anattalakkhaṇaṃ yāthāvasarasato upaṭṭhāti.

Vô ngã tướng không hiển lộ bởi vì không ghi nhận quán

xét về các giới (dhātu) như sắc giới, danh giới. Nhóm giới đó hiện bày trạng thái giống như thành khối, đồng do thuần khối định kiến (ghanapaññatti) che đậy. Nhưng khi ghi nhận quán xét cho đến khi phát sanh sự thấy biết được sắc giới, danh giới tách lìa nhau thì phá vỡ được thuần khối và vô ngã tướng sẽ hiển lộ theo thực tánh thật của mình.

Từ **thuần khối (ghana)** nghĩa là sự khởi hiện thành khối, nhóm làm cảnh bên trong bên ngoài và tâm lộ biết cảnh bên trong cũng giống như thành khối, nhóm. Thuần khối là nhân làm cho mọi người hiểu sai chấp thủ là người, thú, ta, họ gọi với nhau theo bản ngã. Khi thuần khối được phá vỡ thì ngã cũng diệt mất, vô ngã sẽ thay thế vào hiển lộ rõ ràng.

Chế Định Hiện Lộ Chơn Đế Diệt Mất, Chơn Đế Hiện Lộ Chế Định Diệt Mất

Từ **chế định hiện lộ chơn đế diệt mất** nghĩa là tóc, lông... trong 32 thể trước, tóc (kesā) là địa đại có định đặt hình dáng được che đậy làm cho nhìn thấy là vật tròn dài nên mọi người gọi với nhau là tóc, còn địa đại (pathavīdhātu) có thực tánh vi tế không thể biết được mà chỉ thấy địa đại là sợi tóc, nếu sát na nào chế định hiện lộ thì chơn đế sẽ diệt mất.

Còn từ **chơn đế hiện lộ chế định diệt mất** nghĩa là tóc khi được phá vỡ thuần khối thì trở thành địa đại thuộc chơn đế theo thực tánh sẽ thay vào hiển lộ rõ ràng. Khi địa đại

trở thành chơn đế hiển lộ theo thực tánh thì tóc như ban đầu mà thuần khối định kiến che đậy trong sát na đó hình tướng chế định (saṅghānapaññatti) như tròn, dài cũng tự diệt mất lẫn danh chế định gọi là sợi tóc cũng tháp tùng diệt mất. Khi biết được rõ ràng địa đại không phải là (sợi) tóc thì không gọi là tóc mà chỉ gọi theo thực tánh của địa đại, khi phá vỡ được thuần khối thì hình tướng chế định diệt đi và vô ngã hiển lộ đồng thời chế định cũng diệt mất.

Các bậc trí tuệ quán xét như cối xay nghiền nát về việc định đặt sợi tóc thì hình tướng chế định như tròn, dài cũng diệt mất, thuần khối định kiến như khối, nhóm được phá vỡ trong sát na đó, danh chế định về sợi tóc cũng diệt mất thay đổi tên gọi thành địa đại.

Theo như đã trình bày khi chơn đế hiển lộ thì chế định diệt mất, chính khi chơn đế hiển lộ chế định diệt mất này gọi là vô ngã hiển lộ ngã diệt mất.

Tương tự như vậy lông, móng tay, móng chân, răng hay da cũng quán xét về ngã và vô ngã giống như tóc.

Còn đối với thịt thì quán xét về ngã và vô ngã như sau: Khối thịt này bị thuần khối định kiến che đậy nên hình tướng chế định hiển lộ rõ ràng mọi người mới thấy, hiểu rằng thịt là khối tròn hoặc tứ giác nên gọi là khối thịt thì thực tánh chơn đế của địa đại không thể thực chứng được. Cho nên khi khối thịt chế định đang hiển lộ thì chơn đế cũng diệt mất.

Từ chơn đế hiển lộ chế định diệt mất phá vỡ được

thuần khối nghĩa là khi phá vỡ được thuần khối về khối thịt thì địa đại có thực tánh chơn để vi tế cũng hiển lộ và hình tướng chế định có trạng thái tròn hoặc tứ giác diệt mất, danh chế định của khối thịt cũng diệt mất. Trong sát na đó chỉ khởi lên sự thấy biết là địa đại hoàn toàn theo thực tánh chơn để, theo đó thực tánh của địa đại cũng không gọi là khối thịt nữa.

Việc phá vỡ thuần khối cho diệt mất như định đặt rằng khối thịt vẫn còn tươi hay khô đi nữa thì cũng phải dùng cối xay hoặc cối giã nghiền nát liên tục chia chẻ trong tâm cho đến khi chỉ còn lại thực tánh địa đại. Trong sát na đó danh chế định về khối thịt cũng tháp tùng diệt mất thì mới gọi với nhau là địa đại. Theo như đã đề cập khi khối thịt thay đổi thành thực tánh đất thì chơn để sẽ hiển lộ chế định cũng diệt mất và vô ngã hiển lộ ngã cũng diệt mất.

Tương tự giống như vậy việc quán xét về ngã và vô ngã của địa đại khác còn lại như xương... cũng giống như việc quán xét về tóc.

Vấn Đề Đặc Biệt Của Chế Định Và Chơn Để

Ngài giáo thọ sư trưởng lão Mahādhammapāla người Tích Lan đề cập trong hậu số giải Thanh Tịnh Đạo (visuddhimaggamahāṭīkā):

Nanu ca tājā paññattivasena sabhāvadhammo gaṇhāyatīti saccaṃ gaṇhāyatīti pubbabhāge bhāvanāya pana vaddhamānāya paññattim samatikkamitvā sabhāveyeva cittaṃ tiṭṭhatīti.

Vấn: *Ngài nắm lấy thực tánh pháp bằng mãnh lực chế định từ việc thực hành đó không phải chăng?*

Đáp: Phải nắm lấy chỉ giai đoạn đầu nhưng khi tu tiến Minh quán thời gian lâu thì tâm sẽ vượt qua chế định trú hoàn toàn trong thực tánh pháp.

Trong việc tu tiến Minh quán giai đoạn đầu khi niệm ghi nhận danh sắc trong việc đi kinh hành... thì mọi người có thể hoài nghi về phương pháp tu tiến rằng ghi nhận như vậy là ghi nhận về chế định, nếu ghi nhận theo chế định thì gọi là tu tiến Minh quán như thế nào?

Thật vậy, hoài nghi như vậy cũng đúng nhưng không đúng hoàn toàn tức trong giai đoạn đầu phải cho hành giả ghi nhận cảnh chế định trước nếu không như vậy thì tâm sẽ không có nơi ghi nhận bởi vì thực tánh chơn đế là pháp khó thấy. Sau khi tuệ tu tiến già mạnh lên thì các cảnh chế định này sẽ diệt mất chỉ còn lại hoàn toàn thực tánh chơn đế.

Vấn đề này được so sánh giống như người đang cần gạo sạch để nấu, khi múc gạo dơ bẩn ra từ nơi cất giữ thì phải lấy đem đi bỏ vào cái mẹt, sàng và xoay liên tục, sảy nhiều lần để lượm lấy vật dơ trộn lẫn trong gạo sạch như sạn đá hoặc thóc ra hết thì mới có được gạo sạch mà mình cần. Hành

giả cũng giống như vậy trong lần đầu tiên vào giai đoạn đầu phải nương vào cảnh chế định trước, khi sàng sảy bằng sự tinh cần thực hành liên tục thì tuệ tu tiến sẽ giả mạnh và đạt đến thực tánh chơn đế hoàn toàn.

Tóm lại: Trong giai đoạn đầu việc ghi nhận cảnh vẫn còn là chế định, bản ngã còn hiện bày thì vô ngã cũng diệt mất. Sau khi tuệ tu tiến giả mạnh cảnh chế định cũng diệt mất thì cảnh chơn đế sanh lên thay thế. Chính giai đoạn cảnh chơn đế sanh lên thì vô ngã hiển lộ bản ngã cũng diệt mất.

Khi hành giả ghi nhận quán xét pháp hành danh sắc đang sanh lên trước mặt theo thực tánh nương từ nhân duyên thì liên lưu định kiến (santatipaññatti) và thuần khối định kiến che đậy sự sanh diệt của pháp hữu vi danh sắc được phá vỡ, sự thấy thanh tịnh sanh lên trong lúc nào thì lúc đó tuệ quán của hành giả cũng đạt đến vô ngã tùy quán...

Người không ghi nhận pháp hành danh sắc đang sanh lên trước mặt mọi thời điểm của tâm và sắc thì đừng nói là sự sanh diệt của pháp hành danh sắc cho dù danh sắc đang sanh diệt trước mặt cũng không thấy không biết chỉ thấy biết chế định.

Như khi thấy màu sắc thì chỉ biết chỉ hiệu trong các sự việc rằng là nam, nữ, trẻ con, người lớn, thú vật, cây cối, nhà cửa; khi nghe tiếng thì chỉ biết chỉ hiệu trong các sự việc rằng là tiếng của người nam, nữ, thú vật, âm nhạc, cười, khóc; khi ngửi mùi cũng chỉ biết chỉ hiệu trong các sự việc rằng là mùi bông hoa, mùi thơm, mùi thức ăn, mùi phân,

mùi nước tiểu; khi nếm vị chỉ biết chỉ hiểu trong các sự việc rằng là vị me, chanh, quýt, trái cây, ớt, muối, đường; khi xúc chạm sự lạnh, nóng, cứng, mềm, căng, chùng thì chỉ biết chỉ hiểu trong các sự việc rằng là nước đá, nước nóng, lửa, bông gòn, bông vải, cây, dao, gạch, đá, thân thể thư giãn, nhẹ nhàng, cứng, căng thẳng, nặng nề, dơ tay, đưa chân, duỗi tay, duỗi chân... Tất cả những sự biết trên cũng do liên lưu định kiến và thuần khối định kiến che đậy các cảnh bên trong và bên ngoài và tâm lộ biết cảnh bên trong nên mới có sự hiểu biết sai lệch chính vì thế nên không phá vỡ được liên lưu định kiến và thuần khối định kiến.

Sự thật thì sát na đang thấy một vật nào thì cảnh sắc cũ diệt đi cảnh sắc mới sanh lên nối tiếp nhau không gián đoạn. Người thấy chỉ thấy cảnh sắc mới sanh lên suốt thời điểm đang nhìn, tâm lộ sanh lên bắt lấy cảnh sắc thì sự thấy đó cũng có sự thấy cũ diệt đi sự thấy mới sanh lên thay thế vào nối tiếp nhau không gián đoạn. Nhưng người nhìn thấy hiểu sai trong cảnh sắc và sự nhìn của mình rằng cảnh sắc mà mình đang nhìn hay sự thấy của mình đang thấy trong sát na đầu và sát na sau chỉ là một như nhau, gọi là *liên lưu định kiến* (*santatipaññatti*). Sự sanh lên nối tiếp nhau của cảnh bên ngoài và bên trong và tâm lộ biết cảnh bên trong tương tự thành khối thành đồng gọi là *thuần khối định kiến* (*ghanapaññatti*).

Trong hai loại chế định này khi liên lưu định kiến hiển lộ trong tâm thì thuần khối định kiến cũng cùng hiển lộ cho nên mới gom chung hai loại lại gọi là *liên lưu thuần khối*

định kiến (santatighanapaññatti). Liên lưu định kiến che đậy mới làm cho người không có niệm ghi nhận danh sắc đang sanh lên trước mặt, không thấy biết được sự sanh diệt và không có ta, họ sai khiến làm cho diễn tiến theo thực tánh vô ngã tướng được.

Đối với người ghi nhận pháp hữu vi danh sắc đang sanh lên trước mặt bởi có niệm biết nối tiếp nhau không gián đoạn thì thấu đáo xuyên suốt liên lưu định kiến, thuần khối định kiến che đậy sự sanh diệt của pháp hành danh sắc. Bởi ghi nhận biết được tâm lộ sanh trước và tâm lộ sanh sau trong lúc thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm với sự lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, dùn, mõi, đau nhức, vui buồn, suy nghĩ... diệt đi thành từng phần không là một như nhau và không có cốt lõi không có ta, họ sai khiến làm cho diễn tiến theo mong muốn.

Về phương diện sắc thì ghi nhận thấy sắc sanh trước và sắc sanh sau. Trong lúc ghi nhận danh sắc thì đại oai nghi tiểu oai nghi... cũng diệt thành từng giai đoạn không phải là một như nhau. Sự thấy biết trong tâm lộ và cảnh diệt đi thành từng phần này gọi là phá vỡ liên lưu định kiến và thuần khối định kiến thì vô ngã tướng tức sự không có cốt lõi không có ta, họ sai khiến làm cho diễn tiến theo mong muốn của tất cả pháp cũng hiển lộ lên. Như vậy tuệ quán của người đó đạt đến vô ngã tùy quán thật sự.

Kết Thúc Vô Ngã Tùy Quán



Lại nữa, trong 18 đại minh quán (mahāvipassanā) khi hành giả thấy được tam tướng trong tất cả hành thì xem như thấu đáo vô thường tùy quán, khổ tùy quán, vô ngã tùy quán và xem như thấu đáo vô tướng tùy quán, vô thuộc lụy tùy quán và không tánh tùy quán giống như ba tùy quán phần đầu chỉ khác nhau văn tự mà thôi.

Còn thượng tuệ pháp minh quán (adhīpaññādharmavipassanā) cũng tức là tất cả minh quán như thật tri kiến (yathābhūtañānadassana) cũng xếp vào Đoạn nghi thanh tịnh (Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi).

GIẢI THÍCH PĀLI ĐIỀU THỨ TƯ

**Trình bày 10 tuệ quán
theo lý Thắng Pháp Tập Yếu Luận và 16 tuệ**

1- Danh Sắc Phân Tích Tuệ (Namarūpaparicchedañāṇa)

Là tuệ có thể biết danh sắc theo trạng thái, phận sự, thành tựu, nhân cận. Nói theo thanh tịnh thuộc Kiến thanh tịnh (ditṭhivissuddhi) tức tâm sở trí tuệ ghi nhận biết được bốn tướng trạng của danh sắc.

4 Tướng Trạng Của Tâm

- 1- Vijjānanalakkhaṇaṃ: Trạng thái biết cảnh.
- 2- Pubbaṅgamarasaṃ: Phận sự làm chủ của tâm sở và sắc nghiệp.
- 3- Paṭisandhipaccupaṭṭhānaṃ: Thành tựu nối tiếp nhau giữa kiếp sống cũ với kiếp sống mới, là dấu hiệu hiển lộ trong trí tuệ của bậc thiện trí.

4- Saṅkhārapadaṭṭhānaṃ vā
vatthārammaṇapadaṭṭhānaṃ: Nhân cận có 3 hành hoặc
nhân cận có 6 vật và 6 cảnh.

4 Tướng Trạng Của Tâm Sở

- 1- Namanalakkhaṇaṃ: Trạng thái hướng đến cảnh.
- 2- Sampayagarasaṃ: Phận sự tương ứng với tâm và chính mình tương ứng bằng cách đồng sanh...
- 3- Avinibbhagapaccupaṭṭhānaṃ: Thành tựu không tách lìa nhau với tâm, là dấu hiệu hiển lộ trong trí tuệ của bậc thiện trí.
- 4- Viññānapadaṭṭhānaṃ: Nhân cận có thức.

4 Tướng Trạng Của Sắc

- 1- Rupanalakkhaṇaṃ: Trạng thái tiêu hoại đổi thay.
- 2- Vikiraṇarasaṃ: Phận sự phân tán rời rạc.
- 3- Abyākatapaccupaṭṭhānaṃ: Thành tựu là vô ký, là dấu hiệu hiển lộ trong trí tuệ của bậc thiện trí.
- 4- Viññānapadaṭṭhānaṃ: Nhân cận có thức.

Danh Sắc Phân Tích Tuệ

Danh sắc phân tích tuệ (nāmarūpaparicchedañña) là tuệ ghi nhận thấy danh sắc theo thực tánh thật của hành giả

thiền chỉ (samathayānikapuggala), còn đối với người muốn đạt đến Kiến thanh tịnh (ditṭhivissuddhi) nếu từng tu tiến Chỉ tịnh nghiệp xứ trước thì khi xuất ra khỏi 5 tâm thiền sắc giới hoặc 3 tâm thiền vô sắc giới (trừ tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ) một tâm thiền nào rồi phải ghi nhận quán chi thiền như tầm... hoặc ghi nhận quán các pháp thực tánh đồng sanh với chi thiền như xúc, tưởng...

Việc ghi nhận chi thiền hoặc các pháp thực tánh đồng sanh với chi thiền thì trước hết phải ghi nhận thực tánh pháp theo trạng thái, phạm sự, thành tựu, nhân cận, tiếp theo mới ghi nhận các pháp thực tánh đó theo pháp tánh hướng đến (danh) nhắm vào cảnh. Khi quán xét các danh pháp gần hơn nữa rồi theo dõi các danh pháp đó nương vào cái gì thì sẽ hiểu được rằng nương vào sắc ý vật, giống như người thấy con rắn trong nhà rồi theo dõi thì gặp được nơi nương trú của nó.

Khi hiểu được sắc ý vật là nơi nương của các danh pháp thì quán xét tiếp theo rằng mặc dù sắc ý vật cũng phải nương vào 4 sắc đại hiện là đất, nước, lửa, gió mà sanh lên và 23 sắc y sinh (trừ sắc ý vật) cũng nương vào 4 sắc đại hiện sanh lên giống như vậy, rồi mới quán xét các sắc pháp theo thực tánh có trạng thái tiêu hoại đổi thay.

Đối với hành giả thiền chỉ khi xuất ra khỏi thiền thì quán xét ghi nhận danh pháp có trạng thái hướng đến cảnh hoặc ghi nhận sắc pháp có trạng thái tiêu hoại đổi thay.

Việc Ghi Nhận Danh Sắc Theo Phương Pháp Tứ Đại

Đối với hành giả thiền quán (vipassanāyānikapuggala) hoặc hành giả thiền chỉ (samathayānikapuggala) khi ghi nhận tứ đại như đất, nước, lửa, gió làm cho hiển lộ theo trạng thái, phận sự..., thì sắc pháp khác đồng sanh với tứ đại cũng sẽ hiển lộ như vậy. Ngoài ra sợi tóc có địa giới như có trạng thái chủ yếu cứng, mềm thì vẫn còn kết hợp với 44 sắc như:

1- 20 sắc nghiệp sở sanh (kammassamutṭhānarūpa) là bốn thân thập sắc (kāyadasakakalāpa) (tức 8 sắc bất ly, sắc thần kinh thân, sắc mạng quỳên), bốn tánh thập sắc (bhāvadasakakalāpa) (tức 8 sắc bất ly, sắc tánh, sắc mạng quỳên).

2- Sắc tâm sở sanh (cittassamutṭhānarūpa) là bốn bát thuẫn (suddhaṭṭhakakalāpa) (tức 8 sắc bất ly).

3- Sắc quý tiết sở sanh (utussamutṭhānarūpa) là bốn bát thuẫn (tức 8 sắc bất ly).

4- Sắc vật thực sở sanh (āhārasamutṭhānarūpa) là bốn bát thuẫn (tức 8 sắc bất ly).

Trong tóc có 44 sắc như thế nào thì trong 24 thể trực tức 17 địa giới (trừ tóc, vật thực mới, vật thực cũ) và 6 thủy giới là mật, đàm, máu, mỡ đặc, mỡ lỏng, nước nhờn ở khớp xương có 4 sắc sở sanh mỗi loại cũng có 44 sắc như thế đó.

Còn sắc tâm sở sanh và sắc quý tiết sở sanh có 4 là mồ hôi, nước mắt, nước miếng, nước mũi mỗi loại có 16 sắc:

1- Sắc do tâm sở sanh là bốn bát tuần tức 8 sắc bất ly.

2- Sắc do quý tiết sở sanh là bốn bát tuần tức 8 sắc bất ly.

Còn sắc do quý tiết sở sanh thuần nhất có 4 là vật thực mới, vật thực cũ, mủ, nước tiểu mỗi loại có 8 sắc là bốn bát tuần tức 8 sắc bất ly.

Theo như đã trình bày theo phương pháp 32 thể trước, 10 giới khác nữa tức 4 hỏa giới như nguyên tố lửa có sức nóng nhiều (santappanatejo)... 6 phong giới như nguyên tố gió thổi lên trên (uddhaṅgamavāyo)... Sắc thuần nhất do nghiệp sở sanh có một là nguyên tố lửa có nhiệm vụ làm cho tiêu hóa vật thực (pācakatejo) có 9 sắc là bốn mạng quyền cửu sắc tức 8 sắc bất ly và sắc mạng quyền.

Sắc thuần nhất do tâm sở sanh có một là hơi thở vô ra (assāsapassāsavāyo) có 9 sắc là bốn tinh cửu sắc tức 8 sắc bất ly và sắc tinh.

Tám giới còn lại:

3 hỏa giới tức nguyên tố lửa có sức nóng nhiều (santappanatejo), nguyên tố lửa có sức nóng cao độ có thể thiêu đốt thân thể làm cho khùng hoảng (dahanatejo), nguyên tố lửa làm cho thân thể tiêu tụy già đi (jiraṇatejo).

5 phong giới là nguyên tố gió thổi lên trên

(uddhaṅgamavāyo), nguyên tố gió thổi xuống dưới (adhagamavāyo), nguyên tố gió thổi trong bụng (kucchiṭṭhavāyo), nguyên tố gió nằm lẫn lộn trong ruột già (koṭṭhāsavāyo), nguyên tố gió nằm khắp thân thể (gaṅgaṃṅanusārīvāyo).

Do 4 sắc sở sanh mỗi loại có 33 sắc:

1- Sắc do nghiệp sở sanh là bốn mạng quyền cửu sắc tức 8 sắc bất ly và sắc mạng quyền.

2- Sắc do tâm sở sanh là bốn bát thuần tức 8 sắc bất ly.

3- Sắc do quý tiết sở sanh là bốn bát thuần tức 8 sắc bất ly.

4- Sắc do vật thực sở sanh là bốn bát thuần tức 8 sắc bất ly.

Khi 42 nhóm giới này hiện khởi hiện lộ với hành giả thiền quán và hành giả thiền chỉ bằng thực tánh chi li của sắc đại hiển và sắc y sinh thì tất cả 60 sắc nữa trong bốn nhãn thập sắc... cho đến bốn ý vật thập sắc là sắc liên quan với vật và môn cũng sẽ hiện lộ với trí tuệ của người đó giống như vậy.

Khi hành giả quán xét các nhóm sắc pháp đó sẽ thấy được trạng thái giống như vậy tức trạng thái tiêu hoại đổi thay, khi ghi nhận thấy như vậy thì tất cả danh pháp sẽ hiện lộ trong nhóm danh pháp ý môn tức 81 tâm hiệp thế 52 tâm sở đồng sanh, còn 8 tâm siêu thế, 36 tâm sở đồng sanh không thể ghi nhận biết được bởi hành giả thuần quán (suddhavipassanāyānikapuggala) và hành giả thiền chỉ, bởi

vì các danh pháp đó chưa từng sanh lên với cả hai hành giả. Khi hành giả quán xét các danh pháp đó cũng sẽ thấy được trạng thái giống như vậy tức trạng thái hướng đến hoặc nhắm đến cảnh.

Việc ghi nhận danh pháp và sắc pháp chia chẽ theo phương pháp 42 giới bằng cách như đã đề cập.

Việc Ghi Nhận Danh Sắc Theo Phương Pháp 18 Giới

Đối với người thực hành minh quán khi ghi nhận danh sắc chia chẽ theo phương pháp 18 giới như sau:

Trong tự thể này có nhãn giới, nhĩ giới, mạng quyền giới... cũng không thấy là cục thịt do dây gân buộc dính liền trong lỗ con mắt có trạng thái dài và rộng bằng vòng tròn có màu trắng, màu đen và có màu đen nhiều mà dân gian hiểu với nhau là con mắt. Nhưng thật ra con mắt mà dân gian hiểu với nhau cũng tức nhóm sắc của 54 sắc là bốn nhãn thập sắc, bốn thân thập sắc, bốn tánh thập sắc, bốn bát thuần sanh lên từ 8 sắc tâm, sanh lên từ 8 sắc quý tiết và sanh lên từ 8 sắc vật thực. Trong số lượng 54 sắc này thì thần kinh nhãn gọi là nhãn hoặc nhãn giới còn 53 sắc đó thì không phải là nhãn.

Khi quán xét cho đến khi hiểu rằng sắc thần kinh nhãn là pháp thực tánh gọi là nhãn thì sẽ hiểu được trạng thái của

sắc thần kinh nhãn là trạng thái tiêu hoại đổi thay tức trạng thái của sắc pháp.

Ngay cả nhĩ giới cho đến mạng quyền giới cũng diễn tiến giống như nhãn giới, còn thân giới đồng sanh với 43 sắc là bộn thân thập sắc có 9 sắc (trừ sắc thần kinh thân), bộn tánh thập sắc, bộn bát tuần sanh lên từ 8 sắc tâm, sanh lên từ 8 sắc quý tiết và sanh lên từ 8 sắc vật thực. Nhưng một số giáo thọ sư đề cập rằng đồng sanh với 45 sắc là bộn thân thập sắc có 9 sắc (trừ sắc thần kinh thân), bộn tánh thập sắc, bộn thính cửu sắc sanh lên từ 9 sắc tâm và sanh lên từ 9 sắc quý tiết (8 sắc bất ly và sắc thính) và sanh lên từ 8 sắc vật thực.

12 sắc là 5 sắc thần kinh tức nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới và 7 sắc cảnh giới là sắc giới, thính giới, khí giới, vị giới, xúc giới, sắc còn lại tức 16 sắc tế là một phần của pháp giới.

Đối với danh pháp là tâm tức 10 tâm ngũ song thức là 5 thức giới như nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới; 1 tâm khai ngũ môn và 2 tâm tiếp thân là ý giới; 68 tâm hiệp thể còn lại là ý thức giới.

Còn danh pháp thuộc tâm sở là 52 tâm sở đồng sanh với 81 tâm hiệp thể là một phần của pháp xứ cho nên 18 giới này thì 10 giới với một phần của pháp giới (16 sắc tế) là sắc pháp và 7 giới với một phần của pháp giới nữa (52 tâm sở) là danh pháp.

Việc ghi nhận danh pháp và sắc pháp theo phương pháp 18 giới làm nền tảng bằng cách như đã đề cập.

Việc Ghi Nhận Danh Sắc Theo Phương Pháp 12 Xứ

Đối với người tu tiên Minh quán khi ghi nhận danh sắc theo phương pháp 12 xứ cũng ghi nhận tương tự như 18 giới khác nhau ở 81 tâm hiệp thể hoặc 7 thức giới là ý xứ và 12 xứ thì 10 xứ với một phần pháp xứ tức 16 sắc tế là sắc pháp và 1 xứ với một phần pháp xứ tức 52 tâm sở là danh pháp.

Việc ghi nhận danh sắc theo phương pháp 12 xứ cũng bằng cách này.

Việc Ghi Nhận Danh Sắc Theo Phương Pháp 5 Uẩn

Đối với người tu tiên Minh quán khi ghi nhận danh sắc theo phương pháp ngũ uẩn thì ghi nhận như sau:

Trong thân thể này thì 18 sắc thành tựu (nipphannarūpa) như 4 sắc đại hiện... và 10 sắc phi thành tựu (anipphannarūpa) như sắc giao giới... ghi nhận là sắc uẩn, tâm sở thọ đồng sanh với 81 tâm hiệp thể ghi nhận là thọ uẩn, tâm sở tưởng đồng sanh với 81 tâm hiệp thể ghi nhận là tưởng uẩn, 50 tâm sở còn lại (trừ thọ, tưởng) đồng sanh với 81 tâm hiệp thể

ghi nhận là hành uẩn, 81 tâm hiệp thể ghi nhận là thức uẩn. Tuần tự sau đó hành giả quán xét về sắc uẩn là sắc pháp và quán xét 4 danh uẩn còn lại là danh pháp.

Việc ghi nhận danh sắc theo phương pháp ngũ uẩn làm căn bản cũng bằng cách này.

Việc Ghi Nhận Sắc Làm Cho Danh Hiện Lộ

Khi hành giả ghi nhận sắc pháp rồi cũng để quay lại ghi nhận danh pháp nhưng danh pháp vẫn không hiện lộ thì cũng đừng thôi chuyển bỏ qua việc ghi nhận mà nên lưu tâm suy xét về nhóm sắc pháp đó lập đi lập lại mãi bởi vì nhóm sắc pháp quán xét được dễ dàng mà giải tỏa tháo gỡ ra được thanh tịnh hoàn hảo thì thấy rõ ràng được danh pháp có nhóm sắc pháp làm cảnh sẽ tự hiện lộ lên như ví dụ sau đây:

1- Người đàn ông soi gương nhưng thấy mặt mình mờ mờ không hiện rõ. Ông ta không vứt bỏ tấm gương đó mà cố gắng lau thật sạch cho đến khi trong sáng thì mặt của người đàn ông cũng tự hiện rõ lên.

2- Người đàn ông cần dùng dầu mè mới lấy nước rưới trên hạt mè rồi ép 2-3 lần nhưng dầu mè không nhiều ra. Người đàn ông đó cũng không bỏ qua mà trở lại lấy nước ấm rưới lên rồi ép đi ép lại mãi cho đến khi dầu mè trong suốt chảy ra.

3- Người đàn ông muốn làm cho nước trong, ông ta lấy phèn chua nhúng vào nước khuấy 2-3 lần mà nước chưa

trong sạch. Nhưng ông ta vẫn nắm lấy cục phèn chua khuấy đi khuấy lại mãi cho đến khi cái bản chìm xuống thì tự động nước cũng trong sạch.

- 4- Việc ép mía.
- 5- Việc điều tra tên cướp.
- 6- Việc huấn luyện bò.
- 7- Việc hâm sữa chua.
- 8- Việc nướng cá.

Việc Hiện Lộ Của Danh Sắc

Sự quán xét danh sắc lập đi lập lại mãi cho đến khi rõ ràng thì tất cả phiền não là kẻ thù đối với việc ghi nhận biết danh pháp sẽ được tịnh chỉ và danh pháp cũng tự hiển lộ lên.

Sự hiển lộ của danh pháp sanh lên theo 3 đường:

- 1- Đường xúc.
- 2- Đường thọ.
- 3- Đường thức.

Khi hành giả ghi nhận thực tánh của sắc pháp cho đến khi hiển lộ rõ ràng, như quán xét địa giới có trạng thái cứng mềm thì xúc là pháp tánh sanh lên từ sự xúc chạm nhau giữa cảnh với người biết cảnh cũng sẽ hiển lộ lên và chính trong sát na đó thọ, tưởng, hành (có tư...), thức (tâm) đồng sanh

với xúc cũng hiển lộ lên. Pháp thuộc các danh pháp hiển lộ lên theo đường thọ bằng trường hợp này.

Khi hành giả ghi nhận thực tánh của sắc pháp cho đến khi hiển lộ rõ ràng, như quán xét địa giới trong hơi thở vô ra thì thức là pháp tánh biết cảnh hoặc nhận cảnh cũng hiển lộ lên và chính trong sát na đó thọ, tưởng, hành (có tư...) đồng sanh với thức cũng hiển lộ lên. Pháp thuộc các danh pháp hiển lộ lên theo đường thức bằng trường hợp này.

Khi hành giả đang ghi nhận danh sắc rồi ngưng ghi nhận, trở lại bắt đầu ghi nhận danh pháp thay thế vào thì sự thực hành như vậy không thể làm cho Minh quán nghiệp xứ tăng trưởng lên, nhưng việc ghi nhận sắc cho đến khi hiện bày rõ ràng sẽ là nhân làm cho danh pháp hiển lộ lên bởi nương vào sự trải qua theo đường xúc, thọ, thức.

Tất cả pháp diễn tiến trong 3 cõi (cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc) tức 18 giới, 12 xứ, 5 uẩn tóm lại chỉ là danh và sắc. Giống như việc mở cuốn sách (thường có hai bên) và chẻ múi thốt nốt thường phân ra hai phần, cũng vậy ngoài ra danh sắc thì chẳng có thú, người, chư thiên hoặc phạm thiên khác nữa.

Mục đích của việc ghi nhận danh sắc:

- 1- Để loại bỏ tên gọi chế định theo thế gian.
- 2- Để làm cho thoát khỏi sự hiểu sai rằng có thú, người.
- 3- Để làm cho tâm đồng sanh với trí tuệ tức hiểu biết đúng sự thật.

Vấn đề danh sắc và lời ví dụ từ Kinh Tạng như:

Yathā hi aṅgasambhārā Hoti saddo ratho iti
Evam khandhesu santesu Hoti sattoti sammati.

Thật vậy khi tất cả uẩn có mặt thì việc định đặt gọi là chúng sanh cũng hiện khởi lên. Giống như gọi là xe bởi vì lấy các bộ phận kết hợp lại với nhau.

(Trương ung kinh phẩm vajirasutta, cuốn 15 trang 554).

Ngài Sārīputta nói rằng “*Này hiền giả, do nương vào cây cối, dây leo, đất và cỏ bao quanh khoảng trống nên gọi là khu vườn (āgāra) như thế nào, thì này hiền giả do nương vào xương, gân, thịt và da bao quanh nên gọi với nhau là thú, người*”.

(Trung bộ kinh cuốn 12, trang 358)

Như Thật Tri Kiến

(Yathābhūta-dassana)

Khi có trục xe, bánh xe, thân xe và vành xe hiện hữu ráp nối lại với nhau thì từ “chiếc xe” mới hiện khởi; khi vật liệu của ngôi nhà như cây... cùng xây dựng lên thì từ “ngôi nhà” mới có mặt; khi các ngón tay như ngón tay cái và ngón tay trỏ... gom lại với nhau thành một thì từ “năm tay” mới hiện khởi; khi các bộ phận như thùng đàn, dây đàn... gom lại với nhau thành một thì từ “cây đàn” mới hiện khởi; khi

voi, ngựa... hiện hữu gom lại với nhau thì từ “đoàn quân” mới hiện khởi; khi tường thành, nhà cửa và cổng thành gom chung lại thì từ “thành phố” mới hiện khởi; khi có thân cây, cành cây, nhánh cây và lá... hiện hữu thành một thì từ “cây cối” mới xuất hiện; khi ngũ thủ uẩn có mặt thì từ “thú, người” mới hiện khởi.

Pháp được gọi là chiếc xe, ngôi nhà, cây đàn, đoàn quân, thành phố, cây cối, thú, người khi quán xét các pháp này theo chơn đế thì không gọi tên các pháp này được mà chỉ hiện hữu danh sắc mà thôi, người có quan kiến như thật này gọi là *như thật tri kiến* (yathābhūta-dassana).

Quan Kiến Lạc Hậu Thái Quá

Khi bỏ mặc như thật tri kiến thì phải chấp thủ rằng thú hoặc người hiện hữu, khi chấp nhận rằng thú hoặc người hiện hữu thì phải chấp nhận đến sự tiêu hoại hoặc không tiêu hoại của nhóm thú, người đó. Khi chấp nhận không tiêu hoại thì rơi vào thường kiến tức thấy rằng thường tồn, còn chấp nhận tiêu hoại thì rơi vào đoạn kiến tức thấy rằng tiêu mất.

Người chấp thủ rằng chúng sanh thường tồn thì gọi là có *quan kiến lạc hậu*, người chấp thủ rằng chúng sanh tiêu mất thì gọi là có *quan kiến thái quá*. Đức Thế Tôn mới thuyết rằng tất cả chư thiên và nhân loại bị che phủ bởi hai loại kiến tức quan kiến lạc hậu và quan kiến thái quá.

Một nhóm chư thiên và nhân loại có sự thỏa thích hài lòng trong sanh hữu, khi Đức Phật thuyết pháp để hướng đến đoạn diệt sanh hữu thì nhóm đó cũng không hiểu không tin tưởng, người có quan kiến như vậy gọi là lạc hậu (thường kiến).

Một nhóm chư thiên và nhân loại nhằm chán ghê tởm không hài lòng với sanh hữu chỉ thỏa thích hài lòng sự không có sanh hữu tức bản ngã diệt mất bởi suy nghĩ rằng khi nào mà bản ngã tiêu hoại diệt mất sau khi chết mới là an tịnh, quan kiến này gọi là thái quá (đoạn kiến).

Đức Phật thuyết rằng các tỳ kheo có trí tuệ hằng thấy ngũ uẩn theo sự thật, tức thấy chúng sanh theo sự thật là ngũ uẩn cũng gọi là người thực hành để nhằm chán, để ly tham và để đoạn diệt ngũ uẩn. Đây là tánh chất của người có tuệ, người có nhãn.

Danh Sắc Nương Vào Nhau

Con rối là vật không có sanh mạng, không chuyển động được nhưng do việc kết hợp của khúc gỗ và sợi dây kéo nên con rối chuyển động giống như có sanh mạng như thế nào thì danh sắc cũng như vậy, rỗng không, không có mạng quyền, không chuyển động được nhưng do nương nhờ lẫn nhau mới chuyển động như có sanh mạng.

Ngài giáo thọ sư tiền bối mới đề cập:

Namañca rupañca idhatthi saccato

Na hettha satto manujava vijjati

Suññam idaṃ yantamivābhisañkhatam

Dukkhasa puñjo tiṇakatṭhasādiso.

Sự thật trên thế gian chỉ có danh và sắc không có thú người chi cả, danh sắc là pháp rỗng không, bị duyên tạo tác giống như con rối, như đồng cỏ cây là khối khổ đau.

Danh sắc trong cõi ngũ uẩn nương nhờ lẫn nhau tức một pháp trợ giúp cho một pháp khác, khi một pháp tiêu hoại ngã xuống thì một pháp kia cũng tiêu hoại tháp tùng ngã xuống giống như vậy, hai bó sậy cột tựa vào nhau thì một bó sậy được cột vào chống đỡ cho bó sậy kia, khi bó sậy được cột vào ngã xuống thì bó sậy kia cũng ngã xuống theo.

Ngài giáo thọ sư tiền bối mới đề cập:

Yamakam nāmarūpañca Ubho aññoññanissitā

Ekasmim bhijjamānasmim Ubho bhijjanti paccayā.

Danh sắc là pháp song hành với nhau, cả hai nương vào lẫn nhau, khi một pháp tiêu hoại thì cả hai nương vào lẫn nhau cũng tiêu hoại.

Tiếng trống vang lên bởi nương vào cái trống bị chiếc dùi đánh vào. Dùi trống là một loại, trống là một loại khác, trống và tiếng trống không lẫn lộn không cùng loại như nhau. Trong cái trống không có tiếng trống, trong tiếng trống cũng

không có cái trống như thế nào, thì danh sanh lên do nương vào sắc tức vật, môn và cảnh, sắc là một pháp và danh là một pháp không lẫn lộn nhau không cùng loại như nhau, trong danh không có sắc, trong sắc cũng không có danh.

Lại nữa danh nương vào sắc mới sanh lên giống như tiếng trống nương vào trống mới vang lên nên ngài giáo thọ sư tiền bối mới đề cập rằng:

Xúc sanh lên theo năm môn mà không sanh lên từ mắt hoặc cảnh sắc hoặc trong khoảng giữa mắt và cảnh sắc, không sanh lên từ tai hoặc âm thanh hoặc khoảng giữa tai và âm thanh, không sanh lên từ mũi hoặc mùi hoặc trong khoảng giữa mũi và mùi, không sanh lên từ lưỡi hoặc vị hay trong khoảng giữa lưỡi và vị, không sanh lên từ thân hoặc cảnh xúc hay trong giữa thân và cảnh xúc. Nhưng xúc sanh lên theo đường ngũ môn là pháp thực tánh có duyên tạo tác nương vào nhân tức sự xúc chạm nhau giữa môn và cảnh mới sanh lên giống như tiếng trống nương vào nhân là cái trống bị dùi đánh vào mới vang lên.

Danh Sắc Không Tự Mình Có Năng Lực

Danh và sắc này thì danh không có năng lực không thể tự mình có thể ăn, uống, nói hoặc hoàn thành được một oai nghi nào, ngay cả sắc cũng giống như vậy không có sự muốn hoặc cần phải ăn, uống, nói hoặc hoàn thành được một oai nghi nào. Sắc diễn tiến được cũng nương vào danh,

đanh tiến hành được cũng nương vào sắc, khi danh muốn như thế nào thì sắc tiến hành như thế đó.

Đề làm cho hiểu được rõ ràng các ngài giáo thọ sư mới nêu lên ví dụ dẫn chứng như sau: Người mù bẩm sinh không thể tự mình thấy được và người bại liệt không thể tự mình đi được nhưng nếu hai người nương vào nhau tức người mù cũng người bại liệt trên vai để người bại liệt chỉ đường thì cả hai người có thể đi đến các nơi khác được thuận lợi dễ dàng. Nhưng nếu cả hai người tách lìa nhau không nương vào nhau thì cả hai người đều không thể đi đến các nơi khác được bởi vì mỗi người đều bị khuyết tật như nhau. Cũng vậy danh và sắc thì danh không có năng lực làm cho thành tựu các việc làm được, sắc cũng không có năng lực để làm các việc làm khác được nhưng nếu danh và sắc nương vào lẫn nhau thì các việc làm đó được thành tựu.

Na sakkena balena jāyare Napi sakena balena tiṭṭhare

Paradhamavasānuvattino Jāyare saṅkhātā attadubbalā

Parapaccayato ca jāyare Paraārammaṇato samuṭṭhitā

Ārammanapaccayehi ca Paradhammehi cime pabhāvitā

Các pháp thực tánh bị duyên tạo tác thuộc thực tánh khiếm khuyết không thể tự sanh lên và bảo tồn bởi năng lực của chính mình mà phải nương vào pháp thực tánh khác mới tiến hành được. Pháp thực tánh do các duyên tạo tác này sanh lên từ duyên khác, sanh lên từ cảnh khác, sanh lên bằng cảnh duyên và pháp khác.

Yathāpi navam nissāya	Manussā yanti añṇave
Evameva rūpa nissāya	Nāmakāyo pavattati
Yathā manusse nissāya	Nāvā gacchati añṇave
Evameva nāmaṃ nissāya	Rūpakāyo pavattati.

Tất cả mọi người đi trên dòng sông được do nương vào chiếc thuyền như thế nào, thì danh thân diễn tiến được do nương vào sắc. Chiếc thuyền đi trên dòng sông được do nương vào con người thì sắc thân diễn tiến được cũng do nương vào danh như thế đó.

Ubho nissāya gacchanti	Manussā nāvā ca añṇeva
Evam nāmañca rūpañca	Ubho aññoññissitā.

Con người và chiếc thuyền nương lẫn nhau nên có thể di chuyển trên sông thì danh sắc cũng như thế đó tức tiến hành được phải nương vào lẫn nhau.

Sự việc hành giả đặt niệm ghi nhận danh sắc làm cảnh cho đến khi tách lia danh sắc thấy rõ ràng cũng chỉ có danh và sắc ngoài danh sắc ra thì không có gì cả, tiến trình như vậy do chú tâm ghi nhận tốt mới thấy được. Nếu không chú tâm ghi nhận thì không có định, không có định thì không thể thấy được bởi vì nếu tâm an tịnh không có triền cái thì danh sắc cũng hiển lộ lên và khi sắc hiển lộ rõ thì tâm cũng hiển lộ theo.

Trong việc tu tiến Minh quán đạt đến tuệ thứ nhất là

Danh sắc phân tích tuệ, để ngăn ngừa sự hiểu sai về sau nên xin giải thích như sau:

Gọi là đạt đến Danh sắc phân tích tuệ tức có sự ghi nhận am tường danh sắc được rõ ràng, nên hiểu là phải thấy biết bằng trí tuệ nương vào việc tu tiến thật sự của mình, không phải hiểu biết bằng việc học pháp học như được giải thích sắc như thế đó có số lượng chừng này, danh như thế đó có số lượng như vậy rồi dùng trí tuệ theo như sách vở dạy đã ghi rồi suy nghĩ trong tâm rằng sắc là như vậy. Việc học hiểu và tự suy nghĩ như vậy không phải là tuệ quán tức tuệ sanh lên từ việc tu tiến minh quán bởi vì việc suy đoán như vậy chỉ là trí văn tức trí tuệ sanh lên từ việc được học được nghe và trí tư tức trí tuệ sanh lên từ việc thẩm xét của mình thì chưa đạt đến giai đoạn trí tu tức trí tuệ sanh lên từ việc tu tiến minh quán là trí tuệ tinh tế cao quý vô cùng.

Do đó việc thực hành để hiểu biết tất cả trong việc tu tiến minh quán là hiểu biết sanh lên riêng biệt từ việc tu tiến minh quán không phải sanh lên từ việc suy nghĩ, thẩm nghiệm là sự hiểu biết không chắc chắn. Chỉ có trí tuệ hiểu biết sanh lên từ việc đang tu tiến minh quán thì tuệ quán này mới là sự hiểu biết tuyệt đối chắc chắn là trí tu thật sự bởi vì có năng lực đoạn tận phiền não ái dục.

Khi hành giả nhận thức rõ ràng chỉ có danh sắc mà thôi không có bản ngã ta, họ thì sự hiểu biết đúng này sẽ diệt được thân kiến gọi là Kiến thanh tịnh (*ditthivissuddhi*).

Khi hành giả có thể thấy danh sắc theo sự thật sẽ đoạn trừ được chúng sanh tướng (sattasañña) tức tướng ghi nhận biết rằng có người, thú và sẽ an trú trong lĩnh vực không mê muội lầm lạc thuộc kiến thanh tịnh là quan kiến thanh tịnh hoặc phân biệt danh sắc (nāmarūpavavatthāna). Tức ghi nhận biết danh sắc hoặc xác định pháp hành (saṅkhārapariccheda) tức ghi nhận biết tất cả pháp hành là tên gọi của sự thấy danh sắc theo sự thật.

Kết Thúc Danh Sắc Phân Tích Tuệ



2- Duyên Đạt Tuệ **(Paccayapariggahañāṇa)**

Tìm Kiếm Nguyên Nhân Của Danh Sắc

Trí tuệ ghi nhận biết nhân duyên của danh sắc theo sự thật, người muốn đạt được Đoạn nghi thanh tịnh (kaṅkhāvitaraṇavisuddhi) nên tìm kiếm nhân duyên của danh sắc giống như vị bác sĩ khi chữa trị bệnh thì tìm kiếm nguyên nhân của chứng bệnh đó. Hoặ giống như đàn ông có tâm từ khi gặp đứa bé đang ngã nằm trong ngõ hẻm mới suy nghĩ rằng “Không biết đứa bé này là con của ai?”.

Danh sắc là pháp thực tánh có nhân sanh không phải không có nhân sanh, nói rằng nhân của danh sắc là do vị thiên chủ tạo ra cũng không đúng sự thật bởi vì mọi thứ mọi loại ngoài ra danh sắc thì không có gì hơn nữa. Hoặ nói rằng danh sắc cũng tức là một vị thiên chủ cho dù nói như vậy nhưng danh sắc cũng phải có nhân.

Khi tìm kiếm nguyên nhân của danh sắc thì nên quán xét về nhân của sắc thân trước như thân này không sanh lên trong các loại bông sen, không sanh lên từ ngọc mỵ... mà chỉ sanh lên giữa dạ dày, vật thực mới và vật thực cũ phía

sau là bụng, phía trước là xương bao quanh bởi ruột già và ruột non đầy đầy uế trực mùi hôi thối giống như con giò sanh lên trong bánh thiu, hầm nước cống bản thiu.

Sắc có nhân duyên làm cho sanh lên có 5 là vô minh, ái dục, thủ, nghiệp, vật thực. Cũng có 4 pháp là vô minh, ái dục, thủ, nghiệp xếp vào là nhân bởi vì hình thành làm cho vật thực sanh lên xếp vào là duyên bởi vì hình thành làm pháp trợ giúp.

Lại nữa trong 5 pháp này ngài sắp xếp như sau:

Vô minh, ái dục, thủ là nơi nương nhờ của sắc, giống như bà mẹ là nơi nương của đứa bé.

Nghiệp là pháp làm cho sanh lên giống như người cha làm cho con cái sanh ra.

Vật thực là pháp ủng hộ cho sắc thân được bảo tồn giống như bảo tồn nuôi dưỡng đứa bé.

Khi ghi nhận nhân duyên của sắc rồi thì ghi nhận nhân duyên của danh tiếp theo:

Tâm nhãn thức nương vào thần kinh nhãn và cảnh sắc mà sanh lên... Khi thấy nhân duyên của danh sắc theo sự thật thường xuyên rằng danh sắc trong hiện tại có nhân duyên như vậy thì dù cho quá khứ và vị lai cũng có nhân duyên giống như vậy. Khi hiểu được như thế thì có thể diệt được 16 loại hoài nghi liên quan đến 3 thời.

Nhân Duyên Của Danh Sắc Theo Lý Thắng Pháp

Nhân duyên của **danh** có 2:

1- Duyên phổ biến (*sādhāranapaccaya*).

2- Duyên không phổ biến (*asādhāranapaccaya*).

3 môn và 6 cảnh là *duyên phổ biến* của danh bởi vì diễn tiến theo mỗi loại danh.

Còn pháp khác như tác ý (*manasikāra*)... là *duyên không phổ biến* của danh bởi vì diễn tiến theo riêng biệt của một loại danh, như khéo tác ý (*yonisomanasikāra*) là duyên cho danh thiện và không khéo tác ý (*ayonisomanasikāra*) là duyên cho danh bất thiện, nghiệp là duyên cho danh quả và pháp như hữu phần... là duyên cho danh duy tác.

Nghiệp, tâm, quý tiết và vật thực là nhân duyên của **sắc**. Nghiệp quá khứ là sở sanh cho sắc nghiệp được xếp vào là nhân duyên của sắc nghiệp; tâm là nhân duyên của sắc tâm; quý tiết là nhân duyên của sắc quý tiết; vật thực là nhân duyên của sắc vật thực.

Trong thời bình nhật khi quán xét đến nhân duyên của danh sắc thường xuyên thì sẽ làm cho hiểu được rằng danh sắc trong quá khứ hoặc vị lai cũng sẽ diễn tiến như vậy và có thể đoạn trừ được 16 loại hoài nghi.

Ghi Nhận Biết Nhân Duyên Của Danh Sắc Theo Pháp Duyên Khởi Chiều Nghịch

Khi thấy sự già và tiêu hoại của pháp hành tức sự chết thì quán xét rằng già và chết hiện khởi do có sanh, sanh hiện khởi do có hữu, hữu hiện khởi do có thủ, thủ hiện khởi do có ái dục, ái dục hiện khởi do có thọ, thọ hiện khởi do có xúc, xúc hiện khởi do có 6 xứ, 6 xứ hiện khởi do có danh sắc, danh sắc hiện khởi do có thức, thức hiện khởi do có hành, hành hiện khởi do có vô minh thì đoạn trừ được hoài nghi.

Như vậy là quán xét theo chiều nghịch, nhưng quán xét theo chiều thuận thì do có vô minh nên hành mới hiện khởi... do có sanh làm duyên nên già, chết mới hiện khởi thì cũng đoạn trừ được hoài nghi giống như vậy.

Ghi Nhận Biết Nhân Duyên Theo Nghiệp Và Quả

5 pháp trong kiếp trước gồm vô minh, hành, ái dục, thủ và nghiệp hữu là nhân duyên tục sinh trong kiếp này.

Tục sinh trong kiếp này gồm có thức, danh sắc, 6 xứ, xúc và thọ là quả của nghiệp tạo tác trong kiếp trước.

Khi tất cả xứ già dặn trong kiếp này thì 5 pháp tức ái dục, thủ, nghiệp hữu, vô minh và hành là nhân duyên tục sinh trong kiếp tiếp theo.

Danh sắc là quả của nghiệp cho nên nhân duyên của danh sắc cũng tức là nghiệp luân hồi (kammavatta), khi quán xét nhân duyên của danh sắc theo nghiệp luân hồi và quả luân hồi (vipākavatta) rồi thì sẽ thấy được danh sắc trong sát na này diễn tiến theo nhân duyên thì cho dù trong quá khứ và vị lai cũng diễn tiến giống như vậy, cả nghiệp và quả của nghiệp, nghiệp luân hồi và quả luân hồi, sự diễn tiến của nghiệp và diễn tiến của quả, sự nối tiếp của nghiệp và nối tiếp của quả, lẫn duy tác (vô gián năng duyên) và quả của duy tác (vô gián sở duyên) cũng diễn tiến tương tự như nhau.

Kammavipākā vattanti Vipāko kammambhavo

Kammā punabbhavo hoti Evaṃ loko pavattati.

Tất cả quả diễn tiến được do nghiệp, quả sanh lên từ nghiệp và kiếp sống mới sanh lên từ nghiệp, thế gian luân chuyển do nghiệp và quả.

Khi quán xét đến nhân duyên của danh sắc theo nghiệp và quả thường xuyên thì 16 loại hoại nghi... có xảy đến hay chẳng? Sẽ chấm dứt được, chỉ còn hiện bày danh sắc diễn tiến trong 3 cõi, 4 loài, 5 sanh hữu, 7 thức trú và 9 hữu tình cư mà thôi, diễn tiến theo sự liên quan của nhân và quả mà không có người tạo và người thọ lãnh chi cả.

Khi thấy được như vậy gọi là thấy bằng trí tuệ chín chắn nhờ có nhân và quả nên các bậc hiền trí mới nói với nhau chỉ để cùng nhau hiểu biết rằng “có người tạo tác”, “có người thọ lãnh” cho nên bậc tiền bối mới đề cập:

Kammaṣṣa kārako natthi Vipākassa ca vedako

Suddhadhammā pavattanti Evetaṃ sammadassanaṃ

Không có người tạo nghiệp và cũng không có người thọ lãnh mà hoàn toàn duy nhất chỉ là pháp diễn tiến. Đây là tri kiến đúng đắn (sammadassana).

Evamaṃ kamme vipāke ca Vattamāne sahetuke

Bījarukkhādikānaṃva Pubbā koṭi na nāyati

Khi nghiệp và quả cùng với nguyên nhân đang diễn tiến như vậy thì không có ai biết được giai đoạn đầu và giai đoạn cuối giống như không có ai biết được giai đoạn đầu và giai đoạn cuối của hạt giống và cây cối...

Evametamaṃ abhiññāya Bhikkhu buddhassa sāvako

Gambhīraṃ nipuṇaṃ suññaṃ Paccayaṃ paṭivijjhati

Tỳ kheo là bậc Thinh văn của Đức Phật biết được ý nghĩa bằng trí tuệ thắng tri nên thấu đáo duyên (của danh sắc) được thâm sâu vi tế và rộng không.

Kammaṃ natthi vipākamhi Pāko kamme na vijjati

Aññaṃaññaṃ ubho suññā Na ca kammaṃ vina phalaṃ

Nghiệp không có trong quả, quả cũng không có trong nghiệp, nghiệp và quả đều rộng không như nhau nhưng nếu loại trừ nghiệp thì quả cũng không có.

Phalena suññaṃ taṃ kammaṃ Phalaṃ kamme na vijjati

Kammañca kho upādāya Tato nibbattaṭī phalaṃ

Nghiệp rỗng không lia khỏi ngã, quả cũng không có trong nghiệp nhưng nương vào nghiệp, quả mới sanh lên.

Na hettha devo brahmā vā Saṃsārassatthi kārako

Suddhadhammā pavattanti Hetusambhārapaccayā

Thật vậy trên thế gian này không có thiên chủ, không có phạm thiên, không có người sáng tạo ra vòng luân hồi mà chỉ hoàn toàn là pháp diễn tiến do kết hợp cùng với nhân duyên.

Việc ghi nhận biết nhân duyên của danh sắc theo nghiệp luân hồi và quả luân hồi thì đoạn trừ được hoài nghi trong ba thời cũng là biết được tất cả quá khứ, vị lai và hiện tại, sự biết như vậy gọi là tuệ tri (ñātapariññā) tức ghi nhận biết được danh sắc cùng với nhân duyên của danh sắc.

Ví Dụ Giữa Nhân Với Quả

Tất cả uẩn đã sanh lên trong quá khứ do có nghiệp làm duyên cũng đã diệt đi trong quá khứ, còn uẩn mới sanh lên trong kiếp này cũng là một nhóm nữa mà không là uẩn đến từ trong kiếp quá khứ, còn uẩn sẽ sanh lên trong kiếp vị lai cũng là một nhóm nữa mà không là uẩn đến từ kiếp hiện tại này so sánh như:

1- Việc đọc thuộc lòng kinh của thầy giáo thọ với việc

đọc thuộc lòng kinh của đệ tử không phải là pháp giống nhau, nhưng việc đọc thuộc lòng kinh của đệ tử hiện khởi được phải nương vào việc đọc thuộc lòng kinh của thầy giáo thọ làm nhân duyên.

2- Gương mặt được trang điểm với bóng của gương mặt được trang điểm không phải như nhau, nhưng bóng gương mặt được trang điểm hiện khởi được phải nương vào việc trang điểm gương mặt làm nhân duyên.

3- Ngọn đèn thứ nhất với ngọn đèn thứ hai không phải cùng tim đèn như nhau, nhưng ngọn đèn thứ hai hiện khởi lên được phải nương vào ngọn đèn trước làm nhân duyên.

Tất cả pháp từ kiếp quá khứ không dính liền theo trong kiếp hiện tại hoặc kiếp vị lai, nhưng uẩn, xứ, giới sanh lên trong kiếp hiện tại này phải nương vào uẩn, xứ, giới trong kiếp quá khứ làm duyên và uẩn, xứ, giới sanh lên trong kiếp vị lai phải nương vào uẩn, xứ, giới trong kiếp hiện tại làm duyên.

Yatheva cakkhuvīññāṇaṃ	Nanodhātu anantaraṃ
Na ceva āgataṃ nāpi	Na nibbattaṃ anantaraṃ
Tatheva paṭisandhimhi	Vattate cittasantati
Purimaṃ bhijjati cittaṃ	Pacchimaṃ jāyati tato
Tesaṃ antarikā natthi	Vīci tesaṃ na vijjati
Na cito gacchati kiñci	Paṭisandhi ca jāyati

Tâm nhãn thức sanh lên tuần tự theo ý giới tức tâm khai ngũ môn nhưng không đến từ tâm khai ngũ môn và không sanh lên theo tuần tự của tâm khai ngũ môn cũng chẳng được như thế nào thì sự nối tiếp của tâm luôn diễn tiến theo tâm tục sinh như thế đó, tâm trước tức tâm tử diệt đi thì tâm sau là tâm tục sinh sanh lên từ tâm tử không có khoảng cách giữa tâm tử với tâm tục sinh cũng không có tâm nào sanh giữa hai tâm này, từ tâm tử chỉ có tâm tục sinh sanh lên mà thôi.

Duyên Đạt Tuệ Trong Tên Gọi Khác

Tuệ ghi nhận biết nhân duyên của danh sắc gọi là Duyên đạt tuệ (paccayapariggahañāna) theo trạng thái diệt và sanh của danh sắc, khi sức mạnh của Duyên đạt tuệ nhiều lên thì có thể 16 loại hoại nghi cho đến 8 loại hoại nghi nữa cũng đoạn trừ được và ngay cả 62 loại tà kiến cũng được đình chỉ.

Sự thấy thanh tịnh do thoát khỏi hoại nghi trong 3 thời bởi ghi nhận biết duyên của danh sắc gọi là Đoạn nghi thanh tịnh (kaṅkhāvitaraṇavisuddhi), việc ghi nhận biết đến sự tồn tại của pháp làm duyên gọi là **pháp trụ trí** (dhammaṭṭhitiñāna), việc ghi nhận biết đến danh sắc theo sự thật gọi là **như thật trí** (yathābhūtañāna), sự thấy đúng đắn gọi là **chánh tri kiến** (sammāassana).

Pháp trụ trí, như thật trí và chánh tri kiến là từ có ý nghĩa giống như đoạn nghi thanh tịnh.

Quả Báo Của Duyên Đạt Tuệ

Nếu hành giả nào tu tiến minh quán cho đến khi định tuệ già mạnh lên thấy được danh sắc rõ ràng thì có thể biết được rằng cả hai danh và sắc đều là nhân là quả làm duyên lẫn nhau như sắc là nhân thì danh là quả hoặc danh là nhân thì sắc là quả chẳng phải là bản ngã, người, thú, ta, họ thì thoát khỏi được các sự hoài nghi, như vậy được gọi là *Đoạn nghi thanh tịnh*.

Quả báo của tuệ này trong Phật Giáo gọi là **Tiểu Nhập Lưu** (cūlasotāpanna) là bậc xứng đáng được thanh thân khi chết. Tức nếu như tuệ mà mình chứng đạt không bị hoại trong kiếp tiếp theo sau kiếp này thì sẽ sanh lên nhân cảnh tức thiên giới... chắc chắn khép lại bốn khổ cảnh nhưng trong kiếp tiếp theo nữa tức kiếp thứ ba thì việc khép lại khổ cảnh không chắc chắn, nếu muốn chắc chắn khép lại hoàn toàn thì phải tinh cần thực hành minh quán tiếp tục nữa cho đến khi tác chứng Thánh Đạo Thánh Quả thích hợp với lời mà Ngài đề cập trong pāli:

Iminā pana ñāṇena samannāgato vipassako buddhasāsane saddhassāso laddhapatittho niyatagatiko cūlasotāpanno nāma hoti.

Apparihīnakaṅkhāvitaraṇavisuddhiko vipassako lokiyasīlasamādhipaññāsampadāhi samannāgatottā uttarim appatīvijjhanto sugatiparāyanova hotīti vuttam niyatagati koti tatoeva cūlasotāpanno nāma hoti.

Hành giả đạt đến tuệ này thường được an tâm nương tựa trong Phật Giáo gọi là bậc Tiểu Nhập Lưu có sanh hữu nhất định trong kiếp sau tiếp theo kiếp này sẽ sanh lên nhân cảnh khép lại khổ cảnh nếu như tuệ này không hoại, nhưng trong kiếp thứ ba tiếp theo sau đó thì không chắc chắn khép lại khổ cảnh được chỉ chắc chắn hai kiếp mà thôi, nếu muốn chắc chắn khép lại thì phải tinh cần tu tiến minh quán nghiệp xứ tiếp tục cho đến khi tác chứng Thánh Đạo Thánh Quả.

Người tu tiến minh quán hội đủ Duyên đạt tuệ là người an tâm được nơi nương tựa trong Phật Giáo và là người có sanh hữu chắc chắn gọi là bậc Tiểu Nhập Lưu.

Do đó người có ước muốn thoát khỏi hoài nghi nên là người có niệm ghi nhận biết duyên của danh sắc theo sự thật.

Kết Thúc Duyên Đạt Tuệ



3- Thẩm Quán Tuệ **(Sammāsanañāṇa)**

Tuệ thấy được danh sắc theo tam tướng sanh lên với người tinh cần tu tiến minh quán gọi là *Thẩm quán tuệ*.

Ngài trình bày định nghĩa như sau:

Khandhādīnaṃ kalāpato sammāsanavasappavattaṃ ñāṇaṃ sammāsanañāṇaṃ.

Tuệ tiến hành theo mãnh lực quán pháp như uẩn... theo bọn, nhóm gọi là *Thẩm quán tuệ*.

Chi pháp: Tâm sở trí tuệ hợp trong tâm đại thiện tương ưng trí.

Hành giả tu tiến minh quán với Thẩm quán tuệ muốn đạt được Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh (maggāmaggañāṇadassanavisuddhi) trong giai đoạn đầu phải tu tiến tinh cần liên quan với việc ghi nhận pháp thực tánh theo nhóm, bọn (kalāpasammāsana) trước, khi tùy quán phiền não (vipassanūpakilesa) như ánh sáng... sanh lên với hành giả tu tiến minh quán cũng tức là Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh sanh lên và Thẩm quán tuệ theo nhóm, bọn mới là tuệ bắt đầu của tuệ quán.

Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh sanh lên và diễn tiến theo đạt tri (tīraṇapariññā), đạt tri sanh lên tiếp theo sau tuệ tri (ñātapariññā) cho nên người muốn đạt đến Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh phải tu tiến tinh cần liên quan với việc ghi nhận thẩm quán pháp thực tánh theo nhóm, bọn trước.

Hiệp thế biến tri (lokiyapariññā) tức ghi nhận biết pháp thực tánh hiệp thế có 3 loại:

1- Tuệ tri (ñātapariññā): Ghi nhận biết bằng cách biết.

2- Đạt tri (tīraṇapariññā): Ghi nhận biết bằng cách thâm nghiệm suy xét.

3- Đoạn tri (pahānapariññā): Ghi nhận biết bằng cách đoạn trừ.

Tuệ ghi nhận trạng thái riêng biệt của tất cả pháp như sắc có trạng thái tiêu hoại đổi thay, thọ có trạng thái hưởng cảnh gọi là **Tuệ tri**.

Tuệ có tam tướng làm cảnh tức phơi bày tất cả pháp lên theo phổ thông tướng (samaññalakkhaṇa) như sắc vô thường, thọ vô thường gọi là **Đạt tri**.

Tuệ có tam tướng làm cảnh và diễn tiến cùng với việc đoạn trừ pháp điên đảo (vipallāsadhamma) như thường tướng (niccasaññā)... trong tất cả pháp gọi là **Đoạn tri**.

Tuệ Quán Trong Việc Biến Tri

Trong ba biến tri thì kể từ *Danh sắc phân tích tuệ* cho đến *Duyên đạt tuệ* thuộc lãnh vực **tuệ tri** bởi vì trong giai đoạn này thấu đáo được trạng thái riêng biệt của tất cả pháp.

Kể từ *Thâm quán tuệ* cho đến *Sanh diệt tuệ* (udayabbayañāṇa) thuộc lãnh vực **đạt tri** bởi vì trong giai đoạn này thấu đáo riêng biệt được phổ thông tướng.

Kể từ *Hoại diệt tùy quán* (bhagānupassanā) cho đến *Thuận thứ tuệ* (anulomañāṇa) thuộc lãnh vực **đoạn tri hiệp thể** hoặc đạo tuệ siêu thế bởi vì trong giai đoạn này (Hoại diệt tuệ cho đến Thuận thứ tuệ thuộc lãnh vực hiệp thể biến tri) sự sanh lên của 7 loại tùy quán làm hoàn thành phận sự tức đoạn trừ việc nhận thức các hiện tượng như nhận thức thấy rằng thường còn... như sau:

1- Khi thường xuyên thấy vô thường thì đoạn trừ được hiện tượng nhận thức rằng thường còn (aniccānupassanā).

2- Khi thường xuyên thấy khổ thì đoạn trừ được hiện tượng nhận thức rằng lạc (dukkhānupassanā).

3- Khi thường xuyên thấy vô ngã thì đoạn trừ được hiện tượng nhận thức rằng có ngã (anattānupassanā).

4- Khi nhàm chán danh sắc thì đoạn trừ được hiện tượng nhận thức ái dục làm cho hân hoan thỏa thích trong danh sắc bằng Yêm ổ tùy quán (nibbidānupassanā).

5- Khi ly tham đối với danh sắc thì đoạn trừ được hiện

tượng nhận thức rằng danh sắc đáng vui thích, xa lìa tham ái trong danh sắc bằng Ly tham tùy quán (virāgānupassanā)

6- Khi biết rõ Níp Bàn là pháp chấm dứt, có đặc tánh tịch tịnh thì đoạn trừ được hiện tượng nhận thức về ái tập khởi là nhân làm cho tái sinh bằng Diệt tùy quán (nirodhānupassanā).

7- Khi buông bỏ ngũ thủ uẩn thì đoạn trừ được hiện tượng nhận thức chấp thủ do ái và kiến bằng Xả ly tùy quán (paṭinissaggānupassanā).

Khi hành giả tu tiến minh quán đạt đến **tuệ tri** (ñātapariññā) bởi vì làm cho *Danh sắc phân tích tuệ* và *Duyên đạt tuệ* sanh lên rồi thì hai loại biến tri (pariññā) nữa cũng đạt đến bởi vì khi đạt tri (tīraṇapariññā) đang diễn tiến thì Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh cũng sẽ sanh lên, đạt tri sẽ sanh lên tiếp theo sau tuệ tri cho nên người muốn đạt đến Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh phải tinh cần ghi nhận biết pháp thực tánh theo nhóm, bọn trước.

Cảnh Cửa Thâm Quán Tuệ

Pháp theo nhóm, bọn thuộc quá khứ vị lai hiện tại, bên trong bên ngoài, thô tế, thù thắng hạ liệt, xa gần, các nhóm này diễn tiến trong môn cùng với môn và cảnh phải ghi nhận thâm quán bằng trí tuệ theo vô thường, khổ và vô ngã.

Có 25 nhóm:

- 1- 5 uẩn.
- 2- 6 môn.
- 3- 6 cảnh.
- 4- 6 thức.
- 5- 6 xúc.
- 6- 6 thọ.
- 7- 6 tưởng.
- 8- 6 tư.
- 9- 6 ái.
- 10- 6 tâm.
- 11- 6 tứ.
- 12- 6 giới.
- 13- 10 án xứ (kasiṇa).
- 14- 32 thể trực.
- 15- 12 xứ.
- 16- 18 giới.
- 17- 22 quyền.
- 18- 3 giới ¹
- 19- 3 hữu ².

¹ 3 giới là dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

² 3 hữu là dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

20- 3 loại hữu nữ¹.

21- 3 loại hữu khác nữ².

22- 4 thiên hữu sắc.

23- 4 vô lượng tâm (appamaññā).

24- 4 thiên chúng vô sắc (arūpasamāpatti).

25- 12 pháp duyên khởi.

Việc ghi nhận thẩm quán 25 nhóm pháp như 5 uẩn... bằng thẩm quán tuệ như sau:

Sắc uẩn cho dù một loại nào đi nữa thuộc quá khứ vị lai và hiện tại, bên trong hoặc bên ngoài, thô hoặc tế, thù thắng hoặc hạ liệt, xa hoặc gần thì hành giả cũng ghi nhận biết tất cả sắc uẩn đó theo vô thường. Đây là một loại thẩm quán tuệ.

(Sắc uẩn... hành giả ghi nhận biết tất cả sắc uẩn đó theo khổ cũng là một loại thẩm quán tuệ nữa.

Sắc uẩn... hành giả ghi nhận biết tất cả sắc uẩn đó theo vô ngã cũng là một loại thẩm quán tuệ nữa).

Tóm lại: Sắc uẩn làm duyên cho thẩm quán tuệ sanh lên có 3 loại, vì vậy 5 uẩn làm duyên cho thẩm quán tuệ sanh lên có 15 loại, 6 môn làm duyên cho thẩm quán tuệ sanh lên có 18 loại, 4 thiên chúng làm duyên cho thẩm quán tuệ sanh lên có 12 loại và 12 pháp duyên khởi làm duyên cho thẩm quán tuệ sanh lên có 36 loại.

³ Tường hữu, vô tường hữu, phi tường phi phi tường hữu.

⁴ Nhất uẩn hữu, tứ uẩn hữu, ngũ uẩn hữu.

Tổng cộng số lượng phẩm quán tuệ trong 25 nhóm pháp là 603 loại (201 x 3).

Thẩm Quán Tuệ Theo Riêng Biệt Nữa

Việc dùng trí tuệ gom gọn hoặc tóm lược theo 25 nhóm pháp thuộc quá khứ vị lai hoặc hiện tại... theo vô thường, khổ, vô ngã vẫn không chỉ được riêng biệt thuộc quá khứ, là pháp bên trong, pháp thù thắng chi cả chỉ ghi nhận tóm lược gom chung mà thôi.

Nếu phẩm quán theo riêng biệt nữa thì trong phẩm quán tuệ có 603 loại mỗi loại phẩm quán tuệ còn phân ra thành 11 loại phụ theo pháp thực tánh quá khứ vị lai hiện tại, bên trong bên ngoài, thô tế, thù thắng hạ liệt, xa gần.

Cho nên khi tổng cộng gom lại số lượng của phẩm quán tuệ thì có 6633 loại (603 x 11).

Phương Pháp Ghi Nhận Biệt 11 Loại Pháp Theo Riêng Biệt Của Phẩm Quán Tuệ

1- Sắc nào thuộc quá khứ sắc đó diệt đi trong quá khứ không tồn tại đến kiếp này, cho nên mới là pháp vô thường bởi vì có sự tiêu hoại.

2- Sắc nào thuộc vị lai cũng sẽ sanh lên trong kiếp vị lai rồi sẽ diệt đi trong kiếp đó mà không diệt đi trong kiếp khác, cho nên mới là pháp vô thường bởi vì có sự tiêu hoại.

3- Sắc nào thuộc hiện tại thì sắc đó cũng diệt đi trong kiếp này không tồn tại đến kiếp khác, cho nên mới là pháp vô thường bởi vì có sự tiêu hoại.

4- Sắc nào diễn tiến bên trong thì sắc đó cũng diệt đi bên trong không tồn tại đến bên ngoài, cho nên mới là pháp vô thường bởi vì có sự tiêu hoại.

5- Sắc nào diễn tiến bên ngoài thì sắc đó cũng diệt đi bên ngoài không tồn tại đến bên trong, cho nên mới là pháp vô thường bởi vì có sự tiêu hoại.

6- Sắc nào thuộc sắc thô thì sắc đó cũng diệt đi trong chính sát na sắc thô ấy không tồn tại cho đến sắc tế, cho nên mới là pháp vô thường bởi vì có sự tiêu hoại.

7- Sắc nào thuộc sắc tế thì sắc đó cũng diệt đi trong chính sát na sắc tế ấy không tồn tại cho đến sắc thô, cho nên mới là pháp vô thường bởi vì có sự tiêu hoại.

8- Sắc nào thuộc sắc hạ liệt thì sắc đó cũng diệt đi trong chính sát na sắc hạ liệt ấy không tồn tại cho đến sắc thù thắng, cho nên mới là pháp vô thường bởi vì có sự tiêu hoại.

9- Sắc nào thuộc sắc thù thắng thì sắc đó cũng diệt đi trong chính sát na sắc thù thắng ấy không tồn tại cho đến sắc hạ liệt, cho nên mới là pháp vô thường bởi vì có sự tiêu hoại.

10- Sắc nào thuộc sắc xa thì sắc đó cũng diệt đi trong chính sát na sắc xa ấy không tồn tại cho đến sắc gần, cho nên mới là pháp vô thường bởi vì có sự tiêu hoại.

11- Sắc nào thuộc sắc gần thì sắc đó cũng diệt đi trong chính sát na sắc gần ấy không tồn tại cho đến sắc xa, cho nên mới là pháp vô thường bởi vì có sự tiêu hoại.

Thâm Quán Tuệ Theo Trường Hợp Khác Nữa

Việc ghi nhận biết các pháp bằng thâm quán tuệ như đã đề cập trên chỉ diễn tiến theo vô thường, ngay cả việc ghi nhận biết theo khổ bởi vì là pháp đáng kinh sợ hoặc có sự hiểm họa đang đối đầu chắc chắn vì pháp nào vô thường thì pháp đó dẫn đến đáng sợ hãi giống như đáng kinh sợ đối với tất cả chư thiên trong *kinh ví dụ về con sư tử* (sīhopamasutta), ngay cả việc ghi nhận theo vô ngã bởi vì là pháp không cốt lõi tức không có ta, không có người thường hằng, không có người tạo tác, không có người thọ lãnh hoặc không có người quyền lực trong tự ngã, sắc nào vô thường thì sắc đó là khổ không thể ngăn chặn được vô thường hoặc sự áp bức trước mặt bởi sự sanh diệt được, nếu pháp đó là ngã thì hãy đừng bệnh tật.

Việc trình bày theo đường lối vô thường hoặc trình bày phương pháp tiến hành theo 6 trạng thái khác nữa như:

1- Trí tuệ trong việc ghi nhận tóm tắt biết rằng tất cả sắc quá khứ vị lai và hiện tại gọi là vô thường bởi vì có sự tiêu hoại, gọi là khổ bởi vì đáng sợ kinh hãi, gọi là vô ngã bởi vì là pháp không cốt lõi.

2- Trí tuệ trong việc ghi nhận vẫn tất biết rằng tất cả sắc quá khứ vị lai và hiện tại là pháp vô thường bị duyên tạo tác nương vào duyên mới sanh lên được, có sự tiêu hoại, không có tham ái, có sự diệt mất là thường nhiên.

3- Trí tuệ trong việc ghi nhận vẫn tất biết rằng bởi vì có hữu làm duyên mới có sanh... do vô minh làm duyên mới có tất cả hành, khi không có vô minh thì không có hành.

6- Trí tuệ trong việc ghi nhận vẫn tất biết rằng tất cả trong thời quá khứ và thời vị lai do vô minh làm duyên nên có tất cả hành, khi không có vô minh thì không có tất cả hành.

Trong thâm quán tuệ gọi là **trí** (ñāna) do có ý nghĩa *biết rõ* và gọi là **tuệ** (paññā) do có ý nghĩa *biết tường tận*.

Ngài Sārīputta nêu lên trong xiển minh thắng trí (abhiññānidessa) đến tất cả pháp nên biết tóm lại là 26 nhóm pháp nhưng nhóm thứ 1 là tất cả pháp diễn tiến theo nội môn, cảnh, thức, xúc và thọ không phải tính thành một nhóm theo riêng biệt bởi vì chỉ là trình bày nêu lên ví dụ mà thôi và nhóm pháp này cũng hiện bày thành từng nhóm tiếp theo cho nên mới có 26 nhóm pháp như đã đề cập.

Tất cả pháp làm cảnh cho thâm quán tuệ là pháp hiện bày rõ ràng và ghi nhận biết được dễ dàng tức hiệp thể pháp ngoài ra siêu thế pháp.

Việc Ghi Nhận Biết Ngũ Uẩn Theo 40 Trạng Thái

Việc ghi nhận biết 5 uẩn theo 40 trạng thái để cho thâm quán tuệ được vững chắc như sau:

1- Vô thường (aniccato): Ghi nhận biết 5 uẩn theo vô thường bởi vì mỗi uẩn luôn không tồn tại và do có giai đoạn đầu và giai đoạn cuối.

2- Khổ (dukkhato): Ghi nhận biết 5 uẩn theo khổ bởi vì có sự bức ép trước mặt bởi vì sự sanh diệt là cứ điểm của khổ.

3- Bệnh tật (rogato): Ghi nhận biết 5 uẩn theo bệnh tật bởi vì phải đợi chờ chăm nom chữa trị và là nơi nương sanh của bệnh hoạn.

4- Mụn nhọt (gaṇḍato): Ghi nhận biết 5 uẩn là mụn nhọt bởi vì nhứt nhối làm cho đau đớn là nơi chảy ra vật uế trực tức phiền não, do có sự cương mủ chín mùi rồi vỡ ra bởi sự sanh già và chết.

5- Mũi tên (sallato): Ghi nhận biết 5 uẩn là mũi tên xuyên thủng bởi vì làm phát sanh sự bức hại, là vật đâm thủng vào bên trong và khó nhổ ra được.

6- Bất hạnh (aghato): Ghi nhận biết 5 uẩn là bất hạnh đáng chê bai chỉ trích bởi vì dẫn đến sự tiêu hoại và là cứ điểm của sự bất hạnh.

7- Đau bệnh (ābadhato): Ghi nhận biết 5 uẩn là đau bệnh bởi vì làm cho không được tự do.. và là nhân của sự đau bệnh.

8- Kẻ khác (parato): Ghi nhận biết 5 uẩn là kẻ khác bởi vì không có quyền lực sai khiến và sai khiến không được.

9- Rã tan (palokato): Ghi nhận biết 5 uẩn là rã tan bởi vì rã tan do bệnh, già và chết.

10- Hoạn nạn (ītito): Ghi nhận biết 5 uẩn là hoạn nạn bởi vì dẫn đến vô số điều tàn.

11- Rủi ro (upaddavato): Ghi nhận biết 5 uẩn là rủi ro bởi vì dẫn đến vô số điều không lợi ích không thể ngờ được và là cứ điểm của tất cả tai họa rủi ro.

12- Nguy hiểm (upassaggato): Ghi nhận biết 5 uẩn là nguy hiểm bởi vì dính theo nhiều điều không lợi ích tạo điều tội lỗi lẫn nguy hiểm do không dẫn đến hạnh nại.

14- Giao động (calato): Ghi nhận biết 5 uẩn theo sự giao động bởi vì giao động do bệnh, già và chết lẫn giao động bởi các pháp thế gian như được lợi và mất lợi...

15- Lụn bại (pabhaṅgato): Ghi nhận biết 5 uẩn theo sự lụn bại bởi vì thường nhiên dẫn đến lụn bại do sự cố tình của pháp khác và theo thực tánh của chính nó.

16- Không trường tồn (addhuvato): Ghi nhận biết 5 uẩn không trường tồn bởi vì thường nhiên có sự diệt mất trong mọi nơi và không có sự vững chắc.

17- Vô hộ (atāṇato): Ghi nhận biết 5 uẩn không là nơi chống đỡ bởi vì không bảo vệ chống đỡ được và không có sự an toàn.

18- Không là nơi ẩn nấu (aleṇato): Ghi nhận biết 5 uẩn không là nơi ẩn nấu bởi vì không thích hợp để trốn tránh tất cả, cũng không làm được phận sự để trốn tránh.

19- Không là nơi nương tựa (asaraṇato): Ghi nhận biết 5 uẩn không là nơi nương tựa bởi vì không an toàn đối với người nương tựa.

20- Trống rỗng (tucchato): Ghi nhận biết 5 uẩn trống rỗng bởi vì trống rỗng khỏi sự thường, lạc, ngã, mỹ theo như đã ước lượng quy định.

21- Nhỏ nhỏ (rittato): Ghi nhận biết 5 uẩn là pháp rỗng tuếch bởi vì là pháp vô ích nhỏ nhỏ, ngay cả thứ nhỏ nhỏ trong thế gian người ta cũng gọi là đồ lặt vặt.

22- Rỗng không (suññato): Ghi nhận biết 5 uẩn là pháp rỗng không bởi vì không có ngã là người làm chủ, là người thường tôn, là người tạo tác, là người thọ lãnh và sai khiến.

23- Vô ngã (anattato): Ghi nhận biết 5 uẩn không phải là ta bởi vì không có người làm chủ tự ngã...

24- Tai họa (āḍṇavato): Ghi nhận biết 5 uẩn là tai họa bởi vì là khổ do dẫn đến sanh hữu tức luân hồi, và chính khổ này là tai họa vì đưa đến sự gian truân (từ dynava này là người gian truân ngay cả 5 uẩn cũng là pháp gian truân giống như vậy).

25- Biến đổi theo thường nhiên (vipariṇāmadhammato): Ghi nhận biết 5 uẩn là thường nhiên biến đổi bởi vì thông thường có 2 sự biến đổi là sự già và sự chết.

26- Không thực thể (asārakato): Ghi nhận biết 5 uẩn không có cốt lõi bởi vì có sự yếu ớt và dễ gãy giống như khúc cây mục.

27- Nguồn gốc bất hạnh (aghamūla): Ghi nhận biết 5 uẩn là nhân của sự bất hạnh bởi vì là nguyên nhân của đa dạng bất hạnh.

28- Kẻ sát hại (vadhakato): Ghi nhận biết 5 uẩn là người sát hại bởi vì người sát hại làm cho mình được tin tưởng giống như kẻ thù trước mặt là bạn mình.

29- Thối hóa (vibhāvato): Ghi nhận biết 5 uẩn không có sự tăng trưởng bởi vì khi không có sự tăng trưởng thì làm cho phát sanh thối hóa.

30- Hữu lậu (sāsavato): Ghi nhận biết 5 uẩn là pháp hữu lậu bởi vì là con đường đưa đến hữu lậu.

31- Hữu vi (saṅkhatato): Ghi nhận biết 5 uẩn là pháp tạo tác bởi vì là pháp do nhân và duyên tạo tác lên.

32- Miếng mồi của ma vương (mārāmisato): Ghi nhận biết 5 uẩn là mồi nhử của ma vương bởi vì là mồi nhử của tử thần ma vương và phiền não ma vương.

33- Thường nhiên sanh (jātidhammato): Ghi nhận biết 5 uẩn có sự sanh là thường nhiên bởi vì thông thường luôn có sự sanh.

34- Thường nhiên già (jāradhammato): Ghi nhận biết 5 uẩn có sự già là thường nhiên bởi vì thông thường luôn có sự già.

35- Thường nhiên bệnh (byādhidhammato): Ghi nhận biết 5 uẩn có sự bệnh là thường nhiên bởi vì thông thường luôn có sự bệnh.

36- Thường nhiên chết (maraṇadhammato): Ghi nhận biết 5 uẩn có sự chết là thường nhiên bởi vì thông thường luôn có sự chết.

37- Thường nhiên sầu (sokadhammato): Ghi nhận biết 5 uẩn có sự buồn rầu là thường nhiên bởi vì là nhân của sự buồn rầu.

38- Thường nhiên bi (paridevadhammato): Ghi nhận biết 5 uẩn có sự than van là thường nhiên bởi vì là nhân của sự than van.

39- Thường nhiên ảo não (upāyāsadhammato): Ghi nhận biết 5 uẩn có sự khốn đốn là thường nhiên bởi vì là nhân của sự khốn đốn.

40- Thường nhiên cảnh phiền não (saṅkilesikadhammato): Ghi nhận biết 5 uẩn có sự bợn nhơ là thường nhiên bởi vì là pháp thuộc lãnh vực (làm cảnh) của phiền não ái dục và tất cả ác hạnh.

Gom Lại 40 Thảm Quán Tuệ Theo 3 Tùy Quán

1- Việc gom lại 40 thảm quán tuệ theo 3 tùy quán bằng 5 uẩn có 3 loại thì việc ghi nhận trong mỗi uẩn bằng 50 vô thường tùy quán theo 10 loại:

- 1- Vô thường (aniccato).
- 2- Rã tan (palokato).
- 3- Giao động (calato).
- 4- Lụn bại (pabhaṅgato).
- 5- Không trường tồn (addhuvato).
- 6- Thường nhiên biến đổi (vipariṇāmadhammato).
- 7- Không thực thể (asārakato).
- 8- Phi thành tựu (vibhāvato).
- 9- Hữu vi (saṅkhatato).
- 10- Thường nhiên chết (maraṇadhammato).

2- Việc ghi nhận biết trong mỗi uẩn bằng 25 vô ngã tùy quán theo 5 loại:

- 1- Kẻ khác (parato).
- 2- Trống rỗng (tucchato).
- 3- Nhỏ nhoi (rittato).
- 4- Rỗng không (suññato).
- 5- Vô ngã (anattato).

3- Việc ghi nhận biết trong mỗi uẩn bằng 125 khổ tùy quán theo 25 loại còn lại, gom lại 3 tùy quán trong 5 uẩn thì việc ghi nhận biết trong 5 uẩn theo 3 tùy quán tổng cộng có 200 loại hoặc 200 thâm quán tuệ.

Khi hành giả ghi nhận biết 5 uẩn bằng việc ghi nhận biết theo tam tướng phân ra thành 200 loại như đã đề cập thì thâm quán tuệ theo vô thường, khổ và vô ngã gọi là phương pháp minh quán (nayavipassanā) được vững chắc. Đây là cách thức sơ khởi ghi nhận biết danh sắc tiến hành theo pālī về thâm quán tuệ.

Phương Pháp Phát Triển Tuệ Quán Tăng Trưởng Lên

Khi hành giả muốn làm cho tuệ quán tăng trưởng lên nên làm cho 5 quyền như tín quyền... được già mạnh lên bằng 9 phương cách như:

1- Tinh cần ghi nhận làm cho biết rõ đến sự diệt của pháp hành (danh sắc) đã sanh lên.

2- Trong sát na thấy sự diệt của pháp hành nên tinh cần làm cho niệm đồng sanh.

3- Tinh cần làm cho tuệ quán sanh lên tiếp nối nhau.

4- Tinh cần làm cho tuệ quán tiến hành được thuận lợi dễ dàng.

5- Tinh cần làm cho tuệ quán ghi nhận ấn tướng của định.

6- Tinh cần làm cho tuệ quán tiến hành theo thích hợp với thất giác chi.

7- Tinh cần không cho dính mắc trong thân thể và sanh mạng.

8- Tinh cần không cho dính mắc trong thân thể và sanh mạng bằng cách đè nén (đè nén khổ thọ sanh lên).

9- Tinh cần không cho dính mắc trong thân thể và sanh mạng bằng sự không hăng say hoặc thụ động giữa chừng và nên tránh xa 7 điều bất lợi (asappāya) rồi tiến hành 7 điều thuận lợi.

Phương Pháp Ghi Nhận Danh Sắc Trong Thâm Quán Tuệ

Hành giả suy xét sự sanh lên của sắc theo thường nhiên, sắc sanh lên do 4 nhân như nghiệp... Trong 4 nhân thì sắc của tất cả chúng sanh lần đầu tiên phải sanh lên từ nghiệp trước.

Đối với nhóm chúng sanh thai sanh trong sát na tục sinh tức sát na sanh của tâm tục sinh thì sắc sanh lên từ nghiệp có 30 sắc như bợn thân thập sắc, bợn tánh thập sắc, bợn ý vật thập sắc, 30 nhóm sắc này trong sát na trụ và sát na diệt vẫn còn đang sanh lên chưa diệt đi và mỗi sát na tăng thêm 30 sắc nữa theo tuần tự như vậy suốt trở đi cho đến khi có sự thay đổi.

Tuổi thọ của danh và sắc thì tuổi thọ của sắc dài hơn tuổi thọ của danh, sát na sanh và sát na diệt của danh và sắc bằng nhau tức bằng nhau một sát na tiểu hoặc bằng nhau một sát na trong ba sát na tâm đại, nhưng đối với sát na trụ của sắc có tuổi thọ dài bằng với 49 sát na tiểu hoặc bằng 16 tâm với một sát na tiểu, còn sát na trụ của danh có tuổi thọ bằng với một sát na tiểu cho nên sắc ý vật đồng sanh với sát na sanh của tâm tục sinh chưa diệt đi còn đang trụ là nơi nương của tâm hữu phần thứ nhất hoặc sắc ý vật đồng sanh với tâm hữu phần thứ nhất chưa diệt đi và đang trụ cũng là nơi nương cho tâm hữu phần thứ hai.

Đối với người khi cận tử thì 16 tâm đang sanh trước đều nương vào sắc ý vật và đang trụ (rồi sắc ý vật này cũng sẽ diệt đi cùng với tâm tử là tâm thứ 16) và sắc sanh lên vào sát na sanh của tâm tục sinh sẽ diệt đi cùng với tâm thứ 16 tính từ tâm tục sinh, còn sắc sanh lên vào sát na trụ của tâm tục sinh sẽ diệt đi cùng với sát na sanh của tâm thứ 17 tính từ tâm tục sinh, và sắc sanh lên vào sát na diệt của tâm tục sinh sẽ cùng diệt đi với sát na trụ của tâm thứ 17 tính từ tâm tục sinh.

Tóm lại sự sinh diệt của danh hiện hữu chừng nào thì sắc cũng sinh diệt chừng đó, cho dù nhóm chúng sanh hóa sanh vào sát na sanh của tâm tục sinh cũng có 70 sắc sanh lên tức bọn nhãn thập sắc, bọn nhĩ thập sắc, bọn tỷ thập sắc, bọn thiệt thập sắc, bọn thân thập sắc, bọn tính thập sắc, bọn ý vật thập sắc.

1- Phân tích sắc sanh lên từ nghiệp

Nghiệp tức 13 tư thiện hiệp thể (trừ 4 tư thiện vô sắc) và 12 tư bất thiện, tổng cộng 25 tư.

Nghiệp sở sanh, nghiệp duyên tức sắc có nghiệp làm sở sanh có nghiệp làm duyên hoặc gọi là sắc nghiệp, nói theo loại có 18 là 5 sắc thân kinh, 2 sắc tính, sắc ý vật, sắc mạng quyền, 8 sắc bất ly, sắc giao giới, nói theo bộn có 9 bộn là bộn nhãn thập sắc... cho đến bộn mạng quyền cửu sắc.

Nghiệp làm duyên cho sắc tâm sở sanh (kammappaccayacittasamutthāna) tức sắc tâm có nghiệp làm sở sanh ám chỉ đến sắc sanh lên từ tâm quả, nhóm tâm quả này sanh lên từ tâm thiện và tâm bất thiện đồng sanh với tâm sở tư là hiện thân của nghiệp.

Nghiệp làm duyên cho sắc vật thực sở sanh (kammappaccayaāhārasamutthāna) tức sắc vật thực có nghiệp làm sở sanh ám chỉ đến sắc dưỡng tố (ajārūpa) trong 9 bộn sắc nghiệp trong sát na đang trụ sẽ làm cho bộn sắc khác nữa sanh lên và sắc dưỡng tố trong bộn sắc đó trong sát na đang trụ cũng sẽ làm cho bộn sắc khác nữa sanh lên nối tiếp nhau như vậy 4 hoặc 5 lần.

Nghiệp làm duyên cho sắc quý tiết sở sanh (kammappaccayautusamutthāna) tức sắc quý tiết có nghiệp làm sở sanh ám chỉ đến hỏa giới (tejojdhātu) trong 9 bộn sắc nghiệp trong sát na đang trụ sẽ làm cho bộn sắc quý tiết khác sanh lên và hỏa giới hiện hữu trong bộn sắc quý tiết

khác đó trong sát na đang trụ làm cho bọn sắc khác nữa sanh lên nối tiếp theo nhau như vậy 4 hoặc 5 lần.

Nên thấy sự sanh lên của sắc nương từ nghiệp như đã đề cập ở phần đầu.

2- Phân tích sắc sanh lên từ tâm (75 tâm trừ 10 tâm ngũ song thức, 4 tâm quả vô sắc).

75 tâm là nhân làm cho sắc sanh lên như sau:

Tất cả 75 tâm làm cho sắc tâm thông thường sanh lên, 13 tâm là 4 tâm tham hỷ thọ, tâm ứng cúng vi tiểu, 4 tâm đại thiện hỷ thọ, 4 đại tố hỷ thọ làm cho sắc tâm liên quan với việc cười sanh lên.

2 tâm là 2 tâm sân làm cho sắc tâm liên quan với việc khóc sanh lên.

32 tâm là tâm khai ý môn, 29 tâm đồng lực dục giới, 2 tâm thông làm cho sắc tâm liên quan với tiểu oai nghi, nói năng và 4 đại oai nghi sanh lên.

58 tâm là tâm khai ý môn, 29 tâm đồng lực dục giới, 2 tâm thông và 26 tâm đồng lực kiên cố làm cho sắc tâm liên quan với việc kim vững 4 đại oai nghi sanh lên.

16 tâm là 10 tâm ngũ song thức, tâm tục sinh của tất cả chúng sanh, tâm tử của bậc lậu tận, 4 tâm quả vô sắc không làm cho sắc tâm sanh lên.

Trong sát na sanh của tâm thì làm cho sắc tâm sanh lên

được, còn trong sát na trụ và sát na diệt thì sắc tâm không sanh lên được bởi vì yếu sức mạnh.

Sắc tâm sở sanh (cittasamuṭṭhānikarūpa) là sắc có tâm làm sở sanh gồm có 15 sắc tâm là sắc thính, 2 sắc biểu tri, 3 sắc kỳ dị (vikārarūpa), 8 sắc bất ly, sắc giao giới.

Sắc tâm duyên tức sắc có tâm làm duyên gồm có 3 bộn sắc (tijākāya) hoặc 4 bộn sắc (catujakāya) sanh trước (tâm, tâm sở sanh sau bằng hậu sanh duyên).

Tâm làm duyên cho sắc vật thực sở sanh (cittapaccayaāhārasamuṭṭhānikarūpa) là sắc vật thực có tâm làm sở sanh gồm có sắc dưỡng tố trong tất cả bộn sắc tâm trong sát na đang trụ làm cho bộn sắc khác sanh lên và nối tiếp nhau như vậy nữa 2 hoặc 3 lần.

Tâm duyên cho sắc quý tiết sở sanh (cittapaccayasamuṭṭhānikarūpa) là sắc quý tiết có tâm làm sở sanh gồm có hỏa giới trong bộn sắc tâm trong sát na đang trụ làm cho bộn sắc quý tiết khác sanh lên và nối tiếp như vậy 2 hoặc 3 lần.

Nên thấy việc sanh lên của sắc sanh lên từ tâm như đã đề cập ở phần đầu.

3- Phân tích sắc sanh lên từ vật thực

Vật thực gồm có vật thực làm thành vắt, miếng hoặc chính là sắc dưỡng tố.

Sắc vật thực sở sanh (āhārasamuṭṭhānika) là sắc có vật

thực làm sở sanh gồm có 12 sắc vật thực là 3 sắc kỳ dị, 8 sắc bất ly, sắc giao giới.

Vật thực duyên (ahārapaccaya) là sắc có vật thực làm duyên gồm có 3 bộn sắc hoặc 4 bộn sắc sanh lên do vật thực duyên.

Vật thực làm duyên cho sắc vật thực sở sanh (āhārapaccayaāhārasamutṭhānikarūpa) là sắc vật thực có vật thực làm sở sanh gồm có dưỡng tố trong bộn sắc vật thực trong sát na đang trụ làm cho bộn sắc vật thực khác sanh lên nối tiếp như vậy 10 hoặc 12 lần. Ví dụ như vật thực ăn vào trở thành sắc trợ giúp được 7 ngày, nhưng nếu là dưỡng tố chư thiên trợ giúp được suốt 1-2 tháng, sắc vật thực sanh lên từ nghiệp gọi là “*vật thực do chấp thủ*” (upādinnakāhāra, vì là sắc vật thực sanh lên với đối tượng có sanh mạng) trong sát na vật thực do chấp thủ đang trụ cũng làm cho sắc dưỡng tố và sắc vật thực khác nữa sanh lên nối tiếp như vậy 4 hoặc 5 lần.

Vật thực làm duyên cho sắc quý tiết sở sanh (āhārapaccayaautusamutṭhānikarūpa) là sắc quý tiết có vật thực làm sở sanh gồm có hỏa giới trong bộn sắc vật thực và sát na đang trụ cũng làm cho bộn quý tiết sanh lên.

Vật thực sở sanh (āhārasamutṭhāna) làm duyên cho sắc vật thực sanh lên và làm duyên cho sắc nghiệp, sắc tâm và sắc quý tiết sanh lên nữa bằng mãnh lực y duyên (nissayapaccaya), vật thực duyên (āhārapaccaya), hiện hữu duyên (atthipaccaya) và bất ly duyên (avigatapaccaya).

4- Phân tích sắc sanh lên từ quý tiết

Quý tiết là sự nóng và lạnh (hỏa giới có 4 sở sanh). *Sắc quý tiết sở sanh* (utusamutṭhānikarūpa) là sắc có quý tiết làm sở sanh gồm có 13 sắc quý tiết là 3 sắc kỳ dị, sắc thanh, 8 sắc bất ly, sắc giao giới.

Quý tiết duyên là sắc có quý tiết làm duyên gồm có 4 sắc sở sanh thường nhiên có sự diễn tiến và tiêu hoại.

Quý tiết làm duyên cho sắc quý tiết sở sanh (utupaccayasamutṭhānikarūpa) là sắc quý tiết có quý tiết làm sở sanh gồm có hỏa giới do quý tiết làm sở sanh trong sát na đang trụ cũng làm cho bốn quý tiết sanh lên và hỏa giới trong bốn quý tiết đó cũng làm cho bốn quý tiết sanh lên tiếp theo nữa, sắc quý tiết sanh lên với đối tượng có sanh mạng còn diễn tiến được lâu chừng nào thì sanh mạng cũng tồn tại cũng lâu chừng đó.

Quý tiết làm duyên cho sắc vật thực sở sanh (utupaccayaāharasamutṭhānikarūpa) là sắc vật thực có quý tiết làm sở sanh gồm có dưỡng tố có quý tiết làm sở sanh trong sát na đang trụ cũng làm cho bốn sắc khác sanh lên và dưỡng tố trong bốn sắc đó cũng làm cho bốn sắc khác nữa sanh lên nối tiếp như vậy 10 hoặc 12 lần.

Quý tiết sở sanh làm duyên cho sắc quý tiết sanh lên và làm duyên cho sắc nghiệp, sắc tâm, sắc vật thực sanh lên nữa bằng mãnh lực y duyên, hiện hữu duyên và bất ly duyên.

Nên thấy việc sanh lên của sắc sanh từ quý tiết như đã đề cập ở phần đầu.

Khi hành giả thấy được sự sanh lên của sắc bằng trạng thái như đã đề cập trên cũng gọi là ghi nhận biết sắc theo thời (tức trong thời gian một sát na).

Phương Pháp Ghi Nhận Để Biết Danh

Khi hành giả ghi nhận biết sắc thì có thể thấy sự sanh lên của sắc cũng như khi ghi nhận biết danh thì có thể thấy được sự sanh lên của danh, thấy được sự sanh lên của danh phải ghi nhận biết 81 tâm hiệp thế có 19 tâm tục sinh sanh lên trước trong thời tục sinh do mãnh lực của nghiệp trong thời tục sinh bằng mãnh lực của nghiệp trong kiếp quá khứ. Việc sanh lên của 19 tâm tục sinh này đã trình bày trong phần xiển minh của pháp duyên khởi (paṭiccasamuppāda).

Việc sanh lên lần đầu tiên của danh là 19 tâm tục sinh sau đó biến đổi thực tánh thành tâm hữu phân và sau cùng khi hết tuổi thọ hoặc chấm dứt thì sẽ biến đổi thực tánh thành tâm tử và trong 19 tâm tục sinh thì tâm nào là tâm dục giới thì tâm đó làm phận sự trở thành tâm na cảnh (tadārammaṇacitta) trong sát na đó nhận cảnh có nhiều sức mạnh trong 6 môn.

Nhưng trong thời bình nhật khi cảnh sắc hiện bày theo đường nhãn môn, có thần kinh nhãn tốt, nhãn thức nương

vào ánh sáng và tác ý (manasikāra) sanh lên cùng với tất cả pháp tương ưng tức 7 tâm sở tợ tha biến hành thì trong giai đoạn trụ của 49 sắc thân kinh nhãn khi cảnh sắc hiện bày lên thì sẽ xúc chạm với thân kinh nhãn làm cho tâm hữu phần sanh lên như sau: Hữu phần vừa qua (atītabhavaṅga), hữu phần rung động (bhavaṅgacalana), hữu phần dứt dòng (bhavaṅgapaccheda) kể đến tâm khai ngũ môn sanh lên hướng đến cảnh sắc cho nên tâm nhãn thức quả thiện hoặc quả bất thiện cũng sanh lên thấy cảnh sắc và từ đó tâm tiếp thân sanh lên bắt lấy cảnh sắc, kế tiếp là tâm quan sát cũng sanh lên xem xét cảnh sắc, tiếp theo tâm phán đoán sanh lên khẳng quyết cảnh sắc rồi đến tâm đồng lực thiện, bất thiện và tố (có 1 tâm tố vô nhân) thuộc tâm dục giới sanh lên 5 hoặc 7 sát na và tiếp đến là một tâm na cảnh nào trong 11 tâm na cảnh sanh lên bắt lấy cảnh từ đồng lực theo tương ứng hoặc theo tương ứng với cảnh.

Ngay cả trong môn khác cũng diễn tiến tương tự giống như vậy, nhưng trong ý môn cho dù tâm đảo đại cũng sanh lên được. Khi hành giả có thể thấy sự sanh lên của danh theo trường hợp như đã đề cập thì gọi là ghi nhận biết danh theo thời (tức trong một lúc).

Khi hành giả ghi nhận biết danh và sắc rồi mới quán xét làm cho thấy được tam tướng theo tuần tự thì sẽ đạt đến *Sanh diệt tuệ* và có thể đạt được *tuệ tu tiến*.

Phương Pháp Ghi Nhận Biết Sắc Theo Bảy Cách

Việc ghi nhận biết sắc pháp để thấy được tam tướng theo phương pháp ghi nhận biết bằng 7 cách là:

- 1- Quán xét sự chấp thủ và buông bỏ.*
- 2- Quán xét sự diệt mất của sắc lớn lên theo lứa tuổi.*
- 3- Quán xét sắc sanh lên từ vật thực.*
- 4- Quán xét sắc sanh lên từ quý tiết.*
- 5- Quán xét sắc sanh lên từ nghiệp*
- 6- Quán xét sắc sanh lên từ tâm.*
- 7- Quán xét sắc sanh lên theo thông thường.*

Ngài giáo thọ sư tiền bối mới đề cập rằng:

Ādānanikkhepanato Vayavuddhatthagāmito

Āhārato ca ututo Kammato cāpi attato

Dhammatārūpato satta Vitthārena vipassati

Hành giả thấy biết tam tướng theo 7 cách là theo sự chấp thủ và buông bỏ, theo sự diệt mất của sắc lớn lên theo lứa tuổi, theo vật thực, theo quý tiết, theo nghiệp, theo tâm và theo sắc thông thường.

1- Quán xét sự chấp thủ và buông bỏ.

Chấp thủ ám chỉ đến *tục sinh*, **buông bỏ** ám chỉ đến *tử*,

ghi nhận sự chấp thủ trong pháp hành là một giai đoạn, ghi nhận sự buông bỏ trong pháp hành là một giai đoạn nữa rồi nêu tam tướng lên trong tất cả hành (saṅkhāra) như:

Tất cả hành là vô thường:

- a- Có sự sanh lên và hoại diệt.
- b- Có sự biến đổi.
- c- Có sự diễn tiến tạm thời.
- d- Có sự đổi lập lại thường.

Tất cả hành là khổ:

- a- Thường xuyên bị áp bức.
- b- Là đau khổ.
- c- Khó chịu đựng được.
- d- Là cứ điềm của khổ.
- e- Đổi lập lại lặc.
- f- Là nguyên nhân mà bất cứ ai cũng không có quyền lực sai khiến, có 3 là:

Tất cả hành sanh lên rồi tồn tại.

Tồn tại rồi hãy đùng già.

Già rồi hãy đùng diệt mất.

Tất cả hành là vô ngã:

- a- Là pháp rỗng không.

b- Vô chủ.

c- Không diễn tiến theo quyền lực.

d- Đối lập lại ngã.

2- Quán xét sự diệt mất của sắc lớn lên theo lứa tuổi.

2.1 Phân 100 năm ra thành 3 lứa tuổi như lứa tuổi sơ thời (pathamavaya) 33 năm, lứa tuổi trung thời (majjhimavaya) 34 năm, lứa tuổi hậu thời (pacchimavaya) 33 năm. Khi phân tuổi thọ ra như vậy rồi thì quán xét 3 lứa tuổi cho thấy được tam tướng như sau:

“Sắc diễn tiến trong lứa tuổi sơ thời không đến kịp lứa tuổi trung thời thì diệt đi trong lứa tuổi sơ thời vì vậy sắc đó là pháp vô thường, pháp nào vô thường pháp đó là khổ, pháp nào khổ thì pháp đó là vô ngã, cho dù sắc diễn tiến trong lứa tuổi trung thời không đến kịp lứa tuổi hậu thời thì diệt đi trong lứa tuổi trung thời cho nên ngay cả sắc đó cũng là pháp vô thường, khổ, vô ngã, ngay đến sắc diễn tiến suốt 33 năm trong lứa tuổi hậu thời cũng không thể bảo tồn đến sau sự chết được cho nên ngay cả sắc đó cũng là vô thường, khổ, vô ngã.

2.2 Phân 100 năm ra thành 10 giai đoạn.

Hành giả quán xét phân tuổi thọ 100 năm ra thành 10 giai đoạn là:

1- Giai đoạn thập niên trẻ thơ (mandadasaka).

- 2- Giai đoạn thập niên chơi đùa (khiḍḍādasaka).
- 3- Giai đoạn thập niên nhan sắc (vaṇṇadasaka).
- 4- Giai đoạn thập niên sức khỏe (baladasaka).
- 5- Giai đoạn thập niên dụng trí (paññadasaka).
- 6- Giai đoạn thập niên thói hóa (hānidasaka).
- 7- Giai đoạn thập niên biến dịch (pabbhāradasaka).
- 8- Giai đoạn thập niên khúc bối (vaṅkadasaka).
- 9- Giai đoạn thập niên lú lẫn (momūhadadasaka).
- 10- Giai đoạn thập niên thường ngộ (sayanadasaka).

Rồi nên ghi nhận mỗi giai đoạn tuổi thọ 10 tuổi cho thấy sự sanh diệt của sắc như sau:

“Sắc diễn tiến trong giai đoạn thập niên đầu tiên chưa đến giai đoạn thập niên thứ hai thì diệt đi trong giai đoạn thập niên đầu tiên cho nên sắc đó mới là vô thường, khổ, vô ngã... sắc diễn tiến trong giai đoạn thập niên thứ 10 chưa kịp đến trong kiếp sau cũng diệt đi trong chính giai đoạn thập niên thứ 10 vì vậy cho nên sắc đó mới là vô thường, khổ, vô ngã”.

2.3 Phân 100 năm ra thành 20 giai đoạn

Hành giả quán xét phân 100 năm ra thành 20 giai đoạn tức phân mỗi giai đoạn ra thành 5 năm rồi quán xét như sau:

“Sắc diễn tiến trong giai đoạn 5 năm đầu tiên chưa đến kịp

giai đoạn 5 năm thứ hai thì diệt đi trong giai đoạn 5 năm đầu tiên cho nên sắc đó mới là vô thường, khổ, vô ngã... sắc diễn tiến trong giai đoạn 5 năm thứ 20 không thể vượt quá hơn sự chết được vì vậy sắc đó cũng là vô thường, khổ, vô ngã”.

2.4 Phân 100 năm ra thành 25, 33, 50 và 100 giai đoạn diễn tiến tương tự như phân 100 năm ra thành 20 giai đoạn.

2.5 Phân 1 năm ra theo 3 mùa

Hành giả quán xét phân tuổi thọ 1 năm ra thành 3 mùa như:

1- Mùa mưa (utuvassāna).

2- Mùa lạnh (utuhemanta).

3- Mùa nóng (utugimha).

Rồi quán xét như sau:

“Sắc diễn tiến trong mùa mưa chưa kịp đến mùa lạnh thì diệt đi trong mùa mưa, sắc diễn tiến trong mùa lạnh chưa kịp đến mùa nóng thì diệt đi trong chính mùa lạnh, sắc diễn tiến trong mùa nóng chưa kịp đến mùa mưa thì diệt đi trong mùa nóng vì vậy sắc đó mới là vô thường, khổ, vô ngã”.

2.6 Phân 1 năm ra theo 6 mùa

Hành giả quán xét phân tuổi thọ 1 năm ra thành 6 mùa là:

1- Mùa mưa (utuvassāna).

2- Mùa lá rụng (utusārada).

3- Mùa lạnh (utuhemanta).

4- Mùa mát (utusisira).

5- Mùa đâm chồi nảy lộc (utuvassanta).

6- Mùa nóng (utugimha).

Rồi quán xét như sau:

“Sắc diễn tiến trong mùa mưa chưa kịp đến mùa lá rụng thì diệt đi trong mùa mưa... sắc diễn tiến trong mùa nóng chưa kịp đến mùa mưa mới thì diệt đi trong chính mùa nóng cho nên sắc đó mới là vô thường, khổ, vô ngã”.

2.7 Phân 1 tháng ra thành 2 tuần trăng

Hành giả phân tuổi thọ 1 tháng thành 2 tuần trăng là:

1- Thượng tuần.

2- Hạ tuần.

Rồi quán xét như sau:

“Sắc diễn tiến trong hạ tuần chưa kịp đến thượng tuần thì diệt đi trong hạ tuần và sắc diễn tiến trong thượng tuần chưa kịp đến hạ tuần kế tiếp thì diệt đi trong thượng tuần vì vậy sắc đó mới là vô thường, khổ, vô ngã”.

2.8 Phân 1 ngày ra thành ban đêm và ban ngày, hành giả nên quán xét như sau:

“Sắc diễn tiến trong ban đêm chưa kịp đến ban ngày thì diệt đi trong ban đêm, còn sắc diễn tiến trong ban ngày chưa kịp đến ban đêm thì đã diệt đi trong chính ban ngày vì vậy sắc đó mới là vô thường, khổ, vô ngã”.

2.9 Phân 1 ngày ra thành 6 giai đoạn:

- 1- Buổi sáng.
- 2- Buổi trưa.
- 3- Buổi chiều.
- 4- Canh đầu.
- 5- Canh giữa.
- 6- Canh cuối.

Rồi quán xét như sau:

“Sắc diễn tiến trong buổi sáng chưa kịp đến buổi trưa thì diệt đi trong buổi sáng... sắc diễn tiến trong canh cuối chưa kịp đến buổi sáng sớm thì diệt đi trong chính canh cuối cho nên sắc đó mới là vô thường, khổ, vô ngã”.

2.10 Phân theo 6 trường hợp hành giả quán xét phân 6 trạng thái của thân ra thành 6 giai đoạn:

- 1- Đi tới trước.
- 2- Đi lui trở lại.
- 3- Nhìn xem.
- 4- Ngoảnh lại nhìn.
- 5- Co vào.
- 6- Duỗi ra

Rồi quán xét như sau:

“Sắc diễn tiến trong sự đi tới trước chưa kịp đến sự đi lui trở lại thì diệt đi trong sự đi tới trước... sắc diễn tiến trong sự co vào chưa kịp đến sự duỗi ra thì diệt đi trong chính sự co vào cho nên sắc đó mới là vô thường, khổ, vô ngã”.

2.11 Phân sự bước chân ra thành 6 giai đoạn, hành giả phân giai đoạn của sự bước chân ra thành 6 giai đoạn như sau:

- 1- Nhấc (uddharaṇa).
- 2- Giở (atijaraṇa).
- 3- Bước (vītihaṇa).
- 4- Hạ (vassajjana).
- 5- Chạm (sannikkhepana).
- 6- Đạp (samnirumabhana).

4 sắc tứ đại trong 6 trạng thái của sự bước chân như sau:

a- Việc nhấc chân thì đất, nước có trọng lượng ít và yếu, còn lửa, gió có trọng lượng nhiều và mạnh. Trong việc giở chân và bước chân cũng giống như vậy.

b- Trong việc hạ chân xuống thì lửa, gió có trọng lượng ít và yếu, còn đất, nước có trọng lượng nhiều và mạnh. Trong việc chạm và đạp cũng như vậy, rồi quán xét rằng:

“Tất cả giới (dhātu) diễn tiến trong việc nhấc chân thì tất cả sắc nương vào giới đó, nhóm pháp này chưa kịp đến việc giở chân thì diệt đi trong chính việc nhấc chân vì vậy nhóm pháp này mới là vô thường, khổ, vô ngã... Tất cả hành sanh

lên trong giai đoạn đó như việc giở chân... chưa kịp đến giai đoạn khác thì vỡ ra thành khúc, đoạn, miếng, thành tiếng “tách”, giống như hạt mè mà họ đặt trên miếng sành nóng nên vỡ ra thành tiếng “tách” như thế đó cho nên tất cả hành mới là vô thường, khổ, vô ngã”. Việc ghi nhận biết tất cả hành thành khúc... là ghi nhận biết chi li, việc ghi nhận biết chi li có ví dụ như sau:

a- Biết rằng ngọn đèn sẽ tắt trong lúc hết dầu và tim đèn cũng giống như việc ghi nhận biết sự diệt của sắc trong giai đoạn chấp thủ (tục sinh) và giai đoạn buông bỏ (tử).

b- Biết rằng ngọn đèn sẽ tắt trong lúc tim đèn bị đốt cháy một phần ba cũng giống như việc ghi nhận biết sự diệt của sắc trong giai đoạn lứa tuổi sơ thời, lứa tuổi trung thời, lứa tuổi hậu thời.

c- Biết rằng ngọn đèn sẽ tắt trong lúc tim đèn bị đốt cháy mỗi lóng tay cũng giống như việc ghi nhận biết sự diệt của sắc trong giai đoạn phân 100 năm ra thành 10, 5, 4, 3, 2, 1 năm.

d- Biết rằng ngọn đèn sẽ tắt trong lúc tim đèn bị đốt cháy mỗi nửa lóng tay cũng giống như việc ghi nhận biết sự diệt của sắc trong giai đoạn phân 1 năm ra thành 3, 6 phần.

e- Biết rằng ngọn đèn sẽ tắt trong lúc tim đèn bị đốt cháy mỗi sợi chỉ cũng giống như việc ghi nhận biết sự diệt của sắc trong giai đoạn phân 1 ngày ra thành trăng hạ tuần, trăng thượng tuần, ban ngày, ban đêm hoặc 6 giai đoạn.

f- Biết rằng ngọn đèn sẽ tắt trong lúc tim đèn bị đốt cháy

mỗi cọng tơ của sợi chỉ cũng giống như việc ghi nhận biết sự diệt của sắc trong giai đoạn phân bước chân ra thành 6 giai đoạn.

3- Quán xét sắc sanh lên từ vật thực (sắc vật thực).

Sắc diễn tiến trong lúc đói là, ốm yếu, kiệt sức, nước da xanh xao chưa kịp đến no vui thì diệt đi trong chính lúc đói là, ngay cả sắc hiện khởi trong lúc no vui cũng chưa kịp đến lúc đói là thì diệt đi trong chính lúc no vui vì vậy sắc sanh lên từ vật thực cũng là vô thường, khổ, vô ngã.

4- Quán xét sắc sanh lên từ quý tiết (sắc quý tiết).

“Sắc diễn tiến trong lúc nóng chưa kịp đến lúc lạnh thì diệt đi trong lúc nóng, sắc diễn tiến trong lúc lạnh chưa kịp đến lúc nóng thì cũng diệt đi trong chính lúc lạnh cho nên sắc sanh lên từ quý tiết mới là vô thường, khổ, vô ngã”.

5- Quán xét sắc sanh lên từ nghiệp (sắc nghiệp).

“Sắc diễn tiến nơi nhãn môn chưa kịp đến nhĩ môn thì diệt đi nơi nhãn môn... sắc diễn tiến nơi thân môn chưa kịp đến ý môn thì diệt nơi thân môn cho nên sắc sanh lên từ nghiệp mới là vô thường, khổ, vô ngã”.

6- Quán xét sắc sanh lên từ tâm (sắc tâm).

Sắc diễn tiến trong lúc hỷ thọ chưa kịp đến ưu thọ thì diệt đi trong lúc hỷ thọ, ngay cả sắc diễn tiến trong lúc ưu thọ cũng chưa kịp đến lúc hỷ thọ thì diệt đi trong chính lúc ưu thọ, vì vậy cho dù sắc sanh lên từ tâm cũng là vô thường, khổ, vô ngã.

7- Quán xét sắc theo thông thường.

Sắc sanh lên kể từ khi kiếp thành (vivaṭṭakappa) là sắc bên ngoài không liên quan đến Quyền như sắt, kim loại, thiếc, chì, vàng, bạc, ngọc trai, ngọc maṇī, ngọc màu xanh da trời, ốc tù và, đá, ngọc san hô, hồng ngọc, ngọc lưu ly, núi đồi, mặt đất, cỏ, cây cối, dây leo... gọi là sắc thông thường, sắc thông thường hiển lộ với hành giả như cây asoka... như sau:

“Sắc diễn tiến trong lúc màu đỏ lợt chưa kịp đến màu đỏ đậm (tức qua 2-3 ngày) thì đã diệt đi.

Sắc diễn tiến trong lúc màu đỏ đậm chưa kịp đến màu đỏ phấn thì đã diệt đi.

Sắc diễn tiến trong lúc màu đỏ phấn chưa kịp đến màu lá cây nhạt thì đã diệt đi.

Sắc diễn tiến trong lúc màu lá cây nhạt chưa kịp đến màu lá cây đậm thì đã diệt đi.

Sắc diễn tiến trong lúc màu lá cây đậm chưa kịp đến màu xanh lá cây thì đã diệt đi.

Sắc diễn tiến trong lúc màu xanh lá cây chưa kịp đến màu xanh lá cây đậm thì đã diệt đi.

Sắc diễn tiến trong lúc màu xanh lá cây đậm chưa kịp đến màu lá cây vàng thì đã diệt đi.

Sắc diễn tiến trong lúc màu lá cây vàng chưa kịp đến lúc rơi khỏi cuống thì diệt đi vì vậy lá cây asoka mới là

vô thường, khổ, vô ngã”. Việc ghi nhận sắc khác nữa theo thông thường cũng phải có phương pháp tương tự như vậy.

Phương Pháp Ghi Nhận Biết Danh Pháp Theo Bảy Cách

Việc ghi nhận biết danh pháp để thấy được tam tướng theo phương pháp ghi nhận để biết bằng 7 cách là:

- 1- Kalāpato: Ghi nhận biết danh pháp theo nhóm.
- 2- Yamakato: Ghi nhận biết danh pháp theo song hành.
- 3- Khaṇikato: Ghi nhận biết danh pháp diễn tiến theo sát na (tâm).
- 4- Paṭipaṭito: Ghi nhận biết danh pháp theo tuần tự.
- 5- Diṭṭhiuggahāṇato: Ghi nhận biết danh pháp để loại trừ tà kiến.
- 6- Mānasamuggahāṇato: Ghi nhận biết danh pháp để loại trừ ngã mạn.
- 7- Nikantipariyādānato: Ghi nhận biết danh pháp để chấm dứt tham muốn.

1- Ghi nhận biết danh pháp theo nhóm.

Quán xét như sau:

Tất cả danh pháp có 5 nhóm của xúc đã sanh lên trong sát na ghi nhận tất cả quả là vô thường, khổ, vô ngã... Tất

cả danh pháp có 5¹ nhóm của xúc sanh lên trong sát na ghi nhận não là vô thường, khổ, vô ngã và tất cả sắc pháp có tóc... phải tiêu hoại thành từng khúc, từng đoạn có tiếng “tách” giống như hạt mè mà họ đặt trên miếng sành nóng thì vỡ ra thành tiếng “tách”, vì vậy tất cả danh pháp có 5 nhóm của xúc mới là vô thường, khổ, vô ngã.

“Việc ghi nhận biết tâm đang diễn tiến biết về 7 nhóm sắc đã đề cập ở phần đầu là pháp vô thường, khổ, vô ngã bằng một tâm khác nữa rằng ngay cả tâm đang quán xét 7 nhóm sắc cũng vô thường, khổ, vô ngã giống như vậy”.

2- Ghi nhận biết danh pháp theo song hành.

Quán xét như sau:

Ghi nhận tâm đang diễn tiến biết rằng sắc khoảng cách giữa sự chấp thủ và buông bỏ là vô thường, khổ, vô ngã bằng một tâm khác nữa biết rằng ngay cả tâm đang quán xét biết về sắc cũng là vô thường, khổ, vô ngã giống như vậy... Ghi nhận tâm đang diễn tiến biết rằng sắc thông thường là vô thường, khổ, vô ngã bằng một tâm khác nữa biết rằng cho dù tâm đang quán xét biết đó cũng là vô thường, khổ, vô ngã như nhau.

Việc quán xét như đã đề cập trên gọi là ghi nhận biết danh pháp và sắc pháp song hành nhau.

¹ 5 nhóm của xúc, thọ, tưởng, tư, thức.

3- Ghi nhận biết sắc pháp diễn tiến theo sát na tâm.

Quán xét như sau:

Ghi nhận biết sắc pháp khoảng cách giữa sự chấp thủ và buông bỏ là vô thường, khổ, vô ngã, rồi ghi nhận biết tâm thứ nhất bằng tâm thứ hai, ghi nhận biết tâm thứ hai bằng tâm thứ ba, ghi nhận biết tâm thứ ba bằng tâm thứ tư, ghi nhận biết tâm thứ tư bằng tâm thứ năm rằng ngay cả tâm thứ 1, 2, 3 và 4 cũng là vô thường, khổ, vô ngã như nhau... Ghi nhận biết sắc thông thường là vô thường, khổ, vô ngã rồi ghi nhận biết tâm thứ nhất bằng tâm thứ hai, ghi nhận biết tâm thứ hai bằng tâm thứ ba, ghi nhận biết tâm thứ ba bằng tâm thứ tư, ghi nhận biết tâm thứ tư bằng tâm thứ năm rằng ngay cả tâm thứ 1, 2, 3 và 4 cũng là vô thường, khổ, vô ngã như nhau.

4- Ghi nhận biết danh pháp diễn tiến theo tuần tự.

Quán xét như sau:

(Giống như việc ghi nhận biết danh pháp diễn tiến theo sát na tâm nhưng thêm số lượng sát na tâm cho đến sát na thứ 10).

5- Ghi nhận biết danh pháp để loại trừ tà kiến, ngã mạn và tham ái.

Quán xét như sau:

Khi hành giả đang ghi nhận thấy sắc pháp và vô sắc pháp thì sẽ không thấy pháp nào khác gọi là người, thú xem

như loại trừ được chúng sanh tưởng (sattasaññā) và khi ghi nhận biết tất cả hành bằng tâm loại trừ được chúng sanh tưởng rồi thì tà kiến không sanh lên như vậy đã loại trừ được tà kiến, và khi ghi nhận biết tất cả hành bằng tâm loại trừ được tà kiến rồi thì ngã mạn cũng không sanh lên xem như loại trừ được ngã mạn, khi ghi nhận biết tất cả hành bằng tâm loại trừ được ngã mạn rồi thì ái dục cũng không sanh lên xem như ái chấp (nikanti) cũng diệt đi.

Khi hành giả nắm giữ rằng *tôi đang thấy rõ* thì tuệ quán này là tôi, như vậy gọi là chưa loại trừ được tà kiến, nhưng nếu khi hành giả nắm giữ rằng tất cả hành đó thấy rõ thì việc quán xét phân tích ghi nhận biết này gọi là loại trừ được tà kiến. Hoặc khi hành giả nắm giữ *tôi thấy rất rõ* thì tôi thấy rất rõ là pháp hài lòng như vậy gọi là chưa loại trừ được ngã mạn, nhưng nếu khi hành giả nắm giữ chính tất cả hành thấy rất rõ thì việc phân tích quán xét ghi nhận biết tất cả hành này gọi là loại trừ được ngã mạn. Hoặc khi hành giả đang hài lòng với tuệ quán rằng *tôi có thể thấy rõ* như vậy gọi là chưa diệt được ái chấp, nhưng nếu khi hành giả nắm giữ rằng chính tất cả hành thấy rõ thì việc phân tích quán xét ghi nhận biết tất cả hành này gọi là là diệt được ái chấp.

Nếu hành giả thấy rằng tất cả hành là ngã thì chấp thủ rằng là ta, nhưng thấy rằng tất cả hành là vô ngã không phải là ngã cho nên tất cả hành mới là vô ngã bởi vì không diễn tiến dưới quyền lực, là vô thường bởi vì có rồi không, tức sanh rồi diệt, là khổ bởi vì bị áp bức sanh diệt. Như vậy gọi là loại trừ được tà kiến.

Nếu hành giả thấy rằng tất cả hành là pháp vững chắc trường cửu nắm giữ là pháp trường tồn nhưng tất cả hành là pháp vô thường không là pháp trường tồn cho nên tất cả hành mới là pháp vô thường do tính chất có rồi không, là khổ do tánh chất bị áp bức, sanh diệt, là vô ngã do tánh chất không diễn tiến dưới quyền lực. Như vậy gọi là loại trừ được ngã mạn.

Nếu hành giả thấy rằng tất cả hành là lạc nắm giữ là lạc nhưng tất cả hành là khổ, không lạc cho nên tất cả hành mới là khổ do tính chất bị sanh diệt, áp bức, vô thường do tánh chất có rồi không, là vô ngã do tánh chất không diễn tiến dưới quyền lực. Như vậy gọi là diệt đi tham muốn.

Tóm lại việc loại trừ ái dục, ngã mạn, tà kiến như sau:

Khi hành giả thấy tất cả hành là *vô ngã* gọi là loại trừ (nhỏ bỏ) được **tà kiến**, khi thấy tất cả hành là *vô thường* gọi là loại trừ được **ngã mạn**, khi thấy tất cả hành là *khổ* gọi là diệt đi **tham muốn**.

Việc ghi nhận biết danh pháp bằng phương pháp ghi nhận biết pháp vô sắc theo 7 cách để làm cho thấy được tam tướng bằng cách như vậy.

Tóm Lược Trạng Thái Của Thâm Quán Tuệ

Việc quán xét tóm lược trạng thái của thâm quán tuệ có 4 loại:

1- Thâm quán theo nhóm (kalāpasammasana) tức quán xét danh sắc theo quá khứ, vị lai, hiện tại, bên trong bên ngoài, thô tế, thù thắng hạ liệt, xa gần, đều là vô thường, khổ, vô ngã bởi vì đơn phương chấm dứt không chịu đựng được là pháp đáng kinh sợ và không có cốt lõi không ở trong quyền lực sai khiến của bất cứ ai.

2- Thâm quán theo thời gian (addhānasammasana) tức quán xét danh sắc sanh diệt vượt quá thời gian lâu dài như quán xét danh sắc trong quá khứ không trở thành danh sắc hiện tại, danh sắc hiện tại không trở thành danh sắc vị lai, danh sắc bên trong không trở thành danh sắc bên ngoài, danh sắc quá khứ sanh lên diệt trong quá khứ, danh sắc vị lai cũng diệt đi trong vị lai, danh sắc hiện tại không sanh trở lại trong kiếp vị lai nhưng có nhân duyên nối tiếp nhau khi hiện tại tốt thì vị lai cũng tốt, khi hiện tại xấu thì vị lai cũng xấu. Ví dụ giống như khi đóng con dấu trên giấy thì hình con dấu hiện bày nhưng con dấu không dính theo giấy, điều này như thế nào thì sự tốt xấu cũng như thế đó nếu chúng ta làm tốt thì sự tốt cũng đóng dấu không mất đi đâu cả cho nên danh sắc mới là vô thường, khổ, vô ngã.

3- Thâm quán theo liên lưu (santatisammasana) tức quán xét thấy sự nối tiếp của danh sắc như sắc nóng diệt đi thì sắc lạnh sanh lên, sắc lạnh diệt đi thì sắc nóng hiện khởi thường xuyên luân phiên thay đổi cho nên danh sắc mới thật sự là pháp vô thường, khổ, vô ngã.

4- Thăm quán theo sát na (khaṇasammasana) tức quán xét thấy sự diển tiến của danh sắc theo mỗi sát na như quán xét thấy sự sanh lên, tồn tại, diệt mất của danh sắc gọi là sanh, trụ, diệt của sự đi, đứng, ngồi, nằm thì có danh sắc sanh diệt như vậy hoài suốt ngày suốt đêm cho nên danh sắc mới là vô thường, khổ, vô ngã.

Sự thấy danh sắc sanh diệt như đã đề cập trên gọi là thăm quán tuệ (sammāsanañāṇa), sự thấy danh sắc sanh diệt của thăm quán tuệ này khi thấy sắc mới sanh lên rồi mới thấy sắc cũ diệt đi, như quán xét oai nghi ngồi sẽ thấy rằng oai nghi ngồi đó diệt đi đến khi được thay đổi oai nghi ngồi đó bằng oai nghi khác mới thấy được rằng oai nghi ngồi đó diệt đi bởi vì trong tuệ này vẫn còn yếu.

Lại nữa, kể từ Danh sắc phân tích tuệ, Duyên đạt tuệ, Thăm quán tuệ này đều là trí nương vào **trí vãn** (sutamayapaññā) và **trí tu** (cintāmayapaññā). Thăm quán tuệ này theo thất thanh tịnh được gom vào trong Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh và là tuệ thứ 1 trong 10 tuệ quán, là tuệ thứ 3 trong 16 tuệ.

Kết Thúc Thăm Quán Tuệ



4- Sanh Diệt Tuệ **(Udayabbayañāṇa)**

Sanh diệt tuệ (udayabbayañāṇa) này khi phân từ thì có 3 từ là Udaya + Vaya + Ñāṇa gom lại thành udayabbayañāṇa (thay đổi Va thành Ba ghép thêm Ba) tức *tuệ thấy sự sanh lên và biến đổi của danh sắc*. Như có định nghĩa: “Uppādabhaṅgānupassanāvasappavattaṃ ñāṇaṃ udayabbayañāṇaṃ”.

Tuệ diễn biến bởi mãnh lực quán xét sự sanh và diệt của tất cả hành gọi là Sanh diệt tuệ.

Chi pháp: Tâm sở trí tuệ hợp trong tâm đại thiện tương ưng trí.

Sanh Diệt Tuệ Có Hai Loại

1- Sanh diệt tuệ non yếu (taruṇaudayabbayañāṇa):
Sanh diệt tuệ non yếu sanh lên vẫn còn lẫn lộn tuệ phiền não gọi là Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh (maggāmaggañāṇadassanavisuddhi) tức còn trong giai đoạn thẩm xét rằng con đường hoặc không phải con đường khi

dính mắc trong tùy phiền não quán gọi là phi đạo lộ, nếu không dính mắc thì gọi là đạo lộ.

2- Sanh diệt tuệ già mạnh (balaudayabbayañāṇa):

Sanh diệt tuệ thuộc loại có trí tuệ già mạnh thấy được sự sanh diệt của danh sắc vượt qua chướng ngại tức vượt qua tùy phiền não quán (vipassanūpakilesa) tiến hành theo trực tiếp đạo hành bằng cách quán xét thấy sự sanh diệt của danh sắc diệt đi tiếp tục như sau:

Sanh diệt tùy quán tuệ (udayabbayānupassanāñāṇa) là tuệ thấy liên tục sự thay đổi của tất cả pháp hiện tại, tuệ thấy sự thay đổi của tất cả pháp hiện tại là tuệ thấy danh sắc sanh lên thuộc hiện tại (udaya) và thấy sự thay đổi của sắc đó đang diệt (vaya)... Hoặc tuệ thấy liên tục trạng thái của sự sanh hoặc trạng thái mới của danh sắc là sự sanh lên (udaya) và thấy liên tục trạng thái của sự thay đổi diệt mất tức diệt đi (vaya).

Hành giả nên quán xét rằng trước đó danh sắc sẽ sanh lên cũng không hiện hữu trong nơi nào thì ngay cả khi danh sắc đang sanh lên cũng không sanh lên từ nơi nào, ngay đến khi danh sắc đang diệt cũng không đi đến trong nơi nào và cho dù khi danh sắc diệt đi cũng không tồn tại trong nơi nào giống như việc đánh đàn trước đó tiếng sẽ hiện khởi cũng chẳng có nơi cất giữ được, khi tiếng đang sanh lên cũng không đến từ nơi nào, khi tiếng đang diệt đi cũng không đến được nơi nào, và khi tiếng đã diệt đi cũng không cất giữ được tại nơi nào. Tiếng đàn đó không hiện hữu trước nhưng

do nương vào cây đàn và sự nỗ lực tấu đàn thì tiếng đàn mới hiện bày lên như thế nào thì tất cả nơi không có danh sắc cũng hiện bày sanh lên khi sanh lên rồi cũng trở lại diệt đi như thế đó.

50 Tướng Trạng Sanh Diệt Của Ngũ Uẩn

1- Thấy sự sanh lên của sắc uẩn có 5 tướng trạng là:

- 1- Thấy sắc uẩn sanh lên do vô minh sanh.
- 2- Do dục ái sanh.
- 3- Do nghiệp sanh.
- 4- Do vật thực sanh.
- 5- Do thấy trạng thái của sự sanh lên.

2- Thấy sự diệt của sắc uẩn có 5 tướng trạng là:

- 1- Thấy sắc uẩn diệt đi do vô minh diệt.
- 2- Do dục ái diệt.
- 3- Do nghiệp diệt.
- 4- Do vật thực diệt.
- 5- Do thấy trạng thái của sự biến đổi.

3- Thấy sự sanh lên của thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn mọi uẩn có 5 tướng trạng là:

- 1- Thấy thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn sanh lên do vô minh sanh.

2- Do dục ái sanh.

3- Do nghiệp sanh.

4- Do xúc sanh.

5- Do thấy trạng thái của sự sanh lên.

4- Thấy sự diệt của thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn mỗi uẩn có 5 tướng trạng là:

1- Thấy thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn diệt do vô minh diệt.

2- Do dục ái diệt.

3- Do nghiệp diệt.

4- Do xúc diệt.

5- Do thấy trạng thái của sự biến đổi.

5- Thấy sự sanh lên của thức uẩn có 5 tướng trạng là:

1- Thấy thức uẩn sanh lên do vô minh sanh.

2- Do dục ái sanh.

3- Do nghiệp sanh.

4- Do danh sắc sanh.

5- Do thấy trạng thái của sự sanh lên.

6- Thấy sự diệt của thức uẩn có 5 tướng trạng là:

1- Thấy thức uẩn diệt do vô minh diệt.

2- Do dục ái diệt.

3- Do nghiệp diệt.

4- Do danh sắc diệt.

5- Do thấy trạng thái của sự biến đổi.

Hành giả khi quán xét như vậy rồi thì sanh diệt tùy quán tuệ còn non yếu sẽ thanh tịnh thêm lên.

Thấy Danh Sắc Bằng Duyên Và Sát Na

Việc thấy sự sanh diệt của sắc do nương vào vô minh... gọi là *thấy bằng duyên* (paccaya), còn việc thấy trạng thái riêng biệt của sự sanh lên trong sát na sanh hoặc việc thấy trạng thái riêng biệt của sự biến đổi trong sát na diệt gọi là *thấy bằng sát na* (khaṇa). Khi hành giả thấy danh sắc bằng duyên và sát na như vậy thì Tứ Thánh Đế sẽ hiện bày như:

1- Thấy sự sanh lên bằng duyên thì tập đế cũng luôn hiện bày bởi vì biết đến duyên làm cho sanh lên.

2- Thấy sự sanh lên luôn hiện bày bằng sát na khổ đế bởi vì biết rằng sự sanh lên là khổ hoặc thấy sự diệt bằng sát na và biết rằng sự diệt là khổ thì khổ đế cũng hiện bày.

3- Thấy sự diệt bằng duyên thì diệt đế luôn hiện bày bởi vì thấy rằng tất cả pháp không sanh lên do không có duyên.

4- Thấy sự sanh lên và diệt bằng duyên và bằng sát na thì diệt trừ được mê muội trong sự sanh diệt thuộc đạo đế hiệp thể.

Pháp duyên khởi cũng hiện bày như sau:

Chiều thuận: Khi thấy sự sanh lên bằng duyên bởi vì biết rằng: “Imasmim sati, idaṃ hoti. Khi pháp này có mặt thì pháp kia mới có”.

Chiều nghịch: Khi thấy sự diệt bằng duyên bởi vì biết rằng: Imasmim nirodhā, idaṃ nirujjhati. Do pháp này diệt pháp kia mới diệt”.

Theo 4 phương cách cũng hiện bày như sau:

1- *Phương cách đồng nhất* (ekattanaya): Thấy sự sanh lên bằng duyên và biết đến sự gián đoạn và nối tiếp của nhân quả thì đoạn trừ **đoạn kiến** được tốt hơn.

2- *Phương cách khác biệt* (nānattanaya): Thấy sự sanh lên bằng sát na và biết đến sự sanh lên của pháp hành mới nữa thì đoạn trừ **thường kiến** được tốt hơn.

3- *Phương cách bất tác vi* (abyāpāranaya): Thấy sự sanh diệt bằng duyên và biết rằng tất cả pháp không diễn tiến theo quyền lực thì đoạn trừ **ngã kiến** được tốt hơn.

4- *Phương cách thường nhiên* (evaṃdhammatānaya): Thấy sự sanh lên bằng duyên và biết đến sự sanh lên của quả theo tương ứng của duyên thì đoạn trừ **vô hành kiến** (akiriya-diṭṭhi) được tốt hơn.

3 tướng trạng cũng sẽ hiện bày như sau:

1- *Vô ngã tướng* tức thấy sự sanh lên bằng duyên và biết

rằng tất cả pháp diễn tiến nối tiếp bởi duyên không có người sáng tạo.

2- *Vô thường tướng* tức thấy sự sanh diệt bằng sát na và biết đến sự có rồi không, biết sự rỗng không trong giai đoạn đầu và cuối.

3- *Khổ tướng* tức sự thấy áp bức trước mặt bởi sự sanh diệt ngay cả thực tướng cũng hiện bày rõ ràng bởi vì nhắm vào hiện thân của pháp (danh sắc) sanh diệt ngay đến hữu vi tướng diễn tiến tạm thời cũng hiển lộ rõ theo thực tướng do biết rằng không có sự diệt trong sát na đang sanh lên và biết rằng không có sự sanh lên trong mỗi sát na đang diệt đi.

Hành Giả Minh Quán Sơ Cơ (Āraddhavipassako)

Khi hành giả thấy được sự khác biệt của đế, pháp duyên khởi, phương cách và tướng trạng hiển lộ rõ ràng như vậy thì tất cả hành là pháp không thường còn cũng hiện bày ngay tức thì, tất cả pháp gọi tên này từ trước không từng sanh lên bây giờ sanh lên, sanh lên rồi cũng diệt đi và không phải tất cả hành hiện bày là pháp mới chỉ hiện bày tồn tại khoảng thời gian cực ngắn mà thôi giống như giọt sương, bọt nước, lăn vạch trên mặt nước, hạt cải trên đầu cây kim, tia chớp, hiện bày không có thực chất cốt lõi giống như ma thuật, ảo ảnh, giấc mơ, khúc củi bị châm lửa, xây cất thiên cung trên hư không, bọt biển, cây chuối.

Bằng phương pháp như đã đề cập trên thì hành giả được gọi là đạt đến tuệ quán còn non yếu (taruṇavipassanāññāṇa) hoặc sanh diệt tùy quán tuệ (udayabbayānupassanāññāṇa) còn non yếu bởi vì thấu triệt 40 tướng trạng bằng suy nghĩ: “Pháp có sự diệt mất là thường nhiên, chính sự thường nhiên sanh lên và khi đã sanh lên rồi thì cũng diệt mất”. Hành giả đạt được như vậy gọi là hành giả thiền quán sơ cơ (araddhavipassako) tức người khởi đầu thực hành minh quán hoặc người khởi sự thấy rõ.

Trong tuần tự của tuệ quán còn non yếu hoặc sanh diệt tùy quán tuệ còn non yếu này thì tùy phiền não quán tức pháp làm cho tuệ quán vẫn đục sẽ sanh lên với hành giả khởi sự thực hành minh quán. Tùy phiền não quán sẽ không sanh lên với 3 nhóm người như đã trình bày.

Giải Thích Về Mười Tùy Phiền Não Quán

Mười tùy phiền não quán thường sanh lên với người tinh cần tu tiến minh quán khi đạt đến sanh diệt tuệ còn non yếu, nếu người đó lỡ mắc vào nhóm tùy phiền não quán này để đạt đến thực tánh thì không thể tinh cần thực hành minh quán tiếp tục bởi vì hiểu sai suy nghĩ rằng mình đã chứng đắc, mình chấm dứt phiền não tác thành bậc A La Hán là nhân làm cho thỏa thích và làm mất đi sự tinh cần để thực hành tiếp tục, nhưng nếu có nhân duyên ước nguyện pháp ba la mật từ kiếp quá khứ tức là người phải tác chứng đạo quả do tục sinh bằng tâm tam nhân thì có thể vượt qua

nhóm phiền não quán này được, tuệ quán sẽ tiến hành theo con đường của danh sắc có trạng thái sanh diệt rõ ràng và sẽ càng rõ ràng hơn lên thì trạng thái tướng (saññālakkhana) biểu hiện người tinh cần tu tiến minh quán đó đạt đến sanh diệt tuệ già dặn trọn vẹn chỉ chờ đợi thời gian tiến đến trí tuệ bậc cao tiếp theo.

Ngài trưởng lão tướng quân chánh pháp Sārīputta nói về tâm bị tùy phiền não quán hoặc tùy phiền não (upakilesa) che án rằng:

Tỳ kheo đang tác ý đến vô thường thì ánh sáng (okāsa) sanh lên, tỳ kheo đó suy nghĩ đến các ánh sáng đó rằng: “Ánh sáng là pháp” vì sự phóng tán hoặc trạo cử do ánh sáng là nhân mới che án vị tỳ kheo ấy không ghi nhận biết đến sự hiện bày của vô thường theo sự thật, không ghi nhận biết đến sự hiện bày của khổ theo sự thật và không ghi nhận biết đến sự hiện bày của vô ngã theo sự thật.

Ngay cả tùy phiền não quán như trí tuệ... cho đến ái chấp (nikanti) cũng diễn tiến tương tự như ánh sáng.

1- Ánh sáng (obhāsa): Tức ánh sáng trong lúc tu tiến minh quán (vipassanobhāsa), khi ánh sáng sanh lên trong lúc hành giả đang tu tiến minh quán thì khởi lên suy nghĩ rằng: “Ánh sáng như vậy không từng hiển lộ với ta bao giờ, có thể ta thực sự đã đắc chứng đạo quả”. Do suy nghĩ như vậy nên hành giả nắm giữ pháp không phải là đạo cho là đạo, pháp không phải là quả cho là quả và từ đó là nhân làm

cho tuệ quán bước ra khỏi đạo lộ chơn chánh do hành giả từ bỏ cảnh của minh quán ban đầu hoặc nền tảng nghiệp xứ ban đầu rồi trở lại ngồi thỏa thích với ánh sáng của minh quán bằng mãnh lực của ái dục, ngã mạn và tà kiến.

Ánh sáng trong minh quán này có sức mạnh sáng tỏ không bằng nhau như đối với một số hành giả như sau:

1- Ánh sáng chỉ trong chỗ ngồi.

2- Ánh sáng khắp trong phòng.

3- Ánh sáng khắp ngoài phòng.

4- Ánh sáng khắp cả tịnh xá.

5- Ánh sáng khắp một phần ba do tuần (gvuta).

6- Ánh sáng khắp nửa do tuần.

7- Ánh sáng khắp một do tuần.

8- Ánh sáng khắp hai do tuần.

9- Ánh sáng khắp ba do tuần...

10- Ánh sáng thuần nhất kể từ mặt đất trở lên cho đến tầng phạm thiên Sắc Cứu Cánh.

11- Nhưng ánh sáng của Đức Thế Tôn khắp mười ngàn luân vi thế giới.

Diễn hình sự khác biệt nhau về ánh sáng trong minh quán, ngài nêu lên đề cập rằng:

Hai vị trưởng lão đang ngồi bên trong căn nhà có 2 vách

tại núi Cittalapabbata, ngày đó là ngày phát lộ (uposatha) trăng hạ tuần có mây dày đặc trong lúc đêm khuya. Vào buổi tối đó một vị trưởng lão nói rằng “Thưa tôn giả, hoa ngũ sắc trên bảo tọa con sư tử trong sân bảo tháp đang hiển lộ với tôi”. Vị trưởng lão kia nói rằng: “Này hiền giả, chưa thật thù diệu vì rằng trong lúc này tất cả rùa và cá cách xa một do tuần trong đại dương đang hiển lộ với tôi”.

Phần nhiều tùy phiền não quán thường sanh lên với người tu tiến minh quán theo phương pháp chỉ quán tức tu tiến chỉ tịnh trước rồi mới tu tiến minh quán sau bởi vì các phiền não bị áp chế bởi mãnh lực của chỉ tịnh không thể phát triển được nên làm cho người tu tiến chỉ quán (sammathavipassanā) khởi lên suy nghĩ rằng “đã tác chứng A La Hán” giống như ngài:

- 1- Trưởng lão Mahānāga ngụ tại Uccaṃkavāsika.
- 2- Trưởng lão Mahādatta ngụ tại Hamkanaka.
- 3- Trưởng lão Cūlasumana ngụ tại nīṅkapeṇṇakapadhānaghara trên núi Cittala.

2- Trí tuệ (ñāṇa) ám chỉ đến *tuệ quán* trong sát na hành giả đang nghiệm suy so sánh tất cả danh pháp và sắc pháp thì luồng trí tuệ tinh tường sắc bén già mạnh rõ ràng sanh lên giống như vũ khí của vua trời Đế Thích phóng ra.

3- Phỉ lạc (pīti) ám chỉ đến sự *no vui do tu tiến minh quán*, phỉ lạc sanh lên trong giai đoạn này có 5 loại:

- 1- Tiểu đản hỷ (khuddakāpīti): Sự no vui chút ít.

2- Sát na hỷ (khaṇikāpīti): Sự no vui tăng lên trong mỗi sát na.

3- Khinh thân hỷ (okkantikāpīti): Sự no vui lan tỏa.

4- Hải triều hỷ (ubbeṅgāpīti): Sự no vui như nước nhảy lãn tãn.

5- Sung mãn hỷ (pharaṇāpīti): Sự no vui lan tỏa khắp cơ thể.

Năm loại phi lạc này sanh lên khắp thân thể.

4- Khinh an (passaddhi) ám chỉ đến *sự yên lặng trong minh quán* khi đang tu tiến minh quán ngồi nghỉ ngơi giữa đêm khuya hoặc giữa trưa đi nữa trong lúc đó cả thân lẫn tâm của hành giả không điều gì quấy rầy như:

1- Chộn rộn.

2- Nặng nề.

3- Thô cứng ương ngạnh.

4- Không thích hợp với việc làm.

5- Đau ốm.

6- Gian manh.

Thế nhưng thân tâm của hành giả sẽ được đầy đủ lợi ích như:

1- Vắng lặng.

2- Nhẹ nhàng.

- 3- Mềm mỏng.
- 4- Thích hợp với việc làm.
- 5- Trong sáng.
- 6- Bền bỉ ngay thẳng.

Khi hành giả nhận được trợ giúp từ sự khinh an này thì sẽ có sự hân hoan thỏa thích mà không phải sanh lên với khắp mọi người như Đức Thế Tôn nêu lên thuyết rằng:

Suññāgaram pavitṭhassa	Santacitassa bhikkhuno
Amānusī ratī hoti	Sammā dhammaṃ vipassato
Yato yato sammasati	Khandhānaṃ udayabbayaṃ
Labhatī pītipamojjaṃ	Amataṃ taṃ vijānataṃ

“Sự thỏa thích không phải sanh lên với khắp mọi người, chỉ có thể sanh lên với vị tỳ kheo đạt đến lãnh vực vắng lặng và có tâm an tịnh thấy rõ pháp bằng sự chín chắn khi tỳ kheo đó ghi nhận biết sự sanh diệt của tất cả uẩn bằng sanh diệt tuệ trong danh pháp hoặc sắc pháp thường phi lạc hân hoan, phi lạc hân hoan của tỳ kheo biết rõ đó là bất tử”.

Tịnh kết hợp với pháp như nhẹ nhàng... là nhân làm cho hành giả nhận được hân hoan mà không phải sanh lên với khắp mọi người.

5- Lạc (sukha) ám chỉ đến *sự an lạc trong minh quán* tức trong sát na mà hành giả bắt đầu tu tiến minh quán thì sự an lạc vi tế hơn sanh lên tràn đầy khắp thân thể là tâm an

lạc tràn trề không thể miêu tả cho đúng đắn được vì là lạc có vị thâm thúy lạ kỳ là lạc cao quý hơn lạc thông thường mà nhân loại thường gặp. Tóm lại tất cả lạc như thế nào cũng không bằng lạc của minh quán vì vậy nếu không khéo tác ý sẽ làm cho hành giả hiểu sai.

6- Khăng quyết (adhīmokkha) ám chỉ đến sự tin tưởng hoặc đức tin tương ưng trong minh quán, khăng quyết thuộc tùy phiền não quán là sự trong sáng vô cùng của tâm và tâm sở tín có sức mạnh cho nên tâm và tâm sở tín vô cùng trong sáng do mãnh lực đức tin dừng mãnh dẫn đến suy nghĩ vĩ đại như mong muốn giúp cho mọi người như người thương yêu, cha mẹ, thầy tổ tu tiến nghiệp xứ như mình. Đức tin loại này có sự nhiệt huyết vô cùng thậm chí người có ân đức với mình đã chết thì mình cũng đi đến mang hài cốt của các vị đó đến thực hành minh quán nghiệp xứ giống như mình liền tức thì. Khi suy nghĩ sắp sửa đi đến thầy giáo thọ bậc ban cho nghiệp xứ đến mình trong hiện tại thì phát sanh đức tin nơi ngài, nghĩ đến phước đức của ngài cho đến phước đức của Phật Giáo rằng sự kiện mà mình gặp được Pháp và nhận được an lạc trong lúc này cũng do thầy giáo thọ chỉ dạy dẫn dắt theo đường lối Phật Giáo mà từ trước đã từng có đức tin hoặc không có đức tin nhưng bây giờ thì tin tưởng thật sự, nếu như tạo thiện pháp nào về sau thì sẽ tạo chỉ riêng biệt thiện pháp liên quan với minh quán bởi vì thấy được giá trị lợi ích của việc tu tiến, nếu hành giả là bậc xuất gia thì cũng sẽ suy nghĩ đề ra phương án tạo cơ sở trong ý tưởng rằng khi

ta chúng đấng rời khỏi nghiệp xứ phải đi mọi nơi tìm trú xứ thích hợp với mình quán nghiệp xứ rồi tự mình làm giáo thọ sư chỉ dạy cho tất cả mọi người hiểu biết được chánh pháp lợi ích thật sự tức chính việc thực hành minh quán mà tất cả mọi người còn rất mê muội, không hiểu biết được việc tu tiến mà mình đang hành thật đáng tội nghiệp (thương hại) vì vậy sẽ giúp cho họ không lầm lạc để thoát khỏi khổ. Khi suy nghĩ thì thỏa thích cùng đức tin mãnh liệt nên hành giả hoàn toàn quên cảnh nghiệp xứ tức dẫn đến thiếu sót việc chú niệm ghi nhận nghiệp xứ. Thật ra đức tin sanh lên là pháp thiện bởi vì đức tin sanh lên trong lúc tâm thanh tịnh trong sáng mà thông thường mọi người không khởi lên đức tin loại này được nhưng lại là tùy phiền não quán bởi vì khi tâm thỏa thích cùng với đức tin cũng làm cho mất đi cảnh nghiệp xứ tức chú niệm ghi nhận, làm cho mất thời gian trong việc tu tiến minh quán và khi không khéo tác ý thì ái dục, ngã mạn, tà kiến xâm nhập vào lẫn lộn sẽ làm cho việc tu tiến không vững chắc hoặc tiến bộ theo thích hợp.

7- Tinh cần (paggāha) ám chỉ đến *sự nỗ lực tương ứng trong minh quán*, là sự nỗ lực được quân bình hoàn hảo không trôi không sụt, tinh cần trong việc tu tiến minh quán không biết mệt mỏi mà từ trước cho dù thầy giáo thọ sách tấn để làm cho tinh cần cũng khó nhận thấy được nên khi mệt mỏi chút ít thì chấm dứt sự tinh cần, bấy giờ thì sự suy nghĩ như vậy đã diệt mất và khởi lên sự tinh cần đặc biệt cho đến làm cho tâm của chính mình cũng khác lạ nhưng do

nhân nào mà mình có sự tinh cần mãnh liệt không mệt mỏi trong việc tu tiến như vậy, khi không khéo tác ý thì tự mình sẽ hiểu sai rằng đã đắc chứng Đạo, Quả, Níp Bàn cho nên sự tinh cần này mới là tùy phiền não quán.

8- Trú niệm (upaṭṭhāna) ám chỉ đến *niệm tương ưng trong minh quán*, là niệm đạt đến tồn tại vững chắc sâu lắng vào không lay động giống như ngọn núi lớn, niệm sâu lắng vào khi sanh lên với hành giả rồi thì hành giả ghi nhớ hoặc suy nghĩ đến cảnh nào thì cảnh đó cũng gom vào trong lãnh vực của niệm giống như các cảnh giới khác hiển lộ rõ với người có thiên nhãn.

9- Xả ám chỉ đến **quán xả (vipassanūpekkhā)** và **hướng tâm xả (āvajjanūpekkhā)**, quán xả tức *sự trung dung trong tất cả hành*, còn hướng tâm xả tức *sự trung dung sanh lên trong ý môn*. Cả hai xả này thường sanh lên với hành giả khởi đầu tu tiến minh quán và khi xả đang tiến hành như vậy thì hành giả nghĩ đến cảnh nào thì xả đó cũng tiến hành theo giả mạo sắc bén không vui buồn đối với mọi pháp giống như không có phiền não. Không nao núng giao động đối với mọi loại cảnh thuộc xả có sức mạnh dũng mãnh nên cho dù có cảnh nào đến xúc chạm cũng không lay động, luôn thản nhiên với mọi trường hợp và tự mình cũng ngạc nhiên trong trạng thái vô cùng thay đổi như vậy, nếu không khéo tác ý sẽ làm cho hiểu sai nghĩ rằng ta đã chứng đắc A La Hán bởi vì thản nhiên không vui buồn chi cả, chính như vậy việc chấm dứt phiền não tác chứng đạo,

quả, Níp Bàn là như vậy phải chăng. Đây cũng là do nương từ tà kiến chen vào, và còn suy nghĩ tiếp tục nữa rằng ta có nhiều phước quá khứ nên tu tiến không bao lâu cũng đắc chứng đạo quả được dễ dàng không có ai giống như ta. Đây cũng là do nương từ ngã mạn chen vào. Tiếp đến cũng có suy nghĩ rằng ta đã an tịnh không phải vui buồn chi nữa cho đến khi xuất khỏi nghiệp xứ rồi sẽ ở trong thế gian yên tịnh vắng lặng không phải thương không phải ghét không phải vui buồn làm cho nao động giống như tất cả mọi người đang sống với nhau, xin cho mình được sống với trạng thái trọn vẹn như vậy. Đây gọi là có ái dục chen vào.

Tóm lại xả thật sự là pháp thiện nhưng nếu không khéo tác ý thì ái dục, ngã mạn, tà kiến xen vào và trở thành tùy phiền não quán giống như vũ khí của vua trời Đế Thích phóng ra hoặc giống như mũi tên lửa bắn vào trong đồng lá cây.

10- Ái chấp (nikanti) ám chỉ đến ái chấp trong minh quán hoặc *sự thỏa thích trong minh quán*, ái chấp là thực tánh có trạng thái an tịnh vi tế khi sanh lên với hành giả rồi thì thường làm cho dính mắc hoặc ước muốn đối với tùy phiền não quán như ánh sáng... Ái chấp trong minh quán là sự thỏa thích mà bất cứ ai cũng không thể ghi nhận biết được là phiền não.

10 loại tùy phiền não quán này thường sanh lên với hành giả đang tu tiến mà mỗi phàm nhân khi đạt đến sanh diệt tuệ còn non yếu, vừa đến giai đoạn này thì vị giáo thọ sư minh quán nên nhắc nhở tuyệt đối làm cho hành giả có niệm

không sai lầm trong tùy phiền não quán, những gì cần dẫn dắt thì phải dẫn dắt, cần nói thì phải nói không được nề nang, phải nhắm đến lợi ích về sau của hành giả.

Vấn Đề Đặc Biệt Liên Quan Đến Tùy Phiền Não Quán

Vấn: *Khi hành giả đạt đến sanh diệt tuệ còn non yếu thì do nhân nào mà phải có tùy phiền não quán sanh lên?*

Đáp: Tùy phiền não quán sanh lên bởi mãnh lực của định tức hành giả tu tiến đến giai đoạn này thì sức mạnh của định sẽ tốt lên nhiều làm cho tâm được trong sáng, là nhân làm cho thấy được pháp kỳ diệu phi thường mà mình chưa từng thấy từ trước như ánh sáng... Sự việc ánh sáng sanh lên từ tâm trong sáng này có ví dụ như hào quang sáu màu của Bạc Chánh Đẳng Giác bậc thầy tối thượng siêu thế khi Ngài quán xét về 7 bộ Thắng Pháp, lúc Ngài quán xét bộ thứ nhất đến bộ thứ sáu thì giống như việc quán xét pháp theo thông thường không có điều nào đặc biệt khởi lên, nhưng khi quán xét đến bộ thứ 7 tức bộ Vị Trí (Paṭṭhāna) thì hào quang 6 màu túa ra xung quanh kim thân và vô cùng thù diệu là hào quang túa ra từ ngọn tóc trở lên trên xuyên thấu phạm thiên giới đến thượng tầng hư không (ajjatakāla), hào quang bên dưới chân túa xuống dưới xuyên thấu mặt đất, xuyên thấu lớp nước nâng đỡ mặt đất, xuyên thấu lớp gió đến tận hạ tầng hư không, hào quang phía trước và phía sau túa ra đến

vô tận luân vi (anantacakkavāla) bởi do Đức Phật có tâm hân hoan trong sáng nên hào quang 6 màu mới tủa ra hiển lộ như vậy.

Lại nữa, lúc Đức Phật thuyết pháp tế độ chúng sanh hữu duyên theo thông thường hay Ngài thuyết 6 bộ Thắng Pháp thì các pháp đó chưa quảng đại thâm sâu, không đủ với Toàn Giác Trí mà Ngài đã kiến tạo trí tuệ ba la mật đến 4 a tăng kỳ 100 ngàn đại kiếp, nhưng khi đến bộ Vị Trí có ý nghĩa vô tận vi tế sâu sắc thâm thúy quảng đại tương xứng thích hợp với Toàn Giác Trí giống như loại kinh ngư trên thế gian như kinh ngư Timiṅgala hoặc kinh ngư Ānanda nếu bơi lội trong sông nhỏ thì sẽ gò bó chật hẹp không được thoải mái linh hoạt, không được thỏa sức, nhưng nếu được bơi lội trong đại dương thì sẽ chấm dứt được sự gò bó chật hẹp và nhận được hân hoan thỏa sức bởi vì bơi lội được thuận lợi. Điều này như thế nào thì Đức Phật khi quán xét bộ Vị Trí (paṭṭhāna) vô tận ý nghĩa giống như đại dương rộng lớn mênh mông thích hợp là nơi dạo đi của Toàn Giác Trí mà Ngài tạo trữ thời gian lâu không ước lượng được nên có tâm thanh tịnh trong sáng. Tùy phiền não quán cũng tương tự giống như vậy khi hành giả tu tiến mình quán đạt đến sanh diệt tuệ còn non yếu này do mãnh lực của định già mạnh lên thì làm cho khởi sanh một loại tùy phiền não quán nào như ánh sáng...

Khi ánh sáng... đã sanh lên thì hành giả chấp trước và suy nghĩ rằng “Trong thời gian trước thực tánh pháp này

không từng hiển lộ sanh lên với ta, như vậy ta chắc là người đắc chứng đạo thật sự”. Nên chấp trước pháp không phải đạo quả là đạo quả và dẫn đến làm cho tâm lộ minh quán vượt ra ngoài con đường chơn chánh bởi vì hành giả từ bỏ cảnh nghiệp xứ xuôi theo vui mừng thích thú trong tùy phiền não quán.

Phân 10 Tùy Phiền Não Quán (Upakilesa)

Theo 3 Loại Chấp Trước (Gāha)

10 tùy phiền não quán hoặc 10 tùy phiền não gọi là tùy phiền não bởi vì làm cảnh hoặc đối tượng của tùy phiền não mà không phải là một loại bất thiện nào ngoại trừ ái chấp (nikanti) là hiện thân tùy phiền não và là cảnh của tùy phiền não.

Tùy phiền não (upakilesa) hoặc tùy phiền não quán (vipassanūpakilesa) *nói theo phương pháp làm cảnh hoặc là đối tượng* thì có 10 loại như ánh sáng... nhưng *nói theo phương pháp chấp trước* thì có 30 loại là:

Khi hành giả chấp trước rằng:

1- Ánh sáng đã sanh lên với ta thì xếp vào là **tà kiến chấp trước (ditṭhigāha)**, tức *chấp trước do mãnh lực của tà kiến*.

2- Ánh sáng này sanh lên đẹp ưng ý với ta thật sự thì xếp vào là **ngã mạn chấp trước (mānagāha)**, tức *chấp trước do mãnh lực của ngã mạn*.

3- Khi hành giả có sự hân hoan thích thú trong ánh sáng thì xếp vào là **ái dục chấp trước** (**taṇhāgāha**), tức *chấp trước do mãnh lực của ái dục*.

Ngay cả tùy phiền não còn lại cũng có 3 loại giống như ánh sáng nên gom lại thành 30 tùy phiền não theo phương pháp chấp trước.

Người Không Tinh Thông Trong Tùy Phiền Não

Khi tùy phiền não sanh lên thì làm cho tâm của hành giả không tinh thông, không nhạy bén, giao động phóng tán với nhóm phiền não đó nên thường làm cho hành giả thấy rằng “Tùy phiền não là ta, ta là tùy phiền não, tùy phiền não là bản ngã của ta”.

9 loại pháp kể từ ánh sáng cho đến xả là thiện pháp thật bởi vì sanh lên được cũng phải tinh cần tu tiến mình quán nghiệp xứ không ít nhưng có thực tánh là tùy phiền não bởi vì khi đã sanh lên thì 3 tùy phiền não *ái dục, ngã mạn, tà kiến* được cơ hội chen vào, khi có cơ hội hiển lộ lên thì tà kiến sẽ sanh lên với hành giả làm cho suy nghĩ rằng ánh sáng sanh lên là do ta chứng đắc pháp đặc biệt, tiếp đến ngã mạn cũng sẽ sanh lên làm cho suy nghĩ rằng ta thật sự có phước, sau đó thì vui mừng thỏa thích rằng xin cho đời sống được như vậy mãi và hiện bày ái dục sanh lên làm cho cơ

hội thật sự là pháp thiện trở thành thực tánh tùy phiền não, trong vấn đề này có ví dụ như sau:

Có 1 cận sự nam là người tốt, có giới, pháp, là người thân tín đứng đầu của một ngôi chùa, là nơi tin tưởng của mọi người lân tỷ kheo, sadi và dân làng. Một ngày nọ có 3 người bạn đến rủ đi chợ và cùng nhau đi vào quán rượu, khi ngồi xuống thì cả 3 người bạn mới gọi rượu đến uống say sưa và trò chuyện âm ỉ, nhóm người đi ngang qua nghe tiếng nói thì mỗi người quay lại nhìn thấy người cận sự nam đang ngồi trong bàn rượu mới cùng nhau nghĩ xấu rằng cận sự nam mà mình tin tưởng về đức hạnh ngược lại là người uống rượu bởi vì nhìn thấy đang ngồi trong bàn rượu và địa điểm ngồi cũng là quán rượu, mặc dù người cận sự nam vẫn còn giữ giới không uống rượu và ngồi lặng thinh thật nhưng cũng phải bị chê trách mất danh tiếng bởi do 3 người bạn xấu là nguyên nhân sanh khởi.

Điều này như thế nào thì 9 pháp kể từ ánh sáng cho đến xả cũng giống như vậy đều là pháp tốt thật sự, là thiện pháp nhưng cũng phải mang tiếng là tùy phiền não bởi do 3 người bạn xấu là ái dục, ngã mạn, tà kiến là nguyên nhân sanh khởi nhưng khi trí tuệ đã vượt qua thì ái dục, ngã mạn, tà kiến sẽ lìa khỏi 9 pháp ấy và trở lại là pháp tốt theo ban đầu lẫn tốt đặc biệt bởi vì là giác chi (bojjhanga) là chi phần lợi ích quan trọng làm nhân cho đắc chứng đạo, quả. Còn pháp sau cùng tức ái chấp (nikanti) là hiện thân của bất thiện, là tùy phiền não thật sự không cần phải hoài nghi cho nên trong Thanh Tịnh Đạo mới trình bày rằng:

Vipassanūpakilesā hi paṭivedhapatassa ariyasav- akassa, ceva vippaṭipannakassa, ca nikkhittakammaṭṭhānassa kusītapuggalassa nuppajjanti.

Bậc Thánh nhân tác chứng ngài đã vượt qua 16 tuệ 1 lần rồi chú nguyện trở lại đến tuệ này nữa hoặc bậc Thánh nhân cao hơn, hành giả tu tiến sai phương pháp hay hành giả lười biếng buông bỏ nghiệp xứ thì các bậc này không gặp tùy phiền não.

Lại nữa, ngài đề cập rằng: Sammāpaṭipannakassa pana yuttapayuttassa āradhavi-passakassa kulaputtassa uppajjantiyeva.

Còn đối với người tu tiến đúng đạo lộ, tinh cần ghi nhận mình quán không thối chuyển cho đến sanh diệt tuệ còn non yếu thì chắc chắn sẽ gặp tùy phiền não quán.

Người Tinh Thông Trong Tùy Phiền Não

Nhưng đối với hành giả tinh thông là bậc hiền trí nhạy bén (sâu sắc) đầy đủ am hiểu khi các tùy phiền não như ánh sáng... sanh lên thì ghi nhận biết thẩm xét bằng niệm tuệ rằng:

1- Ánh sáng sanh lên với ta tùy thuộc theo thực tánh vô thường của ánh sáng có duyên tạo tác nương vào duyên mới sanh lên thường nhiên, có sự chấm dứt, sự hoại đi, sự diệt mất là thường nhiên.

2- Nếu ánh sáng là bản ngã thì việc chấp trước ánh sáng là bản ngã cũng thích hợp nhưng ánh sáng không phải là bản

ngã mà là vô ngã bởi vì không diễn tiến theo quyền lực, là vô thường vì có rồi không có, là khổ vì có sự áp bức.

Khi hành giả thâm xét sẽ thường xuyên thấy được ánh sáng rằng: “Ánh sáng không phải của ta, ta không phải là ánh sáng, ánh sáng không phải là bản ngã của ta”. Ngay cả tùy phiền não còn lại cũng thâm xét tương tự giống như vậy, và khi hành giả thường xuyên thấy như vậy sẽ không giao động, không lay chuyển bởi mãnh lực của các tùy phiền não.

Do đó ngài giáo thọ sư tiền bối mới đề cập rằng:

Imāni dasa ṭhānāni Paññāyassa parīcitā

Dhammuddhaccakusalo hoti Na ca vikkhepaṃ gacchati

Hành giả ghi nhận biết nơi chốn của 10 loại tùy phiền não quán bằng trí tuệ thường là người tinh thông trong việc tự mình thoát ra khỏi tùy phiền não quán và thường không đưa đến phóng tán.

Khi hành giả không phóng tán gọi là phát hoang đủ 30 loại tùy phiền não ghi nhận biết được pháp nào là đạo và không phải đạo, như tất cả pháp như ánh sáng... không phải là đạo từ tuệ quán thoát khỏi tùy phiền não và tiến hành theo tâm lộ của minh quán là đạo. Trí tuệ biết được đạo và không phải là đạo sanh lên với hành giả nào thì hành giả đó đạt đến *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh* (maggāmaggañāṇadassanavisuddhi).

Khi hành giả tu tiến minh quán cho đến khi đạt đến Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh xem như ghi nhận biết được 3 đế bằng tuệ hiệp thể (lokīyapaññā) như:

1- Ghi nhận biết **khổ đế** bởi ghi nhận biết danh sắc trong Kiến thanh tịnh (ditthivisuddhi).

2- Ghi nhận biết **tập đế** bởi ghi nhận biết danh sắc trong Đoạn nghi thanh tịnh (kaṅkhāvitaraṇavisuddhi).

3- Ghi nhận biết **đạo đế** bởi ghi nhận biết đạo chín chắn trong Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh.

Sanh Diệt Tuệ Già Mạnh

Sanh diệt tuệ già mạnh (balavaudayabbayañāṇa) tức trong giai đoạn đầu sanh diệt tuệ không thể ghi nhận biết tam tướng theo sự thật bởi vì bị 10 tùy phiền não làm cho vẫn đục nên hành giả phải tinh cần tiếp tục nữa cho đến khi có thể thoát khỏi 10 tùy phiền não thì sanh diệt tuệ già mạnh thoát khỏi tùy phiền não sẽ sanh lên mới có thể ghi nhận biết được tam tướng vững chắc rõ ràng.

Vấn: *Tất cả tướng không hiển lộ do pháp gì che đậy và do không khéo tác ý pháp gì?*

Đáp: Thứ tự đầu tiên **vô thường tướng** không hiển lộ bởi vì liên lưu (santati) che đậy và do không khéo tác ý sự sanh và diệt.

Khổ tướng không hiển lộ bởi vì các oai nghi che đậy và do không khéo tác ý sự áp bức trước mặt bởi sự sanh và diệt.

Vô ngã tướng không hiển lộ bởi vì thuận khối (ghana) thành đồng hoặc thành khối che đậy và do không khéo tác ý đến sự tiêu hoại của các nguyên chất (dhātu).

Nhưng khi hành giả ghi nhận biết sự sanh diệt thì loại trừ được liên lưu và vô thường tướng sẽ hiển lộ thực tánh của mình theo sự thật. Khi thường xuyên khéo tác ý sự áp bức trước mặt thì loại trừ được oai nghi và khổ tướng sẽ hiển lộ theo thực tánh thật của mình và khi chia chẻ các nguyên chất ra khỏi để phá vỡ thuận khối thành đồng hoặc thành khối thì vô ngã tướng sẽ hiển lộ theo thực tánh thật của mình.

Hành giả tu tiến minh quán cho đến khi đạt được Sanh diệt tuệ già mạnh rồi thì quán xét ghi nhận biết tam tướng như sau:

1- Vô thường tướng là tướng của sự vô thường ám chỉ đến các hành sanh lên rồi diệt đi hoặc trạng thái thay đổi có rồi không có.

2- Khổ tướng là tướng của sự khổ ám chỉ đến trạng thái thường xuyên áp bức trước mặt.

3- Vô ngã tướng là tướng của sự không có ta ám chỉ đến trạng thái không diễn tiến theo quyền lực sai khiến.

Khi hành giả ghi nhận các tướng như trên gọi là sanh diệt tuệ già mạnh được tiến hành theo phận sự tâm lộ của mình như sự thật.

Kết Thúc Sanh Diệt Tuệ



5- Hoại Diệt Tuệ (Bhangañāṇa)

Hoại diệt tuệ (bhangañāṇa) là tuệ quán xét thấy *sự diệt* thuần nhất của danh sắc. Như trình bày định nghĩa:

“Udayaṃmuñcivāvayepavattaṃñāṇaṃbhangañāṇaṃ”.

Trí tuệ buông bỏ sự sanh rồi diễn tiến theo sự tiêu hoại gọi là *Hoại diệt tuệ*.

Chi pháp: Tâm sở trí tuệ hợp trong tâm đại thiện tương ưng trí.

Khi hành giả ghi nhận thâm xét cân nhắc thường xuyên trong tất cả danh sắc theo vô thường, khổ, vô ngã thì tuệ quán sẽ già mạnh lên, thực tánh của tất cả hành hiển lộ nhanh chóng làm cho tuệ quán ghi nhận không kịp sự sanh, trụ, sự diễn tiến hoặc tất cả tướng của các hành thì niệm và tuệ quán ghi nhận vững trú riêng biệt sự diệt tức sự chấm dứt, tiêu hoại hoặc rã tan chỉ thuần nhất của tất cả hành.

Khi định tuệ già mạnh thì cảnh của tất cả hành hiển lộ với hành giả theo trạng thái diệt mất cho đến lúc sanh lên hoặc trụ cũng không thấy được, ngay đến liên lưu nối tiếp sự diễn tiến cũng đứt đoạn, hình tướng cũng hiển lộ trạng

thái diệt mất ghi nhận cũng chỉ được sự “diệt”, có sự chấm dứt tiêu hoại và tan rã mà thôi. Từ *diệt* (nirodha) có 2 loại:

1- Diệt rồi sanh (uppādanirodha): Sự diễn tiến vẫn còn trạng thái sanh.

2- Diệt rồi không sanh (anuppādanirodha): Sự diệt là đạo diệt (maggonirodha) như sự diệt của bậc nhập thiên quả và nhập thiên diệt.

Đối với từ “diệt” trong nơi đây ám chỉ đến **diệt rồi sanh** tức diệt vẫn còn sanh lên nữa.

Trí tuệ trong sự ghi nhận thường xuyên biết sự diệt của cảnh hoặc trí tuệ ghi nhận biết cảnh bằng sự chấm dứt tiêu hoại gọi là Hoại diệt tùy quán trí (bhaṅgānupassanāñāṇa).

Thường Xuyên Ghi Nhận Thấy

Việc thường xuyên ghi nhận thấy cảnh bằng sự diệt mất, chấm dứt, tiêu hoại thì từ “thường xuyên thấy” cảnh bằng sự vô thường mà không phải thường xuyên thấy bằng sự thường tồn, thường xuyên thấy khổ mà không phải thường xuyên thấy lạc, thường xuyên thấy vô ngã mà không phải thường xuyên thấy bản ngã mới sanh lên nhằm chán mà không phải sanh lên hân hoan thích thú (ái dục đồng sanh với hỷ), sanh lên sự không tham ái mà không phải sanh lên sự tham ái, sanh lên sự diệt mà không phải sanh lên sự sanh, sanh lên sự buông bỏ mà không phải sanh lên sự chấp thủ.

Khi thường xuyên thấy *vô thường* thì đoạn trừ được thường tướng tức hiện tượng thường tồn, hay thường xuyên thấy *khổ* thì đoạn trừ được lạc tướng tức hiện tượng an lạc hoặc thường xuyên thấy *vô ngã* thì đoạn trừ được ngã tướng tức hiện tượng có bản ngã.

Khi hành giả ghi nhận thường xuyên thấy tất cả hành là vô thường, khổ và vô ngã thì làm cho phát sanh nhàm chán không hân hoan thích thú, không tham ái (*rāga*) trong giai đoạn này chỉ diễn tiến theo mãnh lực của tuệ quán hiệp thể.

Khi hành giả ghi nhận thường xuyên thấy tất cả hành diệt mất thì trở thành người không có tham ái và có thể ghi nhận thường xuyên thấy tất cả hành mà từ trước không từng thấy sự diệt bởi mãnh lực của tuệ quán theo tuần tự và sự khéo tác ý trong nhóm hành (*saṅkhāra*) này cũng chỉ thấy thuần nhất sự diệt mà không thấy sự sanh, khi hành giả tu tiến đến như vậy thì gọi là buông bỏ tất cả hành mà không có sự chấp thủ.

Khi hành giả thường xuyên thấy tất cả hành vô thường... thì làm cho phát sanh xả ly tất cả phiền não lẫn uẩn và tất cả tối vi hành (*abhisāṅkhāra*) bằng mãnh lực đoạn trừ tạm thời (*tadaṅgapahāna*) tức đoạn trừ bằng từng chi phần của pháp gọi là buông bỏ bằng sự xả ly (*pariccāgapaṭinissaggo*) làm cho phát sanh sự hướng đến Níp Bàn là thực tánh đối lập lại pháp hữu vi hoặc thiên về Níp Bàn bởi thấy được nguy hại của pháp hữu vi gọi là thể nhập xả ly (*pakkhandanapaṭinissago*) tức sự buông bỏ bởi hướng đến Níp Bàn.

Khi hành giả hội đủ pháp tùy quán như vô thường tùy quán... mới xả ly phiền não bằng cách đoạn trừ tạm thời và hướng đến hoặc thiên về Níp Bàn lần không chấp trước phiền não bằng cách làm cho sanh lên và không nắm giữ pháp hành bằng cách không thấy nguy hại nên gọi là “buông bỏ chấp thủ”.

Hành giả ghi nhận thường xuyên biết tâm có sắc làm cảnh bởi sự diệt mất có 2 tướng trạng là:

1- Ghi nhận biết sự chấm dứt, tiêu hoại của sắc (làm cảnh cho tâm).

2- Ghi nhận biết sự chấm dứt, tiêu hoại của tâm (có sắc làm cảnh) bằng một tâm khác nữa.

Trạch Sát Minh Quán

Trạch sát minh quán (paṭisaṅkhāvipassanā) là sự thấy rõ bằng cách thường xuyên ghi nhận biết cảnh. Trạch sát minh quán có 3 tướng trạng là:

1- Chuyển đổi cảnh nghĩa là khi thấy sự diệt của sắc bằng tâm nào rồi thì cần phải thấy sự diệt của tâm bằng tâm khác tiếp theo nữa.

2- Không thay đổi cảnh nghĩa là trong sát na thường xuyên ghi nhận biết thì quán xét tập trung chỉ trong sự diệt của pháp hành không cần phải quán xét đến sự sanh.

3- nỗ lực dũng mãnh trong sự suy nghĩ nghĩa là có khả

năng suy nghĩ nối tiếp nhau không dừng lại như khi đã thấy sự diệt của sắc thì cũng thấy sự diệt của tâm tiếp theo nữa.

Trạch sát minh quán cũng gọi là Hoại diệt tùy quán như nhau.

Diệt Tướng Minh Quán

Diệt tướng minh quán (vayalakkhaṇavipassanā) là sự thấy rõ tướng trạng của sự diệt. Diệt tướng minh quán có 2 tướng trạng là:

1- Khi ghi nhận biết cảnh pháp hành trong hiện tại bởi sự diệt mất thì ngay cả pháp hành quá khứ hoặc vị lai cũng ghi nhận biết giống như vậy, như từng diệt mất và sẽ tiếp tục diệt mất theo tuần tự của cảnh đã từng thấy. Tương ứng như các giáo thọ sư tiền bối đề cập rằng:

Samvijjamānamhi visuddhadassino

Tadanvayaṃ neti atītanāgate

Sabbepi saṅkhāragatā palokino

Ussāvabindū suriyeva uggate.

Tỳ kheo có tri kiến thanh tịnh trong pháp hành đang có hiện tại thường dẫn đến tri kiến thanh tịnh trong pháp hành quá khứ và vị lai rằng tất cả hành cho dù khắp cả mọi nơi đều thường luôn rã tan giống như giọt sương khi mặt trời ló dạng.

2- Có tướng trạng hướng đến diệt (nirodha) tức khi ghi

nhận biết sự diệt của cảnh trong hiện tại, quá khứ và vị lai rồi thì tâm chắc chắn cũng sẽ hướng đến hoặc thiên về sự diệt.

Thượng Tuệ Minh Quán

Thượng tuệ minh quán (*adhipaññāvipassanā*) là sự thấy rõ bằng trí tuệ thấu đáo có 3 tướng trạng là:

1- Ghi nhận biết cảnh tức sắc pháp bằng sự thường xuyên diệt mất.

2- Khi ghi nhận biết sự diệt của sắc pháp bằng tâm nào rồi thì trong sát na sau đó cũng ghi nhận biết được sự diệt mất của tâm đó giống như vậy.

3- Khi ghi nhận thường xuyên thấy được sự diệt mất của tất cả hành thì sự rỗng không cũng hiện bày rõ lên rằng “Chính tất cả hành là pháp diệt mất, sự diệt mất của tất cả hành được định đặt với nhau là sự chết, thật ra thì không có chúng sanh hoặc người nào diệt mất hoặc chết cả”.

Do đó, các ngài giáo thọ sư tiền bối mới đề cập rằng:

Khandhā nirujjhanti na catthi añño

Khandhānaṃ bhedo maraṇanti vuccati

Tesaṃ khayamaṃ passati appamatto

Manimva vijjham vajirena yoniso.

Tất cả uẩn diệt đi không phải chúng sanh hoặc người nào, sự diệt mất của tất cả uẩn họ gọi với nhau là sự chết.

Hành giả không dễ duôi thấy sự diệt mất của tất cả uẩn bằng phương pháp khéo léo giống như thợ kim hoàn (mài đá quý) nhìn thấy viên ngọc mà mình đang khoan thủng bằng kim cương^{1*}.

Khi hành giả tu tiến cho đến hoại diệt tùy quán trí thì tâm thường không chao đảo giao động trong các tà kiến như thường kiến... và là người luôn khéo tác ý rằng “Pháp chưa diệt mất cũng đang diệt mất, pháp chưa tiêu hoại cũng đang tiêu hoại” không tác ý đến sự sanh, trụ, sự diễn tiến và tướng của tất cả hành mà chỉ thấy thuần nhất sự diệt giống như người đang thấy thùng đựng nước mong manh tét ra hoặc thấy sự rã tan của bụi đang bay tung tóe mịt mù trên hư không bởi vì người dùng đá... ném vào đồng bụi hoặc thấy giống như sự vỡ ra của hạt mè đang bị rang nóng hoặc giống như người đang đứng tại ven bờ hồ pokkharanī hoặc ven bờ sông khi trời mưa đang rơi nặng hạt thì họ cũng có thể nhìn thấy bong bóng nước nổi lên trên mặt nước rồi vỡ tan ra ngay tức thì, cho nên Đức Thế Tôn mới thuyết ám chỉ đến hành giả đạt đến hoại diệt tùy quán trí này rằng:

Yathā pubbulaḥakaṃ passe Yathā passe maṛīcikaṃ

Evam lokaṃ avekkhantaṃ Maccurājā na passatīti

Tử thân thường không thấy được người ghi nhận thấy thế gian (5 uẩn) giống như thấy bong bóng nước hoặc ảo ảnh.

¹ Người thợ ngắm nhìn lỗ khoan thủng mà không nhìn xem màu sắc hoặc phần khác của ngọc maṇī như thế nào thì hành giả cũng nhìn xem sự diệt mất của tất cả uẩn mà không nhìn xem tất cả uẩn.

Quả Báo Của Hoại Diệt Tuệ

Khi hành giả thường xuyên thấy rằng “Tất cả hành diệt mất” thì hoại diệt tùy quán trí cũng sẽ già mạnh cùng với 8 quả báo như:

- 1- Đoạn trừ hữu kiến (bhavaditthi).
- 2- Xả ly sự ái luyến sanh mạng.
- 3- Tinh cần vững chắc trong việc tu tiến.
- 4- Có sinh kế thanh tịnh.
- 5- Đoạn trừ được ham muốn.
- 6- Không có sự sợ hãi.
- 7- Đầy đủ nhẫn nại và nhu thuận.
- 8- Chịu đựng đối với điều không vừa lòng và dục vọng vui thích.

Do đó các ngài giáo thọ sư mới đề cập rằng:

Imanī aṭṭhaggaṇamuttamāni

Disvā taḥiṃ sammāsati punappunam

Ādittacelassirasūpamo muni

Bhaṅgānupassī amatassa pattiyā.

Bậc ẩn sĩ thường xuyên thấy sự diệt mất, khi thấy được 8 lợi ích cao thượng giống như người có vải quần trên đầu khi lửa đang cháy cũng ghi nhận thấy lặp đi lặp lại bằng hoại diệt tùy quán tuệ để tác chứng bất tử Níp Bàn.

Kết Thúc Hoại Diệt Tuệ



6- Kinh Hãi Tuệ¹ **(Bhayañāṇa)**

Kinh hãi tuệ (bhayañāṇa) nghĩa là tuệ ghi nhận danh sắc là pháp đáng sợ hãi. Như định nghĩa trình bày sau: “Saṅkhārānaṃ bhayato anupassanāvasena pavattaṃ ñānaṃ bhayañānaṃ”.

Tuệ diễn tiến bởi mãnh lực thường xuyên quán xét tất cả pháp hành là pháp đáng sợ hãi nên gọi là *Kinh hãi tuệ*.

Chi pháp: Tâm sở trí tuệ.

Giải Thích Về 3 Loại Kinh Hãi Tuệ

1- Khi tu tiến làm cho hoại diệt tùy quán tuệ già mạnh nhiều lên bằng việc ghi nhận biết sự chấm dứt, tiêu hoại hoặc diệt mất của tất cả pháp hành đang làm cảnh. Tất cả pháp hành diệt mất trong 3 cõi, 4 loài, 5 sanh hữu, 7 thức trú, 9 hữu tình cư sẽ hiển lộ thực tánh đáng sợ hãi giống như sư tử, cọp, beo, gấu, dạ xoa, quỷ dữ, bò dữ, chó dữ, voi dữ, động đực, loài thú dữ có nọc độc, sấm sét, bãi tha ma, chiến

¹ Thanh Tịnh Đạo trang 282 thì dùng từ bhayatupaṭṭhnaṇa

trường hoặc hầm lửa rực cháy... hiện bày là nơi đáng sợ hãi nhiều đối với người nhút nhát muốn có được đời sống an lạc.

2- Khi hành giả ghi nhận biết rõ: “Tất cả hành quá khứ đã diệt, hiện tại cũng đang diệt cho dù sanh lên trong vị lai cũng sẽ diệt đi”. Như vậy biểu hiện trí tuệ ngay nơi đây gọi là kinh hãi đã sanh lên.

3- Ví dụ về kinh hãi tuệ như sau:

a- Một nữ nhân có 3 người con trai là người phạm tội với đức vua nên đức vua truyền lệnh xử trảm cả 3, nữ nhân đó đi đến pháp trường cùng với 3 người con trai. Ngay lúc đó họ chặt đầu người con trai lớn của nàng rồi chuẩn bị chặt đầu người con trai giữa, khi nữ nhân đó nhìn thấy đầu của người con trai lớn đã bị chặt và nhìn thấy đầu của người con trai giữa đang bị chặt thì tuyệt vọng đối với người con út rằng: “Ngay cả người con út cũng sẽ giống như 2 người con trai kia”.

Tương tự như ví dụ trên, hành giả thấy được sự diệt của tất cả hành quá khứ cũng giống như nữ nhân đó nhìn thấy đầu của người con trai lớn đã bị chặt, hành giả thấy sự diệt của tất cả hành hiện tại cũng giống như nữ nhân đó nhìn thấy đầu của người con trai giữa đang bị chặt, hành giả thấy sự diệt của tất cả hành sẽ sanh lên cho dù trong vị lai cũng như nữ nhân đó rơi vào tuyệt vọng đối với người con trai út rằng “Ngay cả người con út này cũng giống như 2 người con trai kia”. Khi hành giả đang thấy như vậy ngay tại lúc này thì kinh hãi tuệ cũng sanh lên.

b- Nữ nhân là người thường xuyên có con chết yếu nên sanh ra được 10 người con thì trong 10 người con đó đã chết hết 9 đứa, còn 1 đứa con sắp chết đang bồng trên tay và 1 đứa nữa (đứa con thứ 11) vẫn còn nằm trong bụng. Nữ nhân đó nhìn thấy 9 đứa con đã chết và đứa con thứ 10 cũng đang sắp chết nên tuyệt vọng với đứa con đang nằm trong bụng rằng: “Cho dù đứa con đang nằm trong bụng cũng sẽ giống như tất cả những đứa con kia”.

Tương tự như ví dụ trên, hành giả thấy sự diệt của tất cả hành quá khứ thì cũng giống như nữ nhân đó nhớ đến sự chết của 9 đứa con, hành giả thấy sự diệt của tất cả hành hiện tại giống như nữ nhân đó thấy đứa con đang bồng trên tay sắp chết, hành giả thấy sự diệt của tất cả hành vị lai giống như sự tuyệt vọng của nữ nhân đó đối với đứa con đang nằm trong bụng.

Khi hành giả thấy như vậy trong sát na đó cũng gọi là kinh hãi tuệ đang sanh lên.

Nói Về Sự Sợ Hãi Của Kinh Hãi Tuệ

Kinh hãi tuệ (bhayatutṭhānañāṇa) không phải là tuệ hoàn toàn sợ hãi tuy nhiên kinh hãi tuệ là tuệ thẩm xét rằng: “Tất cả hành quá khứ đã diệt, hiện tại cũng đang diệt, vị lai cũng sẽ diệt” chắc chắn cho nên mới so sánh giống như người đàn ông nhìn thấy 3 hầm than lửa gần cổng thành phố thì tự thân không cảm thấy sợ hãi chỉ khởi lên suy nghĩ hoặc cảm giác

rùng rợn rằng khi người nào rơi xuống trong 3 hầm than này chắc chắn chỉ nhận lấy đau khổ trầm trọng hoặc so sánh giống như người nhìn thấy 3 ngọn giáo (lao) như ngọn giáo bằng cây sáo đen, ngọn giáo bằng sắt, ngọn giáo bằng đồng cắm sát nhau thì tự thân không sợ hãi chỉ khởi lên suy nghĩ hoặc cảm giác rùng rợn rằng khi người nào rơi xuống trên 3 ngọn giáo này thì chỉ nhận lấy khổ thọ ngay lập tức như thế nào thì kinh hãi tuệ cũng giống như thế đó, chính bản chất tuệ này không có sự sợ hãi chi cả, chỉ khởi lên suy nghĩ rằng “Tất cả hành trong tam giới giống như hầm than lửa và ngọn giáo, quá khứ đã diệt đi, hiện tại cũng đang diệt, chắc chắn vị lai cũng sẽ diệt đi”.

Tam Tướng Với Sự Sợ Hãi

Khi tất cả hành diễn tiến trong 3 cõi, 4 loài, 7 thức trú, 9 hữu tình cư khắp nơi khắp chốn sẽ bị tiêu hoại bởi vì là pháp hiểm họa trước mặt rồi sẽ hiện bày là pháp đáng kinh hãi đối với tuệ đó nên gọi tuệ đó là kinh hãi tuệ.

Khi hành giả tác ý tất cả hành là vô thường do hiện tướng (nimitta) tức sự diệt đi của tất cả hành quá khứ, hiện tại và vị lai cũng sẽ hiện bày theo thực tánh đáng kinh hãi đối với hành giả.

Khi hành giả tác ý tất cả hành là khổ do sự diễn tiến của hành bị áp bức trước mặt mà thường hiểu với nhau là an lạc

diễn tiến trong cõi sắc giới và cõi vô sắc giới cũng sẽ hiện bày theo thực tánh đáng kính hãi với hành giả.

Khi hành giả tác ý tất cả hành là vô ngã do hiện tượng và sự diễn tiến của hành hiện bày là pháp rỗng không, là pháp vô hộ vô chủ không có người sáng tạo ra giống như ngôi nhà hoang, ảo ảnh và thiên cung trên hư không vì vậy hiện tượng và sự diễn tiến mới hiện bày theo thực tánh đáng kính hãi với hành giả.

Kết Thúc Kinh Hài Tuệ



7- Quá Hoạn Tuệ **(Ādīnavañāṇa)**

Quá hoạn tuệ (ādīnavañāṇa) là tuệ thấy pháp hành danh sắc là nguy hại. Như định nghĩa sau: “*Diṭṭhasaṅkhārānaṃ ādīnavato pekkhānavasena pavattaṃ ñāṇaṃ ādīnavañāṇaṃ*”.

Tuệ diễn tiến bởi mãnh lực chú niệm đến pháp hành đáng kinh hãi mà mình đã thấy là nguy hại cho nên mới gọi là *Quá hoạn tuệ*.

Chi pháp: Tâm sở trí tuệ hợp trong tâm đại thiện tương ưng trí.

Giải Thích Về Hai Loại Quá Hoạn Tuệ

1- Khi hành giả tu tiến làm cho kinh hãi tuệ phát triển nhiều lên thì không bám víu vào tất cả pháp hành diễn tiến trong 3 cõi, 4 loài, 5 sanh hữu, 7 thức trú (viññāṇaṭṭhiti), 9 hữu tình cư (sattāvāsa) bởi vì khắp cả các cõi mọi nơi mọi chốn không có nơi an toàn, không có nơi ẩn nấp, không có nơi thoát khỏi, không có nơi nương tựa và không là nơi mong muốn của hành giả vì rằng:

3 cõi hiển lộ giống như hầm than lửa đỏ rực không ngọn, sắc tứ đại hiển lộ giống như loài thú dữ có nọc độc, ngũ uẩn hiển lộ giống như đao phủ thủ đang giơ đao lên, 6 nội xứ hiển lộ giống như ngôi nhà hoang, 6 ngoại xứ hiển lộ giống như bọn cướp, 7 thức trú và 9 hữu tình cư hiển lộ giống như bị thiêu đốt bởi 11 đống lửa đang hùng hực rực cháy, tất cả hành hiển lộ giống như đầu ung nhọt, là bệnh tật bị mũi tên đâm thủng, là vật nguy hiểm độc hại và bệnh hoạn, là đống nguy hại kinh hãi vĩ đại không có sự ấm áp không có mùi vị hoàn hảo.

2- Quá hoạn tuệ là tuệ ghi nhận tất cả hành là khổ nguy hại so sánh giống như người nhút nhát sợ hãi chỉ mong muốn có đời sống an lạc khi đến hang cọp, con sông có quỷ dữ, con đường có trộm cướp ẩn náu, ngôi nhà bị lửa cháy, bãi chiến trường có đoàn binh sắp sửa chiến đấu hoặc đến gặp kẻ thù đang vung kiếm hoặc dùng nước pha lẫn thuốc độc sẽ phát sanh kinh hoàng, sợ hãi, khiếp sợ lông tóc dựng lên bởi vì thuần nhất chỉ thấy nguy hại trong các sự việc đó thì hành giả cũng giống như vậy tức khi tất cả hành hiện bày đáng sợ hãi do mãnh lực của hoại diệt tùy quán thì tất cả hành chỉ có khổ nguy hại thuần nhất không có mùi vị không có ấm cúng. Khi trí tuệ hiển lộ như vậy gọi là quá hoạn tuệ đã sanh lên.

Nguy Hại Của 15 Loại Hành

Quán xét thấy khổ nguy hại của 15 loại pháp hành:

1- Sanh quá hoạn tuệ (uppādaādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy khổ nguy hại trong sự sanh lên của danh sắc.

2- Diển tiến quá hoạn tuệ (pavattiādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy khổ nguy hại trong sự diển tiến của sự vô thường, khổ, vô ngã nơi danh sắc đang diển tiến.

3- Hiệ tượng quá hoạn tuệ (nimittaādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy khổ nguy hại về thực tướng hoặc dấu hiệu của danh sắc như biến đổi, không chịu đựng được theo thực tánh ban đầu, không dưới quyền lực sai khiến.

4- Tích lũy quá hoạn tuệ (āyuhanaādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy khổ nguy hại trong sự tích lũy các nghiệp sai biệt làm cho sanh lên sự luân hồi trong các cõi không chấm dứt được danh sắc hoàn toàn chẳng tìm được cốt lõi chi cả.

5- Tục sinh quá hoạn tuệ (paṭisandhiādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy khổ nguy hại trong sự chấp thủ tục sinh của danh sắc bất cứ là chấp thủ tục sinh trong cõi nào đi nữa.

6- Sanh hữu quá hoạn tuệ (gatiādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy khổ nguy hại trong 5 sanh hữu như địa ngục, bàng sanh, nạ quý, nhân loại, chư thiên, sanh hữu nào cũng đều là khổ cả.

7- Phát sanh quá hoạn tuệ (nibbattiādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy nguy hại trong việc sanh lên của

5 uẩn mới như cho dù sẽ sanh lên sắc uẩn hoặc danh uẩn đi nữa cũng là khổ cả.

8- Khởi sanh quá hoạn tuệ (uppattiādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy khổ nguy hại sanh lên trong các cõi cho dù bất cứ sẽ sanh lên trong cõi nào đi nữa đều không thoát khỏi khổ.

9- Sanh quá hoạn tuệ (jātiādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy khổ nguy hại của danh sắc trong sát na đang sanh ra.

10- Già quá hoạn tuệ (jorāādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy khổ nguy hại của danh sắc phải già suy yếu và tiêu tụy như tóc bạc, răng rụng, da nhăn, mắt mờ, tai điếc, sức yếu, sức khỏe suy giảm ngồi cũng mệt, đi đứng nơi nào cũng không thích hợp...

11- Bệnh quá hoạn tuệ (byādhiādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy khổ nguy hại của danh sắc do bị hàng ngàn hàng trăm thứ bệnh hoành hành, có thân thể nơi nào thì có bệnh nơi đó như có miệng thì bệnh nơi miệng, có bụng, có tay, có chân, có mắt, có ruột thì có bệnh phát sanh lên, trong khi bị bệnh hoành hành phải tìm thuốc để chữa trị bớt đau đớn hay không chịu đựng nổi thì chết, nếu như không chết thì nằm chịu đựng khổ hành hạ lâu dài.

12- Tử quá hoạn tuệ (maraṇaādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy khổ nguy hại của danh sắc khi chấm dứt thì chết, như thấy rằng sẽ phải chia ly tan vỡ xa lìa khỏi đời tượng thương yêu một ngày nào.

13- Sầu quá hoạn tuệ (sokaādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy khổ nguy hại của sắc khi sanh lên sầu muộn... vô số do sự chết, tai họa, suy vong như quyền thuộc qua đời, tài sản tiêu hoại, bệnh tật hoành hành...

14- Bi quá hoạn tuệ (paridevaādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy khổ nguy hại của sự than khóc do bị 5 điều suy vong như suy vong quyền thuộc... chi phối danh sắc mọi sát na.

15- Nảo quá hoạn tuệ (upāyāsaādīnavañāṇa) ám chỉ đến việc quán xét thấy khổ nguy hại của danh sắc do bị tâm khốn đốn chi phối.

15 Tuệ Vắng Lặng (Santipādañāṇa)

Để chỉ cho thấy trí đối lập lại quá hoạn tuệ và để làm cho phát sanh tâm nhiệt huyết với hành giả thấy khổ nguy hại của danh sắc bằng kinh hãi tuệ (bhayatupaṭṭhānañāṇa) từ đó phát sanh tâm kinh cảm mới trình bày đến tuệ vắng lặng tức tuệ hiểu biết về con đường chứng đắc vắng lặng Níp Bàn có 15 tuệ:

1- Tuệ biết rằng: “Không sanh lên là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất (tức luân hồi, thế gian, phiền não), là Níp Bàn. Còn sự sanh lên là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

2- Tuệ biết rằng: “Không diễn tiến là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất, là Níp Bàn. Còn sự diễn tiến là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

3- Tuệ biết rằng: “Sự không có hiện tượng (nimitta) là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất, là Níp Bàn. Còn việc có hiện tượng là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

4- Tuệ biết rằng: “Không tầm cầu là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất, là Níp Bàn. Còn sự tầm cầu là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

5- Tuệ biết rằng: “Không tục sinh là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất, là Níp Bàn. Còn tục sinh là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

6- Tuệ biết rằng: “Không có sanh hữu là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất, là Níp Bàn. Còn có sanh hữu là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

7- Tuệ biết rằng: “Không phát sanh ra là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất, là Níp Bàn. Còn sự phát sanh ra là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

8- Tuệ biết rằng: “Không khởi sanh lên là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất, là Níp Bàn. Còn sự khởi sanh lên là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

9- Tuệ biết rằng: “Không có sanh (jāti) là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất, là Níp Bàn. Còn sự sanh là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

10- Tuệ thấy rằng: “Không già là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất, là Níp Bàn. Còn sự già là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

11- Tuệ thấy rằng: “Không bệnh là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất, là Níp Bàn. Còn sự bệnh là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

12- Tuệ thấy rằng: “Không chết là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất, là Níp Bàn. Còn sự chết là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

13- Tuệ thấy rằng: “Không sâu muộn là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất, là Níp Bàn. Còn sâu muộn là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

14- Tuệ thấy rằng: “Không than van là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất, là Níp Bàn. Còn than van là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

15- Tuệ thấy rằng: “Tâm không khốn đốn là lãnh vực bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc không pha lẫn vật chất, là Níp Bàn. Còn tâm khốn đốn là pháp đáng sợ hãi, là khổ pha lẫn vật chất và pháp hành”.

Kết Thúc Quá Hoạn Tuệ



8- Yém Ó Tuệ (Nibbidāñāṇa)

Yém ó tuệ (nibbidāñāṇa) là tuệ quán xét thấy danh sắc đáng nhàm chán. Khi phân ra được Nibbidā + Ñāṇa. Nibbidā nhàm chán, Ñāṇa tuệ biết rõ.

Yém ó tuệ là tuệ quán xét thấy danh sắc là vô thường, khổ, vô ngã, là pháp đáng sợ hãi đầy đầy vô số khổ nguy hại rồi phát sanh nhàm chán không mong muốn danh sắc, không mong muốn sanh trở lại nữa chỉ muốn nhanh chóng tác chứng Níp Bàn. Tuệ trong nơi đây ám chỉ riêng biệt đến **tuệ tu** (bhāvanāmayapaññā) tức tuệ sanh lên với người tu tiến minh quán nghiệp xứ, đạt đến tuệ này không ám chỉ đến **tuệ văn** (sutamayapaññā) và **tuệ tư** (cintāmayapaññā).

Từ “nhàm chán” trong nơi đây không ám chỉ đến nhàm chán của dân gian như nhàm chán cuộc sống rồi suy nghĩ tự sát... chỉ ám chỉ đến nhàm chán trong pháp hành danh sắc. Ngài nêu lên ví dụ như sau:

Ví Dụ Về 4 Loại Yếm Ó Tuệ

1- Người ta bắt con chim nhốt vào trong lồng bạc, lồng vàng, lồng ngọc maṇī, lồng ngọc đen tuyền, đều là lồng có nhiều giá trị nhưng con chim đó không hề vui thích muốn ở trong lồng đó mà chỉ nỗ lực tìm kiếm con đường thoát ra để bay đi trốn khỏi chiếc lồng đáng nhàm chán vô cùng đó. Điều này như thế nào thì hành giả khi tu tiến đến yếm ó tuệ cũng như thế đó thường nhàm chán danh sắc, nhàm chán trong cõi, nhàm chán trong 4 sanh loại, nhàm chán trong 5 sanh hữu, nhàm chán trong 7 thức trú, nhàm chán trong 9 hữu tình cư... giống như vậy.

2- Con thiên nga chỉ vui thích sống dưới chân núi Cittarakuṭa, không vui thích sống trong hang bản thú gần nhà người chiên đà la không sạch sẽ, thường thích thú ở trong 7 hồ lớn như thế nào thì hành giả tu tiến minh quán nghiệp xứ đạt đến yếm ó tuệ cũng như thế đó, thường không vui thích danh sắc có sự tiêu hoại không bền vững lâu dài chỉ có khổ nguy hại mà mình quán thấy được rõ ràng và chỉ vui thích riêng biệt trong 7 tùy quán bởi vì tu tiến làm thành nền tảng thường xuyên không dễ duôi.

3- Con sư tử chúa cho dù bị người bắt nhốt vào trong lồng bằng vàng cũng không vui thích chỉ vui thích riêng biệt trong rừng Hy Mã Lạp Sơn rộng 3 ngàn do tuần như thế nào thì hành giả tu tiến minh quán nghiệp xứ đạt đến yếm ó tuệ cũng như thế đó thường không vui thích trong 3 cõi là cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc.

4- Bạch tượng Chaddanta thường không vui thích trong dân chúng chỉ vui thích riêng biệt trong rừng rậm gần hồ nước như thế nào thì hành giả tu tiên minh quán nghiệp xứ cũng giống như vậy, thường không vui thích trong tất cả danh sắc chỉ vui thích riêng biệt sự vắng lặng mà mình đã thấy rằng: “Nếu không tiếp tục sanh trở lại nữa thì thật sự thoát khỏi sợ hãi”, người đó có tâm hướng về xuôi theo Níp Bàn giống như sông Gaṅgā có dòng nước chảy xiết cuốn trôi khúc cây hương ngay đến biển cả.

7 Tùỳ Quán (Anupassanā)

7 tùỳ quán là vô thường tùỳ quán (aniccānupassanā), khổ tùỳ quán (dukkhānupassanā), vô ngã tùỳ quán (anattānupassanā), yếm ố tùỳ quán (nibbidānupassanā), ly tham tùỳ quán (virāgānupassanā), diệt tùỳ quán (nirodhānupassanā) và xả ly tùỳ quán (paṭinissaggānupassanā).

1- Vô thường tùỳ quán (aniccānupassanā): Việc thường xuyên quán thấy danh sắc là vô thường. Tóm lại có 2 loại là *thẩm xét vô thường tùỳ quán* và ước định vô thường tùỳ quán.

Thẩm xét vô thường tùỳ quán ((paccakkhaaniccānupassanā): Quán xét thấy danh sắc theo đường mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm là vô thường đảo lộn biến đổi.

Ước định vô thường tùy quán (anumānaaniccānupassanā): Quán xét thấy danh sắc bên ngoài đang có trong 31 cõi cả trong quá khứ lẫn vị lai là pháp vô thường đảo lộn biến đổi như nhau bởi ước định rằng phải có sanh diệt giống như danh sắc trong hiện tại.

Vô thường tùy quán nói theo chi tiết có 8 tức quán xét thấy danh sắc là pháp vô thường, là pháp giao động, là pháp lụn bại, là pháp không bền vững, thường nhiên biến đổi, có sự tiêu hoại, bị duyên tạo tác và có sự chết.

Khi quán xét thấy như vậy thì đoạn trừ được *thường tướng* tức suy tưởng sai lầm là pháp thường còn, không quán xét thấy danh sắc theo trường hợp thường còn như vậy gọi là vô thường tùy quán.

2- Khổ tùy quán (dukkhānupassanā): Việc thường xuyên quán thấy danh sắc là khổ. Tóm lại có 2 loại là *thẩm xét khổ tùy quán* và ước định khổ tùy quán.

Thẩm xét khổ tùy quán (paccakkhadukkhānupassanā): Quán xét thấy danh sắc theo đường mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm là khổ rõ ràng bởi vì đầy dẫy sự áp bức nhiệt não bị tạo tác, thường xuyên có sự biến đổi tâm cũng sanh lên nhằm chán giảm bớt sự vui thích hài lòng.

Ước định khổ tùy quán (anumānadukkhānupassanā): Quán xét thấy danh sắc là khổ bởi ước định như quán xét danh sắc bên ngoài đang có trong 31 cõi cả trong quá khứ và vị lai cũng đầy dẫy khổ sẽ phải diệt đi không thể bền

lâu giống như danh sắc trong hiện tại nên làm nhân làm duyên cho phát sanh sự nhàm chán giảm bớt *tưởng điên đảo* (saññāvīpallāsa) cho rằng danh sắc là lạc.

Khổ tùy quán nói theo chi tiết có 26 loại là: Quán xét thấy danh sắc là khổ, là bệnh hoạn, là ung nhọt, là mũi tên, là chạt vật, có sự đau ốm, xấu xa, có sự bất hạnh, là sợ hãi, có chướng ngại, không có nơi chống đỡ, không có nơi ẩn núp, không là nơi nương tựa được, là pháp rỗng không có sự nguy hại khôn đốn làm căn cội, là người giết hại tất cả chúng sanh, là môi của ma vương, thường nhiên có sự sanh, thường nhiên có sự già, thường nhiên có sự bệnh, thường nhiên có sự chết, thường nhiên có sự sầu muộn, thường nhiên có sự than khóc, thường nhiên có tâm khôn đốn, thường nhiên có sự phiền toái.

Việc quán xét thấy danh sắc là khổ bằng trường hợp như vậy gọi là **khổ tùy quán**.

3- Vô ngã tùy quán (anattānupassanā): Việc thường xuyên quán thấy danh sắc là vô ngã, không phải là bản ngã, không dưới quyền lực sai khiến của bất cứ ai. Tóm lại có 2 loại là *thâm xét vô ngã tùy quán* và ước định vô ngã tùy quán.

Thâm xét vô ngã tùy quán (paccakkhaanattānupassanā): Quán xét thấy danh sắc theo đường mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm là vô ngã không phải là bản ngã không diễn tiến theo tâm của bất cứ ai.

Ước định vô ngã tùy quán (anumānaanattānupassanā): Việc quán xét thấy danh sắc bên ngoài đang có trong 31 cõi cả trong quá khứ và vị lai đều là vô ngã, hoàn toàn không phải là bản ngã không diễn tiến theo tâm của bất cứ ai không sai khiến được giống như danh sắc trong hiện tại.

Vô ngã tùy quán nói theo chi tiết có 6 loại là: Quán xét thấy danh sắc trở thành loại khác, là pháp tiêu hoại, là pháp vô ích, là pháp rỗng không, không phải là bản ngã và không tìm thấy cốt lõi. Khi hành giả tu tiến minh quán nghiệp xứ quán xét thấy danh sắc bằng tướng trạng như vậy sẽ đoạn trừ được *ngã tướng* tức suy tưởng sai lầm là bản ngã, ta, họ diệt đi.

Việc quán xét thấy danh sắc bằng trường hợp như vậy gọi là **vô ngã tùy quán**.

4- Yếm ổ tùy quán (nibbidānupassanā): Việc thường xuyên quán thấy danh sắc là pháp đáng sợ hãi, là khổ nguy hại rồi phát sanh nhàm chán có 2 loại:

Thấm xét yếm ổ tùy quán.

Ước định yếm ổ tùy quán.

Thấm xét yếm ổ tùy quán (paccakkhanibbidānupassanā): Quán xét thấy danh sắc theo đường mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm là khổ nguy hại rồi phát sanh nhàm chán.

Ước định yếm ổ tùy quán (anumānanibbidānupassanā): Việc quán xét thấy danh sắc bên ngoài đang có trong 31 cõi

cả trong quá khứ và vị lai là pháp đáng sợ hãi đầy đầy khổ
nguy hại rồi phát sanh nhàm chán bởi ước định rằng sẽ bị
diễn tiến giống như danh sắc trong hiện tại.

Khi người nào quán xét thấy danh sắc rõ ràng như vậy
thì người đó sẽ đoạn trừ được sự vui thích đối với *hỷ ái*
(sappītanhā) tức ái dục có sự hân hoan thỏa thích với
ngũ dục.

5- Ly tham tùy quán (virāgānupassanā): Việc thường
xuyên quán thấy danh sắc sanh lên theo 6 môn là pháp đáng
sợ hãi là khổ nguy hại phát sanh nhàm chán rồi lắng dịu dục
vọng, có 2 loại là:

- *Thẩm xét ly tham tùy quán.*

- *Ước định ly tham tùy quán.*

Thẩm xét ly tham tùy quán (paccakkhavirāgānupassanā):
Quán xét thấy sự sanh diệt của danh sắc theo 6 môn như
đường mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm bằng sự tỏ tường rồi
phát sanh nhàm chán lắng dịu bớt dục vọng.

Ước định ly tham tùy quán (anumānavirāgānupassanā):
Việc quán xét thấy danh sắc bên ngoài đang có trong 31 cõi
là pháp đáng sợ hãi diễn tiến bởi khổ nguy hại rồi phát sanh
nhàm chán lắng dịu dục vọng.

Khi hành giả thực hành pháp đến tuệ này thì sẽ đoạn trừ
được *tham ái* (rāga) tức dục vọng vui thích trong pháp hành.

6- Diệt tùy quán (nirodhānupassanā): Việc thường xuyên quán xét thấy sự diệt của danh sắc có 2 loại là:

- *Thẩm xét diệt tùy quán.*

- *Ước định diệt tùy quán.*

Thẩm xét diệt tùy quán (paccakkhanirodhānupassanā): Quán xét thấy sự diệt của danh sắc rõ ràng theo 6 môn rồi phát sanh nhàm chán lắng dịu đi dục vọng.

Ước định diệt tùy quán (anumānanirodhānupassanā): Việc quán xét thấy danh sắc bên ngoài đang có trong 31 cõi cả trong quá khứ và vị lai bằng ước định rằng sẽ phải diệt đi giống như danh sắc trong hiện tại.

Khi hành giả quán xét đến sự diệt của danh sắc như vậy sẽ đoạn trừ được *tập* (samudaya) là nhân sanh khổ.

7- Xả ly tùy quán (paṭinissaggānupassanā): Việc thường xuyên quán xét thấy danh sắc là pháp vô thường, khổ, vô ngã là pháp đáng sợ hãi đầy dẫy nguy hại đoạn trừ được tưởng sai lầm suy nghĩ rằng là pháp thường còn, an lạc, bản ngã là pháp đẹp đẽ có 2 loại là:

- *Thẩm xét xả ly tùy quán.*

- *Ước định xả ly tùy quán.*

Thẩm xét xả ly tùy quán (paccakkhapaṭinissaggānupassanā): Quán xét thấy danh sắc theo đường mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm là vô thường, khổ,

vô ngã bằng sự rõ ràng tường tận nhỏ bỏ được tướng diên đảo (saññāvīpallāsa).

Ước định xả ly tùy quán (anumānapaṭinissaggānupassanā): Việc quán xét thấy danh sắc bên ngoài đang có trong 31 cõi cả trong quá khứ và vị lai là vô thường, khổ, vô ngã giống như vậy.

Khi hành giả tu tiến minh quán quán xét thấy danh sắc bằng trường hợp như vậy thì sẽ đoạn trừ được *chấp thủ trong danh sắc* là thường còn, an lạc, bản ngã là pháp đẹp đẽ.

Khi người nào tu tiến minh quán nghiệp xứ đạt đến yếm ô tuệ thì người đó thường vui thích trong 7 tùy quán, tuệ này làm nhân làm duyên trọng yếu dẫn dắt làm cho hành giả mau chóng tác chứng Níp Bàn.

3 Tuệ Quán (Vipassanāñāṇa)

Kinh hã tuệ (bhayañāṇa) là tuệ quán xét thấy danh sắc đáng sợ hãi, Quá hoạn tuệ (ādīnavañāṇa) là tuệ quán xét thấy danh sắc nguy hại, Yếm ô tuệ (nibbidāñāṇa) là tuệ quán xét thấy danh sắc đáng nhàm chán. Cả 3 tuệ này chỉ khác nhau từ ngữ nhưng ý nghĩa thì giống nhau, như trong Vô Ngại Giải Đạo (paṭisambhidāmagga) quyển thứ 31, điều 507 xác chứng rằng:

“Yā ca bhayatupatṭhāne paññā yañca ādīnave nāṇaṃ yā ca nibbidā ime dhammā ekatthā byañjanaṃeva nāṇaṃ”.

Cả 3 tuệ như kinh hãi tuệ, quá hoạn tuệ và yếm ố tuệ có ý nghĩa như nhau chỉ khác từ ngữ mà thôi.

Khi người thực hành pháp tu tiến mình quán nghiệp xử trải qua tuần tự kể từ danh sắc phân tích tuệ cho đến tuệ này, nếu sát na nào quán xét thấy danh sắc hiển lộ là pháp đáng sợ hãi thì sát na đó được xếp vào Kinh hãi tuệ, nếu sát na nào quán xét thấy danh sắc hiển lộ là pháp nguy hại thì sát na đó được xếp vào Quá hoạn tuệ, nếu sát na nào quán xét thấy danh sắc hiển lộ là pháp đáng nhầm chán và khi nhầm chán danh sắc rồi thì tâm cũng hướng về vắng lặng thì sát na đó được xếp vào Yếm ố tuệ.

Ví Dụ Về Danh Sắc

Người tu tiến mình quán thường quán xét thấy danh sắc sanh lên trong thế gian này do nghiệp cũ làm duyên, danh sắc đang diễn tiến trong sát na này hay danh sắc già hay danh sắc đang tạo nghiệp là nhân làm cho tục sinh tiếp tục hay danh sắc phải đi tục sinh trong các sanh hữu hay danh sắc đang sanh lên hay danh sắc đang diễn tiến theo mãnh lực của nghiệp quả hay danh sắc đã sanh lên đang diễn tiến làm duyên cho sự già hay danh sắc đang than khóc hoặc danh sắc đang có tâm khốn đốn do quyền thuộc chết, tài sản bị lửa thiêu cháy, bị bệnh tật hoành hành hoàn toàn đáng kinh

hãi, là pháp đáng sợ hãi, là khổ, là miếng mồi nhử của luân hồi, là miếng mồi nhử của thế gian, là miếng mồi nhử của phiền não, là pháp hành tạo tác làm cho tất cả chúng sanh nhiệt não, không là nơi bảo vệ kháng cự, không là nơi ẩn nấp, không là nơi nương tựa trong cõi nào được cho nên mới không mong muốn danh sắc trong các cõi, trong sanh loại, trong tất cả sanh hữu không chấp thủ bám víu danh sắc trong 3 cõi như cõi dục giới, cõi sắc giới, cõi vô sắc giới hiển lộ giống như hầm lửa đầy đầy than hồng không ngọn bởi vì cứ điểm của khối khổ như sự sanh... bởi vì làm cho tất cả chúng sanh bị khổ sở nghiêm trọng, 4 đại như địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại trong khắp thân thể sẽ hiển lộ giống như loài thú có nọc độc tàn bạo, có miệng rắn chắc, miệng hôi thúi, miệng hung bạo, miệng sắc bén.

Điều này tương ứng với lời mà Đức Thế Tôn phán dạy trong Tương Ứng Bộ Kinh (saṃyuttanikāya) phẩm 6 xứ (saḷayatanavagga) (điều thứ 135) rằng: “Ghoravisāti kho bhikkhave catunnetam mahābhūtaṇam adhivacanam”. Nay các tỳ kheo *loài thú có nọc độc tàn bạo* này là tên gọi của 4 sắc tứ đại.

5 uẩn sẽ hiển lộ giống như người đao phủ thủ đang chực chờ vung đao lên chặt đầu bởi vì dẫn đến khổ, dẫn đến sự chết, mỗi uẩn luôn hành hạ áp bức suốt. Tương ứng với điều pli như: “Pañca vadhakā paccatthikāti kho bhikkhave pañcannetaṃ upādānakkhandhānaṃ adhivacanam”.

Này các tỳ kheo, 5 người đao phủ thủ nguy hiểm là tên gọi của ngũ thủ uẩn.

Sáu nội xứ hiển lộ giống như ngôi nhà hoang, lúc đầu nghĩ là ngôi nhà có vô số gạo, cá, thức ăn khi đi vào thì không thấy gì cả.

Điều này tương ứng trong Tương Ứng Bộ Kinh Phẩm 6 xứ (điều 315) xác chứng rằng:

“Suññagāmoti kho bhikkhave channetaṃ ajjhattikānaṃ āyatanānaṃ adhivacanaṃ cakkhuto cepi taṃ bhikkhave paṇḍito tucchakameva khāyati suññakameva khāyati”.

Này các tỳ kheo, ngôi nhà hoang là tên gọi của 6 nội xứ, tỳ kheo là bậc hiền trí khôn ngoan có trí tuệ có mắt tốt nên đi vào xem xét ngôi nhà hoang tức 6 nội xứ thì sẽ hiện bày với người có mắt tốt tức người có trí tuệ tinh tường rằng là pháp trống không là pháp vô ích là pháp rỗng tuếch thật sự.

Sáu ngoại xứ cũng sẽ hiển lộ giống như tướng cướp giết hại dân làng bởi vì sắc, thanh, khí, vị, xúc và pháp các cảnh này hành hạ làm cho tất cả chúng sanh nhiệt não, đau khổ đưa đến sự chết hăng hà sa số cho đến không thể ước lượng được như cãi lộn nhau, chửi bới nhau, tranh đoạt nhau, đánh nhau, giết nhau bởi vì sắc... chỉ riêng biệt mỗi một người, nếu gom lại cả thế gian thì không thể đếm được. Đức Tối Thượng Pháp Vương mới thuyết trong Tương Ứng Bộ Kinh Phẩm 6 xứ điều 316 rằng:

“Corā gāmaghātakāti kho bhikkhave channetaṃ

bāhiraṇaṃ āyatanānaṃ adhivacanaṃ bhikkhuṃ bhikkhave haññati manāpāmanāpesu rūpesu”.

Này các tỳ kheo, *trúng cướp giết hại dân làng* là tên gọi của 6 *ngoại xứ*, tỳ kheo khi mắt thấy sắc tốt hay xấu cũng sanh lên nhiệt não, khi tai nghe thấy, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm nóng, lạnh, cứng, mềm, tâm suy nghĩ cảnh pháp cũng làm cho nhiệt não giống như vậy. 7 thức trú, 9 hữu tình cư cũng sẽ hiện bày y như 11 đồng lửa như tham, sân, si... lây lan khắp nơi rồi rục cháy suốt. Tương ứng với Phật ngôn hiện bày trong Tương Ứng Bộ Kinh Phẩm 6 xứ điều 11 rằng:

“Cakkhuṃ bhikkhave ādittaṃ... kena ādittaṃ rāgagginā dosagginā mohagginā jātiyā jāramaraṇena sokehi paridevehi dukkhehi domanassehi upāyāsehi”.

Này các tỳ kheo lửa lan khắp, lửa lan khắp là gì? Lửa tham, sân, si, sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não là lửa lan khắp mọi nơi.

Tất cả danh sắc sẽ hiển lộ với hành giả giống như ung nhọt, ổ bệnh hoạn, là mũi tên, là pháp hiểm họa, là pháp có bệnh tật, không có sự lạc quan chỉ có khổ, không có mùi vị, không có may mắn chỉ có bất hạnh, là khối nguy hại to lớn vĩ đại nhất thế gian giống như rừng rậm có vô số loài thú dữ làm kinh hoàng sợ hãi, lông tóc dựng đứng, giống như hang động có hổ, giống như hồ có cá sấu, thủy quái, dạ xoa, giống như kẻ thù đang giơ đao lên chặt đầu, giống như vật thực

pha lẫn thuốc độc, giống như con đường có kẻ cướp đang chực chờ rình rập để cướp đoạt, giống như ngôi nhà bị lửa thiêu cháy, giống như bãi chiến trường có đoàn binh chuẩn bị giao chiến.

Khi danh sắc hiển lộ với hành giả như trường hợp trên thì tâm của hành giả sẽ hướng về sự vắng lặng (santipada) tức làm cho tâm được vắng lặng.

Vắng Lặng (Santipada)

Một vị vua dẫn đoàn quân đi giao chiến nhưng con đường đó nhiều hiểm trở không có nước để uống để tắm rửa, đoàn quân cùng nhau kiệt sức, đức vua mới truyền lệnh trấn an rằng: “Này ba quân tướng sĩ, con đường tiếp tục phía trước khoảng 50 do tuần có hồ nước lớn, tràn đầy nước sạch, là nơi đáng nghỉ ngơi nương vào bóng râm mát mẻ, chúng ta hãy mau chóng đi đến”. Khi đoàn quân nghe đức vua truyền lệnh như vậy, mặc dù đoàn quân chưa từng thấy hồ nước đó thật nhưng cũng cùng nhau hướng đến đi tìm và cùng nhau cắm cúi nhanh chóng ra đi tiếp tục theo đường không chần chờ để sẽ được hồ nước tắm rửa, ăn uống, ngủ, nghỉ ngơi thư giãn thoải mái. Điều này như thế nào thì người thực hành pháp cũng thường hướng đến tâm vắng lặng, vui thích để vắng lặng giống như vậy. Vắng lặng có nhiều nhóm như dẫn chứng tóm tắt sau đây:

1- Hành giả có trí tuệ quán xét thấy sự sanh lên là sợ hãi, là khổ, là miếng môi, là pháp hành. Sự không sanh lên thoát khỏi sợ hãi là an lạc, không là miếng môi, là Níp Bàn.

2- Sự diễn tiến của danh sắc là sợ hãi, là khổ, là miếng môi, là pháp hành. Sự không diễn tiến thoát khỏi sợ hãi là an lạc, không là miếng môi, là Níp Bàn.

3- Danh sắc là sợ hãi, là khổ, là miếng môi, là pháp hành. Sự không có danh sắc là thoát khỏi sợ hãi, là an lạc, không là miếng môi, là Níp Bàn.

4- Danh sắc đang tích lũy nghiệp để làm cho tái sanh nữa là sợ hãi, là khổ, là miếng môi, là pháp hành. Không có danh sắc tích lũy nghiệp là thoát khỏi sợ hãi, là an lạc, không là miếng môi, là Níp Bàn.

5- Sự tái sanh nữa là sợ hãi, là khổ, là miếng môi, là pháp hành. Sự không tái sanh nữa là thoát khỏi sợ hãi, là an lạc, không là miếng môi, là Níp Bàn.

6-Sanh hữu phải tục sinh là sợ hãi, là khổ, là miếng môi, là pháp hành. Không có sanh hữu là thoát khỏi sợ hãi, là an lạc, không là miếng môi, là Níp Bàn.

7- Sự sanh lên của tất cả uẩn là sợ hãi, là khổ, là miếng môi, là pháp hành. Không sanh lên của tất cả uẩn là thoát khỏi sợ hãi, là an lạc, không là miếng môi, là Níp Bàn.

8-Sự diễn tiến của dị thực quả là sợ hãi, là khổ, là miếng môi, là pháp hành. Không diễn tiến của dị thực quả là thoát khỏi sợ hãi, là an lạc, không là miếng môi, là Níp Bàn.

9- Sanh là sợ hãi, là khổ, là miếng mồi, là pháp hành. Không sanh là thoát khỏi sợ hãi, là an lạc, không là miếng mồi, là Níp Bàn.

10- Già là sợ hãi, là khổ, là miếng mồi, là pháp hành. Không già là thoát khỏi sợ hãi, là an lạc, không là miếng mồi, là Níp Bàn.

11- Bệnh là sợ hãi, là khổ, là miếng mồi, là pháp hành. Không bệnh là thoát khỏi sợ hãi, là an lạc, không là miếng mồi, là Níp Bàn.

12- Chết là sợ hãi, là khổ, là miếng mồi, là pháp hành. Không chết là thoát khỏi sợ hãi, là an lạc, không là miếng mồi, là Níp Bàn.

13- Sầu là sợ hãi, là khổ, là miếng mồi, là pháp hành. Không sầu là thoát khỏi sợ hãi, là an lạc, không là miếng mồi, là Níp Bàn.

14- Bi là sợ hãi, là khổ, là miếng mồi, là pháp hành. Không bi là thoát khỏi sợ hãi, là an lạc, không là miếng mồi, là Níp Bàn.

15- Não là sợ hãi, là khổ, là miếng mồi, là pháp hành. Không não là thoát khỏi sợ hãi, là an lạc, không là miếng mồi, là Níp Bàn.

Khi hành giả hướng đến tâm vắng lặng như vậy thì pháp hành tức danh sắc đang hiển lộ là nơi sợ hãi cũng sẽ hiện bày là pháp nhiều nguy hại, là nơi thật sự đáng nhàm chán.

Thực Hành Theo Tuần Tự

Trí tuệ duy nhất có thể làm cho thành tựu 3 phận sự như quán xét thấy danh sắc là sợ hãi, có nhiều nguy hại và nhàm chán tức tâm của hành giả sẽ không dính mắc trong danh sắc bởi vì quán thấy được bằng trí tuệ sáng suốt là pháp có nhiều nguy hại.

Có tâm muốn thoát khỏi, muốn trốn tránh khỏi danh sắc, khỏi luân hồi bởi vì mình thấy rõ ràng danh sắc là pháp không bất biến, không bền vững, không có cốt lõi, là pháp chỉ diễn tiến khoảng chút ít thời gian, muốn đem mình ra khỏi, muốn vươn mình ra khỏi, muốn trốn tránh khỏi danh sắc, muốn thoát khỏi biển luân hồi, duy nhất muốn tác chứng Níp Bàn, luôn nhàm chán không vui thích trong pháp hành tức danh sắc diễn tiến trong cõi dục giới, cõi sắc giới, cõi vô sắc giới bởi vì pháp hành trong các cõi, sanh loại, sanh hữu, thức trú, hữu tình cư hoàn toàn chỉ có sự rã tan tiêu hoại suy vong.

Kết Thúc Yém Ở Tuệ



9- Dục Thoát Tuệ **(Muñcitukamyatāñña)**

Dục thoát tuệ là tuệ thâm xét mong muốn thoát khỏi danh sắc bởi quán xét thấy danh sắc đáng sợ hãi, là khổ nguy hại, là mối nhử làm cho say mê dính mắc trong luân hồi, là pháp hành tạo tác làm cho thường xuyên nhận lãnh nhiệt não và biến đổi tâm cũng phát sanh nhàm chán, muốn trốn tránh thoát khỏi pháp hành, muốn thoát khỏi luân hồi, tâm cũng hướng đến Níp Bàn.

Luân Hồi **(Saṃsāravatṭa)**

Luân hồi (saṃsāravatṭa) được phân ra thành Saṃsāra + Vatṭa, saṃsāra là luân chuyển không gián đoạn có 3 là:

- 1- Khổ cảnh luân hồi (apāyasaṃsāra).
- 2- Nhàn cảnh luân hồi (kāmasugatisaṃsāra).
- 3- Phạm thiên giới luân hồi (brahmasaṃsāra).

1- Khổ cảnh luân hồi là luân chuyển trong 4 cõi khổ như địa ngục, ngạ quỷ, atula, bàng sanh, bởi mãnh lực của

phiền não như tham, sân, si. Đôi khi ngài gọi là *luân hồi bậc hạ* (hetthimasamsāra) luân chuyển vào trong cõi phía dưới tức 4 khổ cảnh. Khổ cảnh luân hồi với luân hồi bậc hạ giống nhau chỉ khác nhau từ ngữ.

2- Nhàn cảnh luân hồi là luân chuyển trong 7 cõi vui dục giới như cõi nhân loại, 6 cõi chư thiên dục giới. Tổng cộng 7 cõi luân chuyển bằng mãnh lực đại thiện hoặc do nương vào thập thiện hạnh. Đôi khi ngài gọi là luân hồi bậc trung (majjhimasamsāra) luân chuyển trong cõi vui bậc trung tức 7 cõi vui dục giới. Nhàn cảnh luân hồi với luân hồi bậc trung giống nhau chỉ khác từ ngữ, ví như người đàn ông đã có gia đình, nếu người vợ gọi người đó thì sẽ gọi là chồng còn nếu con cái gọi thì sẽ gọi là cha nhưng sự thật thì chỉ có một người nhưng kêu gọi khác nhau.

3- Phạm thiên giới luân hồi là luân chuyển trong cõi phạm thiên như luân chuyển trong 16 cõi phạm thiên sắc giới và 4 cõi phạm thiên vô sắc giới. Đôi khi ngài gọi là luân hồi bậc thượng (uparimasamsāra), việc luân chuyển trong vòng luân hồi bậc cao gồm có 20 cõi phạm thiên do nương vào 9 thiện đáo đại là 5 thiện sắc giới, 4 thiện vô sắc giới.

Tâm của hành giả khi tiến hành đến dục thoát tuệ thì muốn thoát khỏi luân hồi bởi vì quán xét thấy thật sự rõ ràng sự sanh lên trong cõi này, sự diễn tiến của uẩn đã sanh lên, sự vô thường của danh sắc, sự tích lũy của nghiệp sẽ làm cho tái sanh nữa, sự sanh lên nữa trong các sanh hữu sẽ sanh lên như khổ cảnh, nhàn cảnh, sự sanh lên của tất cả uẩn, sự

diễn tiến của quả nghiệp sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, não hoàn toàn là sợ hãi, là khổ nguy hại, là mối nhử làm cho say mê dính mắc trong cõi, là pháp hành tạo tác làm cho nhận lãnh nhiệt não, mới phát sanh nhàm chán không hân hoan không vui thích không dính mắc, tâm luôn muốn trốn tránh thoát khỏi bởi vì thấy rõ tường rằng nếu không có danh sắc sẽ được bình an thoát khỏi sợ hãi, là an lạc, không là mối nhử làm cho say mê, là Níp Bàn. Tâm có sức mạnh chỉ nhắm đến sẽ trốn tránh thoát ra khỏi pháp hành và luân hồi.

Ví Dụ Về 8 Loại Dục Thoát Tuệ

1- Cá mắc vào lưới bẫy, mắc vào lưới chài, mắc vào lưới kéo thường giẫy giụa muốn thoát ra khỏi lưới bẫy, khỏi lưới chài, khỏi lưới kéo như thế nào thì hành giả cũng như thế đó.

2- Éch đang bị rắn ngậm trong miệng giẫy giụa kêu la, muốn thoát ra khỏi, muốn nhảy trốn ẩn nấp vào trong nước sâu cho đến khả năng tận cùng như thế nào thì hành giả cũng như thế đó.

3- Gà rừng là con thú thường luôn ở trong rừng, khi người đặt bẫy bắt được đem nhốt vào trong lồng thì luôn giẫy giụa chộn rộn không được an lạc chỉ có khổ hành hạ muốn thoát ra, muốn bay trốn vào rừng xanh bạt ngàn vô cùng thoải mái mà mình đã từng sống tự do như thế nào thì hành giả cũng như thế đó.

4- Con nai mắc vào bẫy kiên cố thường cố gắng vùng vẫy cho đến kiệt sức bởi muốn thoát ra khỏi bẫy như thế nào thì hành giả cũng như thế đó.

5- Con rắn nằm ở trong tay của thầy bắt rắn thường muốn thoát ra khỏi tay của thầy bắt rắn, muốn trốn chạy vào trong rừng rậm để được thanh thản như thế nào thì hành giả cũng như thế đó.

6- Con voi bị sa lầy muốn vươn mình lên khỏi vũng lầy cố gắng bằng mọi phương cách để tự mình thoát khỏi vũng lầy như thế nào thì hành giả cũng như thế đó.

7- Rồng chúa nằm trong miệng kim xí điều thường muốn thoát ra trốn khỏi như thế nào thì hành giả cũng như thế đó.

8- Người đàn ông bị kẻ thù bao vây muốn thoát ra khỏi để chạy trốn phải nỗ lực hết sức tìm đường trốn tránh để thoát thân như thế nào thì hành giả cũng như thế đó.

Hành giả khi thực hành đến tuệ này thường không vui thích, không dính mắc trong danh sắc thường xuyên chỉ có sự tiêu hoại, chỉ có sự chấm dứt sự diệt mất, ngay cả tất cả nơi đang có cũng chỉ như nhau trong các cõi, sanh loại, sanh hữu, thức trú, hữu tình cư thì tâm của hành giả chỉ muốn thoát ra, muốn trốn khỏi tất cả pháp hành, không luyện tiếc trong mọi pháp hành, tất cả pháp hành hiển lộ chỉ có sợ hãi, chỉ có vô số nguy hại là nơi đáng nhàm chán mới muốn trốn tránh, muốn thoát khỏi nhanh chóng rồi tinh cần thực hành tiếp tục không thôi giảm.

Thực Tánh Của 15 Loại Dục Thoát Tuệ

Tướng trạng của tuệ này hiển lộ theo như trong bộ Vô Ngại Giải Đạo (paṭisambhidāmagga) thì hành giả tiến hành đạt đến tuệ này thường có thực tánh như sau:

1- Có tâm muốn thoát khỏi sự sanh lên bởi vì thấy sự sanh lên là khổ, sự sanh lên là sợ hãi, sự sanh lên là vật chất làm cho dính mắc, sự sanh lên là pháp tạo tác.

2- Có tâm muốn thoát khỏi sự diễn tiến của danh sắc bởi vì thấy sự diễn tiến không gián đoạn của danh sắc là khổ, là pháp đáng sợ hãi, là vật chất làm cho mê say dính mắc, là pháp tạo tác.

3- Có tâm muốn thoát khỏi hiện tượng pháp hành (saṅkhāranimitta) tức dấu hiệu của danh sắc là pháp vô thường liên tục biến đổi... bởi vì thấy hiện tượng pháp hành là khổ, là pháp đáng sợ hãi, là vật chất làm cho say mê dính mắc, là pháp tạo tác.

4- Có tâm muốn thoát khỏi sự tích lũy nghiệp làm cho tái sanh trong cõi mới nữa vì rằng việc tích lũy nghiệp là khổ, là pháp đáng sợ hãi, là vật chất (amisa) làm cho say mê dính mắc, là pháp tạo tác.

5- Tâm muốn thoát khỏi sự tục sinh nữa bởi vì thấy rằng việc chấp thủ tục sinh là khổ, là pháp đáng sợ hãi, là vật chất làm cho say mê dính mắc, là pháp tạo tác.

6- Tâm muốn thoát khỏi sanh hữu bởi vì thấy rằng các

sanh hữu như cõi vui, cõi khổ... đều là khổ, là pháp đáng sợ hãi, là vật chất làm cho say mê dính mắc, là pháp tạo tác.

7- Tâm muốn thoát khỏi sự phát sanh lên của tất cả uẩn bởi vì thấy rằng sự phát sanh lên của tất cả uẩn là khổ, là pháp đáng sợ hãi, là vật chất làm cho say mê dính mắc, là pháp tạo tác.

8- Tâm muốn thoát khỏi sự diễn tiến quả của nghiệp bởi thấy rằng quả của nghiệp khác biệt là khổ, là pháp đáng sợ hãi, là vật chất làm cho say mê dính mắc.

9- Tâm muốn thoát khỏi sanh bởi vì thấy rằng sanh (jāti) là khổ, là pháp đáng sợ hãi, là vật chất làm cho say mê dính mắc, là pháp tạo tác.

10- Tâm muốn thoát khỏi già bởi vì thấy rằng già là khổ, là pháp đáng sợ hãi, là vật chất làm cho say mê dính mắc, là pháp tạo tác.

11- Tâm muốn thoát khỏi bệnh bởi vì thấy rằng bệnh là khổ, là pháp đáng sợ hãi, là vật chất làm cho say mê dính mắc, là pháp tạo tác.

12- Tâm muốn thoát khỏi chết bởi vì thấy rằng chết là khổ, là pháp đáng sợ hãi, là vật chất làm cho say mê dính mắc, là pháp tạo tác.

13- Tâm muốn thoát khỏi sầu muộn do quyền thuộc suy vong, tài sản suy vong, suy vong do bệnh tật hoành hành bởi thấy rằng sầu muộn là khổ, là pháp đáng sợ hãi, là vật chất làm cho say mê dính mắc.

14- Tâm muốn thoát khỏi than van khóc lóc do bị các sự suy vong chi phối bởi thấy rằng sự than van khóc lóc là khổ, là pháp đáng sợ hãi, là vật chất làm cho say mê dính mắc.

15- Tâm muốn thoát khỏi sự khốn đốn của tâm do bị các suy vong chi phối bởi thấy rằng tâm khốn đốn là khổ, là pháp đáng sợ hãi, là vật chất làm cho say mê dính mắc.

Kết Thúc Dục Thoát Tuệ



10- Trạch Sát Tuệ **(Paṭisaṅkhāñāṇa)**

Trạch sát tuệ là tuệ quán thấy danh sắc bằng cách miệt mài nối tiếp dục thoát tuệ.

Trạch sát tuệ (paṭisaṅkhāñāṇa) được phân ra thành Paṭi + Saṅkhā + Ñāṇa. Paṭi: Nhắm đến, quay lại, ôn lại, trở lại, nữa. Saṅkhā: Quán xét. Ñāṇa: Trí tuệ tức sự thấu hiểu khối pháp hành theo sự thật.

Trạch sát tuệ là tuệ quay trở lại quán xét pháp hành theo tam tướng bằng 40 trường hợp như quán xét pháp hành là vô thường bằng 10 trường hợp, quán xét pháp hành là khổ bằng 25 trường hợp, quán xét pháp hành là vô ngã bằng 5 trường hợp. Như trong kinh Vô Ngại Giải Đạo đề cập rằng:

Tesaṃ dhammānaṃ cattāḷīsāya ākārehi
anekādīnavarāsibhāvapaṭisaṅkhāna vasena
sutṭhuvipphārataraṃ vipassanāñāṇaṃ paṭisaṅkhāñāṇaṃ nāma.

Tuệ đang quán xét thấy ngũ uẩn theo tam tướng phát triển rộng rãi do năng lực quán xét thấy ngũ uẩn là vô số nguy hại bằng 40 trường hợp gọi là Trạch sát tuệ.

40 Trường Hợp Của Trạch Sát Tuệ

1- Quán xét thấy ngũ uẩn là vô thường theo 10 trường hợp là:

- 1- Quán xét thấy ngũ uẩn là vô thường (aniccam).
- 2- Quán xét thấy ngũ uẩn là tan rã vĩ đại (paloka).
- 3- Quán xét thấy ngũ uẩn là giao động biến đổi (cala).
- 4- Quán xét thấy ngũ uẩn là lụn bại (pabhaṅga).
- 5- Quán xét thấy ngũ uẩn là không bền vững thường tồn chi cả (addhuva).
- 6- Quán xét thấy ngũ uẩn là thường nhiên biến đổi (vipariṇamadhamma).
- 7- Quán xét thấy ngũ uẩn không có thực thể cốt lõi (asāraka).
- 8- Quán xét thấy ngũ uẩn thường xuyên có sự tiêu hoại, có sự tai họa, có sự suy vong (vibhava).
- 9- Quán xét thấy ngũ uẩn bị duyên tạo tác bởi mãnh lực nghiệp, tâm, quý tiết, vật thực.
- 10- Quán xét thấy ngũ uẩn thường nhiên có sự chết, có sự diệt mất (maraṇadhamma).

2- Quán xét thấy ngũ uẩn là khổ theo 25 trường hợp là:

- 1- Quán xét thấy ngũ uẩn thường xuyên bị áp bức không thể chịu đựng (dukkha).

2- Quán xét thấy ngũ uẩn là bệnh tật hành hạ đau đớn (raga).

3- Quán xét thấy ngũ uẩn là mụn nhọt (gaṇḍa) tức giống như mụn nhọt nhưng có cả máu lẫn mủ đau nhức, là vết thương hôi thối trở thành ung thư, phong cùi, ghẻ cóc, bệnh thủy đậu, bệnh sâu quảng...

4- Quán xét thấy ngũ uẩn là mũi tên (salla) liên tục xuyên thấu, đâm thủng như đau, nhức, mệt mỏi, ngứa, rát, nóng, lạnh, đói, khát...

5- Quán xét thấy ngũ uẩn là bất hạnh (agha) tức chật vật, khổ sở, nhiệt não.

6- Quán xét thấy ngũ uẩn là nguồn gốc bất hạnh (aghamūla) là căn cội gốc rễ của sự chật vật, của sự nhiệt não do mãnh lực của các loại bệnh tật và các loại phiền não.

7- Quán xét thấy ngũ uẩn là đau bệnh (ābādha) như bị bắn, bị lửa, bệnh sốt, bệnh bại liệt, bệnh tiểu đường, bệnh suyễn, bệnh thờ hỏn hển, bệnh viêm nhiễm...

8- Quán xét thấy ngũ uẩn là hoạn nạn (tīti) nguy hiểm chỉ có khổ không tốt đẹp không an lạc.

9- Quán xét thấy ngũ uẩn là sâu muộn (upaddava) như bị xe đụng, bị xe cán, gặp phải những nguyên nhân khác nữa chắc thật sẽ xảy ra.

10- Quán xét thấy ngũ uẩn là pháp đáng sợ hãi (bhaya) bởi vì sẽ phải đương đầu với vô số sợ hãi như sợ hãi do nạn lửa thiêu cháy, sợ hãi do nạn lũ lụt, sợ hãi do nạn bão tố, sợ

hãi do nạn trộm cướp, sợ hãi do nạn đói, nạn sanh, nạn già, nạn chết...

11- Quán xét thấy ngũ uẩn là nguy hiểm (upasagga) làm điều kiện ngăn trở không cho đời sống tiến hành được suôn sẻ.

12- Quán xét thấy ngũ uẩn là vô hộ (atāṇa) không có gì kháng cự được phải diễn tiến theo nguyên nhân của nó như già, bệnh, chết...

13- Quán xét thấy ngũ uẩn là không kín đáo (aleṇa) như không có gì bảo vệ được trốn tránh nơi đâu cũng không thoát khỏi.

14- Quán xét thấy ngũ uẩn không là nơi nương tựa (asaraṇa) bởi vì phải diệt mất, tiêu hoại, suy vong không thể chịu đựng được.

15- Quán xét thấy ngũ uẩn là tai họa (ādīnava) như có khổ, có nhiều nguy hại cả bên trong lẫn bên ngoài.

16- Quán xét thấy ngũ uẩn là kẻ sát hại (vadhaka) bởi vì nó giống như người đao phủ thủ chực chờ vung đao lên giết tất cả chúng sanh suốt không ngoài trừ bất cứ ai.

17- Quán xét thấy ngũ uẩn là hữu lậu (sāsava) tức nguồn cội của tứ lậu như *dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, tà kiến lậu*.

18- Quán xét thấy ngũ uẩn là mối của ma vương (mārāmisa) tức mối nhử làm cho tất cả chúng sanh say mê dính vào bẫy giống như ngư phủ móc lưỡi câu vào cần câu cá.

Môi của ma vương có 3 loại:

Môi của thế gian (lokāmisā) tức ngũ dục như sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Môi của luân hồi (vaṭṭāmisā) tức 3 luân là phiền não luân hồi (kilesavaṭṭa) là luân chuyển do phiền não, nghiệp luân hồi (kammavaṭṭa) là luân chuyển do nghiệp, quả luân hồi (vipākavaṭṭa) là luân chuyển do quả của nghiệp, luân chuyển trong cõi dục giới, cõi sắc giới, cõi vô sắc giới.

Môi của phiền não (kilesāmisā) tức chính phiền não là môi nhử cho tất cả chúng sanh dễ duôi mê muội đắm nhiễm dính mắc trong bực lưu luân hồi (oghasamsāra) không có cơ hội thấy được con đường của đạo, quả, Níp Bàn bởi vì là vật che mắt ngăn tâm làm cho thấy bánh xe là hoa sen, khổ là an lạc.

19- Quán xét thấy ngũ uẩn là thường nhiên sanh (jātidhamma) tức thường nhiên sự sanh ra nhận lãnh khối khổ không vượt qua khỏi sự sanh được, sanh ra khi nào thì ôm lấy khổ khi đó giống như khi nhìn thấy ngói lên từ đất khi nào thì cũng đẩy bụi đất ra khi đó.

20- Quán xét thấy ngũ uẩn là thường nhiên già (jāradhamma) tức có sự già thì thường nhiên có sự suy sụp, có sự tiêu tụy không có ai ngăn cấm và sửa đổi được.

21- Quán xét thấy ngũ uẩn là thường nhiên bệnh (byādhidhamma) tức thường nhiên sự bệnh không có ai vượt qua khỏi được sự bệnh.

22- Quán xét thấy ngũ uẩn là thường nhiên sâu (sokadhamma) tức sự sâu muộn do quyền thuộc suy vong, tài sản suy vong, bệnh tật suy vong là thường nhiên, không có ai vượt qua khỏi cho dù chỉ một người ngoại trừ bậc Thánh.

23- Quán xét thấy ngũ uẩn là thường nhiên ưu (paridevadhamma) tức thường nhiên có sự than khóc kể lể bởi vì bị các suy vong chi phối.

24- Quán xét thấy ngũ uẩn là thường nhiên não (upāyāsadhamma) tức thường nhiên có tâm khốn đốn, khốn đốn do 5 nguyên nhân như quyền thuộc suy vong... Chi pháp: Sân.

25- Quán xét thấy ngũ uẩn là phiền toái (saṅkilesadhammā) tức sự vẩn đục, phiền toái do 10 phiền não là tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật, vô tầm, vô úy.

3- Quán xét thấy ngũ uẩn là vô ngã theo 5 trường hợp là:

1- Quán xét thấy ngũ uẩn là vô ngã (anattā) tức không phải bản ngã, không sai khiến được, không dưới quyền lực của bất cứ ai.

Vô ngã nghĩa là không diễn tiến trong quyền lực, sự việc vô ngã không hiển lộ bởi do cùng nhau nắm giữ là khối, là bản ngã, là ta, là họ. Việc thấy rằng là ta gọi là *thuần khối tưởng* (ghanasaññā), chính thuần khối tưởng che đậy không cho thấy vô ngã. **Thuần khối tưởng** là tưởng sai lầm rằng là khối, là bản ngã, ta, họ có 3 loại là:

- 1- Thuần khối tướng (ghanasaññā).
- 2- Thuần khối phạm sự (kiccaghana).
- 3- Thuần khối cảnh (ārammaṇaghana).

Thuần khối tướng tức thuần khối tập hợp (samūhanaghana) là khối danh khối sắc sanh lên, tồn tại, diệt mất như đi, đứng, ngồi, nằm hiểu là ta đi, ta đứng, ta ngồi, ta nằm...

Thuần khối phạm sự là việc làm của khối danh khối sắc như đi, đứng, ngồi, nằm thì sắc có phạm sự chuyển động giống như làm theo chỉ thị của danh, danh có phạm sự giống như người chỉ thị cho chuyển động nhưng thật ra chỉ là danh và sắc nhưng chúng ta hiểu sai là ta đi, ta đứng, ta ngồi, ta nằm...

Thuần khối cảnh là hướng đến nắm lấy nhiều loại cảnh trở thành cùng một loại, như nắm lấy sắc theo đường mắt, nắm lấy tiếng theo đường tai, nắm lấy mùi theo đường mũi, nắm lấy vị theo đường lưỡi, nắm lấy xúc theo đường thân rồi tưởng sai lầm rằng ta thấy sắc đẹp không đẹp, ta nghe tiếng hay không hay, ta ngửi mùi thơm mùi thối, ta nếm vị ngon không ngon, ta xúc chạm an lạc không an lạc hiểu như vậy gọi là *tưởng điên đảo* (saññāvīpallāsa). Khi hiểu sai thì nắm giữ chấp thủ trong các cảnh đó rằng là ta, là của ta thuộc ngã kiến (attaditṭhi) hoặc thân kiến (sakkāyaditṭhi).

2- Quán xét thấy ngũ uẩn là kẻ khác (para) tức liên tục biến đổi không bất biến.

3- Quán xét thấy ngũ uẩn là nhỏ nhoi (ritta) tức là pháp nhỏ nhoi có chút ít sanh lên không lâu thì tiêu hoại, diệt mất.

4- Quán xét thấy ngũ uẩn là trống không (tucchâ) tức trống không khỏi người, thú, bản ngã, ta, họ.

5- Quán xét thấy ngũ uẩn là rỗng không (suñña) tức là pháp vô ích, là pháp rỗng không như rỗng không khỏi người, rỗng không khỏi thú, rỗng không khỏi bản ngã, ta, họ, không có chủ nhân, không có tạo hóa, không diễn tiến trong quyền lực của bất cứ ai.

Hành giả tu tiến minh quán nghiệp xứ quán xét thấy danh sắc là vô thường, khổ, vô ngã theo 40 trường hợp như vậy thường thấy rằng là pháp không tốt đẹp, là hiện tượng, là dấu hiệu báo cho biết rằng là khổ đáng sợ hãi, không sạch sẽ, có mùi hôi thối đáng ghê tởm, tạo tác không ngừng nghỉ, có sắc kỳ lạ, có điệu bộ quái dị, không thấy có cốt lõi chỉ có sanh diệt suốt nên muốn thoát ra, muốn trốn khỏi rồi nỗ lực tìm kiếm con đường thoát khỏi và cố gắng thực hành để làm cho phát triển tuệ quán.

Phương Pháp Của Việc Thoát Khỏi

Trạch sát tuệ là tuệ quán xét thấy danh sắc là khổ nguy hại đáng sợ hãi, là môi của ma vương, phát sanh sự nhầm chán muốn trốn tránh, muốn thoát khỏi nên quyết tâm thực hành minh quán nghiệp xứ để tác chứng đạo, quả, Níp Bàn

bằng cách tìm kiếm phương pháp thoát khỏi theo 15 trường hợp như:

1- Quán xét sự sanh lên và diệt mất của danh sắc rồi cố tâm thực hành để tác chứng Níp Bàn.

2- Quán xét sự diễn tiến của danh sắc đã sanh lên đang diễn tiến không gián đoạn rồi cố tâm thực hành để tác chứng Níp Bàn.

3- Quán xét hiện tượng của pháp hành (saṅkhāranimitta) tức tướng của pháp hành danh sắc là pháp vô thường, khổ, vô ngã rồi cố tâm thực hành để tác chứng Níp Bàn.

4- Quán xét thấy danh sắc đang tích lũy nghiệp, nghiệp làm cho tái sanh nữa nên chán nản muốn thoát khỏi rồi cố tâm thực hành để tác chứng Níp Bàn.

5- Quán xét thấy danh sắc đang mới sanh lên là khổ đáng sợ hãi muốn thoát khỏi rồi cố tâm thực hành để tác chứng Níp Bàn.

6- Quán xét danh sắc đang ở trong các sanh hữu như cõi khổ... là vô thường, khổ, vô ngã rồi cố tâm thực hành muốn thoát khỏi để tác chứng Níp Bàn.

7- Quán xét danh sắc đang sanh lên là ngũ uẩn là vô thường, khổ, vô ngã rồi cố tâm thực hành muốn thoát khỏi để tác chứng Níp Bàn.

8- Quán xét danh sắc đang diễn tiến theo dị thực quả tức nghiệp của mình tạo khi sanh ra từ kiếp trước cho đến kiếp

này sanh ra hoàn toàn là vô thường, khổ, vô ngã rồi cố tâm thực hành để tác chứng Níp Bàn.

9- Quán xét thấy danh sắc đang sanh lên là sắc tánh (rūpajāti), danh tánh (nāmajāti), sắc thế gian (rūpaloka), danh thế gian (nāmaloka) là pháp đáng sợ hãi, là khổ không cốt lõi từ đó nhằm chán muốn thoát khỏi rồi cố tâm thực hành để tác chứng Níp Bàn.

10- Quán xét thấy danh sắc đang suy sụp đưa đến già nua, đưa đến chấm dứt, là khổ nguy hại đáng sợ hãi, đáng chán nản rồi nhằm chán muốn thoát khỏi bằng cách thực hành để tác chứng Níp Bàn.

11- Quán xét danh sắc đang bị bệnh hoành hành chi phối là khổ, là sợ hãi, là nguy hại không có cốt lõi lợi ích, không có an lạc nên phát sanh nhằm chán muốn trốn thoát khỏi rồi tìm kiếm con đường để thoát khỏi khổ bằng cách thực hành tiếp tục để tác chứng đạo, quả, Níp Bàn.

12- Quán xét danh sắc đang diệt mất tức đang chết mỗi sát na là khổ đáng sợ hãi, đáng chán nản phát sanh nhằm chán muốn thoát khỏi mới tìm kiếm con đường thoát khỏi nên cố tâm thực hành tiếp tục để tác chứng Níp Bàn.

13- Quán xét danh sắc đang sàu muộn bị suy vong chi phối rồi nhằm chán muốn thoát khỏi nên cố tâm thực hành để tác chứng Níp Bàn.

14- Quán xét danh sắc đang than khổ do bị 5 sự suy vong chi phối là pháp đáng sợ hãi, là khổ nguy hại đáng nhằm

chán muốn thoát khỏi rồi tìm kiếm con đường thoát khỏi bằng cách cố tâm thực hành tiếp tục để tác chứng Níp Bàn.

15- Quán xét danh sắc đang có trong tâm khôn đốn bởi 5 sự suy vong chi phối thấy rằng là pháp đáng sợ hãi, là khổ nguy hại đáng nhằm chán muốn thoát khỏi nên cố tâm thực hành để tác chứng đạo, quả, Níp Bàn.

Khi hành giả tu tiên minh quán nghiệp xứ quán xét thấy danh sắc tổ tường như vậy thì gọi là hành giả đó có tăng trưởng tuệ quán lên do ghi nhận quán xét được pháp hành tốt để làm cho phương pháp thoát khỏi sanh lên.

Ví Dụ So Sánh

Có một người thanh niên muốn bắt cá nên lấy nơm đặt xuống nước, rồi thọc tay vào thì tình cờ chạm vào con rắn hổ mang trong nơm nhưng y không biết nên mới bắt lấy đầu con rắn rồi hân hoan suy nghĩ rằng ta bắt được con cá lớn, y cảm thấy thích thú vô cùng nghĩ là con cá thật bởi vì thân hình to lớn. Khi cầm đưa lên khỏi nước xem xét mới biết là con rắn bởi vì nhìn thấy cái đầu tam giác thì kinh hoàng sợ hãi vô cùng do đang thấy nguy hại trong việc bắt rắn sẽ bị rắn cắn chết. Do đó muốn nhanh chóng quăng bỏ để thoát khỏi mới tìm kiếm phương cách nên nắm lấy đuôi con rắn quấn quanh cánh tay mình rồi đưa lên trên đầu quay 2-3 vòng làm cho con rắn choáng váng và kiệt sức rồi quăng đi cùng với lời thì thầm than trách và chửi rủa rằng: “Hãy tránh

xa ra đồ con rắn độc”, sau đó mau chóng đi đến trên bờ hồ và nhìn lại con đường đã đi với ý nghĩ rằng: “Ta đã thật sự thoát khỏi miệng con rắn hổ”. Trong điều này được so sánh như sau:

Kể từ khi bắt đầu con người có hình thể trở thành bản ngã rồi vui thích phấn khởi hân hoan so sánh giống như người thanh niên nắm lấy đầu con rắn hổ suy nghĩ là cá lớn rồi vô cùng thích thú. Giai đoạn này chưa tu tiến minh quán nghiệp xứ vẫn còn mãi vui thích với thể gian.

Khi người tu tiến minh quán quán xét phân tích danh sắc lia khỏi nhau là vô thường, khổ, vô ngã hiện bày là pháp đáng sợ hãi. Giai đoạn này được xếp vào kể từ tuệ đầu tiên cho đến **kinh hải tuệ** so sánh giống như người thanh niên lôi con rắn ra khỏi nơm nhìn thấy đầu tam giác rồi sợ hãi.

Khi người tu tiến minh quán quán thường xuyên quán thấy khổ nguy hại thấy sợ hãi danh sắc này là **nguy hại tuệ** so sánh giống như người thanh niên bắt rắn suy xét thấy khổ nguy hại sợ hãi trong việc bắt rắn hổ.

Khi người tu tiến minh quán quán xét thấy danh sắc là khổ nguy hại, là sợ hãi rồi phát sanh nhàm chán là **yếm ô tuệ** so sánh giống như người thanh niên quán xét thấy khổ nguy hại thấy sợ hãi vĩ đại sẽ sanh lên với mình.

Khi người tu tiến minh quán nghiệp xứ muốn thoát khỏi danh sắc, muốn thoát khỏi luân hồi là **dục thoát tuệ** so sánh giống như người thanh niên nắm lấy đầu rắn muốn quăng con rắn cho thoát khỏi mình.

Khi người tu tiến minh quán nêu danh sắc lên theo tam tướng bằng 40 trường hợp hay bằng 15 trường hợp là **đục thoát tuệ già mạnh** và lãnh vực **trạch sát tuệ còn non yếu** so sánh giống như người thanh niên nắm lấy đầu con rắn tìm kiếm phương cách để quăng con rắn rồi quăng con rắn cho thoát khỏi mình.

Khi người tu tiến minh quán quán xét danh sắc liên tục theo tam tướng, xoay vòng theo tam tướng vô thường, khổ, vô ngã làm cho phiền não chấm dứt sức mạnh, cho đến không thể thấy rằng là pháp thường, lạc, ngã, mỹ, là bản ngã ta, họ thì sẽ thấy ngược lại là vô thường, khổ không thể chịu đựng được, là bất mỹ không đẹp đẽ, là vô ngã không phải là bản ngã, không sai khiến được, không ở trong quyền lực của bất cứ ai, đây là **trạch sát tuệ** so sánh giống như người thanh niên nắm lấy đầu con rắn quay vòng làm cho kiệt sức không thể quay lại cắn y được rồi quăng cho lia khỏi mình. Do đó trạch sát tuệ này mới xem như sanh lên già mạnh với người tu tiến minh quán.

Aniccato manasikāroto nimittam paṭisaṅkhāñāṇaṃ uppajjati.

Khi hành giả tác ý đến vô thường, quán xét về hiện tượng (nimitta) (tức vô thường tướng rằng không bền vững diễn tiến chỉ trong chốc lát) thì trạch sát tuệ cũng sanh lên.

Dukkhatto manasikaroto pavattaṃ paṭisaṅkhāñāṇaṃ uppajjati.

Khi hành giả tác ý đến khổ, quán xét việc diễn tiến (pavatta) tức sự diễn hoạt của danh sắc đã sanh lên thì trạch sát tuệ cũng sanh lên.

Anattato manasikaroto nimittañca pavattañca paṭisaṅkhāññanam uppajjati.

Khi hành giả tác ý đến vô ngã, quán xét về hiện tượng (nimitta) tức vô thường tướng và sự diễn hoạt (pavatta) của danh sắc đã sanh lên thì trạch sát tuệ cũng sanh lên.

Kết Thúc Trạch Sát Tuệ



11- Hành Xả Tuệ **(Saṅkhārupekkhāñāṇa)**

Hành xả tuệ (saṅkhārupekkhāñāṇa) là tuệ quán xét thấy danh sắc theo trạng thái rỗng không trong cảnh của hiện tượng pháp hành (saṅkhāranimittaārammaṇa).

Hành xả tuệ (saṅkhārupekkhāñāṇa) được phân ra thành Saṅkhāra + Upekkhā + Ñāṇa. Saṅkhāra: Thực tánh pháp có duyên tạo tác tức ngũ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tóm lại là danh và sắc, uẩn thứ 1 là sắc, uẩn thứ 2, 3, 4, 5 là danh. Upekkhā: Thản nhiên tức trung dung không vui không buồn không sợ hãi không thích thú. Ñāṇa là tuệ thấu đáo danh và sắc theo sự thật.

Hành xả tuệ là tuệ quán xét thấy danh sắc là vô thường không thể chịu đựng được, không sai khiến được, rỗng không khỏi chúng sanh, người, bản ngã, ta, họ rồi thản nhiên có niệm ghi nhận tỏ tường như sau:

1- Tuệ quán xét thấy sự sanh lên của danh sắc là khổ, sự diễn hoạt của danh sắc đã sanh lên là khổ, thấy hiện tượng (nimitta) tức dấu hiệu của danh sắc báo hiệu cho biết là vô thường, không thể chịu đựng được, không sai khiến được là khổ, thấy sự tích lũy nghiệp làm cho tái sanh nữa là khổ,

thấy 5 sanh hữu là khổ, thấy tục sinh là khổ, thấy sự phát sanh ra ngũ uẩn là khổ, thấy sự sanh lên (uppatti) diễn tiến quả của nghiệp là khổ, thấy sanh (jāti) là khổ, thấy già là khổ, thấy bệnh là khổ, thấy chết là khổ, thấy sầu muộn là khổ, thấy bi là khổ, thấy não là khổ.

Khi quán xét thấy khổ như vậy thì phát sanh nhàm chán muốn thoát khỏi nên tác ý lập lại tam tướng nữa rồi thân nhiên được xếp vào Hành xả tuệ.

2- Tuệ quán xét thấy sự sanh lên của danh sắc là sợ hãi, thấy diễn hoạt của danh sắc đã sanh lên là sợ hãi, thấy hiện tượng tức dấu hiệu của danh sắc báo hiệu làm cho biết là vô thường, không thể chịu đựng được, không sai khiến được là sợ hãi, thấy sự tích lũy nghiệp làm cho tái sanh nữa là sợ hãi, thấy 5 sanh hữu là sợ hãi, thấy tục sinh là sợ hãi, thấy sự phát sanh ra ngũ uẩn là sợ hãi, thấy sự hiện sanh lên diễn tiến quả của nghiệp là sợ hãi, thấy sanh là sợ hãi, thấy già là sợ hãi, thấy bệnh là sợ hãi, thấy chết là sợ hãi, thấy sầu muộn là sợ hãi, thấy bi là sợ hãi, thấy não là sợ hãi.

Khi quán xét thấy sợ hãi như vậy thì phát sanh nhàm chán muốn thoát khỏi nên tác ý lập lại tam tướng nữa rồi thân nhiên được xếp vào Hành xả tuệ.

3- Tuệ quán xét thấy sự sanh lên của danh sắc rằng hành là pháp tạo tác, thấy diễn hoạt của danh sắc đã sanh lên rằng hành là pháp tạo tác, thấy hiện tượng tức dấu hiệu của danh sắc báo hiệu cho biết là vô thường, không thể chịu đựng

được, không sai khiến được rằng hành là pháp tạo tác, thấy sự tích lũy nghiệp làm cho tái sinh nữa rằng hành là pháp tạo tác, thấy sự phát sanh ra của ngũ uẩn rằng hành là pháp tạo tác, thấy sự hiện sanh lên diễn tiến quả của nghiệp rằng hành là pháp tạo tác, thấy sanh là hành là pháp tạo tác, thấy già là hành là pháp tạo tác, thấy bệnh là hành là pháp tạo tác, thấy chết là hành là pháp tạo tác, thấy bi là hành là pháp tạo tác, thấy não là hành là pháp tạo tác.

4- Tuệ quán xét thấy sự sanh lên của ngũ uẩn... cho đến não do bị 5 sự suy vong như quyến thuộc suy vong, tài sản suy vong... chi phối là vật cảm dỗ tức vật cảm dỗ của ma vương bởi vì tiến hành theo mỗi nhữ làm cho say mê dính mắc trong dòng biển luân hồi (aghasamsāra), nhằm chán muốn thoát khỏi nên tác ý lập lại tam tướng nữa rồi thân nhiên được xếp vào Hành xả tuệ.

5- Tuệ quán xét thấy sự sanh lên của danh sắc... cho đến não là hành là pháp tạo tác làm cho nhận lãnh khổ nhiệt não hàng trăm ngàn loại khác nhau rồi thân nhiên, các pháp hành này được xếp vào là Hành xả tuệ.

6- Tuệ quán xét thấy pháp hành và xả cũng là pháp hành rồi thân nhiên, các pháp hành này được xếp vào là Hành xả tuệ.

7- Tâm của *phàm nhân* khi đạt đến hành xả tuệ có 2 trạng thái là:

1- Saṅkhārupekkham abhinandati: Thường hân hoan vui thích đối với hành xả.

2- Saṅkhārupekkhaṃ vipassati: Thường thấy rõ pháp hành xả.

8- Tâm của *bậc Thánh hữu học* kể từ bậc Nhập Lưu... khi đạt đến hành xả tuệ thì có 3 trạng thái là:

1- Saṅkhārupekkhaṃ abhinandati: Thường hân hoan vui thích đối với hành xả.

2- Saṅkhārupekkhaṃ vipassati: Thường thấy rõ pháp hành xả.

3- Saṅkhārupekkhaṃ paṭisaṅkhāya phalasaṃpattim samāpajjati: Thường quán xét hành xả rồi nhập thiền quả.

9- Tâm của bậc không có tham ái tức *bậc A La Hán* khi đạt đến hành xả có 3 trạng thái:

1- Saṅkhārupekkhaṃ vipassati: Thấy rõ hành xả.

2- Saṅkhārupekkhaṃ paṭisaṅkhāya phalasaṃpattim samāpajjati: Quán xét hành xả rồi nhập thiền quả.

3- Ajjupekkhitvā suññatavihārena vā animittena vā appaṇihitena vā viharati: Khi thân nhiên đối với pháp hành rồi làm điều kiện để trú trong pháp như không tánh giải thoát (suññatavimokkha) hay vô tướng giải thoát (animittavimokkha) hay phi thuộc lụy giải thoát (appaṇhitavimokkha).

10- Tâm của *phàm nhân* và tâm của *bậc Thánh hữu học* khi đạt đến hành xả tuệ thì có 4 tướng trạng giống nhau là:

10.1- Tâm của **phàm nhân**

a. Cittam kilissati: Tâm của phàm nhân thường vẫn đục bởi vì vui thích đối với pháp hành xả.

b. Bhāvanāya paripantho hoti: Trở ngại đối với việc tu tiến.

c. Paṭivedhassa antarāyo hoti: Trở ngại đối với việc tác chứng tức là pháp làm cản trở việc liễu tri Tứ Thánh Đế.

d. Āyatipaṭisandhiyā paccayo hoti: Làm duyên cho sự tục sinh trong sanh hữu tiếp theo nữa.

10.2- Tâm của **bậc Thánh hữu học**

a. Cittam kilissati: Tâm của bậc Thánh hữu học vẫn đục bởi vì vui thích đối với pháp hành xả.

b. Bāvanāya paripantho hoti: Trở ngại đối với việc tu tiến.

c. Uttaripaṭivedhassa antarāyo hoti: Trở ngại đối với việc liễu tri Tứ Thánh Đế bậc cao.

d. Āyatipaṭisandhiyā paccayo hoti: Làm duyên cho sự tục sinh trong sanh hữu tiếp theo nữa.

11- Tâm của phàm nhân, bậc Thánh hữu học, bậc ly tham khi đạt đến hành xả tuệ có thực tánh thấy được tam tướng như nhau tức thấy tướng tận hành xả là vô thường, khổ, vô ngã.

12- Tâm của phàm nhân, bậc Thánh hữu học, bậc Thánh vô học khi đạt đến hành xả thì khác nhau ở thiện và vô ký.

Hành xả của *phàm nhân* là **thiện**.

Hành xả của *bậc Thánh hữu học* là **thiện**.

Hành xả của *bậc Thánh vô học* là **vô ký**.

13- Hành xả của phàm nhân, bậc Thánh hữu học, bậc Thánh vô học khác nhau như sau:

Đối với *phàm nhân* hành xả hiển lộ rõ ràng tức biết được hoàn hảo riêng biệt trong lúc tu tiến minh quán nếu không tu tiến thì không hiển lộ, đối với *bậc Thánh hữu học* đạt đến hành xả thì hiển lộ rõ ràng tức biết được hoàn hảo trong lúc không tu tiến minh quán cũng như nhau, còn *bậc Thánh vô lậu* hiển lộ rõ ràng tức biết được hoàn hảo trọn vẹn bởi vì ngài đã đoạn tuyệt hỷ, ưu.

14- Sự khác nhau về hành xả của phàm nhân, bậc Thánh hữu học, bậc Thánh vô học vẫn còn có nữa, như *phàm nhân* tu tiến minh quán quán xét hành xả chưa đạt đến rốt ráo (tận cùng) liên quan từ việc thực hành minh quán chưa thành tựu, ngay đến *bậc Thánh hữu học* cũng vẫn còn phải tu tiến minh quán nghiệp xứ quán xét hành xả tiếp tục bởi vì chưa đạt đến rốt ráo tức tu tiến minh quán chưa được viên mãn, còn *bậc Thánh vô học* thì quán xét hành xả đạt đến rốt ráo liên quan từ việc tu tiến minh quán hoàn thành đoạn trừ tất cả phiền não, phận sự nên làm không còn nữa, đã hoàn thành phạm hạnh.

15- Phàm nhân, bậc Thánh hữu học, bậc Thánh vô học quán xét hành xả khác nhau như sau:

Phàm nhân quán xét hành xả để đoạn trừ 3 kiết sử như thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ để tác chứng Nhập Lưu đạo, *bậc Thánh hữu học* quán xét hành xả để tác chứng đạo, quả bậc cao hơn cho đến A La Hán đạo, A La Hán quả bởi vì đã đoạn trừ 3 kiết sử, *bậc Thánh vô lậu* quán xét hành xả để trú vào an lạc ngay trong kiếp hiện tại bởi vì ngài đã đoạn trừ dứt tuyệt mọi phiền não.

16- Hành xả tuệ sanh lên do mãnh lực chỉ tịnh và minh quán

a- Hành xả tuệ sanh lên do mãnh lực của 8 chỉ tịnh là:

Paṭhamajjhānaṃ paṭilābhatthāya nīvaraṇe paṭisaṅkhā santitṭhanā paññā saṅkhārupekkhāñānaṃ.

Tuệ quán xét tìm kiếm con đường (phương cách) rồi thân nhiên với 5 triền cái để tác chứng sơ thiền gọi là Hành xả tuệ.

Dutiyajjhānaṃ paṭilābhatthāya vitakkavicāre paṭisaṅkhā santitṭhanā paññā saṅkhārupekkhāñānaṃ.

Tuệ quán xét tìm kiếm phương cách rồi thân nhiên với tâm, tứ để tác chứng nhị thiền gọi là Hành xả tuệ.

Tatijajjhānaṃ paṭilābhatthāya pīṭiṃ patisaṅkhā santitṭhanā paññā saṅkhārupekkhāñānaṃ.

Tuệ quán xét tìm kiếm phương cách rồi thân nhiên với hỷ để tác chứng tam thiền gọi là Hành xả tuệ.

Catutthajjhānaṃ paṭilābhatthāya sukhadukkhe
paṭisaṃkhā santiṭṭhanā paññā saṅkhārupekkhāññaṃ.

Tuệ quán xét tìm kiếm phương cách rời thân nhiên với
lạc và khổ để tác chứng tứ thiền gọi là Hành xả tuệ.

Ākāsānañcāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya
rūpasaññaṃ paṭighasaññaṃ nānattasaññaṃ paṭisaṃkhā
santiṭṭhanā paññā saṅkhārupekkhāññaṃ.

Tuệ quán xét tìm kiếm phương cách rời thân nhiên với
sắc tướng, đối ngoại tướng, dị biệt tướng để tác chứng thiền
không vô biên xứ gọi là Hành xả tuệ.

Viññāṇañcāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya
ākāsānañcāyatanasaññaṃ paṭisaṃkhā santiṭṭhanā paññā
saṅkhārupekkhāññaṃ.

Tuệ quán xét tìm kiếm phương cách rời thân nhiên với
tướng không vô biên xứ để tác chứng thiền thức vô biên xứ
gọi là Hành xả tuệ.

Ākiñcaññāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya
viññāṇañcāyatanam paṭisaṃkhā santiṭṭhanā paññā
saṅkhārupekkhāññaṃ.

Tuệ quán xét tìm kiếm phương cách rời thân nhiên với
tướng thức vô biên xứ để tác chứng thiền vô sở hữu xứ gọi
là Hành xả tuệ.

Nevasaññānāsaññāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya
ākiñcaññāyatanasaññaṃ paṭisaṃkhā santiṭṭhanā paññā
saṅkhārupekkhāññaṃ.

Tuệ quán xét tìm kiếm phương cách rời thân nhiên với tướng vô sở hữu xứ để tác chứng thiên phi tướng phi phi tướng xứ gọi là Hành xả tuệ.

b- Hành xả tuệ sanh lên từ 10 minh quán là:

Sotāpattimaggam paṭilabhatthāya uppādam...
paṭisaṃkhā santiṭṭhanā paññā saṅkhārupekkhānam.

Tuệ quán thấy sự sanh lên của danh sắc... cho đến não để tác chứng Dự lưu đạo rời thân nhiên gọi là Hành xả tuệ.

Sotāpattiphalasamāpattatthāya uppādam... paṭisaṃkhā
santiṭṭhanā paññā saṅkhārupekkhāñānam.

Tuệ quán xét thấy sự sanh lên của danh sắc... cho đến não để nhập Dự lưu thiên quả rời thân nhiên gọi là Hành xả tuệ.

Sakadāgāmimaggam paṭilābhatthāya...

Tuệ quán thấy sự sanh lên của danh sắc... cho đến bi để tác chứng Nhất Lai đạo rời thân nhiên gọi là Hành xả tuệ.

Sakadāgāmiphalasamāpattatthāya...

Tuệ quán thấy sự sanh lên của danh sắc... cho đến bi để nhập Nhất Lai thiên quả rời thân nhiên gọi là Hành xả tuệ.

Anāgāmimaggam paṭilābhatthāya...

Tuệ quán thấy sự sanh lên của danh sắc... cho đến bi để tác chứng Bất Lai đạo rời thân nhiên gọi là Hành xả tuệ.

Anāgāmiphalasamāpattatthāya...

Tuệ quán thấy sự sanh lên của danh sắc... cho đến bi để

nhập Bất Lai thiên quả rồi thân nhiên gọi là Hành xả tuệ.

Arahattamaggam paṭilābhatthāya...

Tuệ quán thấy sự sanh lên của danh sắc... cho đến bi đẽ tác chứng A La Hán đạo rồi thân nhiên gọi là Hành xả tuệ.

Arahattaphalasangāhāyāya...

Tuệ quán thấy sự sanh lên của danh sắc... cho đến bi đẽ nhập A La Hán thiên quả rồi thân nhiên gọi là Hành xả tuệ.

Suññatavihārasamāpattatthāya...

Tuệ quán thấy sự sanh lên của danh sắc... cho đến bi đẽ tác chứng không tánh trú thiên chứng rồi thân nhiên gọi là Hành xả tuệ.

Animittavihārasamāpattatthāya...

Tuệ quán thấy sự sanh lên của danh sắc... cho đến bi đẽ tác chứng vô tướng trú thiên chứng rồi thân nhiên gọi là Hành xả tuệ.

Hành Xả Tuệ Theo Tam Đề Thiện

Tất cả hành xả tuệ có bao nhiêu? Xếp vào thiện, bất thiện, vô ký có bao nhiêu?

Tất cả hành xả tuệ có 18 tức thuộc về chỉ tịnh có 8, thuộc về minh quán có 10; xếp vào thiện có 15, xếp vào vô ký có 3 là A La Hán quả, không tánh trú (suññatavihāra), vô tướng

trú (animittavihāra) còn lại 15 thì xếp vào thiện, không có bất thiện.

Sự Rỗng Không

Hành giả tu tiến minh quán nghiệp xứ ghi nhận sự rỗng không có 2 cách là:

1- Ghi nhận sự rỗng không từ mình.

2- Ghi nhận sự rỗng không từ mình và các đồ vật của mình tức thấy không có gì là của ta cả sắc uẩn bên ngoài lẫn sắc uẩn bên trong chỉ thấy có sự rỗng không giống như gò mồi hoang và ngôi nhà hoang.

Người tu tiến minh quán nghiệp xứ ghi nhận sự rỗng không có 4 cách là:

1- Ghi nhận không thấy rằng ta là của ta trong bất cứ nơi nào tức chẳng có cái ta.

2- Ghi nhận không thấy ta liên quan với bất cứ ai.

3- Ghi nhận không thấy cái ta của người khác trong bất cứ nơi nào tức không có ai chỉ có danh và sắc mà thôi.

4- Ghi nhận không thấy có người khác liên quan với ta.

Hành giả tu tiến minh quán nghiệp xứ ghi nhận sự rỗng không có 6 cách được phân ra thành 4 nhóm là:

Nhóm thứ 1 – 6 xứ bên trong là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,

tâm. Cả 6 xứ này là pháp thường nhiên rỗng không khỏi ta, rỗng không khỏi của ta, rỗng không khỏi sự thường hằng, rỗng không khỏi sự bền vững, rỗng không khỏi sự kiên cố, rỗng không khỏi sự không biến đổi.

Nhóm thứ 2 – 6 xứ bên ngoài là sắc, thanh, khí, vị, xúc, cảnh pháp. Cả 6 xứ này cũng thường nhiên rỗng không khỏi ta, rỗng không khỏi của ta, rỗng không khỏi sự thường hằng, rỗng không khỏi sự bền vững, rỗng không khỏi sự kiên cố, rỗng không khỏi sự không biến đổi.

Nhóm thứ 3 - 6 thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Cả 6 thức này cũng thường nhiên rỗng không khỏi ta, rỗng không khỏi của ta, rỗng không khỏi sự thường hằng, rỗng không khỏi sự bền vững, rỗng không khỏi sự kiên cố, rỗng không khỏi sự không biến đổi.

Nhóm thứ 4 – 6 xúc là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Cả 6 xúc này cũng thường nhiên rỗng không khỏi ta, rỗng không khỏi của ta, rỗng không khỏi sự thường hằng, rỗng không khỏi sự bền vững, rỗng không khỏi sự kiên cố, rỗng không khỏi sự không biến đổi.

Hành giả tu tiên minh quán nghiệp xứ ghi nhận sự rỗng không có 8 cách là:

Ghi nhận sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mắt, già, chết nhóm này không có cốt lõi, tìm không thấy cốt lõi, không cốt lõi bởi rỗng không, có 8 đầu mỗi cốt lõi thường nhiên như cốt lõi thường còn (niccasāra), cốt lõi trường tồn (dhuvasāra),

cốt lõi an lạc (sukhasāra), cốt lõi bản ngã (attasāra), là pháp thường hằng, là pháp bền vững, là pháp kiên cố, là pháp không có sự biến đổi giống như cây sậy, giống như thân cây thầu dầu, giống như thân cây sung, giống như thân cây gòn trắng, giống như bong bóng nước, giống như bọt nước, giống như ảo ảnh, giống như cây chuối.

Hành giả tu tiến minh quán nghiệp xứ ghi nhận sự rộng không có 10 đầu mối là:

1- Rupam rittato passati: Quán xét thấy sắc nhỏ nhoi bởi vì là vô thường, không cốt lõi, là pháp bản thui đê tiện, ướ trước đáng ghê tởm.

2- Tucchato: Quán xét thấy sắc là trống rỗng bởi vì là pháp hạ liệt, là pháp đê tiện.

3- Suññato: Quán xét thấy sắc là pháp rỗng không bởi vì không có ta, không có cốt lõi.

4- Anāttato: Quán xét thấy sắc là vô ngã.

5- Anissariyato: Quán xét thấy sắc không có quyền hạn bởi vì làm thành quyền hạn và bất cứ ai cũng không thể làm cho có quyền hạn được.

6- Akāmakāriyato: Quán xét thấy sắc là pháp không làm theo mong muốn được, không làm cho toại nguyện được tức bất cứ ai muốn cũng không làm cho danh sắc được thường hằng, được an lạc, được đẹp đẽ theo ý thích được giống như người không thể lấy bong bóng nước để nặn thành đồ vật đựng nước được.

7- Alabbhanīyato: Quán xét thấy sắc là pháp mà bất cứ ai cũng không làm theo mong muốn được, như mong muốn rằng: “Xin cho được an lạc đừng cho đau bệnh” thì sắc cũng không làm theo lời van xin, không làm theo lời cầu khẩn không làm theo mong muốn của bất cứ ai.

8- Avasavattakato: Quán xét thấy sắc không diễn tiến theo quyền lực của bất cứ ai.

9- Parato: Quán xét thấy sắc là kẻ khác tức không bảo tồn được.

10- Vivittato: Quán xét thấy sắc là pháp vắng lặng lia khỏi chúng sanh, người, bản ngã, ta, họ chỉ có sự trống rỗng giống như ngôi nhà hoang trống rỗng lẫn yên lặng và vắng vẻ.

Cả 10 điều này để quán xét sắc uẩn là pháp rỗng không có 10 cách. Còn việc quán xét thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn là pháp rỗng không có 10 cách cũng quán xét tương tự như vậy.

Hành giả tu tiến minh quán nghiệp xứ quán xét sắc uẩn là pháp rỗng không có 12 cách là:

1- Rūpaṃ na satto: Quán xét thấy sắc không phải là chúng sanh.

2- Na jīvo: Quán xét thấy sắc không phải là sanh mạng.

3- Na naro: Quán xét thấy sắc không phải là người.

4- Na mānavo: Quán xét thấy sắc không phải là thanh niên.

5- Na itthī: Quán xét thấy sắc không phải là nữ nhân.

6- Na puriso: Quán xét thấy sắc không phải là đàn ông.

7- Na attā: Quán xét thấy sắc không phải là bản ngã.

8- Na attaniya: Quán xét thấy sắc không phải là sự việc thuộc về của ta.

9- Nāham: Quán xét thấy sắc không phải là ta.

10- Na mama: Quán xét thấy sắc không phải là của ta.

11- Na aññassa: Quán xét thấy sắc không phải là của người khác.

12- Na kassaci: Quán xét thấy sắc không phải là của bất cứ ai.

Việc quán xét sắc uẩn là pháp rỗng không có 12 cách thì ngay cả việc quán xét thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn là pháp rỗng không cũng có 12 cách giống như vậy.

Hành giả tu tiến minh quán nghiệp xứ quán xét thấy sắc uẩn là pháp rỗng không có 42 trường hợp do mãnh lực của tam tướng đạt tri (tīraṇapariññā) như sau:

1- Rūpaṃ aniccato: Quán xét thấy sắc là pháp vô thường.

2- Dukkhatto: Quán xét thấy sắc là khổ.

3- Rogato: Quán xét thấy sắc là bệnh tật.

4- Gaṇḍato: Quán xét thấy sắc là mụn nhọt.

5- Sallato: Quán xét thấy sắc là mũi tên.

- 6- Aghato: Quán xét thấy sắc là pháp bất hạnh.
- 7- Ābādhato: Quán xét thấy sắc là đau bệnh.
- 8- Parato: Quán xét thấy sắc là kẻ khác.
- 9- Palokato: Quán xét thấy sắc là pháp tiêu hoại rã tan.
- 10- Ītito: Quán xét thấy sắc là pháp hoạn nạn.
- 11- Upaddavato: Quán xét thấy sắc là pháp rủi ro.
- 12- Bhayato: Quán xét thấy sắc là sợ hãi.
- 13- Upasaggato: Quán xét thấy sắc là nguy hiểm.
- 14- Calato: Quán xét thấy sắc là pháp giao động.
- 15- Pabhaṅgato: Quán xét thấy sắc là pháp lụn bại đổ vỡ.
- 16- Addhuvato: Quán xét thấy sắc là pháp không trường tồn.
- 17- Atāṇato: Quán xét thấy sắc là pháp không có điều kiện kháng cự lại.
- 18- Aḷeṇato: Quán xét thấy sắc là pháp không có nơi ẩn náu.
- 19- Asaraṇato: Quán xét thấy sắc không là nơi nương tựa.
- 20- Asaraṇībhūtato: Quán xét thấy sắc là pháp không có nơi trú ngụ.
- 21- Rittato: Quán xét thấy sắc là pháp nhỏ nhoi.
- 22- Tucchato: Quán xét thấy sắc là pháp trống rỗng.
- 23- Suññato: Quán xét thấy sắc rỗng không.

- 24- Anattato: Quán xét thấy sắc là vô ngã.
- 25- Anassādato: Quán xét thấy sắc là pháp không đáng hài lòng.
- 26- Ādīnavato: Quán xét thấy sắc là nguy hại.
- 27- Vipariṇāmato: Quán xét thấy sắc là pháp biến đổi.
- 28- Asārakato: Quán xét thấy sắc là pháp không có cốt lõi.
- 29- Aghamūla: Quán xét thấy sắc là nguồn gốc của bất hạnh.
- 30- Vadhakato: Quán xét thấy sắc là người đao phủ thủ túc kẻ sát hại.
- 31- Vibhavato: Quán xét thấy sắc là pháp thối hóa.
- 32- Sāsavato: Quán xét thấy sắc làm cảnh của lậu hoặc.
- 33- Saṅkhato: Quán xét thấy sắc là pháp bị tạo tác.
- 34- Mārāmisakato: Quán xét thấy sắc là mối nhử của ma vương.
- 35- Jātidhammato: Quán xét thấy sắc là pháp thường nhiên có sự sanh.
- 36- Jarādhammato: Quán xét thấy sắc là pháp thường nhiên có sự già.
- 37- Byādhidhammato: Quán xét thấy sắc là pháp thường nhiên có sự bệnh.
- 38- Maraṇadhammato: Quán xét thấy sắc là pháp thường nhiên có sự chết.

39- Sokaparidevadukkhadomanassupāyāsadhammato: Quán xét thấy sắc là cứ điểm của sầu muộn, đau khổ, than van, tâm khốn đốn do thường gặp phải 5 điều suy vong như quyền thuộc suy vong, tài sản suy vong...

40- Samudayato: Quán xét thấy sắc là nguyên nhân làm phát sanh khổ.

41- Atthaṅgamato: Quán xét thấy sắc là pháp tiêu hoại bởi vì không tồn tại được.

42- Nissaraṇato: Quán xét thấy sắc là pháp không nương nhờ được.

Việc quán xét thọ uẩn, tướng uẩn, hành uẩn, thức uẩn là pháp rỗng không theo 42 trường hợp cũng giống như sắc uẩn.

Khi hành giả tu tiến quán xét thấy danh sắc là pháp rỗng không, là pháp trống rỗng theo 42 trường hợp như vậy gọi là quán xét thấy thế gian là pháp rỗng không. Thích hợp như lời phán dạy ngài Mogharāja (Tam Tạng quyền 30, bộ kinh Tiểu Xiển Minh (cūḷaniddesa) điều 504) rằng:

Suññato lokam avekkhassu mogharāja sadā sato.

Attānuditthim ohacca Evaṃ maccuttaro siyā

Evaṃ lokam avekkhantam Maccurājā na passati.

“Này Mogharāja, con hãy có niệm mỗi khi quán xét thế gian là rỗng không, con hãy nỗ lực bỏ ngã kiến tức tùy quán bản ngã theo trường hợp như vậy mới giải thoát khỏi sự

chết, tử thần ma vương không nhìn thấy được người quán xét thế gian theo trường hợp như vậy”.

Khi hành giả quán xét thấy danh sắc là pháp rỗng không theo các trường hợp như đã giải thích trên thì tâm cũng thân nhiên với nhóm danh sắc đó được xếp vào là Hành xả tuệ.

Quả Của Hành Xả Tuệ

Khi hành giả quán xét thấy danh sắc là pháp rỗng không như vậy rồi lấy vô thường, khổ, vô ngã ghi nhận quán xét lập đi lập lại sẽ hiện bày như sau:

1- Dứt bỏ được sợ hãi, vui thích có tâm thân nhiên với danh sắc.

2- Không nắm giữ chấp thủ danh sắc là của ta, ví dụ giống như người đàn ông đã dứt khoát ly dị vợ, như có một người đàn ông rất yêu thương vợ thậm chí không thể lìa xa cho dù chỉ trong chốc lát bởi vô cùng thương yêu, nếu nhìn thấy vợ đứng, ngồi nói chuyện cười đùa với người đàn ông khác thì sẽ ghen tuông giận dữ và vô cùng phiền muộn tủi thân. Về sau khi thấy được tội lỗi của vợ thì phát sanh chán nản muốn lần tránh thoát khỏi và dứt khoát ly dị, kể từ đó trở đi không còn áp ủ ý niệm người vợ đó là của mình như ban đầu cho dù nhìn thấy người vợ đó làm gì, với ai tại nơi nào đi nữa cũng không ghen tuông, giận dữ, không phiền muộn tủi thân chỉ có thân nhiên trung dung. Điều này như

thể nào thì hành giả cũng như thế đó, muốn thoát khỏi tất cả danh sắc mới ghi nhận pháp hành bằng trách sát tuệ không nhìn thấy điều gì đáng chấp thủ là của ta nên dứt bỏ được sợ hãi, vui thích và có tâm thản nhiên trong tất cả danh sắc.

3- Khi hành giả có niệm tỉnh giác thấy như vậy thì tâm không quay trở lại, không xoay vòng lại, không lan tỏa đi trong 3 cõi, 4 sanh loại, 5 sanh hữu, 7 thức trú, 9 hữu tình cư, chỉ thản nhiên trong danh sắc hoặc danh sắc là uế trước ghê sợ kinh tởm mới quay trở lại lìa khỏi sanh hữu... giống như giọt sương trên lá sen và lông cánh con gà, tức thông thường giọt sương trên lá sen chỉ có thuận nhất chảy xuống không quay trở lại, không xoay vòng lại, không chảy ngược trở lại dính trên lá sen nữa như thế nào thì tâm của hành giả khi đạt đến tuệ này cũng không quay trở lại, không xoay vòng lại trong 3 cõi, 4 sanh loại... nữa giống như vậy.

Lông cánh con gà và dây cước mà người lấy bỏ vào trong lửa thường co rút lại không xòe ra, không duỗi ra như thế nào thì tâm của hành giả khi đạt đến tuệ này cũng giống như vậy, thường rút ra lìa khỏi 3 cõi, 4 sanh loại, 5 sanh hữu... không quay trở lại, không xoay vòng lại nữa, chỉ có nhàm chán muốn thoát khỏi rồi thản nhiên bởi vì nhìn thấy rõ là pháp uế nhiễm đáng ghê tởm không đáng say mê thích thú.

4- Patissati: Có niệm vững chắc, chi pháp: Vô tham, vô sân, vô si bởi vì khi niệm có sức mạnh già dặn hiển lộ thì tham, sân, si cũng không có, giống như dòng điện cao áp thường làm cho ánh sáng tỏa ra nhiều nên nhìn bất cứ vật gì

ở đâu cũng thấy được rõ ràng không có tối tăm như thế nào thì tâm chỉ có sự thản nhiên.

5- Virattacittam: Tâm không nắm giữ chấp thủ, không ràng buộc dính mắc, không dục vọng thích thú trong sắc, thanh, khí, vị... nên chỉ hiện bày sự thản nhiên.

6- Najjhosatitṭhanam: Không nhận lấy chế định làm cảnh tức không nhận lấy ngũ uẩn là pháp thường, lạc, ngã bởi vì niệm tuệ quán xét thấy rõ ràng ngũ uẩn là bất mỹ, vô thường, khổ, vô ngã nên tưởng điên đảo mới diệt mất không hiểu sai và không say mê dính mắc, tâm chỉ có thản nhiên trong danh sắc.

7- Dukkhavapacinam: Không tích lũy khổ chỉ có sự tỉnh cần để cắt đứt gốc rễ của khổ cho chấm dứt, cho tiêu tan, tâm cũng thản nhiên trong danh sắc.

8- Nibbānameva pakkhandati: Khi thấy danh sắc là sợ hãi, là khổ nguy hại đáng nhàm chán muốn thoát khỏi, tâm vững chắc rồi thản nhiên, tâm cũng đưa đến vắng lặng tức sự yên tịnh nếu chưa tác chứng Níp Bàn thì trở lại nắm lấy danh sắc làm cảnh lập đi lập lại như vậy nữa, giống như con quạ của nhóm thương buôn đi biển như sau:

Vào thời kỳ trước khi con người chưa có la bàn thì nhóm thương buôn đi biển lúc lên thuyền thường đem theo con quạ đi cùng để thả ra xem hướng, khi con thuyền bị gió thổi chạy đi sai đường không nhìn thấy bờ thì thả con quạ ra để xem hướng, con quạ bay từ đầu cột buồm con thuyền đến

giữa không trung rồi bay theo hướng chánh, phụ, nếu nhìn thấy bờ sẽ bay thẳng về hướng đó còn nếu chưa nhìn thấy bờ thì bay trở lại đầu nơi đầu cột buồm nữa. Điều này như thế nào thì hành xả tuệ cũng như vậy, nếu thấy được sự vắng lặng tức Níp Bàn vắng lặng thì lia bỏ danh sắc đang sanh diệt rồi lập tức hướng thẳng về Níp Bàn, nếu như không thấy thì phải quay trở lại tác ý đến danh sắc làm cảnh tiếp tục nữa, phải tác ý trở đi trở lại liên tục theo chiều xuôi ngược (anulomapaṭiloma).

9- Tividhānupassanāvasena tiṭṭhati: Hành xả tuệ càng lâu dài thì càng vi tế giống như người lấy cái rây để rây bột và giống như đánh toi bông vải trong thùng rồi để vào trong máy để cuốn bông vải, cho nên khi quán xét danh sắc theo nhiều trường hợp như vậy thì dứt bỏ được sợ hãi và vui thích, có tâm thanh nhiên trong việc quán xét danh sắc nên tâm vững chắc bởi mãnh lực của 3 tùy quán, khi tồn tại theo trạng thái như vậy thì đạt đến 3 giải thoát môn (vimokkhamukha) làm điều kiện phân ra thành 7 bậc Thánh nhân.

3 Tùy Quán (Anupassanā)

3 loại tùy quán (anupassanā):

- 1- Vô thường tùy quán.
- 2- Khô tùy quán.
- 3- Vô ngã tùy quán.

Vô thường tùy quán (aniccānupassanā): Tuệ quán xét thấy danh sắc là vô thường sanh lên rồi diệt đi, sanh lên nơi nào thì diệt đi nơi đó, tâm mới đưa đến trạng thái vô tướng (animitta), danh sắc cũng chỉ có hiện lộ sự tiêu hoại, chấm dứt rồi có tâm thân nhiên, có niệm ghi nhận biết.

Khổ tùy quán (dukkhānupassanā): Tuệ quán xét thấy danh sắc là khổ không thể chịu đựng được, tâm cũng sanh lên sự kinh cảm đối với danh sắc rồi đưa đến trạng thái không có cứ điểm thì danh sắc cũng hiện lộ là pháp đáng sợ hãi rồi có tâm thân nhiên có niệm ghi nhận biết.

Vô ngã tùy quán (anattānupassanā): Tuệ quán xét thấy danh sắc không phải là bản ngã, là pháp rỗng không, trống rỗng, tâm cũng đưa đến trạng thái rỗng không thì danh sắc cũng sẽ hiện lộ là pháp thuần nhất rỗng không rồi có tâm thân nhiên có niệm ghi nhận biết.

3 Giải Thoát Môn (Vimokkhamukha)

Giải thoát môn là con đường giải thoát đặc biệt xa lìa tất cả phiền não bằng 3 tùy quán bởi vì là con đường dẫn xuất ra khỏi thế gian, vượt khỏi thế gian tức siêu thế (lokuttara) là con đường đưa đến Níp Bàn.

Giải thoát (vimokkha) có 3 là:

- 1- Vô tướng giải thoát (animittavimokkha).

2- Phi thuộc lụy giải thoát (appanahitavimokkha).

3- Không tánh giải thoát (suññatavimokkha).

1- Nếu hành giả tu tiên minh quán nghiệp xứ quán xét thấy danh sắc là *vô thường* gọi là **người nhiều đức tin** bởi vì giai đoạn đầu có vừa đủ đức tin khi vào thực hành thấy được rõ ràng do mãnh lực tuệ quán của chính mình thâm xét nên có nhiều đức tin thêm nữa, tín quyền có sức mạnh dũng mãnh (mãnh liệt), đối với bậc Tối Thượng Đạo Sư nên có đức tin nhiều.

2- Nếu hành giả tu tiên minh quán nghiệp xứ quán xét thấy danh sắc là *khổ* gọi là **người có nhiều an tịnh** bởi vì quán xét thấy khổ thì tâm cũng hướng đến Níp Bàn là an lạc vắng lặng tối thượng do quán xét thấy tất cả pháp hành là khổ thật sự, nếu như đối lập lại không có pháp hành mới là an lạc Níp Bàn thì tâm cũng trong sáng phần chấn tràn đầy phi lạc, định quyền có sức mạnh mãnh liệt thường tác chứng được phi thuộc lụy giải thoát.

3- Nếu hành giả tu tiên minh quán nghiệp xứ quán xét thấy danh sắc là *vô ngã* gọi là **người có nhiều trí tuệ**, có trí tuệ vi tế thâm sâu là người xa lìa khỏi si mê thường tác chứng được không tánh giải thoát.

Vô tướng giải thoát (animittavimokkha) được phân ra thành Animitta + Vimokkha.

Animitta = không có dấu hiệu (hiện tượng). Vimokkha = giải thoát đặc biệt lìa khỏi tất cả phiền não.

Vô tướng giải thoát chi pháp là Thánh đạo lấy Níp Bàn làm cảnh diễn tiến theo trạng thái vô tướng tức không có thường tướng (niccanimitta), không có trường tồn tướng (dhuvanimitta) và không có ngã tướng (attanimitta).

Phi thuộc lụy giải thoát (appaṇihitavimokkha) được phân ra thành Appaṇihita + Vimokkha.

Appaṇihita = không có cứ điểm, Vimokkha = giải thoát đặc biệt là khỏi tất cả phiền não.

Phi thuộc lụy giải thoát chi pháp là Thánh đạo lấy Níp Bàn làm cảnh theo trạng thái không có cứ điểm của phiền não ái dục không có tham, sân, si...

Không tánh giải thoát (suññatavimokkha) được phân ra thành Suññata + Vimokkha.

Suññata = rỗng không, Vimokkha = giải thoát đặc biệt là khỏi tất cả phiền não.

Không tánh giải thoát chi pháp là Thánh đạo lấy Níp Bàn làm cảnh theo trạng thái rỗng không tức rỗng không khỏi tham, sân, si.

Tám Bậc Thánh Nhân

Mỗi bậc Thánh Nhân vẫn phải trải qua tam tướng và tam giải thoát như nhau. Bậc Thánh nhân là bậc cao quý có hành vi thân, ngữ, ý tốt đẹp bởi năng lực của giới, định, tuệ.

Một lý khác nữa, bậc Thánh nhân là bậc xa lia kẻ thù tức xa lia khỏi phiền não như tham, sân, si...

Bậc Thánh nhân nói theo thành quả của việc thực hành có 8 là:

- 1- Bậc Thánh Nhập Lưu đạo.
- 2- Bậc Thánh Nhập Lưu quả.
- 3- Bậc Thánh Nhất Lai đạo.
- 4- Bậc Thánh Nhất Lai quả.
- 5- Bậc Thánh Bất Lai đạo.
- 6- Bậc Thánh Bất Lai quả.
- 7- Bậc Thánh A La Hán đạo.
- 8- Bậc Thánh A La Hán quả.

Các bậc Thánh nhân này phải bắt tay vào việc tu tiến mình quán nghiệp xử trải qua các tuệ cho đến 16 tuệ là đối với bậc Nhập Lưu đạo là đạo thứ 1, còn đạo thứ 2, 3, 4 phải tu tiến mình quán nghiệp xử trải qua các tuệ thì chỉ có 13 tuệ tức kể từ Sanh diệt tuệ già mạnh cho đến Phản khán tuệ, phải trải qua 3 lần nữa thì sẽ làm cho khổ hoàn toàn chấm dứt và hoàn thành phận sự phạm hạnh.

Bảy Bậc Thánh Nhân

Tiếp theo sẽ giải thích bảy bậc Thánh nhân trong nhóm Thánh nhân đã giải thích chỉ khác nhau một số ngài có đức

tin nhiều, một số ngài có sự an tịnh nhiều trong lúc thực hành mà thôi.

Bảy bậc Thánh nhân:

1- Bậc tùy tín hành (saddhānusārī) (bậc Nhập Lưu đạo).

2- Bậc tín giải thoát (saddhāvimutta) (bậc Nhập Lưu quả – bậc A La Hán quả).

3- Bậc thân chứng (kāyasakkhī) (bậc Nhập Lưu đạo - A La Hán quả).

4- Lưỡng biên giải thoát ¹ (ubhatobhāgavimutti) (bậc A La Hán).

5- Bậc tùy pháp hành (dhammānusārī) (bậc Nhập Lưu đạo).

6- Bậc kiến chí (ditṭhipatta) (bậc Nhập Lưu quả - A La Hán đạo).

7- Bậc tuệ giải thoát ² (paññāvimutti) (bậc A La Hán).

1- Bậc tùy tín hành (saddhānusārī): Bậc Thánh nhân quán xét thấy danh sắc là *vô thường* có tín quyền trội hơn

¹ Sở giải Saddhammapakāsinī Tiểu Bộ Kinh bộ Vô Ngại Giải Đạo đề cập rằng trong Tiểu Bộ Kinh bộ Vô Ngại Giải Đạo chỉ giải thích đến 5 bậc Thánh nhân không giải thích đến 2 bậc Thánh nhân là bậc lưỡng biên giải thoát và bậc tuệ giải thoát nhưng trong nơi khác thì Ngài thuyết rằng người nào tác ý đến khổ thiên về sự an tịnh thường đạt được định quyền thì người đó được gọi là bậc thân chứng, còn người đắc chứng thiên vô sắc rồi tác chứng quả cao nhất thì gọi là bậc lưỡng biên giải thoát.

² Lại nữa, người nào tác ý đến vô ngã thiên về sự hiểu biết thường đạt được tuệ quyền thì người đó gọi là bậc tùy pháp hành trong sát na của bậc Nhập lưu đạo; gọi là bậc kiến chí tức trong 6 bậc, đạo, quả; gọi là tuệ giải thoát thì tác chứng được quả cao nhất (sớ giải vimokkhaniddesa trang 393)

do có đức tin nhiều nên tác chứng Dự lưu đạo chỉ lấy riêng biệt sát na Nhập lưu đạo nên mới gọi là bậc tùy tín hành tức bậc thiên về đức tin hay bậc có nhiều đức tin hoặc bậc suy nghĩ theo đức tin.

2- Bậc tín giải thoát (saddhāvimutta): Bậc Thánh nhân quán xét thấy danh sắc là *vô thường* có tín quyền trội hơn do có tín quyền trội hơn nên đức tin hướng đến trong sát na của Nhất Lai đạo, Bất Lai đạo và A La Hán đạo lần đức tin nghiêng về trong 4 sát na quả ám chỉ lấy Nhập Lưu quả - A La Hán quả nên mới gọi là bậc tín giải thoát tức bậc giải thoát khỏi phiền não do có đức tin trội hơn.

3- Bậc thân chứng ¹ (kāyasakkhī): Bậc Thánh nhân quán xét thấy danh sắc là *khổ* thiên về an tịnh thường đạt được định quyền, tu tiến chỉ tịnh nghiệp xứ thiên hữu sắc và thiên vô sắc, sau đó tu tiến minh quán nghiệp xứ rồi tác chứng đạo, quả, Níp Bàn gọi là bậc thân chứng tức có danh thân làm trọng yếu ám chỉ trong sát na của Nhập Lưu đạo đến A La Hán quả.

4- Bậc lưỡng biên giải thoát (ubhatobhāgavimutta): Bậc Thánh nhân tu tiến chỉ tịnh nghiệp xứ cho đến khi chứng đắc thiên vô sắc trước mới tu tiến minh quán nghiệp xứ tiếp theo cho đến khi tác chứng A La Hán quả gọi là bậc lưỡng biên giải thoát tức bậc giải thoát khỏi 2 bên như bằng thiên vô sắc và bằng Thánh đạo.

¹ Sớ giải bộ Vô Ngại Giải Đạo (atthakathāpaṭisambhidāmagga) đề cập rằng người được gọi là bậc thân chứng bởi vì thấu đáo được Níp Bàn và đạt được thiên sắc giới và thiên vô sắc giới.

5- Bậc tùy pháp hành (dhammānusārī): Bậc Thánh nhân quán xét thấy danh sắc là *vô ngã* thiên về trí tuệ đạt đến tuệ quyền trở thành bậc tùy pháp hành trong sát na của Nhập Lưu đạo.

6- Bậc kiến chí (ditṭhipatta): Bậc Thánh nhân có trí tuệ mà mình được hiểu được thấy được biết làm cho sáng tỏ đúng đắn bằng trí tuệ rằng danh sắc là *khổ*, Níp Bàn là an lạc tác ý đến *vô ngã* trội hơn bằng tuệ quyền bởi vì nhiều trí tuệ được gọi là bậc kiến chí trong sát na Nhập Lưu quả – A La Hán đạo.

7- Bậc tuệ giải thoát (paññāvimutta): Bậc giải thoát bằng trí tuệ tức bậc Thánh nhân tu tiến thuần minh quán cho đến khi trở thành bậc A La Hán.

Bậc Thánh Nhân Và Tam Tướng

Các bậc Thánh nhân phải trải qua tam tướng như nhau

1- Hành xả tuệ của vô thường tùy quán (aniccānupassanāsaṅkhārupekkhāñāṇa) gồm có 2 bậc Thánh:

1- Bậc tùy tín hành.

2- Bậc tín giải thoát.

2- Hành xả tuệ của khổ tùy quán (dukkhānupassanāsaṅkhārupekkhāñāṇa) gồm có 2 bậc Thánh:

1- Bậc thân chứng.

2- Bậc lưỡng biên giải thoát.

3- Hành xả tuệ của vô ngã tùy quán (anattānupassanāsaṅkhārupekkhāñāṇa) gồm có 3 bậc Thánh:

1- Bậc tùy pháp hành.

2- Bậc kiên chí.

3- Bậc tuệ giải thoát.

1- Nếu như thấy vô thường do có **tín quyền nổi trội**, khi tác chứng Nhập Lưu đạo... A La Hán quả do có đức tin nhiều gọi là *bậc tùy tín hành* (trong sát na Nhập Lưu đạo), *bậc tín giải thoát* (trong sát na Nhập Lưu quả, Nhất Lai đạo cho đến A La Hán quả), còn 4 quyền nữa như tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền **ảnh hưởng theo tín quyền** bằng Đồng sanh duyên, Hổ tương duyên, Y duyên, Tương ưng duyên.

2- Nếu như thấy khổ do có **định quyền nổi trội**, khi tác chứng Nhập Lưu đạo... A La Hán quả do có định quyền nhiều gọi là *bậc thân chứng* (trong sát na Nhập Lưu đạo cho đến A La Hán quả), nếu như đã đắc thiên vô sắc mà tác chứng A La Hán quả thì gọi là *bậc lưỡng biên giải thoát*, còn 4 quyền khác cũng **ảnh hưởng theo định quyền** bằng Đồng sanh duyên, Hổ tương duyên, Y duyên, Tương ưng duyên.

3- Nếu như thấy vô ngã do có **tuệ quyền nổi trội**, khi

tác chứng Nhập Lưu đạo... A La Hán quả do có tuệ quyền nhiều thì gọi là *bậc tùy pháp hành* (trong sát na Nhập Lưu đạo), *bậc kiến chí* (trong sát na Nhập Lưu quả cho đến A La Hán đạo), *bậc tuệ giải thoát* (trong sát na A La Hán quả), còn 4 quyền khác nữa cũng **ảnh hưởng theo tuệ quyền** bằng Đồng sanh duyên, Hổ tương duyên, Y duyên, Tương ưng duyên.

Mỗi bậc Thánh Thanh Văn phải thực hành minh quán trải qua các thực tánh như đã đề cập trên.

Bậc Thánh Nhân Với Giải Thoát

Vimokkha tức giải thoát là tên của chi pháp tác chứng Níp Bàn có 3 là:

- 1- Vô tướng giải thoát.
- 2- Phi thuộc lụy giải thoát.
- 3- Không tánh giải thoát.

Được gọi tên như vậy do mãnh lực của việc tu tiến minh quán theo tuần tự cho đến khi thấy được vô thường, khổ, vô ngã tác chứng đạo, quả, Níp Bàn.

1- Nếu quán xét thấy vô thường **do có đức tin nhiều** thì có vô tướng giải thoát làm trọng yếu, còn 2 giải thoát kia của việc tu tiến cũng diễn tiến theo vô tướng giải thoát bằng Đồng sanh duyên, Hổ tương duyên, Y duyên, Tương ưng

duyên, có phận sự như nhau được xếp vào là tu tiên do có ý nghĩa có phận sự giống nhau, trong lúc liễu tri Tứ Thánh Đế cũng có phận sự như nhau.

2- Nếu quán xét thấy khổ **do có sự an tịnh nhiều** thì có phi thuộc lụy giải thoát làm trọng yếu, còn 2 giải thoát của việc tu tiên cũng ảnh hưởng theo giải thoát này bằng Đồng sanh duyên, Hối tương duyên, Y duyên, Tương ưng duyên, có phận sự như nhau được xếp vào là tu tiên do có ý nghĩa có phận sự giống nhau, trong lúc liễu tri Tứ Thánh Đế cũng có phận sự như nhau.

3- Nếu quán xét thấy vô ngã **do có trí tuệ nhiều** thì có không tánh giải thoát làm trọng yếu, còn 2 giải thoát của việc tu tiên cũng ảnh hưởng theo giải thoát này bằng Đồng sanh duyên, Hối tương duyên, Y duyên, Tương ưng duyên, có phận sự như nhau được xếp vào là tu tiên do có ý nghĩa có phận sự giống nhau, trong lúc liễu tri Tứ Thánh Đế cũng có phận sự như nhau.

Nếu người nào thực hành đúng thì người đó được gọi là tu tiên có thể làm cho 3 giải thoát khỏi hiện được nếu thực hành sai không đúng thì 3 giải thoát sẽ không sanh lên được.

1- Nếu quán xét thấy vô thường thì tâm xuất khỏi tướng (nimitta) như tướng trường tồn (dhuvanimitta)... rồi dẫn đến vô tướng (animitta) tức Níp Bàn gọi là *giải thoát bằng vô tướng giải thoát*.

2- Nếu quán xét thấy khổ thì tâm xuất khỏi dẫn tiến

đang sanh diệt của danh sắc rồi dẫn đến phi diễn tiến tức Níp Bàn gọi là *giải thoát bằng phi thuộc lụy giải thoát*.

3- Nếu quán xét thấy vô ngã thì tâm xuất khỏi tướng và diễn tiến rồi dẫn đến vô tướng và phi diễn tiến tức Níp Bàn gọi là *giải thoát bằng không tánh giải thoát*.

3 giải thoát có trong sát na khác nhau do có 4 trạng thái *làm trưởng, vững chắc, hướng tâm đến, dẫn xuất khỏi luân hồi*, ví dụ như:

Nếu **thấy vô thường** thì vô tướng giải thoát làm trưởng tâm cũng vững chắc bởi vô tướng giải thoát, khi tâm thiên về vô tướng giải thoát cũng dẫn đến Níp Bàn bằng vô tướng giải thoát.

Nếu **thấy khổ** thì phi thuộc lụy giải thoát làm trưởng, tâm cũng vững chắc bởi phi thuộc lụy giải thoát, khi tâm thiên về phi thuộc lụy giải thoát cũng dẫn đến Níp Bàn bằng phi thuộc lụy giải thoát.

Nếu **thấy vô ngã** thì không tánh giải thoát làm trưởng, tâm cũng vững chắc bởi không tánh giải thoát, khi tâm thiên về không tánh giải thoát cũng dẫn đến Níp Bàn bằng không tánh giải thoát. Như vậy gọi là 3 giải thoát có trong sát na khác nhau do 4 trạng thái.

Còn 3 giải thoát có trong cùng sát na với nhau do 7 trạng thái là:

1- Khi **thấy vô thường** thì tâm giải thoát khỏi tướng

gọi là *vô tướng giải thoát*, khi giải thoát khỏi tướng nào thì không tồn tại trong tướng đó gọi là *phi thuộc lụy giải thoát*, khi tâm không tồn tại trong tướng nào thì rỗng không khỏi tướng đó gọi là *không tánh giải thoát*, khi rỗng không khỏi tướng nào thì tướng đó gọi là *vô tướng giải thoát*. Cả 3 giải thoát có trong cùng sát na với nhau do 7 trạng thái như sau:

- 1- Do đồng cùng nhau hội tụ.
- 2- Do đồng cùng nhau tác chứng.
- 3- Do đồng cùng nhau đạt đến.
- 4- Do đồng cùng nhau liễu tri.
- 5- Do đồng cùng nhau làm cho sáng tỏ (thấu rõ).
- 6- Do đồng cùng nhau đúng đắn (chuẩn xác).
- 7- Do đồng cùng nhau giác ngộ.

2- Khi **thấy khổ** thì tâm giải thoát khỏi hệ lụy gọi là *phi thuộc lụy giải thoát*, không tồn tại trong hệ lụy nào thì rỗng không khỏi hệ lụy đó gọi là *không tánh giải thoát*, rỗng không khỏi tướng nào thì tướng đó gọi là *vô tướng giải thoát*, không có tướng bởi vì tướng nào không tồn tại thì trong tướng đó gọi là *phi thuộc lụy giải thoát*.

Ba giải thoát có trong cùng sát na với nhau có 7 trạng thái như do đồng cùng nhau hội tụ...

3- Khi **thấy vô ngã** thì tâm giải thoát khỏi chấp thủ gọi là *không tánh giải thoát*, rỗng không khỏi tướng nào thì tướng đó gọi là *vô tướng giải thoát*, không có tướng bởi vì

tướng nào không tồn tại thì trong tướng đó gọi là *phi thuộc lục giải thoát*, không tồn tại trong tướng nào thì rỗng không khỏi tướng đó gọi là *không tánh giải thoát*.

Ba giải thoát có trong cùng sát na với nhau có 7 trạng thái như do đồng cùng nhau hội tụ, do đồng cùng nhau tác chứng...

Ba Tuệ Quán Theo Tuần Tự Có 15

Dục thoát tuệ, Trạch sát tuệ, Hành xả tuệ. Cả 3 tuệ cùng ý nghĩa như nhau, như trích ra ý nghĩa trong bộ Vô Ngại Giải Đạo như sau

1- Tuệ quán xét thấy sự sanh diệt của danh sắc rồi muốn thoát khỏi danh sắc được xếp vào Dục thoát tuệ, tác ý quán xét xem sự sanh diệt của danh sắc được xếp vào Trạch sát tuệ, sự thản nhiên đối với sự sanh diệt của danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

2- Tuệ quán xét thấy sự diễn tiến của danh sắc đang sanh diệt rồi muốn thoát khỏi danh sắc được xếp vào Dục thoát tuệ, sự tác ý quán xét xem danh sắc đang sanh diệt được xếp vào Trạch sát tuệ, sự thản nhiên đối với danh sắc đang sanh diệt được xếp vào Hành xả tuệ.

3- Tuệ quán thấy tướng vô thường, không bền vững... của tất cả danh sắc rồi muốn thoát khỏi danh sắc được xếp vào Dục thoát tuệ, sự tác ý quán xét xem danh sắc được xếp

vào Trạch sát tuệ, sự thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

4- Tuệ quán thấy nghiệp là nguyên nhân làm cho danh sắc sanh lên nữa rồi muốn thoát khỏi được xếp vào Dục thoát tuệ, sự tác ý quán xét xem danh sắc được xếp vào Trạch sát tuệ, sự thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

5- Tuệ quán xét thấy danh sắc tục sinh tức thấy sự sanh lên tiếp tục nữa của danh sắc rồi muốn thoát khỏi được xếp vào Dục thoát tuệ, sự tác ý quán xét xem danh sắc được xếp vào Trạch sát tuệ, sự thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

6- Tuệ quán xét thấy sanh hữu của danh sắc rồi muốn thoát khỏi được xếp vào Dục thoát tuệ, sự tác ý quán xét xem danh sắc được xếp vào Trạch sát tuệ, sự thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

7- Tuệ quán xét thấy sự phát sanh lên của tất cả uẩn rồi muốn thoát khỏi được xếp vào Dục thoát tuệ, sự tác ý quán xét xem danh sắc được xếp vào Trạch sát tuệ, sự thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

8- Tuệ quán xét thấy việc diễn tiến dị thực quả của danh sắc đang sanh diệt rồi muốn thoát khỏi được xếp vào Dục thoát tuệ, sự tác ý quán xét xem danh sắc được xếp vào Trạch sát tuệ, sự thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

9- Tuệ quán xét thấy sanh (jāti) tức sự sanh ra của danh sắc rồi muốn thoát khỏi được xếp vào Dục thoát tuệ, sự tác ý quán xét xem danh sắc được xếp vào Trạch sát tuệ, sự thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

10- Tuệ quán xét thấy sự già của danh sắc rồi muốn thoát khỏi được xếp vào Dục thoát tuệ, sự tác ý quán xét xem danh sắc được xếp vào Trạch sát tuệ, sự thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

11- Tuệ quán xét thấy sự bệnh của danh sắc rồi muốn thoát khỏi được xếp vào Dục thoát tuệ, sự tác ý quán xét xem danh sắc được xếp vào Trạch sát tuệ, sự thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

12- Tuệ quán xét thấy sự chết của danh sắc rồi muốn thoát khỏi được xếp vào Dục thoát tuệ, sự tác ý quán xét xem danh sắc được xếp vào Trạch sát tuệ, sự thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

13- Tuệ quán xét thấy sự sầu muộn tức tâm bồn chồn lo lắng bởi vì gặp phải quyền thuộc suy vong, tài sản suy vong, bị nạn trộm cướp hoành hành rồi muốn thoát khỏi được xếp vào Dục thoát tuệ, sự tác ý quán xét xem danh sắc được xếp vào Trạch sát tuệ, sự thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

14- Tuệ quán xét thấy sự bi thảm tức than khóc kể lẽ phàn nàn kêu ca mọi thứ do gặp phải 5 điều suy vong như quyền thuộc suy vong... rồi muốn thoát khỏi được xếp vào Dục thoát tuệ, sự tác ý quán xét xem danh sắc được xếp vào

Trạch sát tuệ, sự thản nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

15- Tuệ quán xét thấy sự ảo não tức tâm khốn đốn do gặp phải khổ tâm trầm trọng liên quan từ quyền thuộc chết hay tài sản tiêu tan hoặc bị nạn trộm cướp hoành hành hay thấy sai lầm hoặc giới hoại. Chi pháp: Sân, rồi muốn thoát khỏi được xếp vào Dục thoát tuệ, sự tác ý quán xét xem danh sắc được xếp vào Trạch sát tuệ, sự thản nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

15 trường hợp như đã diễn giảng xếp vào là *tướng trạng của 3 tuệ* được phân ra chi tiết nữa để đem lợi ích cho học viên và việc tu tiến.

Thông thường mỗi hành giả cả cư sĩ lẫn xuất gia, cả trong quá khứ vị lai hiện tại phải có thực tánh thành quả của việc tu tiến giống nhau, như nước biển thông thường ở trong quốc gia nào, thành phố nào cũng phải có vị mặn giống nhau cho nên dù là người dân tộc nào, ngôn ngữ nào đi nữa nếu vào thực hành pháp như minh quán nghiệp xứ rồi thì sẽ có các tuệ sanh lên giống nhau, chính như vậy mới là điều vi diệu của Phật Giáo.

Quán Xét Danh Sắc Là Khổ

Tướng trạng của Dục thoát tuệ, Trạch sát tuệ và Hành xả tuệ đã đề cập ngoài ra vẫn còn có nhiều nữa nhưng sẽ giải thích gom lại thành từng điều như sau:

1- Tuệ quán thấy sự sanh diệt là khổ muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

2- Tuệ quán thấy sự diễn tiến của danh sắc đã sanh lên là khổ muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

3- Tuệ quán xét thấy hiện tượng pháp hành tức vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng của tất cả danh sắc là khổ muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

4- Tuệ quán xét thấy nghiệp là nhân làm cho chúng sanh tái sinh nữa là khổ muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

5- Tuệ quán xét thấy việc chấp thủ tục sinh tức sanh lên nữa là khổ muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

6- Tuệ quán xét thấy bất cứ sanh hữu nào đi nữa như khổ cảnh, nhân cảnh đều là khổ muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

7- Tuệ quán xét thấy sự phát sanh lên của tất cả uẩn là khổ muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

8- Tuệ quán xét thấy sự khởi sanh lên của danh sắc tức việc diễn tiến quả nghiệp của danh sắc là khổ muốn thoát

khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

9- Tuệ quán xét thấy sự sanh (jāti) là khổ muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

10- Tuệ quán xét thấy sự già là khổ muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

11- Tuệ quán xét thấy sự bệnh là khổ muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

12- Tuệ quán xét thấy sự chết là khổ muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

13- Tuệ quán xét thấy sự sầu muộn là khổ muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

14- Tuệ quán xét thấy sự than khóc kể lẽ kêu ca phàn nàn mọi thứ là khổ muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

15- Tuệ quán xét thấy tâm khốn đốn là khổ muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

Như đã giải thích 15 trường hợp trên cũng xếp vào là tướng trạng của hành xả tuệ ngoài ra vẫn còn có nữa như:

Quán Xét Danh Sắc Là Sợ Hãi

1- Tuệ quán xét thấy sự sanh lên là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

2- Tuệ quán xét thấy sự diễn tiến của danh sắc đã sanh lên là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

3- Tuệ quán xét thấy hiện tượng pháp hành là pháp vô thường, khổ, không bền vững, không đẹp đẽ, không phải là bản ngã là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

4- Tuệ quán xét thấy nghiệp là nhân làm cho tất cả chúng sanh tái sinh nữa là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

5- Tuệ quán xét thấy việc chấp thủ tục sinh sanh lên nữa là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

6- Tuệ quán xét thấy bất cứ sanh hữu nào như khổ cảnh, nhân cảnh là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

7- Tuệ quán xét thấy sự phát sanh lên của tất cả uẩn là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

8- Tuệ quán xét thấy sự diễn tiến của dị thực quả là quả

ngiệp của danh sắc là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thản nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

9- Tuệ quán xét thấy sự sanh (jāti) là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thản nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

10- Tuệ quán xét thấy sự già là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thản nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

11- Tuệ quán xét thấy sự bệnh là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thản nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

12- Tuệ quán xét thấy sự chết là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thản nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

13- Tuệ quán xét thấy sàu muộn là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thản nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

14- Tuệ quán xét thấy sự than khóc kể lễ kêu ca phàn nàn là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thản nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

15- Tuệ quán xét thấy tâm khốn đốn là sợ hãi muốn thoát khỏi nên chủ tâm tu tiến thản nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

Việc giải thích 15 trường hợp trên cũng được xếp vào là tướng trạng của hành xả tuệ ngoài ra cũng vẫn còn có nữa như:

Quán Xét Danh Sắc Rồi Thản Nhiên

1- Sự sanh lên là các hành, thản nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là pháp hành, thản nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

2- Sự diễn tiến của danh sắc là các hành, thản nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là pháp hành, thản nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

3- Ba tướng như vô thường tướng... là các hành, thản nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là pháp hành, thản nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

4- Sự tích lũy (āyuhana) tức nghiệp là nhân làm cho tục sinh tiếp tục là các hành, thản nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là pháp hành, thản nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

5- Tục sinh là các hành, thản nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là pháp hành, thản nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

6- Sanh hữu là các hành, thản nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là

pháp hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

7- Phát sanh lên (nibbatti) sự phát sanh lên của tất cả uẩn là các hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là pháp hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

8- Khởi sanh (uppatti): Sự diễn tiến của dị thực quả tức quả nghiệp của tất cả chúng sanh là các hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là pháp hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

9- Sanh (jāti) là các hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là pháp hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

10- Già là các hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là pháp hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

11- Bệnh là các hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là pháp hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

12- Chết là các hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là pháp

hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

13- Sầu muộn là các hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là pháp hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

14- Than khóc kể lể kêu ca phàn nàn là các hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là pháp hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

15- Tâm khốn đốn là các hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó là xả. Cả 2 các hành này cũng như xả được xếp vào là pháp hành, thân nhiên đối với nhóm hành đó được xếp vào Hành xả tuệ.

15 trường hợp như đã giải thích được xếp vào là tướng trạng của hành xả tuệ.

3 Tuệ Quán Giống Nhau

1- Dục thoát tuệ, 2- Trạch sát tuệ, 3- Hành xả tuệ, 3 tuệ này có ý nghĩa giống nhau chỉ khác từ ngữ.

1- Pabbabhāge nibbidāññena nibbiṇṇassa uppādīni pariccajitukāmatā muñcitukamyatā.

Trong giai đoạn đầu nhằm chán muốn buông bỏ theo

15 trường hợp như sự sanh lên... thì từ bỏ được ràng buộc, thỏa thích dục vọng đối với danh sắc bằng Yêm ô tuệ (nibbidāñāṇa) được xếp vào Dục thoát tuệ.

2- Muñcanassa upāyakaranattham majjhe paṭisaṅkhānam patisaṅkhā.

Trong giai đoạn giữa liên tục quán xét để tìm kiếm phương cách để buông bỏ được xếp vào Trạch sát tuệ.

3- Muñcitvā avasāne ajjupekkhānam santiṭṭhanā.

Trong giai đoạn kết thúc buông bỏ luyện tiếc rồi thân nhiên đối với danh sắc được xếp vào Hành xả tuệ.

Tóm lại: Muốn thoát khỏi bằng sự liên tục quán xét rồi thân nhiên được xếp vào Hành xả tuệ.

Đỉnh Cao Của Minh Quán

Thông thường cây cối và hạt giống phải có ngọn, có đỉnh như thế nào thì minh quán cũng có ngọn, có đỉnh giống như vậy, đỉnh cao của minh quán có 2 loại là:

1- Đạt đến đỉnh cao (sikkhāpatta): Minh quán đạt đến đỉnh cao, đạt đến cuối cùng, đạt đến cao tột tức Hành xả tuệ đầy đủ 6 chi phần, khi đã đầy đủ 6 chi phần thì người đó cũng hy vọng chứng đắc đạo, quả, Níp Bàn chắc chắn.

2- Xuất khỏi (vutṭhānagāmanī): Xuất khỏi minh quán nối tiếp nhau với đạo, như có dẫn chứng sau:

Maggena saddhim ghaṭiyati. Nối tiếp nhau với đạo.

Đạo gọi là xuất khỏi (vutṭhāna) bởi vì xuất khỏi đối tượng chấp thủ là 2 tướng (nimitta).

a- Nimittabhūto abhinivīṭṭhavatthuto: Xuất khỏi tướng, xuất khỏi đối tượng là nhân làm cho chấp thủ, tức ngũ uẩn là cảnh của minh quán.

b- Ajjhattappavattanato: Xuất khỏi diễn tiến của tà kiến bên trong cơ tánh của mình và xuất khỏi khối phiền não ảnh hưởng theo phiền não.

Do 2 nhân này *minh quán* mới được gọi là *xuất khỏi*.

Sáu Chi Phần Của Hành Xả Tuệ

1- Bhayañca nandiñca vipphāya (Thanh Tịnh Đạo) không sợ hãi, không vui buồn, ghi nhận đều đặn hoàn chỉnh không trở ngại vướng mắc, ghi nhận được trọn vẹn.

2- Neva sumano hoti na dummano upekkhako viharati sato sampajāno (bộ Phân Tích).

Phần chần cũng không có, chán nản cũng không có, chỉ có chánh niệm tỉnh giác ghi nhận thân nhiên.

3- Sabbasaṅkhāresu udasino hoti majjhato (Thanh Tịnh Đạo)

Người trung dung thân nhiên đối với các hành không chấp thủ là ta, là của ta giống như người dứt khoát ly dị vợ.

4- Santiṭṭhanā paññā (Vô Ngại Giải Đạo)

Buông bỏ rồi thả nhiên đến tận cùng hoặc định an trú lâu dài ghi nhận được lâu dài không muốn đứng dậy bởi vì tâm an tịnh không có phóng dật không có triền cái quấy nhiễu.

5- Sappagge piṭṭhaṃ vatṭiyamānaṃ viya (Thanh Tịnh Đạo)

Tuệ quán đó giống như bột trong cái rây đang bị rây, giống như bông vải được bỏ hạt rồi bị đánh tơi ra, ghi nhận các hành theo các trường hợp cho đến khi không sợ hãi và vui thích rồi trung dung trong việc xem xét các hành an trú vào 3 tùy quán.

6- Paṭilīyati paṭikuṭṭati paṭivaṭṭati na sampariyati (Thanh Tịnh Đạo)

Tâm của hành giả thường co rút trở lại không giương thẳng ra trong 3 cõi, 4 sanh loại, 5 sanh hữu, 7 thức trú, 9 hữu tình cư, ám chỉ đến tâm khép lại suy nghĩ phóng tán ra bên ngoài tối thiểu cho đến hầu như không có trong sát na đang ghi nhận, ngay đến cảnh bên trong cũng co rút lại giống như nhựa cây nắm kéo ra rồi cũng co vào trở lại.

18 Phương Pháp Giải Thoát Chấp Thủ

1- Quán xét danh sắc bên trong giải thoát bằng danh sắc bên trong, như một số người quán xét danh sắc bên trong rồi quán xét danh sắc bên ngoài tức danh sắc của người khác với pháp hành mà không duy trì tâm để thấy rõ là vô thường,

khô, vô ngã rồi trở lại quán xét danh sắc bên trong thì đạo cũng hiện khởi. Như dẫn chứng xác thực sau:

Tassevaṃ sammasato ajjhattaṃ sammasanakāle vipassanā maggena saddhiṃ ghaṭiyati.

Khi hành giả quán xét danh sắc như vậy, trong lúc quán xét danh sắc bên trong thì minh quán cũng sanh lên nối tiếp với đạo nghĩa là đạo sẽ sanh lên do minh quán.

2- Quán xét danh sắc bên trong giải thoát bằng danh sắc bên ngoài, như một số người quán xét danh sắc bên trong rồi quán xét danh sắc bên ngoài nhưng lúc quán xét danh sắc bên ngoài thì minh quán cũng sanh lên nối tiếp nhau với đạo hiện khởi. Như dẫn chứng sau:

Sace paṇassa bahiddhā sammasanakāle vipassanā maggena saddhiṃ ghaṭiyati.

Nếu như hành giả quán xét danh sắc bên ngoài thì minh quán cũng nối tiếp nhau với đạo. Điển hình như ngài Sāriputta chỉ được nghe pháp tóm tắt từ ngài Assaji rằng:

Ye dhammā hetuppabhavā Tesam hetuṃ tathāgato

Tesañca yo nirodho ca Evaṃ vādī mahāsamaṇo

“Nhóm pháp nào sanh lên từ nhân, có nhân là nền tảng sanh lên, Đức Như Lai thuyết về nhân của nhóm pháp đó và thuyết về sự diệt của nhóm pháp đó. Bậc Đại Sa Môn thường thuyết như vậy”.

Vừa được nghe chỉ bấy nhiêu ngài cũng có thể hiểu được trọn vẹn rằng: “Yaṅkiñci samudayadhammaṃ sabbantaṃ nirodhadhammaṃ”

Pháp nào thường nhiên có sự sanh lên tất cả pháp đó đều có sự diệt là thường nhiên.

Nếu quán xét thấy được như vậy thì giải thoát khỏi ngũ uẩn tức đạo hiện khởi gọi là thoát khỏi ngũ uẩn bằng cách đoạn trừ cùng lúc.

3- Quán xét danh sắc bên ngoài giải thoát bằng danh sắc bên ngoài, như quán xét danh sắc của người khác và pháp hành mà tâm không vững trú để thấy rõ vô thường, khổ, vô ngã rồi trở lại quán xét danh sắc bên ngoài thì đạo khởi hiện.

4- Quán xét danh sắc bên ngoài rồi thoát ra trở lại quán danh sắc bên trong, như quán xét danh sắc của người khác và pháp hành mà không duy trì tâm để thấy rõ vô thường, khổ, vô ngã rồi trở lại quán xét danh sắc bên trong mới tác chứng đạo.

5- Quán xét sắc giải thoát bằng sắc, như quán xét sắc tứ đại, sắc y sinh làm cho thành mỗi nhóm rồi quán xét thọ, tưởng, hành, thức thấy được rõ ràng không phải là sắc mà chỉ là danh rồi trở lại quán xét nữa thì đạo cũng khởi hiện. Như dẫn chứng sau:

Tassevaṃ sammasato rūpasammasanakāle vipassanā maggena saddhiṃ ghaṭiyati.

Khi hành giả đang quán xét như vậy, trong lúc quán xét sắc thì minh quán nối tiếp nhau với đạo khởi hiện.

6- Quán xét sắc giải thoát bằng danh, như quán xét sắc quán xét danh, khi trở lại quán xét danh thì đạo cũng khởi hiện. Như dẫn chứng sau:

Sacce panassa arūpasammasanakāle vipassanā maggena saddhim ghaṭiyati.

Nếu như hành giả đang quán xét danh sắc, khi trở lại quán danh thì minh quán cũng sanh lên nối tiếp nhau với đạo.

7- Quán xét danh giải thoát bằng danh, như quán xét danh thì đạo khởi hiện.

8- Quán xét danh giải thoát bằng sắc, như quán xét 4 danh uẩn rồi quán xét sắc thì đạo khởi hiện.

9- Quán xét sắc giải thoát bằng danh sắc, như quán xét rằng: “Yaṃkiñci samudayadhammaṃ sabbantaṃ nirodhadhammaṃ”. Pháp nào thường nhiên có sự sanh lên thì tất cả pháp đó đều có sự diệt là thường nhiên rồi đạo khởi hiện.

10- Quán xét vô thường giải thoát bằng vô thường, như lúc đầu quán xét vô thường trước sau đó quán xét khổ và vô ngã lúc xuất khỏi thật sự thì thấy vô thường. Như dẫn chứng sau:

Tassevaṃ paṭipannassa aniccato sammasanakāle vuṭṭhānaṃ hoti.

Khi hành giả tu tiên như vậy, khi quán xét xuất ra khỏi bằng vô thường thì đạo khởi hiện.

11- Quán xét vô thường giải thoát bằng khổ, như lúc đầu quán xét thấy vô thường khi sắp tác chứng đạo thấy khổ, vừa thấy khổ thì đạo khởi hiện.

12- Quán xét vô thường giải thoát bằng vô ngã, như lúc đầu quán xét vô thường trước sau đó quán xét thấy khổ khi sắp tác chứng đạo thì vô ngã hiển lộ rồi đạo khởi hiện lên. Như dẫn chứng sau:

Sacce panassa dukkhato anattato sammasanakāle
vuttḥānaṃ hoti.

Nếu như hành giả lúc đầu quán xét thấy vô thường sau đó thấy khổ, vừa thấy vô ngã thì đạo khởi hiện.

13- Quán xét khổ giải thoát bằng khổ, như lúc đầu quán xét thấy khổ sau đó thấy vô thường và vô ngã khi gần tác chứng đạo thì khổ hiển lộ rõ ràng rồi đạo hiện khởi.

14- Quán xét khổ giải thoát bằng vô thường, như giai đoạn đầu thấy khổ sau đó thấy vô thường và vô ngã, khi gần sắp tác chứng đạo thì vô thường hiển lộ rõ ràng rồi đạo sanh lên.

15- Quán xét khổ giải thoát bằng vô ngã, như giai đoạn đầu thấy khổ sau đó thấy vô thường và vô ngã khi gần sắp tác chứng đạo thì vô ngã hiển lộ rõ ràng rồi đạo khởi hiện.

16- Quán xét vô ngã giải thoát bằng vô ngã, như giai đoạn đầu thấy vô ngã sau đó thấy vô thường và khổ, khi gần sắp tác chứng đạo thì vô ngã hiển lộ rõ ràng rồi đạo hiện khởi.

17- Quán xét vô ngã giải thoát bằng khổ, như giai đoạn đầu thấy vô ngã sau đó thấy vô thường và khổ hiển lộ, khi gần sắp tác chứng đạo thì khổ hiển lộ rõ ràng rồi đạo hiện khởi.

18- Quán xét vô ngã giải thoát bằng vô thường, như giai đoạn đầu thấy vô ngã sau đó thấy vô thường và khổ hiển lộ, khi gần tác chứng đạo thì vô thường hiển lộ rõ ràng rồi đạo hiện khởi.

Mỗi hành giả bắt tay vào tu tiến minh quán nghiệp xứ đúng đắn rồi sẽ phải có thực tánh có trạng thái hiển lộ giống như đã đề cập trên, một số vị thấy vô thường rõ ràng, một số vị thấy khổ rõ ràng, một số vị thấy vô ngã rõ ràng rồi tác chứng đạo, quả, Níp Bàn.

Một Lý Khác Nữa Về Quả Của Hành Xả Tuệ

Hành xả tuệ là tuệ quán xét thấy danh sắc là khổ, là nguy hại, phát sanh nhàm chán muốn thoát khỏi rồi tác ý tu tiến thân nhiên đối với danh sắc gọi là tuệ quán già mạnh đạt đến đỉnh cao tột cùng gọi là *xuất hành minh quán* (vuttānagāminīvipassanā) tức minh quán đạt đến xuất khỏi phiền não và khỏi khổ bằng mãnh lực của đạo. Như giải thích tóm lược về 4 quả như sau:

1- Người thấy danh sắc là vô thường, khổ, vô ngã trong giai đoạn đầu nhưng lúc tác chứng đạo thì thấy được vô

thường rõ ràng nên người đó thiên về đức tin, có đức tin nhiều, đầy đủ tín quyền, thường giải thoát tác chứng Níp Bàn bằng vô tướng giải thoát là *bậc tùy tín hành* trong sát na đạo thứ 1 là Nhập Lưu đạo, là *bậc tín giải thoát* trong 7 bậc như Nhập Lưu quả, Nhất Lai đạo, Nhất Lai quả, Bất Lai đạo, Bất Lai quả, A La Hán đạo, A La Hán quả.

2- Nếu giải thoát bằng đường lối khổ lúc tác chứng đạo thấy khổ thì người đó thiên về an tịnh tức sự vắng lặng, đầy đủ định quyền, thường giải thoát tác chứng Níp Bàn bằng phi thuộc lụy giải thoát là *bậc thân chứng* trong mọi nơi.

3- Nếu người nào tu tiên chỉ tịnh nghiệp xú cho đến khi đắc chứng thiên vô sắc lấy chỉ tịnh làm nền tảng để tu tiên minh quán cho đến khi tác chứng A La Hán đạo, A La Hán quả thì người đó là *bậc lưỡng biên giải thoát* đạt đến quả cao nhất là A La Hán quả.

4- Nếu giải thoát bằng đường lối vô ngã thì người đó thiên về kiến thức (veda) hiểu biết thường đầy đủ tuệ quyền, giải thoát tác chứng Níp Bàn bằng không tánh giải thoát là *bậc tùy pháp hành* trong sát na tác chứng Nhập Lưu đạo, là *bậc kiến chí*¹ trong 6 bậc tức trong sát na Nhập Lưu quả, Nhất Lai đạo, Nhất Lai quả, Bất Lai đạo, Bất Lai quả và A La Hán đạo, là *bậc tuệ giải thoát* với quả cao nhất là A La Hán quả.

¹ Khi tác ý đến vô ngã do tuệ quyền nổi trội bởi vì tuệ quyền nổi trội bậc tác chứng A La Hán đạo mới làm cho tỏ tường A La Hán quả cho nên ngài mới thuyết là bậc kiến chí (Tiểu Bộ Kinh bộ Vô Ngại Giải Đạo điều 495).

Để làm cho tỏ tường về xuất hành minh quán cùng với các tuệ đầu là kinh hãi tuệ, quá hoạn tuệ, yếm ố tuệ, dục thoát tuệ, trạch sát tuệ, hành xả tuệ, thuận thứ tuệ và các tuệ sau như chuyển tộc tuệ... nên hiểu theo 6 ví dụ điển hình như sau:

6 Ví Dụ Về Hành Xả Tuệ

1- Ví dụ về con dơi

Có 1 con dơi đậu núp ở cội cây có 5 cành bởi chủ tâm rằng sẽ tìm được hoa quả nơi cây đó, khi đậu nơi cành thứ 1-2-3-4-5 cũng không có gì, đều không gặp được gì cả giống như nhau nên thất vọng với cây đó rằng: “Cây này không có hoa không có quả không đáng để nương tựa” rồi bay lên bám thẳng ngọn cây, ló đầu ngay giữa chạc cây ngửa nhìn xem phía trên rồi bay lên bầu trời đến ẩn núp ở cội cây có quả trái khác nữa. So sánh với việc tu tiên như sau:

1- Hành giả tu tiên minh quán so sánh giống như con dơi.

2- Ngũ thủ uẩn giống như cội cây có 5 cành.

3- Chấp thủ vào ngũ uẩn giống như việc ẩn núp đậu ở 5 cành cây của con dơi.

4- Hành giả quán xét uẩn thứ 1 không thấy có gì đáng để nương tựa vào mới quán xét uẩn thứ 2-3-4-5 cũng không gặp được gì cả, so sánh giống như con dơi bay đậu vào cành

cây thứ 1 không thấy có gì nên bay đi đậu vào cành cây thứ 2-3-4-5 cũng không có gì cả.

5- Hành giả nhằm chán bởi vì thấy rằng ngũ uẩn là vô thường, khổ, vô ngã thì sanh khởi 3 tuệ là dực thoát tuệ, trạch sát tuệ và hành xả tuệ so sánh giống như con dơi thất vọng buông bỏ sự luyến tiếc với cây đó rằng cây này không có hoa quả chi cả.

6- Thuận thứ tuệ của hành giả so sánh giống như sự bay lên phía trên bám ngay trên đỉnh ngọn cây của con dơi.

7- Chuyển tộc tuệ so sánh giống như việc ló đầu ra nhìn xem phía trên của con dơi.

8- Đạo tuệ so sánh giống như con dơi bay lên bầu trời.

9- Quả tuệ so sánh giống như việc bay đi đậu ở tại cội cây có quả trái khác của con dơi.

10- Phản khán tuệ so sánh giống như việc nhìn xem con đường đã đến của con dơi.

2- Ví Dụ Về Con Rắn Hồ Mang (Kaṇhasappo)

Một người đàn ông muốn bắt cá để ăn mới lấy cái nơm đi xuống nước rồi lần mò thì tình cờ có con rắn hồ mang đi vào cái nơm, ông ta nắm cổ con rắn dưới nước trong sự vui thích và suy nghĩ rằng ta bắt được con cá lớn, đến khi cầm

lên xem mới biết là con rắn hổ mang do nhìn thấy cái đầu tam giác, vì vậy rất kinh hoàng thấy nguy hại trong việc bắt rắn bởi vì sợ hãi sẽ bị rắn cắn chết, muốn nhanh chóng quăng bỏ cho thoát khỏi nên tìm cách để quăng bỏ mới nắm lấy đuôi con rắn quấn quanh cánh tay mình rồi đưa con rắn lên quay 2-3 vòng làm cho kiệt sức mệt nhừ rồi quăng đi, tự mình nhanh chóng đi đến bờ hồ đứng nhìn xem con đường mà mình đi đến bằng sự vững tâm rằng ta đã thoát khỏi miệng con rắn hổ mang.

Ví dụ này được so sánh với các tuệ như sau:

1- Khi hành giả có tự thể là người, kể từ khi bắt đầu cảm giác sự vui thích so sánh giống như giai đoạn đầu mà người đàn ông bắt con rắn hổ hiểu là con cá thì rất vui thích.

2- Khi hành giả phân tích danh sắc thấy được nhân duyên của danh sắc thấy được vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng thấy sự sanh diệt của danh sắc, thấy riêng biệt sự diệt của danh sắc, danh sắc hiện bày là pháp đáng sợ hãi giai đoạn này được xếp vào danh sắc phân tích tuệ, duyên đạt tuệ, thâm quán tuệ, sanh diệt tuệ, hoại diệt tuệ, kinh hãi tuệ so sánh giống như người đàn ông lôi con rắn ra từ cái nơm nhìn thấy biết là con rắn rồi sợ hãi.

3- Khi hành giả quán xét thấy nguy hại của danh sắc tức nguy hại tuệ so sánh giống như người đàn ông thấy nguy hại của con rắn nếu bị cắn thì tánh mạng sẽ bị đe dọa.

4- Khi hành giả quán xét thấy danh sắc là khổ nguy hại

rồi nhàm chán tức yếm ó tuệ so sánh giống như người đàn ông thấy khổ nguy hại sẽ khởi hiện bởi vì bị con rắn cắn rồi nhàm chán không muốn để con rắn trong tay của mình nữa.

5- Khi hành giả muốn thoát khỏi danh sắc và vòng luân hồi tức dục thoát tuệ so sánh giống như người đàn ông muốn quăng bỏ con rắn cho thoát khỏi mình.

6- Khi hành giả nêu danh sắc lên theo tam tướng bằng 40 phương cách tức trạch sát tuệ so sánh giống như người tìm phương cách để quăng bỏ con rắn.

7- Khi hành giả quán danh sắc theo tam tướng liên tục xoay vòng đi xoay vòng lại bằng vô thường, khổ, vô ngã làm cho phiền não yếu xuống, nhỏ bỏ được thường tướng sự hiểu sai là thường, lạc tướng sự hiểu sai là lạc, mỹ tướng sự hiểu sai là đẹp đẽ, ngã tướng sự hiểu sai là bản ngã thì có tâm thân nhiên với danh sắc tức hành xả tuệ so sánh giống như người đàn ông bắt con rắn quay vòng cho kiệt sức đến khi không thể quay trở lại cắn y được thì tâm cũng bình thân.

8- Khi hành giả thấy tam tướng là vô thường, khổ, vô ngã tỏ tường rõ ràng thấy được Tứ Thánh Đế tức thuận thứ tuệ so sánh giống như người đàn ông đang quăng bỏ con rắn và yên tâm tin chắc rằng mình thoát khỏi tai nạn bằng phương cách này.

9- Chuyển tộc tuệ so sánh giống như việc quăng bỏ cho thoát khỏi bàn tay của người đàn ông đó rồi nhanh chóng đi đến đứng tại bờ hồ.

10- Đạo tuệ so sánh giống như sự đứng trên bờ hồ của người đàn ông đó.

11- Quả tuệ so sánh giống như sự đứng tại trong nơi không có sợ hãi, đứng tại trong nơi an toàn, đứng tại trong nơi không có tai hại.

12- Phản khán tuệ so sánh giống như sự nhìn xem con đường đi đến cửa người đàn ông.

Mỗi hành giả minh quán đã vượt qua hay đang tu tiến và sẽ thực chứng trong vị lai cũng phải trải qua tướng trạng của các tuệ quán giống như vậy.

3- Ví Dụ Về Ngôi Nhà Cháy

Khi chủ nhà dùng vật thực no nê thỏa thích rồi đi đến chỗ ngủ khi đang nằm ngủ yên lành thì ngôi nhà bị cháy, vừa tỉnh dậy thấy lửa cháy mới kinh hoàng suy nghĩ tìm đường thoát ra để tránh khỏi tai hại không cho bị lửa đốt cháy mới là điều an lành nên xem xét tìm kiếm lối thoát, khi thấy được con đường rồi thì mau chóng chạy ra đứng tại trong nơi an toàn. Điều ví dụ này so sánh giống như việc tu tiến như sau:

1- Chấp thủ ngũ uẩn là người mê muội thiếu trí tuệ nghĩ rằng là của ta, của người so sánh giống như dùng vật thực rồi đi đến chỗ ngủ rồi nằm ngủ.

2- Tu tiến minh quán cho đến khi thấy tam tướng thấy

đanh sắc hiển lộ là pháp đáng sợ hãi có sự nguy hại rồi nhằm chán tức kinh hãi tuệ, quá hoạn tuệ, yếm ố tuệ so sánh giống như chủ nhà tỉnh dậy thấy lửa cháy rồi sợ hãi.

3- Dục thoát tuệ, trạch sát tuệ, hành xả tuệ so sánh giống như muốn thoát khỏi đám lửa cháy rồi mau chóng tìm kiếm con đường thoát ra cho đến khi thấy được phương cách thì yên tâm rằng phải thật sự thoát khỏi nguy hiểm bằng phương cách này mới yên tâm không sót ruột giống như trước.

4- Thuận thứ tuệ so sánh giống như nhìn thấy con đường và vững tin rằng con đường này chắc chắn an toàn.

5- Chuyển tộc tuệ so sánh giống như thoát ra khỏi nhà.

6- Đạo tuệ so sánh giống như chạy ra khỏi nhanh chóng.

7- Quả tuệ so sánh giống như đứng lại trong nơi an toàn.

8- Phản khán tuệ so sánh giống như nhìn thấy con đường đi đến của mình.

4- Ví Dụ Về Con Bò

Con bò của người nông dân làm ruộng khi chủ nằm ngủ vào lúc ban trưa thì phá chuồng chạy trốn. Khi vừa tỉnh dậy người chủ bò đi đến chuồng nhìn xem không thấy thì biết rằng con bò trốn đi, mới đi theo dấu chân bò thì gặp được con bò công sản nhưng hiểu lầm là con bò của mình mới

bắt dẫn đi. Vừa hùng sáng thì nhớ lại là con bò này không phải của mình mà là con bò công sản thì suy nghĩ rằng quan quân chưa bắt được ta trộm cắp chưa xử tội ta thì ta nên trốn đi mới bỏ con bò lại rồi nhanh chóng trốn đi đến nơi thoát khỏi sợ hãi. Trong điều ví dụ này được so sánh với việc tu tiên như sau:

1- Chấp thủ ngũ uẩn của phàm nhân rằng là ta là của ta so sánh giống như việc bắt con bò công sản do hiểu lầm là con bò của mình.

2- Biết được ngũ uẩn rằng chỉ có danh sắc sanh lên do nhân duyên là pháp vô thường, khổ, vô ngã chỉ có sự sanh diệt và thuần nhất chỉ có sự diệt tức danh sắc phân tích tuệ, duyên đạt tuệ, thâm quán tuệ, sanh diệt tuệ, hoại diệt tuệ so sánh giống như việc nhớ lại là con bò công sản.

3- Kinh hãi tuệ, quá hoạn tuệ, yếm ố tuệ so sánh giống như lúc sợ hãi thấy được nguy hại rồi phát sanh nhàm chán của người nông dân.

4- Dục thoát tuệ, trạch sát tuệ, hành xả tuệ so sánh giống như việc muốn trốn chạy của người nông dân tìm kiếm con đường để trốn đi rồi rời khỏi giống như không có gì xảy ra.

5- Thuận thứ tuệ so sánh giống như việc chuẩn bị đi đúng theo con đường của người nông dân bởi vì biết được chắc thật phải đi con đường này.

6- Chuyển tộc tuệ so sánh giống như việc bỏ lại con bò.

7- Đạo tuệ so sánh giống như việc trốn đi.

8- Quả tuệ so sánh giống như việc trốn đi rồi đứng tại nơi an toàn.

9- Phản khán tuệ so sánh giống như việc nhìn xem con đường đi đến của mình.

5- Ví Dụ Về Nữ Dạ Xoa

Một người đàn ông chung sống với nữ dạ xoa, nàng nữ dạ xoa vào lúc ban trưa vừa thấy chồng mình nằm ngủ thì đi đến bãi tha ma ăn thịt xác người chưa thiêu. Khi người chồng thức dậy mới suy nghĩ rằng: “Vợ ta đi đâu?” mới lần theo dấu vết gặp được vợ đang ăn thịt người thì biết là phi nhân nên sợ hãi vội vàng chạy trốn rồi dừng lại trong nơi an toàn thoát khỏi nguy hiểm. Trong ví dụ này được so sánh với các tuệ trong việc tu tiến như sau:

1- Chấp thủ ngũ uẩn rằng là ta là của ta so sánh giống như người đàn ông chung sống với nàng nữ dạ xoa.

2- Thấy được danh sắc theo tam tướng rằng ngũ uẩn là pháp vô thường tức danh sắc phân tích tuệ, duyên đạt tuệ, thẩm quán tuệ, sanh diệt tuệ, hoại diệt tuệ so sánh giống như việc thấy nàng nữ dạ xoa đang ăn thịt người trong bãi tha ma mới biết được vợ là nữ dạ xoa.

3- Kinh hãi tuệ, quá hoạn tuệ, yếm ố tuệ so sánh giống như trong lúc sợ hãi, thấy sự nguy hại và nhàm chán nằng nữ dạ xoa.

4- Dục thoát tuệ, trạch sát tuệ, hành xả tuệ so sánh giống như lúc muốn trốn chạy, tìm kiếm con đường để trốn chạy rồi thản nhiên.

5- Thuận thứ tuệ, chuyển tộc tuệ so sánh giống như việc từ bỏ nằng nữ dạ xoa.

6- Đạo tuệ so sánh giống như việc nhanh chóng trốn chạy.

7- Quả tuệ so sánh giống như việc dừng lại trong nơi không nguy hiểm.

8- Phản khán tuệ so sánh giống như việc đứng nhìn xem con đường đi đến của mình.

6- Ví Dụ Về Đứa Bé

Một người phụ nữ rất thương con ngồi trên lầu đài nghe được tiếng đứa bé khóc giữa đường thì nghi ngờ rằng ai đó hành hạ con của mình nên mau chóng vội vàng đi xuống bế lấy đứa bé của người khác đem đi do hiểu lầm nghĩ rằng là con của mình. Vừa lúc biết rằng đây là con của người khác nên rất e dè sợ hãi ngoảnh nhìn bên này bên kia rồi suy nghĩ rằng: “Đừng cho bất cứ ai nói ta bắt trộm đứa bé” rồi vội vàng bỏ đứa bé xuống trong nơi đó nhanh chóng chạy lên

trên lầu đài rồi ngồi xuống. Trong điều ví dụ này được so sánh với các tuệ trong việc tu tiến như sau:

1- Chấp thủ ngũ uẩn rằng là ta là của ta so sánh giống như nữ nhân chấp thủ con trai của người khác là con trai của mình.

2- Biết được danh sắc theo tam tướng tức danh sắc phân tích tuệ, duyên đạt tuệ, thẩm quán tuệ, sanh diệt tuệ, hoại diệt tuệ so sánh giống như việc biết rằng đây là con trai của người khác.

3- Kinh hãi tuệ, quá hoạn tuệ, yếm ố tuệ so sánh giống như sự e dè sợ hãi.

4- Dục thoát tuệ, trạch sát tuệ, hành xả tuệ so sánh giống như việc nhìn xem con đường này con đường kia.

5- Thuận thứ tuệ so sánh giống như việc khởi sự bỏ đứa bé xuống đặt trong nơi đó.

6- Chuyển tộc tuệ so sánh giống như lúc bỏ đứa bé xuống đang ở giữa đường.

7- Đạo tuệ so sánh giống như việc đi lên trên lầu đài.

8- Quả tuệ so sánh giống như việc đi lên ngồi trên lầu đài.

9- Phản khán tuệ so sánh giống như việc nhìn xem con đường đi đến của mình.

Do đó, khi hành giả thấy bằng tuệ quán như vậy rồi thường lui trở lại khỏi 3 cõi, 4 sanh loại, 5 sanh hữu, 7 thức

trú, 9 hữu tình cư chỉ có sự thân nhiên, chỉ có sự ghê tởm, chỉ phát sanh uế trước tâm sẽ không quay trở lại vui mừng thích thú đối với cõi, sanh loại... nữa chỉ thuần nhất thiên về Níp Bàn giống như giọt nước rơi xuống từ trên lá sen.

Việc Chủ Tâm Thực Hành Không Thối Chuyển

Bằng ngần ấy ân đức như đã đề cập trên người đó được gọi là hành giả không thối chuyển, không chùn bước. Tương ứng (thích hợp) với lời mà Ngài khẳng định xác chứng rằng:

Paṭisīnacarassa bhikkhuno

Bhajamānassa vivittamāsanam

Sāmaggiyamāhu tassa tam

Yo attānam bhavane na dassaye.

Các bậc hiền trí nói về mình không xuất hiện trong cõi khác (như địa ngục...) như vị tỳ kheo thực hành không thối chuyển là người xứng đáng ngồi thụ hưởng sự an tịnh.

Nên Hiểu Biết Về Hành Xả Tuệ

Hành xả tuệ là tuệ quán thấy danh sắc là vô thường, khổ, vô ngã rồi thân nhiên không hỷ không ưu, không vui mừng không phiền muộn, có niệm, định, tuệ già mạnh

có tướng trạng mà hành giả cần phải hiểu biết theo nhiều trường hợp như:

1- Paṭilīnacarahvāṃ niyametvā tức nhất định làm cho hành giả không thối chuyển.

Giải thích: làm cho tâm của người đó vững tin chắc chắn thẳng đến mục đích duy nhất là Níp Bàn.

2- Dhammavisesaṃ niyametvā tức vững chắc của 5 pháp đặc biệt.

a- Bojjhaṅgavisesaṃ sự đặc biệt của 7 giác chi như niệm giác chi, trạch pháp giác chi... nghĩa là 7 giác chi này phải là pháp hợp nhất làm cho hành giả tác chứng đạo, quả, Níp Bàn.

b- Maggaṅgavisesaṃ sự đặc biệt của chi đạo, nghĩa là 8 chi đạo như chánh kiến, chánh tư duy... phải gom sức mạnh hợp nhất chi đạo để cùng nhau làm phận sự sát trừ phiền não kể từ tuệ này... trở đi.

c- Jhāṅgavisesaṃ sự đặc biệt của chi thiền. Từ thiền (jhāna) tức chú vào có 2 loại là:

1- Thiền tướng (lakkhanūpanijjhāna) chú niệm danh sắc làm cảnh cho đến khi thấy được tam tướng.

2- Thiền cảnh (ārammanūpanijjhāna) chú niệm 40 cảnh chỉ tịnh nghiệp xứ, thiền trong nơi đây ngài ám chỉ lấy trí tuệ có sức mạnh mãnh liệt đang sắp sửa tác chứng đạo. Như có dẫn chứng sau:

Pādakajjhānanti maggassa asannavutṭhānagaminīya vipassanāya padaṭṭhānabhūtaṃñānam. (mahaṭīkā trang 574)

Pādakajjhānam là *thiền làm nền tảng cho minh quán* tức trí tuệ là nhân cận của minh quán gắn với đạo và làm cho giải thoát khỏi phiền não.

d- Paṭidāvisesam sự đặc biệt của việc thực hành, gồm có 4 đạo hành như:

Dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā Hành nan đặc trì.

Dukkhāpaṭipadā khippābhiññā Hành nan đặc cấp.

Sukhāpaṭipadā dandhābhiññā Hành dị đặc trì.

Sukhāpaṭipadā khippābhiññā Hành dị đặc cấp.

Giải thích:

Hành nan đặc trì bởi vì 10 phiền não quấy nhiễu nhiều trong lúc thực hành và lúc sẽ tác chứng đạo thì hành xả tuệ cũng quản thúc minh quán làm cho đạo hiển lộ sanh lên chậm chạp.

Hành nan đặc cấp bởi vì phiền não quấy nhiễu nhiều trong lúc thực hành nhưng hành xả tuệ quản thúc minh quán làm cho đạo hiển lộ sanh lên mau chóng.

Hành dị đặc trì bởi vì 10 phiền não không quấy nhiễu nhiều nhưng đạo khó sanh lên do hành xả tuệ quản thúc minh quán làm cho đạo hiển lộ sanh lên chậm chạp.

Hành dị đặc cấp bởi vì hành giả đè nén 10 phiền não

được dễ dàng không quáy nhiễu trong lúc thực hành và trong lúc đạo sẽ hiện khởi, hành xả tuệ cũng làm cho đạo hiển lộ được sanh lên dễ dàng.

Sự khác nhau về bốn đạo hành của hành giả:

1- Đối với một số vị tỳ kheo cả 4 đạo chỉ thuần nhất 1 đạo hành.

2- Đối với mỗi Đức Phật cả 4 đạo đều hành dễ dàng chứng đắc mau chóng.

3- Đối với bậc Tướng Quân Chánh Pháp Sāriputta cũng giống như mỗi Đức Phật.

4- Đối với ngài trưởng lão Mahāmoggallāna đạo thứ nhất Nhập Lưu đạo thì hành dị đắc trì, còn 3 đạo còn lại là Nhất Lai đạo, Bất Lai đạo, A La Hán đạo thì hành khó khăn đắc chậm chạp gọi là **hành nan đắc trì**.

e- Vimokkhisam sự đặc biệt của 3 giải thoát là vô tướng giải thoát, phi thuộc lụy giải thoát, không tánh giải thoát. Mặc dù hành giả tu tiến thuần minh quán tức bắt tay vào tu tiến thuần nhất minh quán mà không tu tiến chỉ tịnh nghiệp xứ trước nhưng lúc đạo sanh lên thì chi thiền cũng sanh lên theo quy luật của minh quán. Như dẫn chứng trong Thanh Tịnh Đạo (phẩm 3 trang 312 dòng thứ 3-4) rằng:

Vipassanāniyamena hi sukkhavipassakassa
uppannamaggopi samāpattilābhino jhānaṃ pādaḥkaṃ
akatvā uppannamaggopi paṭhamajjhānaṃ pādaḥkaṃ

katvā pakiṇṇakasaṅkhāre sammāsivā uppāditamaggopi
paṭhamajjhanikā va honti.

Theo quy luật của minh quán thì đạo sanh lên với hành giả tu tiến thuần minh quán hay đạo sanh lên với vị đắc thiền nhưng không lấy thiền làm nền tảng cho minh quán hoặc đạo mà hành giả đắc sơ thiền làm nền tảng cho việc quán xét chi tiết danh sắc tức quán xét danh sắc khác ngoài ra chi thiền làm nền tảng. Cả 3 thiền này thường kết hợp với chi phần của sơ thiền và gom vào trong các tâm đạo, như trong Thanh Tịnh Đạo rằng: “Sabbesu satta bojjaṅgāni aṭṭhamaggaṅgāni pañca jhānaṅgāni honti”.

Thất giác chi, 8 chi đạo, 5 chi thiền luôn có trong các tâm đạo.

Minh quán là thành phần giai đoạn đầu của tâm đạo tức khi tu tiến cho đến hành xả tuệ thường đồng sanh với hỷ, với xả nhưng trong lúc sẽ tác chứng đạo thoát khỏi phiền não thì thường đồng sanh với hỷ. Như dẫn chứng sau:

Tesampi hi pubbabhāgavipassanā somanassasahagātāpi
hutvā vuṭṭhānakāle saṅkhārupekkhābhāvaṃ patvā
somanassasahagatā hoti.

Minh quán là thành phần giai đoạn đầu của các tâm đạo đồng sanh với hỷ hay đồng sanh với xả, khi đến hành xả tuệ trong lúc sẽ thoát khỏi phiền não, thoát khỏi hiệp thế, thoát khỏi phạm chủng thường đồng sanh với hỷ.

Trong điều này có điều ngoại trừ ra như: Nếu hành giả đắc ngũ thiền làm nền tảng thì đồng sanh duy nhất với xả, như có dẫn chứng sau:

Tesampi hi pubbabhāgavipassanā somanassasahagatāpi upekkhāsahagatā hoti vuṭṭhānagāminī somanassasahagatā va pañcamajjhānaṃ pādakaṃ katvā nibbattitamagge... imasmim hi naye pubbabhāgavipassanā somanassasahagatā vā upekkhāsahagatā vā vuṭṭhānagāminī upekkhāsahagatā va.

Minh quán là thành phần giai đoạn đầu của các tâm đạo đồng sanh với hỷ hay đồng sanh với xả khi xuất khỏi (vuṭṭhānagāminī) thì đồng sanh với hỷ, còn trong tâm đạo đồng sanh với ngũ thiền làm nền tảng... chỉ trong cách này thì minh quán là thành phần giai đoạn đầu (của tâm đạo) đồng sanh với hỷ hoặc đồng sanh với xả đi nữa khi xuất khỏi thì phải đồng sanh với xả.

Nguyên Nhân Được Gọi Là Đạo

Khi hành giả đạt đến hành xả tuệ rồi cũng sẽ phải đạt đến tuệ thuận thứ đế (saccānulomikañña), chuyển tộc tuệ, đạo tuệ tiếp theo. Đạo đó gọi là đạo do 5 nhân như:

- 1- Sarasena: Do phận sự tiền hành đặc biệt của mình.
- 2- Paccanīkena: Do đối lập lại với kẻ thù.
- 3- Saguṇena: Do ân đức của mình.

4- Ārammaṇena: Do cảnh.

5- Āgamanena: Do đưa đến.

Giải thích:

Nếu hành giả có tuệ quán sanh lên cho đến hành xả tuệ rồi quán thấy danh sắc là vô thường thoát khỏi phiền não tác chứng đạo gọi là giải thoát bằng vô tướng giải thoát, nếu quán thấy danh sắc là khổ rồi thoát khỏi phiền não tác chứng đạo gọi là giải thoát bằng phi thuộc lụy giải thoát, nếu quán thấy danh sắc là vô ngã rồi thoát khỏi phiền não tác chứng đạo gọi là giải thoát bằng không tánh giải thoát. Như vậy, gọi là *đạo do phận sự tiến hành đặc biệt của mình*.

Lại nữa, đạo phân chia tất cả hành như sắc, thọ, tưởng... thoát khỏi thân thể hình dáng là một vững chắc như nhau bằng vô thường tùy quán rồi sát tuyệt thường tướng, trường tồn tướng, vĩnh hằng tướng cho nên đạo này gọi là vô tướng đạo (animittamagga), gọi là phi thuộc lụy đạo (appaṇihitamagga) bởi vì sát tuyệt lạc tướng bằng khổ tùy quán dẫn đến hệ lụy ham muốn do ái dục được khô cạn, gọi là không tánh đạo bởi vì sát tuyệt sự hiểu sai nghĩ là bản ngã, là chúng sanh, là người bằng vô ngã tùy quán, quán thấy hành là pháp rỗng không. Như vậy, gọi là *đạo do đối lập lại với kẻ thù*.

Lại nữa, gọi là không tánh đạo vì rỗng không khỏi phiền não như tham ái..., gọi là vô tướng đạo vì không có tướng như sắc, thọ... do không có tướng như tham ái..., gọi là phi

thuộc lụy đạo vì không có hệ lụy tham ái... Như vậy, gọi là đạo bởi do ân đức của mình.

Lại nữa, gọi là không tánh đạo, vô tướng đạo, phi thuộc lụy đạo bởi vì làm cho Níp Bàn rỗng không, không có dấu hiệu, không làm cứ điểm thành cảnh. Như vậy, gọi là đạo do cảnh.

Lại nữa, **āgama** tức đưa đến có 2 loại là:

a- Vipassanāgamanam: Sự đưa đến của minh quán đạt được đạo.

b- Maggāgamanam: Sự đưa đến của đạo đạt được quả.

Vô ngã tùy quán gọi là không tánh (suññata), đạo của không tánh minh quán gọi là không tánh đạo, quả của không tánh đạo gọi là không tánh quả.

Vô thường tùy quán gọi là vô tướng (animitta), đạo của vô tướng minh quán gọi là vô tướng đạo, chuyển tộc tuệ làm cho Níp Bàn vô tướng thành cảnh mới có tên gọi là vô tướng hiện diện trong vai trò thực hành đưa đến đạo làm cho trở thành tên của đạo, nên đạo mới gọi tên là vô tướng theo chuyển tộc tuệ.

Còn quả là vô tướng bởi vì sự đưa đến của đạo đạt được đúng đắn.

Khô tùy quán gọi là phi thuộc lụy bởi vì sự hệ lụy của ái dục trong các hành được khô cạn dứt tuyệt do mãnh lực của phi thuộc lụy tùy quán nên đạo mới gọi là phi thuộc lụy

đạo, quả của đạo phi thuộc lụy cũng gọi là phi thuộc lụy quả giống như vậy.

Minh quán làm cho tên gọi của mình bằng đạo và đạo cũng làm cho tên gọi của mình bằng quả. Như đã trình bày, gọi là *đạo do đưa đến*.

Hành xả tuệ xác định sự khác nhau của giải thoát bằng trường hợp như trên.

Giải Thoát (Vimutti) – Đoạn Trừ (Pahāna)

Giải thoát với đoạn trừ chỉ khác nhau từ ngữ, còn ý nghĩa thì giống nhau được so sánh như sau:

Giải thoát có 5 là:

- 1- Tadaṅgavimutti: Giải thoát bằng cách tạm thời, tức giới.
- 2- Vikkhambhanavimutti: Giải thoát bằng cách áp chế, tức định.
- 3- Samucchedavimutti: Giải thoát bằng cách sát tuyệt, tức đạo.
- 4- Paṭipassambhanavimutti: Giải thoát bằng cách an tịnh, tức quả.
- 5- Nissaraṇavimutti: Giải thoát bằng cách vượt thoát khỏi, tức Níp Bàn.

Đoạn trừ có 5 là:

- 1- Tadaṅgapahāna: Đoạn trừ bằng cách tạm thời, tức giới.
- 2- Vikkhambhanapahāna: Đoạn trừ bằng cách áp chế, tức định.
- 3- Samucchedapahāna: Đoạn trừ bằng cách sát tuyệt, tức đạo.
- 4- Paṭipassambhanapahāna: Đoạn trừ bằng cách an tịnh, tức quả.
- 5- Nissaraṇavimutti: Đoạn trừ bằng cách vượt thoát khỏi, tức Níp Bàn.

Khi đã so sánh thì sẽ thấy được rõ ràng rằng giải thoát với đoạn trừ chỉ khác nhau từ ngữ, còn ý nghĩa thì giống nhau.

Kết Thúc Hành Xả Tuệ



12- Thuận Thứ Tuệ **(Anulomañāṇa)**

Thuận thứ tuệ (anulomañāṇa) là tuệ thuận theo tuần tự để hoàn thành phận sự của 8 tuệ quán có danh sắc làm cảnh hoặc thuận theo 37 pháp giác phần theo giai đoạn sau.

Thuận thứ tuệ hoặc **đế thuận thứ tuệ (saccānulomikañāṇa)** được phân từ ra thành Sacca + Anulomika + Ñāṇa có nghĩa như sau:

Sacca: Sự thật, sự thật của bậc Thánh là Tứ Thánh Đế tức khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế.

Khổ đế (dukkhasacca): Sự thật của khổ tức 81 tâm hiệp thể, 51 tâm sở (trừ tâm sở tham), 28 sắc pháp.

Tập đế (sumudayasacca): Sự thật của tập là nhân làm cho khổ sanh lên tức tâm sở tham.

Diệt đế (nirodhasacca): Sự thật của diệt là chấm dứt khổ tức Níp Bàn.

Đạo đế (maggasacca): Sự thật của đạo là phương pháp thực hành đưa đến diệt khổ tức bát Thánh đạo như chánh kiến... tóm lại là giới, định, tuệ có Níp Bàn làm cảnh.

Anulomika (thuận thứ): Tiến hành theo tuần tự 2 trường hợp là:

1- Thuận thứ từ tuệ thấp đến tuệ cao.

2- Thuận thứ theo 37 pháp giác phần.

1- Thuận thứ theo các tuệ khởi đầu từ sanh diệt tuệ (udayabbayañāṇa), hoại diệt tuệ (bhangañāṇa), kinh hãi tuệ (bhayañāṇa)... cho đến hành xả tuệ (saṅkhārupekkhāñāṇa). Cả 8 tuệ này gọi là *thuận thứ theo tuệ thấp đến tuệ cao*.

2- *Thuận thứ theo 37 pháp giác phần* như tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát thánh đạo.

Như đã đề cập trên có dẫn chứng như sau: Purimāṇaṃ aṭṭhannaṃ vipassanā ñāṇānaṃ tathakiccatāya ca anulometi.

Thuận thứ theo 8 tuệ quán đầu là:

Sanh diệt tuệ (udayabbayañāṇa): Ghi nhận thấy (quán thấy) sự sanh diệt của danh sắc.

Hoại diệt tuệ (bhangañāṇa): Ghi nhận thấy thuần nhất sự diệt của danh sắc.

Kinh hãi tuệ (bhayañāṇa): Ghi nhận thấy danh sắc đáng sợ hãi.

Quá hoạn tuệ (ādīnavañāṇa): Ghi nhận thấy danh sắc có nhiều tai họa.

Yếm ô tuệ (nibbidāñāṇa): Ghi nhận thấy khổ tai họa của danh sắc đáng nhàm chán.

Dục thoát tuệ (muñcitukamyatāñāṇa): Ghi nhận thấy khổ tai họa đáng nhàm chán rồi muốn thoát khỏi.

Trạch sát tuệ (paṭisaṅkhāñāṇa): Ghi nhận thấy danh sắc vô thường, khổ, vô ngã rồi chủ tâm nỗ lực thực hành.

Hành xả tuệ (saṅkhārupekkhāñāṇa): Ghi nhận thấy danh sắc theo tam tướng rồi có tâm thản nhiên với danh sắc gọi là *thuận thứ tuệ giai đoạn đầu* bởi vì có phận sự quán xét tam tướng làm cảnh giống như 8 tuệ phần đầu.

Upari ca sattatimsāya bodhipakkhiyadhammānam.
Thuận thứ theo 37 pháp giác phân theo giai đoạn sau.

Khi thuận thứ theo tuệ thấp có đủ sức mạnh tức ngũ quyền già mạnh thì đi vào lãnh vực thuận thứ theo 37 pháp giác phân.

Ví Dụ Về 3 Tuệ Thuận Thứ

Thuận thứ tuệ tức quán danh sắc diễn tiến theo vô thường tướng có ví dụ như sau:

Đức vua đến nghe xử án ngồi tại trong nơi xét xử, đức vua nghe việc phán xét của 8 vị quan đại thần trong phiên tòa mà không có sự thiên vị, đức vua giữ tâm trung dung tùy thuận theo rằng: “Hãy phán xử vụ kiện này”. Đức vua đồng ý với việc phán xử của các vị quan đại thần đó bởi vì phán xử đúng theo luật lệ vương pháp, đức vua hài lòng (hoan nghênh) đối với vương pháp thưở xưa của tiên vương tức

thập vương pháp (dasabidharāyadhamma) có sự bền vững không làm oán giận không gây tổn hại. Điều này như thế nào thì thuận thứ tuệ cũng như thế đó.

1- *Tám tuệ quán* giống như 8 vị quan đại thần.

2- *37 pháp giác phần* giống như thập vương pháp. 37 pháp giác phần thuộc về Phật quyền, còn thập vương pháp thuộc về vương quyền.

3- Đức vua phán bảo rằng: “Hãy xét xử vụ kiện này”, gọi là đồng ý theo người phán xử giống như *tuệ thuận thứ* cũng phải quán danh sắc giống như tám tuệ quán cho nên mới gọi là đế thuận thứ (saccānulomikañña) bởi vì thuận thứ là xuôi theo Thánh đế.

Tuệ thuận thứ nói theo cảnh thì có cảnh tam tướng mà thôi.

Phận Sự Của Thuận Thứ Tuệ

Thuận thứ tuệ nói theo phận sự có 2:

1- **Phận sự tam tướng phổ thông (lakkhaṇattayasammasanādikca):** Thuận thứ tuệ có phận sự quán xét tam tướng là vô thường tướng, khổ tướng và vô ngã tướng.

2- **Phận sự diệt trừ pháp đối lập hôn ám (sammosādipaṭipakkhavidhamanādikca):** Thuận thứ tuệ có phận sự diệt trừ pháp đối nghịch như tham, sân, si...

3- Phận sự diệt trừ phiền não tăm tối (kilesatamavinodanakicca): Có phận sự diệt trừ hôn ám tức phiền não, bởi vì 37 pháp giác phần hội tập lại để làm phận sự sát tuyệt phiền não.

Quả Của Thuận Thứ Tuệ

Anulomaṃ saccapaṭicchādakam kilesatamaṃ vinadetu sakkoti.

Thuận thứ tuệ có thể diệt trừ hôn ám tức phiền não che kín Tứ Thánh Đế.

Quả Của 9 Tuệ Quán

Imāni nava ñāṇāni ñāṇadassanavisuddhiya paṭipadābhāvato tilakkhaṇajānanatthena paccakkhato dassanatthena paṭipakkhato visuddhattā ca paṭipadā ñāṇadassanavisuddhi nāma. (vibhāvanīṭikā)

9 tuệ quán là sanh diệt tuệ, hoại diệt tuệ, kinh hãi tuệ, quá hoạn tuệ, yếm ó tuệ, dục thoát tuệ, trạch sát tuệ, hành xả tuệ, thuận thứ tuệ gọi là **Hành lộ tri kiến thanh tịnh** (paṭipadāñāṇadassanavisuddhi) bởi do 6 nguyên nhân:

1- Bởi vì là pháp thực hành làm cho tri kiến thanh tịnh sanh lên tức Đạo.

2- Bởi vì biết được tam tướng.

3- Bởi vì hiện bày rõ ràng.

4- Bởi vì làm điều kiện để thấy được tam tướng và Tứ Thánh Đế.

5- Bởi vì đối lập lại pháp tà (sai quấy).

6- Bởi vì là sự thanh tịnh đặc biệt.

Diễn hình như trường lão Mahāsiva, tương truyền rằng: Ban đầu trường lão học thuộc lòng tam tạng, là giáo thọ sư chỉ dạy pháp học tại 18 nơi trong mỗi ngày không có thời gian trống bởi vì ngài là vị tinh cần siêng năng và là vị lão thông tam tạng có nhiều đệ tử. Trong đó có một người đệ tử tu tiến mình quán nghiệp xứ cho đến chứng đắc A La Hán, mới nghĩ đến thầy giáo thọ của mình thông suốt bằng trí tuệ nhưng chưa là bậc A La Hán, nên đi tìm hướng đến thầy giáo thọ để thuyết về pháp đặc thù cho thầy giáo thọ nghe. Khi đến trú xứ rồi thăm hỏi ân cần theo bốn phận học trò với thầy giáo thọ và nói về điều mong ước của mình cho thầy giáo thọ nghe, thầy giáo thọ trả lời rằng không có thời gian rảnh cho dù ngay lúc này cũng phải đi dạy pháp trong nơi khác nữa, đi nhiều nơi cho đến khi trở về thì trời đã sập tối, cho đến người học trò cầu xin như thế nào đi nữa, thầy giáo thọ cũng khăng khăng một mực là không có thời gian. Khi người đệ tử thấy rằng thầy giáo thọ không thực hành pháp mà mình khuyên nhủ nên mới bay đi trước mặt thầy giáo thọ, khi thầy giáo thọ thấy được học trò của mình bay đi trước mặt như vậy thì nhớ rằng việc vị ấy đi đến tìm ta

lần này cũng để chỉ dẫn cho ta đạt được pháp đặc thù bằng trí tu thật sự nhưng ngược lại ta lại dễ duôi và chính ta cũng không có pháp đặc thù như chính học trò mình. Khi có niệm ghi nhớ được như vậy mới chú nguyện chơn thật rằng: “Kể từ đây trở đi ta phải tu tiến minh quán miệt mài hết sức để chứng đắc được pháp đặc thù, chừng nào mà ta chưa chứng đắc pháp đặc thù chừng ấy ta sẽ tuyệt đối không buông bỏ sự tinh cần, sẽ dốc hết sức mạnh thân tâm để đổi lấy pháp đặc thù cho bằng được”.

Khi ngài phát nguyện chơn thật như vậy rồi tiếp tục bắt tay vào thực hành nghiệp xứ một ngày, hai ngày, ba ngày, 3 tháng rồi 3 năm, 9 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm cũng chưa đắc chứng Đạo, Quả, Níp Bàn, cho dù như vậy ngài cũng không buông bỏ sự tinh cần dũng mãnh cho đến sau cùng 30 năm thì ngài đắc chứng A La Hán đúng như ước nguyện.

Nhân giới đầy đầy vô số hiểm họa như hiểm họa về sanh, hiểm họa về già, hiểm họa về bệnh, hiểm họa về chết, hiểm họa về ngã chấp thủ, hiểm họa về hình phạt, hiểm họa về khổ cảnh, hiểm họa về lửa, hiểm họa về nước, hiểm họa về điện, hiểm họa về trộm cắp, hiểm họa về nạn đói, hiểm họa về cá sấu, hiểm họa về hàm hổ, hiểm họa về cá mập. Các hiểm họa này luôn dẫn đến khổ nhiệt não hàng trăm ngàn loại, người thấy được hiểm họa luân hồi hãy mau chóng tiếp tục tinh cần. Bậc Chánh Đẳng Giác khuyên nhủ rằng: “Uṭṭahaka nisīdatha ko attho supitena vo”. “Các vị hãy đứng dậy, mời các vị hãy ngồi, các vị ưa thích ngủ nghỉ được lợi ích gì” (trong khi người trên thế gian bị các hiểm

họa đang đe dọa như vậy, mời các vị hãy học tập để được an tịnh). Ngoài ra giáo thọ sư số giải còn đề cập nhắc nhở và khuyên nhủ rằng:

Itinekehi nāmehi Kittikā yā mahesinā
Vuṭṭhānagaminī santā Purisuddhā vipassanā
Vuṭṭhātukāmo saṃsāra Dukkhaṇṅkā mahabbhayā
Kareyya sattam tattha Yogam paṇḍitajātiko ¹

Hành lộ tri kiến thanh tịnh nào làm thanh tịnh vắng lặng mà bậc Đại Ân Sĩ nêu lên thuyết bằng nhiều tên gọi, người có sanh chủng hiền trí là người mong muốn thoát khỏi bùn lầy khổ luân hồi có hiểm họa to lớn nên liên tục tinh cần trong Hành lộ tri kiến thanh tịnh.

Kết Thúc Thuận Thứ Tuệ



¹ Thanh Tịnh Đạo trang 319

13- Chuyển Tộc Tuệ **(Gotrabhūñāṇa)**

Chuyển tộc tuệ (gotrabhūñāṇa) là tuệ phá hủy chủng tánh phàm phu để nhập vào chủng tánh Thánh nhân.

Phàm nhân (puthujjana) là người dày đặc. Có 9 ý nghĩa là:

1- Người có phiền não dày đặc như thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ...

2- Người dày đặc 5 sanh hữu là người không thoát khỏi 5 sanh hữu dày đặc là sanh hữu địa ngục, sanh hữu bàng sanh, sanh hữu ngạ quỷ, sanh hữu nhân loại, sanh hữu chư thiên.

3- Người tạo tác 3 hành dày đặc là phúc hành, phi phúc hành, bất động hành.

4- Người bị tứ bực dày đặc cuốn đi tức bị kiến bực, dục bực, hữu bực, vô minh bực cuốn trôi.

5- Người nóng nảy bởi các sự nóng nảy dày đặc như nóng nảy do tham, sân, si...

6- Người tham dục, ưa thích, say mê, dính mắc, chìm đắm mê muội liên quan dày đặc trong ngũ dục như thích thú trong sắc, thanh, khí, vị, xúc.

7- Người bị năm triền cái dày đặc che đậy bao phủ cho tăm tối như bị đục đục che đậy thích thú trong ngũ dục, bị sân hận oán thù hiềm khích lẫn nhau che đậy, bị hôn thụy thối chí chán nản lụi sụi đã dượt uể oải buồn ngủ che đậy, bị trạo hối phóng tán bứt rứt che đậy, bị hoài nghi phân vân lưỡng lự về Tam Bảo, phước, tội... che đậy.

8- Người xuôi theo pháp thấp kém, xuôi theo phẩm chất hạ liệt, là người quay lưng lại với pháp đáng tôn kính. Pháp đáng tôn kính có 6 là không nóng giận, không nuôi hiềm hận, không quên ơn, có sự thanh tịnh, chánh kiến và có trí tuệ.

9- Người không có pháp cốt lõi như tín, giới, văn, thí và tuệ.

Cả 9 ý nghĩa này gọi là phàm nhân (sớ giải Vô Ngại Giải Đạo).

Phàm Nhân Có 2 Nhóm

Phàm nhân được Đức Thế Tôn phân ra thành 2 nhóm là phàm ngu (andhaputhujjana) và phàm nhân thiện bạn hữu (kalyānaputhujjana).

Phàm nhân ngu là người dày đặc thậm chí gọi là người mù ám chỉ mù tịt lẫn dày đặc mà ngài giải thích trong sớ giải vô ngại giải đạo là người không được học, không thẩm tra được, không được nghe, không ghi nhớ được, không quán xét được 6 căn bản minh quán như 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới...

Phàm nhân thiện bạn hữu là người có phiền não dày đặc nhưng được gọi là người tốt bởi vì được học hiểu, thẩm

tra được, được nghe, ghi nhớ được và quán xét được 6 căn bản minh quán, giữ mình trong ngũ giới và 5 pháp đức độ (kalyāṇadhamma) như từ tâm, xả thí, tri túc, chơn thật, niệm.

Trí tuệ phá hủy chủng tánh của 2 hạng phàm nhân ra khỏi tướng của pháp hành (saṅkhāranimitta) bên ngoài gọi là **Chuyển tộc tuệ**.

Tướng Của Pháp Hành (Saṅkhāranimitta)

Tướng của pháp hành là dấu hiệu của danh sắc tức vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng.

Bên ngoài là ra khỏi đồng **bất thiện** diễn tiến trong cơ tánh của mình ám chỉ khi thực hành được tiến triển đến chuyển tộc tuệ thì bất thiện không sanh lên được trong sát na đó.

Hành (saṅkhāra) tức danh sắc là thân thể của người nữ người nam trên thế gian này gọi là tướng (nimitta) bởi vì hiện bày sự yêu thương hài lòng với dân gian như thấy sắc tốt, sắc đẹp, sắc mỹ miều thì cùng nhau ưa thích vì vậy ngài mới đề cập rằng *tướng là dấu hiệu của phiền não*.

Chuyển Tộc Theo Lý Thứ Nhất

Chuyển tộc vẫn còn dấu hiệu khác biệt nữa theo nhiều thứ nhiều cách. Như phân tích từ ngài phân định như sau:

1- Uppādaṃ abhībhūyātīti gotrabhū. Trí tuệ đình chỉ được sự sanh lên của danh sắc trong kiếp này bởi do nghiệp trong kiếp trước làm duyên gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là khi thực hành đến chuyển tộc tuệ thì danh sắc cũng diệt mất.

2- Pavattaṃ abhībhūyātīti gotrabhū. Trí tuệ đình chỉ được sự diễn tiến vô gián của danh sắc sanh lên bởi do nghiệp trong kiếp trước làm duyên gọi là **chuyển tộc**.

3- Nimittaṃ abhībhūyātīti gotrabhū. Trí tuệ đình chỉ được tướng của pháp hành gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là đình chỉ thường tướng (dhuvaṇimitta) hiểu sai do nghĩ rằng danh sắc là thường tồn bền vững, đình chỉ lạc tướng hiểu sai do nghĩ rằng danh sắc là lạc, đình chỉ ngã tướng hiểu sai do nghĩ là danh sắc là thú, người, bản ngã, ta, họ.

4- Āyuhanaṃ abhībhūyātīti gotrabhū. Trí tuệ đình chỉ được nghiệp là nhân làm cho chấp thủ tục sinh trong kiếp tiếp theo nữa gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là khi thực hành đến tuệ này thì các nghiệp dẫn dắt người đó làm cho chấp thủ tục sinh trong kiếp khác nữa chỉ còn lại nhiều nhất là 7 kiếp.

5- Paṭisaṇḍhiṃ abhībhūyātīti gotrabhū. Trí tuệ đình chỉ được tục sinh gọi là **chuyển tộc**.

6- Gatiṃ abhībhūyātīti gotrabhū. Trí tuệ đình chỉ được 5 sanh hữu gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là không còn sanh hữu phải sanh lên nữa khi đã mệnh chung, nếu như vẫn còn phải sanh lên nữa do chưa tác chứng A La Hán thì cũng chỉ

có sanh hữu tốt như sanh hữu nhân loại, chur thiên mà không sanh vào sanh hữu xấu như sanh hữu địa ngục...

7- Nibbattim abhikhuyyatīti gotrabhū. Trí tuệ đình chỉ được sự sanh lên của tất cả uẩn gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là uẩn làm cảnh hiện tại trong sát na đó diệt đi không sanh lên và uẩn vị lai giảm ít xuống chỉ còn lại nhiều nhất là 1 đến 7 kiếp.

8- Uppattim abhikhuyyatīti gotrabhū. Trí tuệ đình chỉ được sự khởi hiện tức sự sanh lên điển tiến của dị thực quả gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là nếu người nào thực hành minh quán nghiệp xứ cho đến chuyển tộc tuệ này thì người đó thoát khỏi quả của các nghiệp theo tương ứng bởi vì kiếp sống sanh lên giảm ít xuống nhiều nhất chỉ sanh lên 7 kiếp nữa.

9- Jatim abhikhuyyatīti gotrabhū. Trí tuệ đình chỉ được kiếp sống gọi là **chuyển tộc**, như kiếp sống sanh lên phân ra thành 3 tức hiện tại, quá khứ và vị lai thì chuyển tộc đình chỉ kiếp sống sanh lên của danh sắc trong sát na hiện tại như khi chuyển tộc tuệ sanh lên thì danh sắc diệt mất bởi vì bắt lấy Níp Bàn làm cảnh.

10- Jaram abhikhuyyatīti gotrabhū. Trí tuệ đình chỉ được sự già gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là khi đến sát na chuyển tộc tuệ thì danh sắc đang già đang suy giảm diệt đi bởi vì có Níp Bàn làm cảnh.

11- Byādhim abhikhuyyatīti gotrabhū. Trí tuệ đình chỉ được sự bệnh gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là khi đến chuyển

tộc thì sự bệnh được diệt đi bởi vì các hiểm họa của bệnh tật không còn nhiều hại, được vắng lặng diệt mất bởi vì có Níp Bàn làm cảnh.

12- Maranaṃ abhībhuyyātīti gotrabhū. Trí tuệ đình chỉ được sự chết gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là sự chết (maraṇa) có 3 loại là:

a- Sát na tử (khaṇikamarāṇa): Sự chết trong mỗi sát na tâm.

b- Chế định tử (sammatimarāṇa): Sự chết theo chế định như người chết, thú chết.

c- Sát tuyệt tử (samucchēdamarāṇa): Sự chết do đoạn tận luân hồi tức sự chết của vị chấm dứt phiền não lậu hoặc gọi là Níp Bàn ám chỉ đình chỉ sự chết tức sát na tác chứng Níp Bàn bởi vì Níp Bàn không có sự sanh, già, bệnh, chết.

13- Sokaṃ abhībhuyyātīti gotrabhū. Trí tuệ đình chỉ được sầu muộn gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là sự sầu muộn của người sanh lên được bởi 5 nguyên nhân:

a- Do quyền thuộc suy vong như quyền thuộc qua đời.

b- Do tài sản suy vong như bị lửa thiêu cháy, bị trộm cướp...

c- Do bị bệnh hoành hành như bệnh ung thư...

d- Do giới suy vong tức thực hành sai giới pháp như sát sanh...

e- Do thấy sai xa lìa con đường chơn chánh.

Khi thực hành đến chuyển tộc tuệ thì 5 sự suy vong được tịnh chỉ diệt mất không sanh lên do có Níp Bàn làm cảnh.

14- Paridevaṃ abhibhuyyatīti gotrabhū. Trí tuệ định chỉ được sự than van khóc lóc, phàn nàn nói nhảm gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là người than van khóc lóc nói nhảm cũng do bị 1 trong 5 loại suy vong chi phối, khi tu tiến minh quán nghiệp xứ đạt đến chuyển tộc tuệ thì sự suy vong sẽ không còn bởi vì có Níp Bàn làm cảnh.

15- Upāyāsaṃ abhibhuyyatīti gotrabhū. Trí tuệ định chỉ tâm khốn đốn, phiền muộn gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là người sanh khởi tâm phiền muộn, khốn đốn do bị 5 sự suy vong chi phối gây tổn hại làm cho tâm phiền muộn chính là tâm sân, khi đạt đến chuyển tộc tuệ thì tâm phiền muộn diệt mất do có Níp Bàn làm cảnh.

16- Bahiddhā saṅkhāranimittaṃ abhibhuyyatīti gotrabhū. Trí tuệ định chỉ tướng của pháp hành bên ngoài diễn tiến trong cơ tánh của mình gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là không có tướng thường tồn bền vững, an lạc, đẹp đẽ, là bản ngã, ta, họ mà chỉ có sự vắng lặng an tịnh bởi vì chuyển tộc tuệ duy nhất có Níp Bàn làm cảnh mà thôi.

Chuyển Tộc Theo Lý Thứ Hai

Chuyển tộc ngài phân tích từ phân định nhiều loại trong vô ngại giải đạo như sau:

1- Anuppādaṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến sự không sanh lên của danh sắc gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là khi hành giả tu tiến minh quán có trí tuệ đạt đến bậc chuyển tộc này thì ngũ uẩn như sắc, thọ, tưởng, hành, thức diệt mất.

2- Appavattaṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến sự không tiếp diễn của danh sắc gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là danh sắc đang tiếp diễn diệt mất.

3- Animittaṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến vô tướng gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là đưa đến Níp Bàn.

4- Anāyūhanaṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến không có nghiệp là nhân làm cho chấp thủ tục sinh nữa gọi là **chuyển tộc**.

5- Appaṭisaṇḍhiṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến nơi không có tục sinh gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là đưa đến Níp Bàn không sanh, già, đau, chết.

6- Agatiṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến phi sanh hữu gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là 5 sanh hữu không có trong nơi nào, chính nơi đó gọi là phi sanh hữu tức Níp Bàn.

7- Anibbattiṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến nơi không có ngũ uẩn gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có trong nơi nào thì nơi đó là Níp Bàn.

8- Anuppattiṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa

đến sự không khởi sinh lên nữa gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là uẩn dị thực quả phải luân chuyển sinh tử đang sinh lên trong luân hồi phía dưới (hetṭhimasamsāra), luân hồi phía giữa (majjhimasamsāra), luân hồi phía trên (uparimasamsāra).

9- Ajātiṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến sự không sinh gọi là **chuyển tộc**, nghĩa là danh sắc diệt mất bởi vì có Níp Bàn làm cảnh.

10- Ajaraṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến sự không già gọi là **chuyển tộc**.

11- Abyādhīṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến sự không bệnh gọi là **chuyển tộc**.

12- Amaraṇaṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến sự không chết gọi là **chuyển tộc**.

13- Asokaṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến sự không sầu muộn gọi là **chuyển tộc**.

14- Aparidevaṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến sự không than van khóc lóc phàn nàn nói nhảm gọi là **chuyển tộc**.

15- Anupāyāsaṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến tâm không khốn khổ, phiền muộn gọi là **chuyển tộc**.

16- Nirodhaṃ nibbānaṃ pakkhandatīti gotrabhū. Trí tuệ đưa đến diệt tức Níp Bàn gọi là **chuyển tộc**.

Chuyển Tộc Theo Lý Thứ Ba

Chuyển tộc ngài vẫn còn phân ra theo tướng để hiểu được thêm nữa như:

1- Uppādā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát ra khỏi sự sanh, nghĩa là vứt bỏ danh sắc đang sanh lên để đạt đến Níp Bàn.

2- Pavattā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi sự tiếp diễn đang sanh diệt của danh sắc.

3- Nimittā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi tướng, nghĩa là sự thấy sai danh sắc là thường, lạc, ngã.

4- Āyūhanā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi nghiệp làm cho luân chuyển sanh tử trong vòng luân hồi.

5- Paṭisandhiyā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi tục sinh.

6- Gatiyā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi sanh hữu, nghĩa là thoát khỏi sanh hữu phải sanh lên làm nhân loại, chư thiên... mà chỉ là không có 5 sanh hữu tức Níp Bàn.

7- Nibbattiyā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi sự hiện bày của ngũ uẩn, nghĩa là ngũ uẩn không sanh lên mà diệt mất tức tác chứng Níp Bàn.

8- Uppattiyā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi sự khởi sanh, nghĩa là thoát khỏi luân hồi phía dưới, luân hồi phía giữa, luân hồi phía trên đạt đến Níp Bàn.

9- Jātiyā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi sanh, nghĩa là không tái sanh bởi đạt đến Níp Bàn.

10- Jarāya vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi già, nghĩa là không có sự già bởi vì đạt đến Níp Bàn.

11- Byādhimahā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi bệnh, nghĩa là không có các bệnh tật đau đớn bởi vì đạt đến Níp Bàn.

12- Maraṇā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi chết, nghĩa là khi đến chuyển tộc tuệ thì không có chết bởi vì đạt đến Níp Bàn.

13- Sokā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi sầu muộn, nghĩa là không có sự sầu muộn, sự sầu muộn diệt mất hoàn toàn không còn dư sót bởi vì đạt đến Níp Bàn.

14- Paridevā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi sự than van khóc lóc, phàn nàn kể lể, nghĩa là không có 5 sự suy vong như suy vong quyền thuộc, suy vong tài sản, bệnh tật hoành hành...

15- Upāyāsā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi tâm phiền muộn khốn khổ, nghĩa là không có tâm phiền muộn khốn khổ.

16- Bahiddhā saṅkhāranimittā vuṭṭhātīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì thoát khỏi tướng của pháp hành bên ngoài, nghĩa là danh sắc bên ngoài không có, danh sắc bên trong cũng không có, hoàn toàn diệt mất không có gì dư sót.

Chuyển Tộc Sinh Lên Từ Chỉ Tĩnh

Tất cả pháp chuyển tộc sinh lên do mãnh lực của chỉ tịnh có 8 là:

1- Pathamaṃ paṭilābhatthāya nīvaraṇe abhībhuyatīti gotrabhū Gọi là **chuyển tộc** bởi vì tịnh chỉ 5 triền cái để làm cho riêng biệt sơ thiền sinh lên, nghĩa là người tu tiến chỉ tịnh nghiệp xứ cũng có chuyển tộc sinh lên giống như người tu tiến minh quán nghiệp xứ theo tâm lộ như sau: Hữu phần, hữu phần rung động, hữu phần dứt dòng khi cắt đứt dòng hữu phần rồi thì tâm khai ý môn, chuẩn bị, cận hành, thuận thứ, chuyển tộc, thiền, hữu phần.

2- Dutiyajjhānaṃ paṭilābhatthāya vitakkavicāraṃ abhībhuyatīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì đình chỉ tầm để làm cho riêng biệt nhị thiền sinh lên, nghĩa là khi người tu tiến chỉ tịnh nghiệp xứ đắc sơ thiền rồi, khi đến nhị thiền cũng phải trải qua chuyển tộc nữa mới đắc chứng nhị thiền.

3- Tatiyajjhānaṃ paṭilābhatthāya pīṭiṃ abhībhuyatīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì đình chỉ hỷ để làm cho riêng biệt tam thiền sinh lên, nghĩa là khi

đến tam thiên cũng phải trải qua chuyển tộc nữa mới đắc chứng tam thiên.

4- Catutthajjhānaṃ paṭilabhatthāya sukhadukkhe abhibhuyyatīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì định chỉ lạc và khổ để làm cho riêng biệt tứ thiên sanh lên, nghĩa là khi đến tứ thiên cũng phải trải qua chuyển tộc nữa mới đắc chứng tứ thiên.

5- Ākāsañācāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya rūpasaññaṃ paṭighasaññaṃ nānattasaññaṃ abhibhuyyatīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì định chỉ sắc tướng, chướng ngại tướng, dị biệt tướng để làm cho riêng biệt không vô biên xứ thiên sanh lên.

6- Viññānañcāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya ākāsañācāyatanasaññaṃ abhibhuyyatīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì định chỉ không vô biên xứ tướng để làm cho riêng biệt thức vô biên xứ thiên sanh lên.

7- Ākiñcaññāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya viññānañcāyatanasaññaṃ abhibhuyyatīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì định chỉ thức vô biên xứ tướng để làm cho riêng biệt vô sở hữu xứ thiên sanh lên.

8- Nevasaññānāsaññāyatanasamāpattiṃ paṭilabhatthāya ākiñcaññāyatanasaññaṃ abhibhuyyatīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì định chỉ vô sở hữu tướng để làm cho riêng biệt phi tướng phi phi tướng xứ thiên sanh lên.

Chuyển Tộc Sinh Lên Từ Minh Quán¹

Tất cả pháp chuyển tộc sinh lên từ minh quán có 10 là:

1- Sotāpattimaggam paṭilabhatthāya uppādam... bahiddhāsaṅkhāranimittam abhibhuyyatīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì đình chỉ danh sắc đang sanh diễn tiến theo tướng và nghiệp (sẽ phải sanh lên nữa), việc tục sinh vào sanh hữu sẽ dẫn đến sự sanh lên hiện bày của ngũ uẩn và sự sanh lên của dị thực quả sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, não và đình chỉ tướng của pháp hành tức danh sắc bên ngoài để làm cho sơ đạo sanh lên, nghĩa là tác chứng được sơ đạo cũng phải trải qua chuyển tộc trước.

2- Sotapattiphalasamāpattatthāya uppādam... paṭisandhim abhibhuyyatīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì đình chỉ danh sắc đang diễn tiến sanh lên theo tướng, nghiệp, tục sinh để muốn làm cho sơ quả sanh lên, nghĩa là bậc Nhập Lưu khi nhập thiên quả cũng phải trải qua chuyển tộc trước mới nhập thiên quả được.

3- Sakadāgāmimaggam paṭilābhatthāya uppādam... bahiddhāsaṅkhāranimittam paṭisandhim abhibhuyyatīti gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì đình chỉ danh sắc đang diễn tiến sanh lên theo tướng, nghiệp, tục sinh, sanh hữu, phát sanh, khởi sanh, sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, não và đình chỉ tướng của pháp hành bên ngoài để cho nhị đạo sanh

¹ Thanh tịnh đạo trang 357 và Khuddakaptha cuốn 31 trang 140.

lên, nghĩa là người tác chứng Nhất Lai cũng phải trải qua chuyển tộc lần nữa thì nhị đạo mới sanh lên.

4- Sakadāgāmiṭṭhāya... paṭisandhiṃ abhibhuyyati gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì định chỉ danh sắc đang diễn tiến sanh lên theo tướng, nghiệp, tục sinh để muốn làm cho nhị quả sanh lên, nghĩa là bậc Nhất Lai khi nhập thiền quả cũng phải trải qua chuyển tộc trước mới nhập thiền quả được.

5- Anāgāmiṭṭhāya... paṭilabhatthāya... bahiddhāsaṅkhāranimittaṃ paṭisandhiṃ abhibhuyyati gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì định chỉ danh sắc đang diễn tiến sanh lên theo tướng, nghiệp, tục sinh, sanh hữu, phát sanh (nibbatti), khởi sanh (uppatti), sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, não và định chỉ tướng của pháp hành bên ngoài để làm cho tam đạo sanh lên, nghĩa là bậc Nhất Lai khi tác chứng tam đạo cũng phải trải qua chuyển tộc thì tam đạo mới sanh lên được.

6- Anāgāmiṭṭhāya... paṭisandhiṃ abhibhuyyati gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì định chỉ danh sắc đang diễn tiến sanh lên theo tướng, nghiệp và định chỉ tục sinh để muốn làm cho Bất Lai thiền quả sanh lên, nghĩa là bậc Bất Lai muốn nhập thiền quả cũng phải trải qua chuyển tộc trước thì mới nhập thiền quả được.

7- Arahattamaggaṃ paṭilābhatthāya... bahiddhāsaṅkhāranimittaṃ abhibhuyyati gotrabhū.

Gọi là **chuyển tộc** bởi vì đình chỉ danh sắc đang diễn tiến sanh lên theo tướng, nghiệp, tục sinh, sanh hữu, phát sanh (nibbatti), khởi sanh (uppatti), sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, não và đình chỉ tướng của pháp hành bên ngoài để làm cho tứ đạo sanh lên, nghĩa là bậc Bất Lai khi tu tiến nghiệp xứ tiếp tục trước khi tác chứng tứ đạo cũng phải trải qua chuyển tộc thì tứ đạo mới sanh lên được.

8- Arahattaphalasangāṃsāpattatthāya... paṭisandhim abhivhuyyati gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì đình chỉ danh sắc đang diễn tiến sanh lên theo tướng, nghiệp, tục sinh để muốn A La Hán thiên quả sanh lên, nghĩa là bậc tác chứng tứ đạo, tứ quả trở thành bậc A La Hán khi nhập thiên quả cũng phải trải qua chuyển tộc trước thì mới nhập thiên quả được.

9- Animittavihārasangāṃsāpattatthāya... paṭisandhim abhivhuyyati gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì đình chỉ danh sắc đang diễn tiến sanh lên theo tướng, nghiệp, tục sinh để muốn an hưởng vào vô tướng định, nghĩa là bậc A La Hán khi nhập vào vô tướng định phải trải qua chuyển tộc trước thì mới nhập được.

10- Suññatavihārasangāṃsāpattatthāya... paṭisandhim abhivhuyyati gotrabhū. Gọi là **chuyển tộc** bởi vì đình chỉ danh sắc đang diễn tiến sanh lên theo tướng, nghiệp, tục sinh để muốn an hưởng vào không tánh định, nghĩa là bậc A La Hán khi nhập vào không tánh định cũng phải trải qua chuyển tộc trước thì mới nhập được.

Pháp chuyển tộc sanh lên do mãnh lực của minh quán có 10 như đã đề cập khi gom lại với nhau cả chỉ tịnh lẫn minh quán thì trở thành 18 pháp chuyển tộc.

Nhóm Ba Thiện Chuyển Tộc (Gotrabhūkusalatika)

Pháp chuyển tộc thuộc thiện có 15, thuộc vô ký có 3, thuộc bất thiện thì không có. Trạng thái của chuyển tộc tuệ có hiện bày trong tam tạng bộ vô ngại giải đạo (paṭisambhidāmagga) chỉ có bấy nhiêu.

Chuyển tộc tuệ là tuệ phá hủy (triệt tiêu) phạm chủng đạt đến Thánh chủng là đỉnh cao của tuệ quán mà không được xếp vào Hành lộ tri kiến thanh tịnh (paṭipadāñānadassanavisuddhi) bởi vì không quán danh sắc theo vô thường, khổ, vô ngã được và không xếp vào Tri kiến thanh tịnh (ñānadassanavisuddhi) bởi vì không triệt tiêu được phiền não cho chấm dứt được, Hành lộ tri kiến thanh tịnh thuộc hiệp thể, Tri kiến thanh tịnh thuộc siêu thể còn chuyển tộc tuệ thì ở giữa hiệp thể và siêu thể thuộc về không đáng kể (abbhohārika) tức ở giữa Hành lộ tri kiến thanh tịnh và Tri kiến thanh tịnh tiếp nối nhau nhưng được xếp vào là minh quán bởi vì thuộc vào dòng minh quán, chuyển tộc tuệ trong giai đoạn đầu không có phận sự ghi nhận làm việc gì cả bởi vì phận sự nào mà hành giả thực hành phận sự đó vẫn còn trong minh quán như thuận thứ tuệ sanh lên sau cùng để

làm cho hoàn chỉnh trọn vẹn, còn đối với tâm của hành giả có thuận thứ tuệ sanh lên rồi thì cũng không đưa đến chấm dứt tất cả hành, không xuôi theo, không liên quan, không dính líu trong tất cả hành. Khi cả 3 sát na thuận thứ tuệ diệt trừ sự tăm tối tức phiền não thô che đậy Tứ Thánh Đế thành từng giai đoạn cho chấm dứt theo tương ứng với sức mạnh của mình rồi vứt bỏ pháp hành danh sắc giống như nước rơi xuống từ lá sen cho nên chuyển tộc tuệ mới có Níp Bàn làm cảnh mà không có danh sắc làm cảnh, vượt qua phàm chủng vượt qua lãnh vực của phàm nhân đạt đến Thánh chủng đạt đến lãnh vực thông thường của bậc Thánh và đến lãnh vực của bậc Thánh suy tưởng liên kết nhắm đến thuần nhất cảnh Níp Bàn làm điều kiện cho thành tựu đạo như sau:

Chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ gom lại gọi là thuận thứ tuệ, 3 sát na này sanh lên diệt trừ khỏi hôn ám tăm tối, phiền não thô che đậy trí tuệ không cho thấy được Tứ Thánh Đế tương ứng theo sức mạnh tâm của hành giả thì thối lui trở lại từ tất cả hành không cho dính líu trong sự hiện hữu của hành. Ví như giọt nước lăn tròn đi từ lá sen thì chuyển tộc tuệ khi bắt lấy Níp Bàn làm cảnh sẽ lăn áp đi phàm chủng và làm cho đạt đến Thánh chủng tức lãnh vực của bậc Thánh. Chuyển tộc tuệ sanh lên đầu tiên xem xét thấy được Níp Bàn (pathamāvajjana) làm điều kiện cho thành tựu đối với Thánh đạo có 6 duyên là:

Vô gián duyên.

Đẳng vô gián duyên.

Tập hành duyên.

Cận y duyên.

Vô hữu duyên.

Ly duyên.

Là đỉnh cao sau cùng của minh quán sanh lên sau thuận thứ tuệ liên tục có tập hành duyên.

Kết Thúc Chuyên Tộc Tuệ



14- Đạo Tuệ

(Maggāñāṇa)

Nhập Lưu Đạo Tuệ

(Sotāpattimaggāñāṇa)

Như ví dụ trình bày đến thuận thứ tuệ và chuyển tộc tuệ mặc dù tiến hành trong tâm lộ như nhau xem xét như nhau nhưng có cảnh khác nhau, như:

Người đàn ông muốn nhảy qua nương nước lớn mới đứng ở một bên nương rồi chạy nhanh níu lấy dây cột trên cành cây hoặc dùng cây chống rồi cong mình nhảy lên vượt qua bờ đối diện, khi ở trên bờ rồi mới thả dây hoặc cây chống thì chao đảo trên bờ đó, sau đó mới từ từ đứng ngay người lên như thế nào thì hành giả cũng giống như thế đó, muốn tác chứng được Níp Bàn là bờ đối nghịch lại với 3 cõi, 4 sanh loại, 5 sanh hữu, 7 thức trú và 9 hữu tình cư mới chạy nhanh bằng trí tuệ như sanh diệt tuệ... rồi níu dây là sắc uẩn đang cột với cành cây tức tự thân hoặc dùng cây chống như thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn một loại nào bằng sự quán xét của thuận thứ tuệ rằng tất cả hành là vô thường, khổ. Việc chưa bỏ dây ra tức sắc hoặc chống

cây tức thọ... bằng tâm thuận thứ thứ nhất (chuẩn bị), là người có tâm xuôi theo đến Níp Bàn, tâm thuận thứ thứ hai (cận hành) giống như người xuôi theo sang bờ bên kia của nương nước là người đang ở gần Níp Bàn mà mình sẽ đạt đến, tâm thuận thứ thứ ba giống như người nhảy đến phía trên của bờ kia rồi bỏ cảnh pháp hành (danh hoặc sắc), trong sát na tâm thuận thứ thứ ba diệt rồi thì tâm bắt lấy cảnh Níp Bàn là bờ đối nghịch lại pháp hành tức tâm chuyển tộc sanh lên nhưng do không từng quen với cảnh Níp Bàn nên làm cho tâm giao động không vững chắc giống như người nhảy qua nương nước rồi chao đảo, sau đó thì Đạo tuệ sanh lên mới vững chắc.

Thuận thứ tuệ có thể diệt đi sự tăm tối tức thoát khỏi phiền não che đậy Thánh đế nhưng không bắt được Níp Bàn làm cảnh, chuyển tộc tuệ có thể bắt Níp Bàn làm cảnh được nhưng không thể diệt đi sự tăm tối che đậy Thánh đế được, trong phạm sự làm việc của thuận thứ tuệ và chuyển tộc tuệ có ví dụ như sau:

Người đàn ông muốn ngắm nhìn các vì sao nên nửa đêm ngược mặt lên trời nhưng không thấy được gì cả do bị mây che. Vào lúc đó có ngọn gió thứ nhất thổi đám mây dày đặc đi, ngọn gió thứ hai thổi đám mây thưa thớt đi, ngọn gió thứ ba thổi đám mây mỏng đi, bấy giờ khi bầu trời không có mây che khuất thì người đó nhìn thấy mặt trăng và các vì tinh tú.

Ví dụ: Trời tăm tối tức phiền não dày, trung bình, vi tế

che đậy Thánh đế giống như 3 loại mây, 3 sát na thuận thứ giống như 3 ngọn gió, chuyển tộc tuệ giống như người đàn ông, Níp Bàn giống như mặt trăng. Xua đi tăm tối tức phiền não che đậy Thánh đế ra khỏi bằng mỗi tâm thuận thứ giống như gió thổi 3 đám mây đi, khi bầu trời không còn tăm tối che đậy Thánh đế thì chuyển tộc tuệ thấy được Níp Bàn giống như bầu trời không còn mây che thì người đàn ông thấy được mặt trăng rực rỡ chiếu sáng.

Cho dù duy nhất chuyển tộc tuệ có thể thấy được Níp Bàn và không thể diệt đi sự tăm tối tức phiền não, nhưng ngài đề cập rằng chuyển tộc tuệ khai mở cho Đạo tức hướng đến Đạo hoặc giống như tín hiệu giao ước với Đạo rằng: “Ngài hãy sanh lên” rồi tự mình diệt mình, tự bản thân Đạo tuệ cũng không quên dấu hiệu đã giao ước với tâm chuyển tộc nên sanh lên theo chuyển tộc tuệ bằng cách không gián đoạn liền tức thì, lẫn xuyên thủng, phá hủy khối tham, sân, si mà từ trước không từng phá hủy.

Lại nữa, trong việc xuyên thủng phá hủy này có ví dụ như sau:

Một người bắn cung xếp tám ván lõi cây thông chồng lên nhau 100 tấm, đặt cách xa ra 4 khuỷu tay và tự mình lấy vải bọc mắt lại đứng lên rồi cho người bạn xoay tám ván đó khi nào tấm ván được chồng lên đến ngay mặt người bắn cung thì khi đó người bạn của họ sẽ ra tín hiệu bằng cách gõ vào cây, người bắn cung khi nghe được tín hiệu thì bắn xuyên thủng 100 tấm ván liền tức thì.

Chuyên tộc tuệ giống như tín hiệu gõ cây, Đạo tuệ giống như người bắn cung. Sự việc Đạo tuệ không quên tín hiệu mà chuyên tộc tuệ thông báo để bắt lấy Níp Bàn làm cảnh và xuyên thủng phá hủy tham, sân, si mà không từng phá hủy từ trước giống như người bắn cung không quên tín hiệu gõ cây nên liền tức thì bắn xuyên thủng 100 tấm ván.

Thành quả của sơ đạo không phải chỉ thuần nhất làm xuyên thủng phiền não mà còn làm cho biển khổ trong vòng luân hồi không ai biết được sự tận cùng và khởi đầu được khô cạn, khép lại tất cả cánh cửa khổ cảnh để trở thành người có đầy đủ thất Thánh sản, tiến hành vứt bỏ đi bát tà đạo làm cho mỗi loại hiểm họa tội lỗi được tịnh chỉ, dẫn dắt cho trở thành người con sanh từ ngực của bậc Chánh Đẳng Giác và tiếp diễn để được hàng nhiều thành quả khác nữa.

Nhất Lai Đạo Tuệ (Sakagāṃimaggañāṇa)

Khi bậc Nhập Lưu xem xét lại Đạo, Quả, Níp Bàn và phiền não bằng tuệ phản quán thì có thể ngồi tại chỗ ngồi ban đầu hoặc nương theo cơ hội tiếp tục tinh cần tu tiến minh quán thêm lên để tác chứng Nhất Lai Đạo tuệ làm giảm nhẹ dục ái và sân hận loại thô, ngài mới tập trung 5 quyền, 5 lực, 7 giác chi làm cho quân bình với nhau rồi quán pháp hành tức sắc, thọ, tưởng, hành, thức bằng tuệ ghi nhận vô thường, khổ, vô ngã quán xét rồi xuôi theo tâm lộ của tuệ quán. Khi bậc Nhập Lưu thực hành như vậy rồi thì thuận thứ

tuệ và chuyển tộc tuệ sẽ sanh lên theo sau hành xả tuệ và Nhất Lai đạo tuệ sẽ sanh lên theo sau chuyển tộc tuệ.

Bất Lai Đạo Tuệ **(Anāgāmaggañāṇa)**

Khi bậc Nhất Lai xem xét lại Đạo, Quả, Níp Bàn và phiền não bằng tuệ phản khán rồi có thể ngồi tại chỗ ngồi ban đầu hoặc nương theo cơ hội tiếp tục tinh cần tu tiến minh quán thêm lên để tác chứng Bất Lai Đạo tuệ nhằm đoạn trừ 2 kiết sử bậc hạ tức dục ái và sân hận loại tế cho dứt tuyệt, ngài mới phát triển ngũ quyền, ngũ lực và thất giác chi làm cho quân bình nhau rồi quán pháp hành bằng tuệ ghi nhận vô thường, khổ, vô ngã quán xét rồi xuôi theo tâm lộ của tuệ quán. Khi bậc Nhất Lai thực hành như vậy rồi thì thuận thứ tuệ và chuyển tộc tuệ sẽ sanh lên theo sau hành xả tuệ và Bất Lai Đạo tuệ sẽ sanh lên theo sau chuyển tộc tuệ.

A La Hán Đạo Tuệ **(Arahantamaggañāṇa)**

Khi bậc Bất Lai xem xét lại Đạo, Quả, Níp Bàn và phiền não bằng tuệ phản khán rồi thì có thể ngồi tại chỗ ngồi ban đầu hoặc nương theo cơ hội tiếp tục tinh cần tu tiến minh quán thêm lên để tác chứng A La Hán Đạo tuệ nhằm đoạn trừ 5 kiết sử bậc thượng nữa là ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn,

phóng dật, vô minh không còn dư sót. Ngài mới phát triển ngũ quyền, ngũ lực và thất giác chi làm cho quân bình rồi quán pháp hành bằng tuệ ghi nhận vô thường, khổ, vô ngã quán xét rồi xuôi theo tâm lộ của tuệ quán. Khi bậc Bất Lai thực hành như vậy rồi thì thuận thứ tuệ và chuyển tộc tuệ sẽ sanh lên theo sau hành xả tuệ và A La Hán Đạo tuệ sẽ sanh lên theo sau chuyển tộc tuệ.

Đạo tuệ có Níp Bàn làm cảnh thuộc về siêu thế, thấy được tỏ tường Tứ Thánh Đế giống như việc thành tựu của ngọn đèn làm 4 phận sự trong cùng sát na với nhau như:

- 1- Tim đèn cháy lên.
- 2- Diệt đi sự tăm tối.
- 3- Phát sanh ánh sáng.
- 4- Làm cho dầu cạn.

Đạo tuệ khi hưởng cảnh Níp Bàn thì phải thấy được Diệt, khi thấy được Diệt là tột đỉnh thì phải thấy được 3 Thánh đế nữa là Khổ, Tập, Đạo đồng một lượt. Trong Thanh Tịnh Đạo mới trình bày rằng: “(Nirodham) paṭivijjhatīti etena nirodhasaccamekam ārammaṇapaṭivedhena cattāri saccāni asammohapaṭivedhena maggañāṇam pativijjhati”.

Đạo tuệ hằng thấu đáo Diệt Đế bằng cảnh tác chứng.

Kết Thúc Đạo Tuệ



15- Quả Tuệ **(Phalañāṇa)**

Nhập Lưu Quả Tuệ **(Sotapannaphalañāṇa)**

Theo tuần tự nối tiếp từ sơ đạo tức Nhập Lưu Đạo tuệ diệt đi thì tâm quả là dị thực quả của tâm Đạo tức là tâm quả Nhập Lưu hoặc Nhập Lưu Quả tuệ sanh lên 2 hoặc 3 sát na, các bậc trí đề cập rằng tâm Đạo thuộc vô gián định (*ānantarikasomādhī*) tức định thuộc tâm đạo làm cho tâm Thánh quả sanh lên liền tức thì bởi vì tất cả thiện siêu thế có dị thực quả sanh lên tiếp nối bằng cách luôn nhất định.

Một số nhóm giáo thọ sư đề cập rằng tâm Quả sanh lên 1, 2, 3 hoặc 4 sát na, lời nói của giáo thọ sư về việc sanh lên 1 hoặc 4 sát na không nên chấp nhận bởi vì chuyển tộc tuệ luôn sanh lên sau cùng của tập hành năng duyên (*asevanapaccaya*) thuận thứ tuệ cho nên để xác định tối thiểu thì thuận thứ tuệ phải sanh lên 2 sát na (cận hành, thuận thứ) bởi vì duy nhất chỉ một sát na thì không làm tập hành năng duyên được, và trong tâm khai môn (*avajjana*) của mỗi tâm lộ thường có nhiều nhất là 7 sát na tâm đồng

lực, nếu như trí tuệ có 2 sát na đồng lực thuận thứ thì sát na đồng lực thứ 3 của trí tuệ đó là chuyển tộc, sát na đồng lực thứ 4 là tâm Đạo và 3 sát na đồng lực nữa là tâm Quả (tổng cộng 7 sát na), nếu như trí tuệ nào có 3 sát na thuận thứ (chuẩn bị, cận hành, thuận thứ) thì sát na đồng lực thứ 4 của trí tuệ đó là chuyển tộc, sát na đồng lực thứ 5 là tâm Đạo và 2 sát na đồng lực nữa là tâm Quả (tổng cộng 7 sát na). Do đó ngài giáo thọ sư Mahābuddhaghosa mới đề cập rằng: “Dvetṭhi vā phalacittāni uppajjanti”. Thường sanh lên 2 hoặc 3 sát na tâm Quả.

Còn đối với trí tuệ nào có 4 sát na thuận thứ thì sát na đồng lực thứ 5 của trí tuệ đó là chuyển tộc, sát na đồng lực thứ 6 là tâm Đạo và 1 sát na đồng lực nữa là tâm Quả (tổng cộng 7 sát na giống như vậy). Lời nói này cũng không nên chấp nhận tin theo bởi vì lý lẽ mâu thuẫn như: Sát na đồng lực thứ 4 hoặc thứ 5 thuộc đồng lực kiên cố tức Đạo tuệ, không nhiều hơn quá bởi vì gần nhau với tâm hữu phần.

Lại nữa, cả 4 đồng lực tâm Quả làm tập hành năng duyên và tập hành sở duyên không được bởi vì trong bộ Đại Xứ (mahāpaṭṭhāna) trình bày rằng pháp làm tập hành năng duyên phải là tâm đồng lực cùng Giống (jāti) với nhau tức đồng lực thiện làm năng duyên trợ cho đồng lực thiện, đồng lực bất thiện làm năng duyên trợ cho đồng lực bất thiện, đồng lực tổ làm năng duyên trợ cho đồng lực tổ bằng mãnh lực tập hành duyên. Nhưng nói theo lãnh vực thì tâm khác lãnh vực với nhau được, như đồng lực thiện tam nhân dục

giới (lãnh vực dục giới) làm tập hành năng duyên trợ cho đồng lực thiện đáo đại (lãnh vực sắc giới, lãnh vực vô sắc giới) hoặc làm tập hành năng duyên trợ cho đồng lực thiện siêu thế được (lãnh vực siêu thế) vì vậy 2 hoặc 3 tâm Quả trong lộ đặc Đạo mới không làm tập hành năng duyên và tập hành sở duyên được bởi vì không phải là tâm như nhau về Giống thiện.

Khi hành giả trở thành bậc Thánh nhân thứ nhất gọi là bậc Nhập Lưu thì vẫn còn là người dễ duôi phải luân chuyển lang thang trong nhân giới và thiên giới 7 lần nữa rồi cũng trở thành bậc có thể diệt tận được tất cả khối khổ đau. Sự việc sẽ sát trừ được phiền não ái dục mà có được thần thông hiện hữu trong cùng tâm lộ với nhau tức tu tiến minh quán cho đến tác chứng được lãnh vực siêu thế bằng khả năng sát trừ phiền não ái dục dứt tuyệt theo từng bậc thì phiền não ái dục đang có đó không phải là nhỏ, như đề cập phiền não có đến 1500 phiền não và ái dục có đến 108 ái dục nhưng để làm cho hiểu được dễ dàng hơn nên gom lại lấy nhóm phiền não ái dục đó làm căn bản trở thành 10 loại phiền não chính là:

- 1- Phiền não tà kiến.
- 2- Phiền não hoài nghi.
- 3- Phiền não tham.
- 4- Phiền não sân.

- 5- Phiền não si.
- 6- Phiền não ngã mạn.
- 7- Phiền não hôn trầm.
- 8- Phiền não phóng dật.
- 9- Phiền não vô tâm.
- 10- Phiền não vô úy.

Tiếp theo sẽ đề cập đến lãnh vực siêu thế sát trừ 10 phiền não theo tuần tự, hành giả tu tiến minh quán cho đến khi tác chứng lãnh vực siêu thế lần đầu thành tựu bậc Nhập Lưu bằng mãnh lực của siêu thế, bậc này có thể đoạn trừ được 2 loại phiền não:

1- Tà kiến phiền não (diṭṭhikilesa) tức thân kiến là sự hiểu sai về ngũ uẩn bám giữ chấp cứng rằng ngũ uẩn là của ta, là thú, là người, ta, họ. Như trong sự đi, đứng, ngồi, nằm thì hiểu rằng ta là người đi, đứng, ngồi, nằm sự hiểu sai như vậy gọi là thân kiến là quan kiến sai lầm làm cho dính mắc luân chuyển trong vòng luân hồi. Vấn đề thân kiến này được Đức Phật thuyết cho chư tỳ kheo trong Tương Ưng Bộ Kinh (saṃyuttanikāya)

Sattiyā viya omatṭho ᬞayhamāno va matthake
Sakkāyaditṭhi pahānāya Sato bhikkhu paribbaje.

Tỳ kheo là vị thấy sợ hãi trong vòng luân hồi cảm giác mình giống như đang bị vũ khí như lưỡi dao đâm xuyên

thùng hoặc giống như lửa cháy trên đầu, hãy là người có niệm không dễ duôi để diệt trừ thân kiến.

2- Phiền não hoại nghi (vicikicchākilesa) là pháp tánh làm cho tâm khảng quyết khó khăn tức phân vân với Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng.

Trong Thanh Tịnh Đạo trình bày rằng: “Kileseṣu diṭṭhivicikicchā paṭhamañāṇavajjhā”.

Tất cả phiền não thì 2 phiền não thân kiến và hoại nghi được Đạo tuệ thứ nhất tức Nhập Lưu Đạo tuệ sát tuyệt hoàn toàn.

Mặc dù bậc Nhập Lưu có thể sát tuyệt chỉ 2 loại phiền não làm nhân cho luân chuyển trong vòng luân hồi thật, tuy nhiên cũng cắt đứt vòng luân hồi cho giảm xuống được nhiều bởi vì bậc Nhập Lưu sẽ sanh lên nữa không nhiều hơn 7 kiếp, theo phân loại có 3 bậc Nhập Lưu là:

1- Nhập Lưu nhất hoàn sanh (ekabījīsotāpanna)

Có định nghĩa như sau: “Ekaṃ bījaṃ assāti ekabījī”.

Bậc Nhập Lưu sẽ tục sinh tiếp tục trong tương lai nữa chỉ 1 kiếp thì tác chứng A La Hán Quả rồi sẽ viên tịch Níp Bàn vì vậy gọi là **Nhập Lưu nhất hoàn sanh**, tức bậc Nhập Lưu tạo trừ pháp độ già mạnh bằng cách vun bồi nhiều về trí tuệ trong cơ tánh mà tu tiến chỉ tịnh ít.

2- Nhập Lưu lục hoàn sanh (kolanḅolasotāpanna)

Có định nghĩa như: “Kulato kulamḅ gacchatīti kolamḅkolo”.

Bậc Nhập Lưu phải tục sinh tiếp tục nữa nhiều nhất là 2 đến 6 kiếp sẽ tác chứng A La Hán Quả rồi viên tịch Níp Bàn cho nên gọi là **Nhập Lưu lục hoàn sanh** tức bậc Nhập Lưu tạo trử pháp độ trung bình bởi vun bồi định và tuệ trong cơ tánh ngang bằng nhau, tu tiến minh quán và tu tiến chỉ tịnh vừa bằng nhau. Bậc Nhập Lưu này trong số giải bộ Nhân Chế Định (puggalapaññattiatthakathā) đề cập rằng: “Desanamattameva cetamḅ dve vā tīni vāti yāva chatḅhabhavā saḅsarantopi kolamḅkolova hoti”.

Sự việc mà Đức Phật thuyết rằng 2 hoặc 3 kiếp là thuyết theo ngôn ngữ văn phong mà thôi, nhưng ngài giáo thọ sư giải thích rằng thật ra bậc này luân chuyển từ dòng tộc đến 1 dòng tộc khác kể từ 2 cho đến 6 kiếp cũng sẽ tác chứng A La Hán.

3- Nhập Lưu thất hoàn sanh (sattakkhattuparamasotāpanna). Có định nghĩa như: “Sattakkhattuparamamḅ assāti sattakkhattuparamo”.

Bậc Nhập Lưu sẽ tục sinh trong nhân giới và thiên giới chỉ 7 kiếp nữa thì tác chứng A La Hán Quả rồi viên tịch Níp Bàn vì vậy gọi là **Nhập Lưu thất hoàn sanh** tức bậc Nhập Lưu tạo trử pháp độ yếu bởi vun bồi trong cơ tánh định nhiều nhưng tuệ ít, từng tu tiến chỉ tịnh nhiều nhưng minh quán ít.

Một lý khác nữa:

Bậc Nhập Lưu có tâm nhắm chắc đến 3 Thánh Đạo trên bằng cách tinh tấn tu tiến minh quán dưng mãnh gọi là **Nhập Lưu nhất hoàn sanh**.

Bậc Nhập Lưu có tâm nhắm chắc đến 3 Thánh Đạo trên bằng cách tinh tấn tu tiến minh quán trung bình gọi là **Nhập Lưu lục hoàn sanh**.

Bậc Nhập Lưu có tâm nhắm chắc đến 3 Thánh Đạo trên bằng cách tinh tấn tu tiến minh quán yếu gọi là **Nhập Lưu thất hoàn sanh**.

Một lý khác nữa:

Người khai thị tri (ugghaṭitaññūpuggala) gọi là **Nhập Lưu nhất hoàn sanh**, Người quảng diễn tri (vipaṅcitaññūpuggala) gọi là **Nhập Lưu lục hoàn sanh**, Người ứng dẫn (neyyapuggala) gọi là **Nhập Lưu thất hoàn sanh**.

Nhất Lai Quả Tuệ (Sakadāgāmiṭhalañña)

Khi tâm Nhất Lai Đạo tuệ diệt đi thì tâm Nhất Lai Quả hoặc Nhất Lai Quả tuệ sanh lên nối tiếp nhau không gián đoạn tương tự giống như Nhập Lưu Đạo tuệ và Nhập Lưu Quả tuệ. Việc sanh lên của Nhất Lai Quả tuệ làm cho trở thành bậc Thánh có tên là bậc Nhất Lai và chỉ tục sinh trở

lại trên thế gian này một lần duy nhất thì có thể đoạn tận khỏi khổ đau.

Bậc Nhập Lưu tác chứng Nhất Lai Đạo tuệ, Nhất Lai Quả tuệ gọi là bậc Nhất Lai bởi vì làm giảm nhẹ dục ái, sân hận, si mê và sẽ sanh vào thế gian này chỉ duy nhất 1 kiếp mà thôi. Có định nghĩa như: “Sakim imam kāmadhātum āgacchatīti sakadāgāmi”.

Người tục sinh trong cõi dục giới chỉ một lần nữa gọi là bậc Nhất Lai.

Người tu tiến minh quán vượt qua lãnh vực siêu thế Nhập Lưu muốn tác chứng Đạo, Quả cao hơn mới tu tiến minh quán tiếp tục, khi ngũ quyền quân bình bởi có pháp độ quá khứ đã từng tạo thích hợp vừa khớp việc tu tiến thì thực tánh của tuệ quán sẽ sanh lên theo tuần tự kể từ sanh diệt tuệ... trở đi cho đến hành xả tuệ, thực tánh các tuệ này sẽ hiển lộ quen thuộc rõ ràng vi tế hơn mà mình đã từng trải qua rồi trong lãnh vực siêu thế Nhập Lưu, nối tiếp từ thuận thứ tuệ sẽ nương theo sanh lên bằng dĩ tịnh, dĩ tịnh này thay thế chuyển tộc tuệ bởi vì đã trở thành bậc Thánh rồi không còn là phàm nhân nên tuệ cắt đứt phàm chủng là chuyển tộc tuệ mới không cần thiết phải sanh lên nữa, khi nhị đạo tức Nhất Lai Đạo tuệ sanh lên thì nối tiếp theo là Nhất Lai Quả tuệ có Níp Bàn làm cảnh 1 lần nữa.

Nhất Lai Đạo này không đoạn trừ một loại phiền não nào cho dứt tuyệt khỏi cơ tánh được nhưng cho dù như vậy cũng

có mãnh lực làm cho tất cả phiền não giảm nhẹ (tanukara) hơn Nhập Lưu Đạo.

Bậc Nhất Lai ngoài trừ có phiền não giảm nhẹ hơn bậc Nhập Lưu thì cũng có thể nhập vào Nhất Lai thiên quả (sakadāgāmiphalasamāpatti) hưởng cảnh Níp Bàn tùy theo mong muốn. Bậc Nhất Lai có 5 nhóm là:

1- Idha patvā tattha nibbattitvā idha parinibbāyī. Một số nhóm chứng đắc Nhất Lai trong cõi nhân loại rồi mệnh chung sanh lên thiên giới trở xuống cõi nhân loại chứng đắc (hữu dư y) Níp Bàn trong cõi nhân loại rồi vô dư y Níp Bàn.

2- Idha patvā idha parinibbāyī. Một số nhóm chứng đắc Nhất Lai trong cõi nhân loại rồi mệnh chung sanh trở lại cõi nhân loại Níp Bàn trong cõi nhân loại.

3- Idha patvā tattha parinibbāyī. Một số nhóm chứng đắc Nhất Lai trong cõi nhân loại rồi mệnh chung sanh lên thiên giới Níp Bàn trong cõi chư thiên.

4- Tattha patvā tattha parinibbāyī. Một số nhóm chứng đắc Nhất Lai trong cõi chư thiên rồi mệnh chung sanh trở lại thiên giới Níp Bàn trong cõi chư thiên.

5- Tattha patvā idha parinibbāyī. Một số nhóm chứng đắc Nhất Lai trong cõi chư thiên rồi mệnh chung sanh xuống cõi nhân loại Níp Bàn trong cõi nhân loại.

Bậc Nhất Lai thứ nhất là nói theo cách trực tiếp, bậc Nhất Lai còn lại là nói theo cách gián tiếp.

Bất Lai Quả Tuệ (Anāgāmi-phalañāṇa)

Khi tâm Bất Lai Đạo diệt đi thì tâm Bất Lai Quả hoặc Bất Lai Quả tuệ sanh lên nối tiếp nhau không gián đoạn tương tự giống như Nhất Lai Đạo tuệ và Nhất Lai Quả tuệ, việc sanh lên của Bất Lai Quả tuệ thì bậc Thánh này được gọi là bậc Bất Lai. Việc quán xét Đạo, Quả, Níp Bàn và phiền não của bậc Bất Lai bằng tuệ phản khán như sau: Khi Bất Lai Đạo tuệ và Bất Lai Quả tuệ sanh lên thì bậc Thánh đó được gọi bậc Bất Lai và sẽ không sanh trở lại cõi dục giới nữa bởi vì đã đoạn trừ được dục ái, sân hận.

Có định nghĩa như: “Imaṃ kāmādhātum na āgacchatī anāgāmi”.

Người nào không tục sinh trở lại trong cõi dục giới, người đó được gọi là bậc Bất Lai.

Đạo siêu thế thứ 3 gọi là Bất Lai siêu thế.

Người muốn tác chứng Bất Lai có ước muốn đắc Đạo, Quả mới tinh cần tu tiến mình quán tiếp tục, khi ngũ quyền quân bình bởi pháp độ quá khứ đã từng tích lũy vun bồi đầy đủ thì thực tánh của tuệ quán sẽ sanh lên theo tuần tự kể từ sanh diệt tuệ... cho đến hành xả tuệ, các tuệ thực tánh này hiển lộ rõ ràng hơn tuệ thực tánh mà mình đã từng trải qua trong lãnh vực siêu thế trước, sau đó thuận thứ tuệ sẽ sanh lên nối tiếp theo bằng dĩ tịnh rồi Bất Lai Đạo tuệ cũng sanh

lên đoạn trừ dứt tuyệt phiền não được một phần nữa, khi Bất Lai Đạo sanh lên thì Bất Lai Quả cũng nối tiếp sanh lên.

Người tu tiến minh quán cho đến tác chứng Bất Lai Đạo trở thành bậc Bất Lai có thể đoạn trừ được một phiền não nữa làm cho luân chuyển sanh tử trong vòng luân hồi là phiền não sân, phiền não sân được phân ra thành 2 là:

1- *Sân đưa đến khổ cảnh* (apāyagamanīya) bởi vì sân ác có thể tạo bất thiện nghiệp đạo như sát sanh..., loại sân này bậc Nhập Lưu đã đoạn trừ.

2- *Sân không đưa đến khổ cảnh* (anapāyagamanīya) như sự không vừa lòng, nóng giận chút ít không phạm vào bất thiện nghiệp đạo, sân vi tế đó thì bậc Bất Lai sát tuyệt hoàn toàn nên Bất Lai Đạo đoạn trừ dứt tuyệt phiền não sân. Như trong Thanh Tịnh Đạo đề cập rằng: “Doso tatiyañāṇavajjho”.

Phiền não sân thì tuệ thứ 3 tức Bất Lai Đạo tuệ sát tuyệt hoàn toàn.

Bậc Bất Lai ngoài ra việc đoạn trừ phiền não sân hoàn toàn ra khỏi cơ tánh còn có thể nhập Bất Lai thiên Quả được mong muốn và chỉ sanh lên phạm thiên giới mà thôi, phần nhiều tục sinh trong 5 cõi tịnh cư (suddhāvāsabhūmi) và sẽ tác chứng A La Hán viên tịch Níp Bàn tại cõi đó.

Trong trường hợp nếu có câu hỏi rằng: Sự việc sanh lên phạm thiên giới được thì phải tục sinh bằng dị thực quả thiên là quả của tâm thiện thiên, đối với bậc Bất Lai là thiên

giả đã từng tu tiến chỉ tịnh chúng đấng thiên trước thì không cần hỏi nhưng bậc Bất Lai lạc quán chỉ tu tiến thuần nhất minh quán mà hoàn toàn không từng tu tiến chỉ tịnh thì sanh vào trong phạm thiên giới được hay chăng?

Đáp: Bậc Bất Lai lạc quán khi cận tử thì **Đạo tương ưng thiên (maggasiddhijhāna)** sẽ xuất hiện làm điều kiện để sanh lên phạm thiên giới cho dù tịch diệt bất ngờ không hay biết, như trong lúc đang ngủ thì Đạo tương ưng thiên cũng sẽ xuất hiện trước rồi mới tịch diệt, cho đến khi nào Đạo tương ưng thiên chưa sanh lên thì bậc Bất Lai sẽ không tịch diệt.

Bậc Bất Lai Có 5

Như đã trình bày bậc Bất Lai phần nhiều sẽ tục sinh vào 5 cõi Tịnh Cư ngoại trừ một số vị tục sinh vào trong cõi phạm thiên thấp tùy theo tâm ước muốn, sự việc sẽ tục sinh vào trong một cõi Tịnh Cư nào thì cũng do pháp độ (paramī) đã từng tạo tùy theo ngũ quyền tức:

1- Bậc Nhất Lai tu tiến minh quán cho đến khi tam đạo sanh lên nơi cơ tánh của mình trong sát na đang tu tiến minh quán hiển lộ **tín quyền (saddhindriya)** già mạnh hơn các quyền khác thì bậc Bất Lai này khi tịch diệt rồi tục sinh vào trong **cõi vô phiền (avihābhūmi)**.

2- Trong sát na đang tu tiến minh quán hiển lộ **tấn**

quyền (viriyindrīya) già mạnh hơn các quyền khác thì bậc Bất Lai này khi tịch diệt rồi tục sinh vào trong **cõi vô nhiệt (atappabhūmi)**.

3- Trong sát na đang tu tiến minh quán hiển lộ **niệm quyền (satindrīya)** già mạnh hơn các quyền khác thì bậc Bất Lai này khi tịch diệt rồi tục sinh vào trong **cõi thiện hiện (sudassābhūmi)**.

4- Trong sát na đang tu tiến minh quán hiển lộ **định quyền (samādhindrīya)** già mạnh hơn các quyền khác thì bậc Bất Lai này khi tịch diệt rồi tục sinh vào trong **cõi thiện kiến (sudassībhūmi)**.

5- Trong sát na đang tu tiến minh quán hiển lộ **tuệ quyền (paññindrīya)** già mạnh hơn các quyền khác thì bậc Bất Lai này khi tịch diệt rồi tục sinh vào trong **cõi sắc cứu cánh (akaniṭṭhābhūmi)**.

Một lý khác nữa:

Bậc Bất Lai Có 5:

Các bậc Bất Lai khi tục sinh vào trong phạm thiên giới như cõi Tịnh Cư... như đã đề cập thì sẽ tác chúng A La Hán và sẽ viên tịch Níp Bàn. Theo phân loại của bậc Bất Lai có 5 nhóm là:

1- Bậc trung bang bất hườn (antarāparinibbāyī):
Bậc Bất Lai sanh lên trong một cõi Tịnh Cư nào đó rồi tác chúng A La Hán và viên tịch Níp Bàn vào trong nửa tuổi thọ

đầu (trong khoảng giữa của tuổi thọ) của cõi Tịnh Cư mà ngài sanh lên trong cõi đó.

2- Bậc sanh bang bất hườn (upahaccaparinibbāyī): Bậc Bất Lai sanh lên trong một cõi Tịnh Cư nào đó rồi tác chứng A La Hán và viên tịch Níp Bàn vào trong nửa tuổi thọ về sau (vượt quá giữa của tuổi thọ) của cõi Tịnh Cư mà ngài sanh lên trong cõi đó.

3- Bậc vô hành bang bất hườn (asaṅkhāraparinibbāyī): Bậc Bất Lai sanh lên trong một cõi Tịnh Cư nào đó rồi tác chứng A La Hán dễ dàng thuận lợi trong cõi đó không cần phải nỗ lực nhiều rồi viên tịch Níp Bàn.

4- Bậc hữu hành bang bất hườn (saṅkhāraparinibbāyī): Bậc Bất Lai sanh lên trong một cõi Tịnh Cư nào đó rồi tác chứng A La Hán trong cõi đó mà cần phải nỗ lực dũng mãnh rồi viên tịch Níp Bàn.

5- Bậc thượng lưu bang bất hườn (udhaṅsoto akaniṭṭhagāmī): Bậc Bất Lai sanh lên trong cõi tịnh cư thấp như cõi Vô Phiền khi tịch diệt thì sanh lên vào trong cõi Tịnh Cư cao hơn theo tuần tự như Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến, Sắc Cứu Cánh rồi mới tác chứng A La Hán và viên tịch Níp Bàn trong cõi Sắc Cứu Cánh.

A La Hán Quả Tuệ (Arahattaphalañāṇa)

Khi tâm A La Hán Đạo diệt đi thì tâm A La Hán Quả hoặc A La Hán Quả Tuệ sanh lên nối tiếp nhau không gián đoạn tương tự như Bất Lai Đạo tuệ và Bất Lai Quả tuệ, việc sanh lên của A La Hán Quả Tuệ thì bậc Thánh này được gọi là bậc A La Hán hoặc bậc Lậu tận, vị ấy có xác thân này là đời sống sau cùng, là bậc đã đặt xuống gánh nặng, là bậc chứng ngộ pháp mà mình mong muốn, là bậc chấm dứt kết sử trong sanh hữu (kiếp sống), là bậc giải thoát khỏi khỏi khổ đau bởi sự hiểu biết đúng đắn, là bậc xứng đáng được cúng dường tột đỉnh của nhân giới và thiên giới. Bậc tác chứng được lãnh vực siêu thế này phải là bậc tu tiến mình quán trải qua lãnh vực Bất Lai siêu thế và có tâm mong muốn được tác chứng Thánh Đạo Thánh Quả cao tột mới có sự tinh cần tu tiến mình quán tiếp tục, khi ngũ quyền được quân bình bởi có pháp độ quá khứ đã từng tích lũy vun bồi đầy đủ thì thực tánh của tuệ quán cao sẽ sanh lên theo tuần tự kể từ sanh diệt tuệ... cho đến hành xả tuệ, thực tánh của các tuệ này sẽ hiển lộ vi tế rõ ràng tột cùng, sau đó **thuận thứ tuệ** cũng sẽ sanh lên nối tiếp theo là **dũ tịnh** và giai đoạn quan trọng nhất là Tứ Đạo hoặc A La Hán Đạo Tuệ cũng khởi hiện lên để đoạn trừ tất cả phiền não còn dư sót trong cơ tánh cho dứt tuyệt hoàn toàn, từ đó A La Hán Quả Tuệ cũng sanh lên nối tiếp theo trở thành bậc Lậu Tận là bậc thanh tịnh tột đỉnh cho dù chỉ một chút bụi phiền não cũng không còn dư sót trong cơ tánh nữa.

Quả Của Tứ Đạo

Người tu tiến minh quán có đầy đủ trí tuệ ba la mật tác chứng được tứ Đạo trở thành bậc A La Hán thì có cơ hội nhận được Quả của Tứ Đạo và có thể đoạn trừ 7 loại phiền não vẫn còn dư sót trong cơ tánh cho dứt tuyệt hoàn toàn như sau:

1- Phiền não tham (lobhakilesa) là ái sắc vui thích hài lòng trong cõi sắc giới, thiên sắc giới, có sự thích thú tinh cần tu tiến chỉ tịnh cho đắc chứng thiên sắc giới và vui thích hài lòng trong việc sanh vào phạm thiên sắc giới. Sự vui thích hài lòng trong tánh chất như đã đề cập trên thì bậc A La Hán đã đoạn tận hoàn toàn.

Vô sắc ái là sự vui thích hài lòng trong cõi vô sắc giới, thiên vô sắc giới, việc thích thú trong sự tu tiến chỉ tịnh để đắc chứng thiên vô sắc giới và vui thích hài lòng trong việc sanh vào cõi phạm thiên vô sắc giới. Sự hài lòng vui thích trong tánh chất như đã đề cập trên thuộc phiền não tham vi tế nhất bậc A La Hán đã đoạn tận hoàn toàn, còn dục ái thì bậc Bất Lai đã sát tuyệt.

2- Phiền não ngã mạn (mānakilesa) là tự cao, kiêu ngạo được xếp vào là phiền não bởi vì nói về thực tánh là việc thực hành sai bởi chấp thủ danh sắc tức ngũ uẩn là ta, là họ làm nhân cho dính mắc trong khổ luân hồi, phiền não ngã mạn này được phân ra 2 phần lớn là:

a- Phi như thật ngã mạn (ayāthāvamāna) là tự cao không đúng theo tánh chất gồm có:

- Ta là người bậc cao nhưng nghĩ là ta là người bậc trung.
- Ta là người bậc cao nhưng nghĩ là ta là người bậc thấp.
- Ta là người bậc trung nhưng nghĩ là ta là người bậc cao.
- Ta là người bậc trung nhưng nghĩ là ta là người bậc thấp.
- Ta là người bậc thấp nhưng nghĩ là ta là người bậc cao.
- Ta là người bậc thấp nhưng nghĩ là ta là người bậc trung.

6 loại phi như thật ngã mạn này bậc Nhập Lưu đã sát tuyệt bởi vì là phiền não rất thô.

b- Như thật ngã mạn (yāthāvamāna) là tự cao đúng theo tánh chất gồm có:

- Ta là người bậc cao thì chấp rằng ta là người bậc cao.
- Ta là người bậc trung thì chấp rằng ta là người bậc trung.
- Ta là người bậc thấp thì chấp rằng ta là người bậc thấp.

3 loại ngã mạn đúng theo tánh chất này là phiền não tế hơn ngã mạn không đúng theo tánh chất, cho dù bậc Nhất Lai và bậc Bất Lai cũng chưa có thể đoạn tận được mà chỉ làm giảm nhẹ thôi. Khi tác chứng A La Hán mới có thể đoạn tuyệt hoàn toàn phiền não này.

3- Phiền não phóng dật (udhaccakilesa) là thực tánh tâm phóng tán bất cảnh không chắc chắn hoặc thực tánh không thể trú trong một cảnh duy nhất được lâu dài. Phóng

dật thuộc giống bất thiện là pháp ngăn chặn không cho thiện pháp sanh lên chỉ có bậc A La Hán mới có thể đoạn trừ sát tuyệt mà thôi.

4- Phiền não hôn trầm (thīnakileśa) là phiền não làm cho tâm đã dụi, lười sụt, phiền não hôn trầm này luôn hiện hữu thường xuyên trong cơ tánh của phàm nhân và bậc Thánh hữu học, khi đã tác chứng được A La Hán mới có thể đoạn trừ sát tuyệt được phiền não hôn trầm. Sự việc mà các bậc A La Hán vẫn còn ngủ nghỉ chẳng phải do ảnh hưởng bởi mãnh lực của phiền não hôn trầm mà do thân thể hoạt động đến một giai đoạn thì mệt mỏi kiệt sức nên tâm tự động rơi vào hữu phần theo thường nhiên do chấp thủ nghiệp còn dư sót (upādinnaśaṅkhāra) từ đó phải có sự nghỉ ngơi giống như mọi người.

Tóm lại phiền não hôn trầm này sanh lên được với phàm nhân và bậc Thánh hữu học, sanh lên trong tâm hữu trợ tức sát na tâm biết cảnh không linh hoạt như khi đã dụi sắp ngủ hoặc khi vừa thức dậy mà không phải lúc còn ngủ bởi vì trong lúc còn ngủ thì tâm rơi vào hữu phần nên phiền não hôn trầm không cùng sanh lên chung được.

5- Phiền não vô tầm (ahirikakileśa) là thực tánh không hổ thẹn đối với ác bất thiện hạnh, các bậc hiền trí ghê tởm loại phiền não này. Trong số giải bộ Pháp Tụ (aṭṭhasālinī) đề cập rằng: “Hòn sặc bị bắn thủ bởi phân, người khôn ngoan thường không muốn xúc chạm bởi vì đáng ghê tởm và khó chịu thì bất thiện hạnh cũng giống như vậy các bậc hiền trí

thường không muốn chạm đến bởi vì có tâm liêm sỉ tức hổ thẹn nơi tâm trong việc chạm đến các bất thiện hạnh tội lỗi”.

Vấn: *Bậc A La Hán là bậc có thể đoạn tận phiền não vô tà, nếu như vậy thì các bậc Thánh hữu học cũng vẫn còn vui thích trong việc tạo bất thiện hạnh phải chăng?*

Đáp: Các bậc Thánh hữu học không có sự vui thích trong việc tạo bất thiện hạnh giống như phàm nhân.

Thật vậy bởi do mãnh lực của Thánh đạo sanh lên sát trừ phiền não theo từng phần như bậc Nhập Lưu có thể đoạn trừ phiền não vô tà (thuộc về) đưa đến khổ cảnh, bậc Nhất Lai có thể đoạn trừ phiền não vô tà loại thô bằng cách làm giảm nhẹ trong cơ tánh, bậc Bất Lai có thể đoạn trừ phiền não vô tà loại tế liên quan đến dục ái, còn bậc A La Hán thì có thể đoạn trừ phiền não này không còn dư sót trong cơ tánh.

6- Phiền não vô úy (anottappakilesa) là thực tánh ngần ngại rụt rè đối với bất thiện hạnh là nhân làm cho phải nhận lãnh khổ trong vòng luân hồi, bất thiện hạnh mà các bậc hiền trí vô cùng ngần ngại đó bởi vì phần nhiều làm điều kiện cho sanh quả khổ với người tạo tác. Trong số giải bộ Pháp Tụ (aṭṭhasālinī) rằng: “Hòn sắt bị đốt cháy đỏ rực người khôn ngoan thường không muốn chạm đến bởi vì ngần ngại với sự nóng của hòn sắt nếu chạm đến sẽ nhận lấy đau khổ trầm trọng thì bất thiện hạnh cũng giống như vậy, các bậc hiền trí thường không muốn chạm đến bởi vì có trí tuệ hiểu biết rằng bất thiện hạnh chỉ duy nhất làm cho tác hại đau khổ mà không làm cho lợi ích”.

Đối với việc sát trừ phiền não của bậc Thánh hữu học có giải thích giống như việc sát trừ phiền não vô tầm tức bậc Nhập Lưu có thể đoạn trừ phiền não vô úy đưa đến khổ cảnh, bậc Nhất Lai và bậc Bất Lai cho dù còn phiền não vô úy vi tế hiện hữu trong cơ tánh nhưng cũng giảm nhẹ nhiều, còn bậc A La Hán thì có thể đoạn trừ phiền não vô úy không còn dư sót trong cơ tánh.

7- Phiền não si (mohakilesa) là thực tánh hôn ám che đậy trí tuệ không cho thấy được Tứ Thánh Đế như vô minh là sự không hiểu biết.

Các học viên sẽ thấy được rằng phiền não si cho dù bị Thánh Đạo sát trừ đến ba lần nhưng cũng không hoàn toàn chấm dứt, cả 3 Thánh Đạo cũng duy trì được nhiều khả năng đặc biệt có năng lực phá hủy các phiền não quan trọng khác theo nhiều cách nhưng vẫn chưa thể phá hủy được phiền não si che đậy Tứ Thánh Đế cho chấm dứt hoàn toàn, chỉ diệt trừ cho vắng lặng chút ít giống như sấm chớp có năng lực diệt đi sự tăm tối làm cho thấy được con đường trong chốc lát mà thôi, vì vậy 3 Thánh Đạo đầu mới được gọi là pháp giống như sấm chớp (vijjūpamadhamma). Còn đối với A La Hán Đạo tuệ khi đã sanh lên thì phiền não si bị đoạn trừ sát tuyệt, trường hợp này có ví dụ như: Thông thường sấm sét có sức mạnh vô cùng mãnh liệt nên khi đánh xuống một vật nào thì vật đó vỡ tan ra, ví dụ này như thế nào thì A La Hán Đạo cũng như vậy khi đã sanh lên thì không có một loại phiền não nào không bị phá vỡ, các phiền não mà

Thánh Đạo khác không phá hủy được thì sẽ bị A La Hán Đạo phá hủy hoàn toàn cho nên A La Hán Đạo này mới gọi là pháp giống như sấm sét (vajirūpadhamma).

Bậc Lộ Tận Có 2

Bậc Lộ tận là bậc Thánh cao tột vô thượng trong Phật Giáo, nói theo phân loại thì có 2 bậc là:

1- Bậc A La Hán tâm giải thoát (cetovimuttīrahamaṃ) là bậc tu tiên chỉ tịnh đắc chứng thiên trước rồi về sau tu tiên minh quán tác chứng A La Hán hoặc chỉ tu tiên riêng biệt minh quán khi A La Hán Đạo sanh lên thì thiên cũng sanh lên trong cùng sát na với nhau do năng lực nguyện ước quá khứ (pubbādhikāra), trở thành bậc A La Hán thiên giả tức thành tựu thiên chứng đắc được minh và thần thông có được ân đức đặc biệt trong việc khai triển được các loại thần thông.

2- Bậc A La Hán tuệ giải thoát (paññavimuttīrahamaṃ) là bậc tu tiên thuần minh quán mà không tu tiên chỉ tịnh trước, khi A La Hán Đạo sanh lên thì thiên không cùng sanh chung nên trở thành bậc A La Hán lạc quán (sukkhavipassaka) tức bậc thiên khô, không thể khai triển được các loại thần thông.

Ngoài ra bậc Lộ Tận còn phân ra 2 loại ân đức đặc biệt nữa là:

1- Bậc A La Hán vô ngại giải (paṭisambhidāpatharahanta) tức bậc A La Hán thông đạt 4 vô ngại giải:

- a- Vô ngại giải về nghĩa (atthapaṭisambhidā).
- b- Vô ngại giải về pháp (dhammapaṭisambhidā).
- c- Vô ngại giải về từ ngữ (niruttipaṭisambhidā).
- d- Vô ngại giải về tài biện luận nhanh trí (paṭibhānapaṭisambhidā).

4 tuệ vô ngại giải này đồng sanh lên chung cùng trong sát na tác chứng A La Hán Đạo, A La Hán Quả.

2- *Bậc A La Hán phi vô ngại giải* (appaṭisambhidāpatharahanta) là bậc A La Hán không thông đạt trong 4 tuệ vô ngại giải như đã đề cập. Các bậc A La Hán có các loại khác nhau cũng do mãnh lực ước nguyện tạo trử vun bồi từ trong kiếp quá khứ khác nhau. Một số ngài trong kiếp trước khi tạo thiện nghiệp nào thường chú tâm ước nguyện do mãnh lực của ước nguyện quá khứ nên ngài tác thành A La Hán thiên giả hoặc tác thành A La Hán vô ngại giải, còn đối với ngài không đắc thiên hoặc không đạt được tuệ vô ngại giải bởi vì không có ước nguyện quá khứ tức trong kiếp quá khứ khi ngài tạo bất cứ thiện nghiệp nào cũng không từng lập tâm chú nguyện cho nên ân đức đặc thù như thiên và tuệ vô ngại giải mới không sanh lên với ngài.

Kết Thúc Quả Tuệ



16- Phản Khán Tuệ **(Paccavekkhaṇāṇa)**

Maggam phalaṅca nibbānam Paccavekkhati paṇḍito
Pahīne kilese sese ca Paccavekkhati vā na vā
Chabbisuddhikkamenevaṃ Bhāvetabbo catubbidho
Ñāṇadassanavisuddhi Nāma maggo pavuccati.

Bậc hiền trí là Thánh nhân xem xét lại Đạo, Quả, Níp Bàn, xem xét lại phiền não đã sát trừ và phiền não chưa sát trừ nhưng cũng có bậc không xem xét lại phiền não đã sát trừ và phiền não chưa sát trừ. Bốn Thánh Đạo nương từ việc tu tiến 6 thanh tịnh theo tuần tự cho đến tri kiến thanh tịnh.

Tuệ Phản khán Của Bậc Thánh

Khi tâm Nhập Lưu Quả diệt đi thì tâm của bậc Nhập Lưu cũng đưa đến hữu phần, từ đó tâm khai ý môn sanh lên cắt đứt dòng hữu phần để xem xét lại Nhập Lưu Đạo, khi tâm khai ý môn diệt đi thì 7 sát na tâm đồng lực cũng sanh nối tiếp nhau bằng việc làm cho Đạo thành cảnh rồi tâm cũng đưa đến hữu phần nữa, còn việc sanh lên để xem xét trở lại

Quả, phiền não đã sát trừ và phiền não còn dư sót hoặc Níp Bàn cũng xem xét giống như việc xem xét Đạo.

Bậc Thánh nhân xem xét lại Đạo rằng “Ta đã tác chứng chắc chắn bằng mãnh lực của Đạo này rồi”, xem xét lại Quả rằng: “Thành quả như đã đề cập trên ta đã nhận được”, xem xét lại phiền não đã sát trừ rằng: “Các phiền não này ta đã sát trừ”, xem xét lại phiền não còn dư sót rằng: “Các phiền não này ta vẫn còn dư sót” và sau cùng thì xem xét lại Níp Bàn rằng: “Pháp này ta đã thấu đáo bằng cảnh”.

Tuệ phản khán của bậc Nhập Lưu, bậc Nhất Lai, bậc Bất Lai mỗi bậc có 5 cách bằng nhau nhưng bậc A La Hán không có xem xét lại phiền não còn dư sót bởi vì ngài đã sát tuyệt hoàn toàn các phiền não nên chỉ có 4 tuệ phản khán tổng cộng là 19 cách. Nhưng thật ra thì bậc Thánh hữu học phản khán hoặc không phản khán phiền não còn dư sót cũng được như đức vua dòng Sakya Mahānāma, bậc Nhất Lai bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, con nghĩ rằng vẫn còn có pháp gì mà con đã không đoạn trừ được bên trong con làm nhân cho tất cả tham thính thọ che đậy tâm của con”.

Trong Thắng Pháp Tập Yếu Luận (abhidhammatthasaṅgaha) đề cập rằng:

Maggam phalañca nibbanam Paccavekkhati paṇḍito

Pahīne kilese sese ca

Paccavekkhati vā na vā.

Bậc Thánh hiền trí thường xem xét lại Đạo, Quả, Níp Bàn, xem xét lại phiền não đã đoạn trừ và phiền não còn dư sót. Một số bậc Thánh không xem xét lại phiền não đã sát trừ và phiền não chưa sát trừ cũng có.

Phiền Não Bị Phản khán

Trí tuệ sanh lên phản khán thấy được Đạo, Quả, Níp Bàn, phiền não còn dư sót và phiền não đã sát trừ do mãnh lực của 4 Đạo, trong Thanh Tịnh Đạo trình bày rằng:

Samyojanesu tāva sakkāyadit̐thi vicikicchā silabbataparāmāso apāyagamanīya ca kāmārāgapaṭighati ete pañca dhammā pathamañāṇavajjhā sesā kāmārāgapaṭighā oḷārikā dutiyañāṇavajjhā sukhumā tatiyañāṇavajjhā rūparāgādayo pañcapi catutthañāṇavajjhā eva.

10 loại kiết sử được Nhập Lưu Đạo sát trừ có 5 loại kiết sử là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái đưa đến khổ cảnh, phần uất đưa đến khổ cảnh còn dư sót lại thì Nhất Lai Đạo có thể sát trừ theo mãnh lực của mình tức dục ái, phần uất không đưa đến khổ cảnh loại thô, Bất Lai Đạo có thể sát trừ được theo mãnh lực của mình như dục ái, phần uất không đưa đến khổ cảnh loại tế, A La Hán Đạo có thể sát trừ hoàn toàn được 5 thượng phần kiết sử theo mãnh lực của mình.

Lại nữa, trong Thanh Tịnh Đạo đề cập rằng: “Kilesesu dit̐thivicikicchā paṭhamañāṇavajjhā doso tatiyañāṇavajjho

lobhamohamānathīnauddhaccaahirikaanottappāni
catutthañānavajjhāni”.

10 loại phiền não thì tà kiến và hoài nghi Nhập Lưu Đạo đã sát trừ hoàn toàn, sân thì Bất Lai Đạo sát trừ được hoàn toàn; tham, si, ngã mạn, hôn trầm, phóng dật, vô tâm, vô úy thì A La Hán Đạo sát trừ được hoàn toàn.

Tóm Lược 16 Tuệ Quán

- 1- Danh sắc phân tích tuệ (nāmarūpaparicchedañāṇa).
- 2- Duyên đạt tuệ ^{1*} (paccayapariggahañāṇa).
- 3- Thấm quán tuệ (sammasanañāṇa).
- 4- Sanh diệt tuệ (udayabbayañāṇa).
- 5- Hoại diệt tuệ (bhaṅgañāṇa).
- 6- Kinh hãi tuệ (bhayañāṇa).
- 7- Quá hoạn tuệ (adīnavañāṇa).
- 8- Yếm ố tuệ (nibbidāñāṇa).
- 9- Dục thoát tuệ (muñcitukamyatāñāṇa).
- 10- Trạch sát tuệ (paṭisankhāñāṇa).
- 11- Hành xả tuệ (saṅkhārupekkhāñāṇa).

¹ Tuệ thứ hai này ám chỉ đến tuệ ghi nhận biết duyên của danh sắc, bởi vì một số nơi dùng từ là āmarūpapaccayapariggahañāṇa.

- 12- Thuận thứ tuệ (anulomañāṇa).
- 13- Chuyển tộc tuệ (gotrabhūñāṇa).
- 14- Đạo tuệ (maggañāṇa).
- 15- Quả tuệ (phalañāṇa).
- 16- Phản khán tuệ (paccavekkhaṇañāṇa).

Các tuệ này gọi là 16 tuệ (soḷasañāṇa) khi đã trải qua 16 tuệ thì có nghĩa là hành giả tiến hành đến mục đích cuối của con đường vĩ đại, được thực chứng tài sản bất tử không tìm thấy tài sản nào khác so sánh được nữa cả đời này lẫn đời sau bởi vì quả báo của bậc Thánh như bậc Nhập Lưu... là quả báo vĩ đại, như trong pālī Pháp Cú Kinh đề cập rằng:

Paṭhabyā ekarajjena Saggassa gamanena vā
Sabbalokādhippaccena Sotāpattiphalaṃ varam.

Nhập Lưu quả cao quý hơn là Chuyển Luân Vương, hơn cả vua trời Đế Thích và hơn cả Đại Phạm Thiên là bậc có oai lực vĩ đại.

Trong pālī trên trình bày sự vĩ đại theo lãnh vực khác nhau như đức vua là vị đệ nhất hoàng đế trong bất cứ lãnh thổ nào cũng không so sánh bằng với quyền lực của vua. Chuyển Luân Vương là vị có uy quyền trên khắp thế gian trong cả nhân loại bởi vì đức vua có đầy đủ 7 loại báu, ngay cả vua trời Đế Thích là bậc cao quý hơn vua Chuyển Luân Vương bởi vì vua trời đầy đủ thiên sản trong thiên giới, ngay đến Đại Phạm Thiên là bậc có đại oai lực trong các

nhóm phạm thiên, đầy đủ phạm thiên sản thù thắng hơn vua trời Đế Thích đi nữa nhưng nếu đem so sánh với Nhập Lưu Quả thì không thể so sánh được bởi vì Níp Bàn mà bậc Nhập Lưu tác chứng là pháp thù thắng cao quý tột cùng, có thể làm cho người tác chứng không bị rơi vào khổ cảnh và thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Kết Thúc 10 Tuệ Quán Và 16 Tuệ



5- Trình Bày Tập Yếu Về Giải Thoát (Vimokkhasaṅgaha)

Định Nghĩa về 3 Giải Thoát:

Giải thoát (vimokkha) theo định nghĩa phân tích từ như: **“Paṭipakkhato vimokkhatīti vimokkho”**.

Thực tánh nào thoát khỏi phiền não bằng cách đối lập lại, thực tánh đó gọi là **giải thoát**, gồm có 3 giải thoát là:

1- Không tánh giải thoát (suññatavimokkha) là Thánh Đạo thấu đáo bởi ghi nhận thấy rõ được **vô ngã**.

2- Vô tướng giải thoát (animittavimokkha) là Thánh Đạo thấu đáo bởi ghi nhận thấy rõ được **vô thường**.

3- Phi thuộc lụy giải thoát (appaṇihitavimokkha) là Thánh Đạo thấu đáo bởi ghi nhận thấy rõ **khổ**.

Tóm lược: Giải thoát là tên của 4 Thánh Đạo gọi tên theo tam tướng, nghĩa là đối với người tu tiến minh quán tinh cần có tuệ quyền già mạnh do có trí tuệ ước nguyện trong quá khứ cao trội đã từng tạo trử vun bồi làm sức mạnh hỗ trợ trong sát na đang tu tiến minh quán thì sẽ thấy được rõ ràng vô ngã tướng nhiều nhất, thấy được vô ngã tướng trong sáng rõ ràng hơn tướng khác bởi vì vô ngã tướng có

sức mạnh nhiều hơn cho nên khi **xuất hành minh quán** (**vuṭṭhānagāminīvipassanā**) đang diễn tiến thì danh sắc hiện bày vô ngã hiển lộ rõ ràng, khi đã thấy được vô ngã rõ ràng thì xuất hành minh quán cũng sẽ đưa đến Đạo liền tức thì, tướng này gọi là **không tánh giải thoát** tức giải thoát bằng vô ngã hoặc tác chứng Đạo bằng vô ngã tướng.

Còn người tinh cần tu tiến minh quán có tín quyền già mạnh do có đức tin ước nguyện trong quá khứ cao trội đã từng tạo trữ vun bồi từ kiếp trước làm sức mạnh hỗ trợ trong sát na đang tu tiến minh quán thì sẽ thấy được rõ ràng vô thường tướng nhiều nhất.

Vấn: *Do nhân nào mà chỉ thấy rõ ràng được vô thường tướng mà không thấy được tướng khác?*

Đáp: Thấy được mọi tướng nhưng trong tam tướng thì tướng khác không thấy rõ bằng vô thường tướng bởi vì vô thường tướng có sức mạnh mãnh liệt, vì vậy khi **xuất hành minh quán** tức hiện thân minh quán đang diễn tiến sẽ dẫn đến Đạo làm cho thấy được danh sắc hiện bày vô thường rồi tác chứng Đạo, tướng này gọi là **vô tướng giải thoát** tức giải thoát bằng vô thường hoặc tác chứng Đạo bằng vô thường tướng.

Đối với người tinh cần tu tiến minh quán có định quyền già mạnh do có định ước nguyện trong quá khứ cao trội đã từng tạo trữ tích lũy từ kiếp trước làm sức mạnh hỗ trợ trong sát na đang tu tiến minh quán thì sẽ thấy được rõ ràng

khổ tướng nhiều nhất, thấy khổ tướng nhiều hơn tướng khác bởi vì khổ tướng có sức mạnh dũng mãnh cho nên khi **xuất hành minh quán** đang diễn tiến dẫn đến Đạo làm cho thấy được danh sắc hiện bày khổ rồi tác chứng Đạo, tướng này gọi là **phi thuộc lụy giải thoát** tức giải thoát bằng khổ hoặc tác chứng Đạo bằng khổ tướng.

Kết Thúc Tập Yếu Giải Thoát



6- Trình Bày Tập Yếu Về Giải Thoát Môn (Vimokkhamukhasaṅgaha)

Định Nghĩa Và Giải Thích:

Giải thoát môn (vimokkhamukha) được phân ra thành 2 từ **Vimokkha + Mukha**.

Vimokkha là giải thoát khỏi phiền não, **Mukha** là cánh cửa hoặc cái miệng. Ba tùy quán gọi là giải thoát môn bởi vì là cánh cửa đưa đến Thánh Đạo tức:

- 1- Không tánh tùy quán (suññatānupassanā).
- 2- Vô tướng tùy quán (animittānupassanā).
- 3- Phi thuộc lụy tùy quán (appaṇihitānupassanā).

Không tánh tùy quán nghĩa là vào sát na xuất hành minh quán đang diễn tiến thì danh sắc có trạng thái vi tế vô cùng rồi từ từ nhỏ xuống giống như sợi chỉ nhỏ nhưt đứt lìa mất diệt đi tướng trạng này gọi là **không tánh giải thoát môn (suññatavimokkhamukha)** tức giải thoát bằng vô ngã hoặc tác chứng Đạo bằng vô ngã.

Vô tướng tùy quán nghĩa là vào sát na xuất hành minh

quán đang diễn tiến thì danh sắc có trạng thái vô cùng vi tế rồi dần dần nhỏ xuống cuối cùng thì diệt mất tướng trạng này gọi là **vô tướng giải thoát môn (animitavimokkhamukha)** tức giải thoát bằng vô thường hoặc tác chứng Đạo bằng vô thường.

Phi thuộc lụy tùy quán nghĩa là vào sát na xuất hành minh quán đang diễn tiến thì danh sắc có trạng thái vô cùng vi tế rồi dần dần nhỏ xuống sau cùng thì diệt đi tướng trạng này gọi là **phi thuộc lụy giải thoát môn (appanhitavimokkhamukha)** tức giải thoát bằng khổ hoặc tác chứng Đạo bằng khổ.

Kết Thúc Tập Yếu Giải Thoát Môn



Phân Loại Nhập Định

(Sự khác biệt nhau của nhập định)

Trình bày phân loại nhập định theo

Thắng Pháp Tập Yếu Luận.

Phalasangāpatti panettha sabbesampi yathāsakaṃ
phalavasena sādharmaṇāva.

Trong thiền quả định thì thiền quả định của các bậc Thánh là pháp phổ biến tùy theo năng lực mà mình tác chứng.

Nhập Định Có 3 Loại:

- 1- Nhập định thiền (jhānasamāpatti).
- 2- Nhập định thiền quả (phalasangāpatti).
- 3- Nhập định thiền diệt (nirodhasamāpatti).

3 loại nhập định thì nhập định thiền đã được giải thích trong phần nhập định thiền rồi, còn nhập định thiền quả trong Thanh Tịnh Đạo đề cập: “Tattha kā phalasangāpattīti yā ariyassa nirodhe appanā”^{1*}.

Trong vấn đề này có câu hỏi rằng:

Vấn: Nhập định thiền quả là gì ?

Đáp: Kiên cố trong sự diệt của bậc Thánh.

Sát nát nhập vào thiền quả thì tâm của bậc Thánh không có tướng của pháp hành (saṅkhāranimitta) tức sắc, thọ, tưởng, hành, thức làm cảnh mà chỉ có duy nhất cảnh Níp Bàn, nhập định thiền quả thì phạm nhân không thể nhập được bởi vì phạm nhân từ trước không từng có cảnh Níp Bàn, còn đối với các bậc Thánh nhập vào thiền quả được bởi vì đã từng có cảnh Níp Bàn và chỉ nhập được riêng biệt quả của mình như bậc Nhập Lưu chỉ nhập được Nhập Lưu quả định mà thôi, cho nên ngài giáo thọ sư Anuruddha mới đề cập rằng: “Sabbesampi yathāsakaṃ phalavasena sādharmaṇāva”. Thiền quả của các bậc Thánh là pháp phổ biến theo năng lực mà mình tác chứng.

¹ Quyển 3 trang 357

Nơi đây có **một số giáo thọ sư** đề cập rằng việc nhập thiền quả chỉ có bậc Bất Lai và bậc A La Hán mới nhập được bởi vì 2 bậc Thánh này có đầy đủ định học (samādhisikkhā), còn bậc Nhập Lưu và bậc Nhất Lai thì không thể nhập thiền quả được bởi vì 2 bậc Thánh này chưa đầy đủ định học.

Trong kinh Thanh Tịnh Đạo luận giải rằng: Ngay đến phạm nhân cũng làm chủ được tài sản của mình tức thiền hiệp thế, cũng có thể nhập thiền định của mình được cho nên bậc Thánh là chủ tài sản của mình tức thiền quả định thì không có nguyên nhân để không nhập được mà chắc chắn nhập được.

Quả Báo Của Nhập Định Thiền Quả

Trong thanh tịnh đạo có nêu lên ví dụ rằng: Nhân loại, chư thiên hay phạm thiên đối với tài sản của mình muốn sử dụng khi nào thì hưởng thụ được khi đó. Các bậc Thánh xem như việc nhập định thiền quả có sự an lạc tương tự giống như Níp Bàn tạm thời trong đời sống này, chỉ có ghi nhận trọn vẹn bằng sát na đang nhập định thiền quả có Níp Bàn làm cảnh bởi hàng nhiều sát na đồng lực tâm Quả sanh lên giống như dòng nước chảy, vì vậy mới gọi là nhập định thiền quả.

Phân Loại Tâm Lộ Nhập Định Thiền Quả

Tâm lộ nhập định thiền quả này có 4 loại:

- 1- Tâm lộ Nhập Lưu Quả định.
- 2- Tâm lộ Nhất Lai Quả định.
- 3- Tâm lộ Bất Lai Quả định.
- 4- Tâm lộ A La Hán Quả định.

Nhưng mỗi loại vẫn còn được phân ra thành 5, như tâm lộ Nhập Lưu Quả định có 5 loại là:

- 1- Tâm lộ sơ thiền Nhập Lưu Quả định.
- 2- Tâm lộ nhị thiền Nhập Lưu Quả định.
- 3- Tâm lộ tam thiền Nhập Lưu Quả định.
- 4- Tâm lộ tứ thiền Nhập Lưu Quả định.
- 5- Tâm lộ ngũ thiền Nhập Lưu Quả định.

Do đó 4 tâm Quả nhân với 5 thiền được 20, lấy 20 nhân với 2 là độn tuệ (tikkhapaññā), trì tuệ (khippābhiññā) và lợi tuệ (mandapaññā), tốc tuệ (dandhābhiññā) được 40, lấy 40 nhân cho 3 thiền là thiền cơ (pādakajhāna), thiền thiện xảo (sammasitajhāna), thiền khuynh hướng ước nguyện (puggalajjhāsayaajhāna) tổng cộng là 120 tâm lộ nhập định thiền quả.

Các tâm lộ này sanh lên được trong cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới trừ 5 cõi Tịnh Cư bởi vì tâm lộ Nhập Lưu Quả định, Nhất Lai Quả định không sanh lên được.

Tên Gọi Của Thuận Thứ

Trong nhập định thiền quả thì đồng lực cận định này tất cả gọi là thuận thứ bởi vì trong kinh Vô Ngại Giải Đạo (paṭisambhidāmagga) trình bày chuyển tộc tuệ theo đủ cách khác nhau (anantanaya) và trong bộ Đại Xứ (paṭṭhāna) thì trình bày rằng chuyển tộc tuệ trong nơi đây có danh sắc hữu vi làm cảnh cho nên gọi là thuận thứ tuệ. Và trong Thanh Tịnh Đạo đề cập rằng: “Gotrabhūti cettha anulomaṃ veditabbaṃ vuttamaṃ hetamaṃ paṭṭhāne arahato anulomaṃ phalasaṃpattiyā anantarapaccayena paccayoti sekkhānaṃ anulomaṃ phalasaṃpattiyā anantarapaccayena paccayoti”.

Trong tâm lộ nhập định thiền quả thì chuyển tộc được gọi là **thuận thứ tuệ**, trong bộ Đại Xứ Đức Phật thuyết rằng thuận thứ tuệ của bậc A La Hán làm duyên trợ cho nhập định thiền quả bằng mãnh lực vô gián duyên, thuận thứ tuệ của bậc Thánh hữu học làm duyên trợ cho nhập định thiền quả bằng mãnh lực vô gián duyên.

Trong tâm lộ nhập định thiền quả thì 4 đồng lực thuận thứ không bắt cảnh Níp Bàn nhưng có danh sắc hoặc pháp hành làm cảnh, khác với trong tâm lộ đắc Đạo thì việc khai mở của Đạo là tâm chuyển tộc có Níp Bàn làm cảnh.

Trong hậu số giải Thanh Tịnh Đạo đề cập rằng: Thông thường phận sự của Thánh Đạo là nơi nương nhờ của tất cả chúng sanh bởi làm cho thoát khỏi vòng luân hồi nên việc khai mở của Thánh Đạo là tâm chuyển tộc này mới có Níp

Bàn làm cảnh, còn đối với tâm lộ nhập định thiền quả thì tâm Quả không thể làm cho tất cả chúng sanh thoát khỏi khổ mà chỉ là hưởng **hiện tại lạc trú (ditṭhidhammasukhavihārī)** tức các bậc Thánh xem như có được an lạc tương tự giống như Níp Bàn tạm thời trong chính đời sống này, trong tâm lộ nhập định thiền quả thì đồng lực chuyển tộc hoặc thuận thứ có cảnh danh sắc hoặc pháp hành.

Trong tâm lộ Đắc Đạo thì đồng lực tâm Quả không gọi là nhập định thiền quả (phalasangāmi) bởi vì 2 hoặc 3 đồng lực tâm quả sanh lên nương từ mãnh lực của Thánh Đạo là thực tánh tự nối tiếp theo, còn nhập định thiền quả thì không liên quan đến Thánh Đạo bởi vì có riêng biệt chuẩn bị liên quan từ nhập định thiền quả phải nương vào chuẩn bị mới sanh lên được, nhập định thiền quả là đồng lực tâm Quả sanh lên nối tiếp nhau. Khi các bậc Thánh muốn nhập vào thiền quả thì phải ghi nhận danh sắc hoặc pháp hành làm cảnh kể từ sanh diệt tuệ... theo tuần tự cho đến thuận thứ tuệ, sau đó tất cả danh sắc hoặc pháp hành diệt đi nhập vào cảnh Níp Bàn. Quả của Thánh Đạo không có chuẩn bị (parikamma) nhưng Quả của nhập định thiền quả chỉ có chuẩn bị theo riêng biệt. Trong kinh Thanh Tịnh Đạo đề cập rằng: “Phalasangāmitthikena hi ariyasavakena rahogatena paṭisallīnena udayabbayādivasena saṅkhārā vipassitabbā tassa pavattānupubbavipassanassa saṅkhārarammaṇagotrabhūñānānantaram phalasangāmitivasena nirodhe cittaṃ appeti”.

Bậc Thánh nhân muốn nhập định thiền quả đi đến nơi vắng vẻ khuất lấp quán xét các pháp hành (saṅkhāra) bằng mãnh lực của mình quán như sanh diệt tuệ... theo tuần tự cho đến chuyển tộc tuệ có pháp hành làm cảnh, tâm của bậc Thánh tỉnh vẫn có tuệ quán tuần tự diễn tiến đó dính theo trong diệt bởi năng lực của nhập định thiền quả.

Xuất Khỏi Nhập Định Thiền Quả

Bậc Thánh nhân muốn xuất khỏi thiền quả theo thời gian hợp lẽ (cần thiết) thì phải chú nguyện trước rằng: “Xin cho tâm vắng lặng 5 phút, 10 phút hoặc 1 tiếng, 2 tiếng...” khi đến thời gian xác định thì đồng lực tâm Quả ngưng lại liền tức thì và tâm hữu phần sẽ sanh lên thay vào bằng một loại pháp hành danh sắc làm cảnh, như vậy gọi là xuất khỏi nhập định thiền quả.

Thường An Trú (Sassataviharī)

Và Không Thường An Trú (Nosassataviharī)

Trong số giải Trung Bộ Kinh (majjhimauparipaññāsattakathā) đề cập rằng: “Deva hī khīṇāsavā sassataviharī nosassataviharī ca. Tattha sassataviharī yaṅkiñci kammaṃ katvāpi phalasaṃpattim samāpajjitum sakkoti. Nosassataviharī pana appamattakepi kicce kiccappasuto hutvā phalasaṃpattim appetum na sakkoti”.

Bậc lậu Tận có 2:

1- Bậc Lậu Tận thường an trú (sassatavihārīkhīnāsava) là bậc Lậu Tận thường xuyên nhập thiền quả.

2- Bậc Lậu Tận không thường an trú (nosassatavihārīkhīnāsava) là bậc Lậu Tận không thường xuyên nhập thiền quả.

2 bậc Lậu Tận này thì bậc Lậu Tận thường an trú cho dù lúc đang có công việc cũng có thể nhập thiền quả được (trong nơi đây **api** trong từ **katvāpi** được xếp vào trong câu liên từ giải thích lời tán dương (**sambhāvanājotakanipātapada**).

Nhưng bậc Lậu Tận không thường an trú làm phận sự trong công việc cho dù chỉ chút ít cũng không thể nhập thiền quả được (trong nơi đây **api** trong từ **appamattakepi** được xếp vào trong câu liên từ giải thích đến lời khuyết điểm (**garahājotakanipātapada**).

Tương truyền rằng: Vị tỳ kheo giáo thọ sư với vị sadi đệ tử, cả 2 đều là bậc Lậu Tận đi tìm trú xứ vắng lặng ở trong rừng nhưng nơi ấy có vị tỳ kheo khác đang nghỉ trước và còn lại một chỗ ngụ nữa chỉ được riêng biệt cho vị thầy giáo thọ. Còn vị sadi thì không có chỗ ngụ nên phải tự đi tìm nơi nghỉ ngơi, thỉnh thoảng di chuyển từ gốc cây này đến gốc cây khác tùy theo ý muốn và suốt mùa an cư thì vị sadi cũng nhập thiền quả thường xuyên, còn vị thầy giáo thọ nghỉ ngơi nơi chỗ ngụ thuận tiện thoải mái nhưng còn suy nghĩ đến vị sadi đệ tử nên không thể nhập thiền quả được, khi mãn mùa

an cư vị sadi đi đến thăm viếng thầy giáo thọ của mình rồi hỏi thăm về khổ, lạc lẫn nhau thì vị thầy giáo thọ bảo rằng chỗ ngụ được thuận tiện thoải mái và hỏi đến khổ, lạc của vị sadi thì vị sadi bạch với thầy giáo thọ rằng mình không có chỗ ngụ phải nghỉ dưới gốc cây và thường xuyên nhập thiền quả nên tâm được an lạc suốt mùa an cư không phải lo lắng điều chi cả.

Kết Thúc Nhập Thiền Quả



Nhập Thiền Diệt **(Nirodhasamapatti)**

Nhập thiền diệt (nirodhasamapatti) được phân tích từ như sau:

Nirujjhati nirodho. Samāpajjanam samāpatti. Nirodhassa samāpatti nirodhasamāpatti.

Sự chấm dứt tâm và tâm sở gọi là **diệt** (nirodha) trong sát na diệt này sắc tâm không sanh lên. Sự nhập hoặc nỗ lực thực hành gọi là **nhập định (samāpatti)**.

Bậc Bất Lai hoặc bậc A La Hán nhập thiền diệt thì trước hết nhập thiền đáo đại kể từ sơ thiền... theo tuần tự và xuất khỏi thiền thì dùng niệm ghi nhận sự sanh diệt của các pháp hành cho đến thiền vô sở hữu xứ, khi xuất khỏi thiền vô sở hữu xứ phải làm 4 tiền sự (pubbakicca).

1- Các vật dụng liên hệ không bị hư hoại (nānābaddhaavikopana): Chú nguyện rằng đồ vật ở gần với mình như y, bát đừng bị hư hoại, còn đồ vật không ở gần với mình mà ở nơi khác thì các vật phụ tùng đó đừng bị hư hoại bởi nước, lửa, trộm cắp. Việc chú nguyện này gọi là các vật dụng liên hệ không bị hư hoại.

2- Sự chờ đợi của chư Tăng (saṅghapaṭimānana):
Chú nguyện rằng khi chư Tăng hội họp lại với nhau nếu chư Tăng cần ta thì hãy cho xuất khỏi thiền diệt. Như vậy gọi là sự chờ đợi của chư Tăng.

3- Sự triệu tập của bậc Đạo Sư (satthupakkosana):
Chú nguyện rằng bậc Chánh Đăng Giác có ý định phán dạy tìm kiếm ta thì hãy cho xuất khỏi thiền diệt. Như vậy gọi là sự triệu tập của bậc Đạo Sư.

4- Hạn định thời gian (tuổi thọ) (addhānapariccheda):
Chú nguyện rằng khi bậc Thánh muốn nhập thiền diệt phải quán xét tuổi thọ của mình sẽ tồn tại suốt trong vòng 7 ngày hay không vì khi không quán xét trước nếu như trong vòng 7 ngày tuổi thọ chấm dứt thì phải xuất khỏi thiền diệt. Nếu quán xét sẽ chấm dứt tuổi thọ trong vòng 7 ngày thì không nên nhập thiền diệt bởi vì nếu chưa tác chứng A La Hán thì sẽ làm mất đi lợi ích của mình. Còn nếu là bậc A La Hán mà chưa tế độ được chúng sanh do mình đã tác thành A La Hán rồi mà chưa giáo huấn cho đệ tử và người khác được cho nên mới phải quán xét.

Bậc đang nhập thiền diệt sẽ không có một tai họa nào làm cho chết được do năng lực của định biến mãn thông (samādhivipphāraiddhi).

Khi đã làm xong 4 tiền sự thì nhập vào thiền phi tưởng phi phi tưởng xứ, đồng lực thiền phi tưởng phi phi tưởng xứ sanh lên 2 sát na và diệt đi thì nhập vào thiền diệt liền tức thì.

Vấn: Sát na nhập thiên diệt thì tâm, tâm sở không sanh và các cảnh ngay cả cảnh Níp Bàn cũng không có, như vậy thì có an lạc được như thế nào?

Đáp: Bậc nhập thiên diệt muốn cho danh sắc diệt tạm thời trong đời sống này bởi vì thông thường bậc Bất Lai và bậc A La Hán luôn nhằm chán đối với sự sanh diệt của danh sắc, việc sống cùng với danh sắc cũng giống như sống với sự bất mỹ (asubha) và giống như nắm giữ hiểm họa hoặc kẻ thù, theo sự nhận thức của các ngài thì ngũ uẩn là gánh nặng nhiều nhất (bhārāhave pañcakkhandhā) giống như người đang khiêng vác đồ vật có sức nặng suốt mọi lúc nên muốn nghỉ ngơi từ sự sắp đặt danh sắc tạm thời tức tránh né hiểm họa để tìm an lạc một thời gian.

Trong số giải Pháp Cú Kinh (dhammapadaathakātha) rằng: Udayabbayā saṅkhāra ukkaṇḍitvāna yoniso sukhaṃ viharissāmāti samāpajjanti te sukhaṃ.

Bởi nhằm chán sự sanh diệt của pháp hành nên các bậc Bất Lai và bậc A La Hán thường nhập thiên diệt để được sống an lạc.

Việc nhập thiên diệt trong cõi nhân loại chỉ được 7 ngày nhưng trong cõi phạm thiên sắc giới thì không giới hạn muốn nhập lâu chừng nào cũng được, bậc nhập thiên diệt được phải là bậc A La Hán và bậc Bất Lai đắc 8 thiên chứng bởi vì việc nhập thiên diệt phải nhập thiên trước kể từ sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên rồi đến 4 thiên vô sắc tổng cộng là bát thiên rồi mới nhập vào thiên diệt nhưng

mỗi bậc thiền phải luôn có minh quán kết hợp (trừ thiền vô sở hữu xứ phải làm tiên sự thay thế minh quán và thiền phi tướng phi phi tướng xứ sanh lên chỉ 2 sát na từ đó thì nhập vào thiền diệt).

Lộ Tâm Nhập Thiền Diệt

H	R	D	K	Â	Â	Ụ	Ỡ	Ề	Ề	Tâm, tâm sở, sắc tâm diệt	Ả	H
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	------------------------------	---	---

Tâm lộ nhập thiền diệt theo Thắng Pháp Tập Yếu Luận đề cập rằng: *Dvikkhattum catutthārūpajavanam javati tato param nirodham bhussati vuṭṭhānakāle ca anāgāmi phalaṃ vā arahattaphalaṃ vā yathārahamekavāraṃ uppajjitvā niruddhe bhavaṅgapātova hoti.*

Trong sát na nhập thiền diệt thì tứ thiền vô sắc chỉ sanh lên 2 lần rồi nhập vào thiền diệt tức thì, khi xuất khỏi thiền diệt thì cho dù tâm Quả Bất Lai hoặc tâm Quả A La Hán đi nữa cũng sanh lên một lần rồi diệt đi tiếp theo là tâm hữu phần.

Trong tâm lộ này thì thiền phi tướng phi phi tướng xứ nếu là bậc Bất Lai thì là thiền thiện, là Quả thì là Quả Bất Lai, nếu là bậc A La Hán thì là thiền tốt, là Quả thì là Quả A La Hán, sát na chuẩn bị... dẫn đến thiền thọ xả là tâm đại thiện hoặc đại tố đồng sanh xả thọ tương ưng trí. Đối với tâm hữu phần nếu là trong 7 cõi vui dục giới thì là 4 tâm đại Quả tương ưng trí, nếu trong 15 cõi sắc giới (trừ cõi Vô Tướng) thì là 5 tâm quả sắc giới.

Nhân Cận Của Việc Nhập Thiền

Thành quả nhập vào thiền diệt được là do nhập thiền hiệp thể kết hợp với tuệ quán.

Thành quả nhập thiền quả là do tu tiến minh quán.

Thành quả hiện thông là do thiền định hiệp thể.

Nhập thiền diệt nhân cho cõi dục giới, cõi sắc giới thì được 2, nhân tiếp tục cho bậc Bất Lai và bậc A La Hán thì được 4 và nhân tiếp tục nữa cho bậc lợi tuệ và độn tuệ thì được 8.

Đồng Lực Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Sanh Lên 2 Lần

Vấn: *Do nhân nào khi nhập thiền diệt thì đồng lực thiền phi tướng phi phi tướng xứ chỉ sanh lên 2 sát na?*

Đáp: Kể từ sơ thiền... trở đi thì định và minh quán phải diễn tiến song hành với nhau liên tục (**yuganaddhanaya**) theo tuần tự không phải nhắm vào việc nhập thiền phi tướng phi phi tướng xứ trực tiếp mà thật sự chỉ nhắm vào nhập thiền diệt cho nên thiền phi tướng phi phi tướng xứ không tồn tại lâu được, khi đồng lực thiền phi tướng phi phi tướng xứ sanh lên 2 sát na rồi thì nhập vào thiền diệt liền tức thì.

Vấn: *Do nhân nào mà cả 2 bậc Bất Lai và bậc A La Hán thì nhập vào thiền diệt được, còn bậc Nhập Lưu và bậc Nhất Lai thì không nhập vào thiền diệt được?*

Đáp: Bởi vì bậc Nhập Lưu và bậc Nhất Lai chưa thể sát trừ hoàn toàn được dục ái triền cái loại tiềm miên là chướng ngại của định vì vậy 2 bậc Thánh này định có ít sức mạnh làm cho không nhập vào thiền diệt được, còn bậc Bất Lai và bậc A La Hán thì đã sát trừ hoàn toàn dục ái triền cái loại tiềm miên nên định có nhiều sức mạnh làm cho nhập vào thiền diệt được.

Trong bộ Vô Ngại Giải Đạo (paṭisambhidāmagga) đề cập rằng: Samādhiparibandhassa kāmarāgassa hāyinam atthittā anupubbāya nirodho kāmarūpīnam.

Bậc Bất Lai và bậc A La Hán đã sát tuyệt hoàn toàn dục ái tiềm miên là chướng ngại của định và có được 8 thiền chứng theo tuần tự mới nhập vào thiền diệt được dễ dàng.

Cõi Dục Giới Nhập Thiền Diệt¹ Chỉ Được 7 Ngày

Trong cõi dục giới nhập thiền diệt được nhiều nhất là 7 ngày, như ngài nêu lên trình bày rằng: “Āhārarūpajīvinam bhuttassa ekadivasam sattāham vā yāpanato kāme sattāhameva”.

Tất cả chúng sanh sống nương nhờ vào vật thực, một ngày thọ dụng một bữa thì có thể sống được 7 ngày trong

¹ Trong Thanh Tịnh Đạo: Vấn: *Nhập thiền diệt thì nhập được trong cõi nào?*

Đáp: Nhập được trong cõi ngũ uẩn bởi vì muốn nhập thiền diệt thì 8 hoặc 9 thiền chứng phải song hành nhau với minh quán theo tuần tự của thực tánh, cho nên chư thiên cõi dục giới, cõi sắc giới cũng ở trong cõi ngũ uẩn mới nhập thiền diệt được.

cõi dục giới nên chỉ nhập thiền diệt được 7 ngày mà thôi, còn đối với **cõi sắc giới** muốn nhập thiền diệt bao lâu cũng được bởi vì không bị vướng bận về vấn đề vật thực nương từ chính pháp hỷ là vật thực. Cõi dục giới thì chỉ có cõi nhân loại một ngày thọ dụng vật thực một bữa thì có thể sống được 7 ngày, còn đối với **chư thiên cõi dục giới** thì nhập thiền diệt từ 1 tháng đến 2 tháng bởi vì thiên thực mà chư thiên thọ dụng một bữa thì có thể sống được 1 tháng đến 2 tháng.

Nhập Thiền Diệt

**Không Gọi Là Hữu Vi (Sankhata)
Mà Gọi Là Thành Tựu (Nipphanna)**

Vấn: *Nhập thiền diệt là hữu vi hay vô vi, là hiệp thể hay siêu thể?*

Đáp: Pháp nào có thực tánh chơn đế rõ ràng thì là hữu vi cũng có, vô vi cũng có, hiệp thể cũng có, siêu thể cũng có nhưng nhập thiền diệt không có thực tánh chơn đế cho nên không là hữu vi cũng không là vô vi, không là hiệp thể cũng không là siêu thể. Nhưng nếu phân tích theo thành tựu hay phi thành tựu cũng phải xem là thành tựu liên quan từ bậc Thánh nhập thiền diệt phải tinh cần tu tiến chỉ tịnh, minh quán theo tuần tự sanh lên mới có thể nhập vào thiền diệt được vì vậy nhập thiền diệt mới xem như là thành tựu (nipphanna).

Trong Thanh Tịnh Đạo phần tuệ giải thích rằng:

Saṅkhatātipi asaṅkhatātipi lokiyātipi lokuttarātipi na vattabbā tasmā sabhāvato natthitāya yasmā pana sā samāpajjantassa vasena samāpannā nāma hoti tasmā nipphannāti vuttuṃ vaṭṭati no anipphannā.

Nhập thiền diệt không nên nói là hữu vi hay vô vi, hiệp thể hay siêu thể bởi vì không có thực tánh nhưng bậc Thánh nhập vào thiền diệt được phải tinh cần tu tiến chỉ tịnh, minh quán mới nhập thiền diệt được cho nên nhập thiền diệt mới gọi là thành tựu mà không phải là phi thành tựu.

Do nhập thiền diệt tự mình không có thực tánh cho nên vị tỳ kheo nào mà không thể nhập thiền diệt được nhưng khoác lác khoe khoang rằng nhập vào thiền diệt thì vị tỳ kheo đó không phạm vào bất cộng trụ (parājika), khác với trường hợp vị tỳ kheo nào chưa đắc chứng Đạo, Quả, Níp Bàn nhưng khoe khoang khoác lác rằng đã đắc chứng thì vị tỳ kheo đó chắc chắn phải phạm tội bất cộng trụ bởi vì Đạo, Quả, Níp Bàn có thực tánh.

Ayamettha samapattibhedo

Kết thúc phân loại về nhập định trong phần nghiệp xứ tập yếu này.

Niṭṭhito ca vipassanākammaṭṭhānanayo

Kết thúc phương pháp minh quán nghiệp xứ



Kệ Sách Tấn
Uyyojanagāthā

Bhāvettabbaṃ paniccevaṃ Bhāvanādvayamuttānaṃ
Paṭipattirasassānaṃ Patthayantena sāsane.

Cả hai tu tiên có quả cùng tột mà hành giả phần chân mong muốn để được vị của việc thực hành trong Phật Giáo hãy tu tiên theo phương pháp đã đề cập trên.

Iti abhidhammatthasaṅgahe.

Kammaṭṭhānasāṅgahāvibhāgo nāmo navamo paricchedo.

Kết Thúc Thắng Pháp Tập Yếu Luận Chương 9
Phần Nghiệp Xứ Tập Yếu



Kệ Ngôn Kết Thúc
(Pakaraṇāvasānagāthā)

Cārittasobhitavisālakuḷodayena
Saddhibhivuddhapaṇḍitaḥagāṇodayena
Nambavhayena paṇḍitāya parānukampam
Yaṃ patthitam pakaraṇam pariniṭṭhitam
Puññaena tena vipulena tu mūlasomam
Dhaññādhivāsamuditamāyugantam
Paññāvadātagaṇasobhītalajjibhikkhū
Muññantu puññavibhavavodayamaṅgalāya.

Bộ Thắng Pháp Tập Yếu Luận nào mà tôi đã sáng tác đầy đủ 9 chương bởi được sự thỉnh cầu tha thiết của cận sự nam Namba sanh trong dòng họ đại trưởng giả gia phong nề nếp là người khơi nguồn từ ân đức trong sạch chói sáng do đức tin, có sự mong mỏi giúp đỡ cho thiện nam tử trong Phật Giáo được truyền thừa tiếp nối.

Do năng lực trí tuệ quảng đại của việc sáng tác bộ Thắng Pháp Tập Yếu Luận xin cho chùa Mahāvihāramūlasomārāma là nơi trú ngụ của các bậc hiền trí vang danh suốt thời kỳ

Phật Giáo và xin cho bạn đồng phạm hạnh trong chùa Mahāvihāramūlasomārāma hãy là người có trí tuệ, có ân đức Pháp thanh tịnh, có giới hạnh trang nghiêm và hỗ thẹn đối với tội lỗi để được an lành thành lợi để làm nơi nương đầy đủ phước báu.

Iti anuruddhācariyena racitaṃ
abhidhammatthasaṅgahaṃ nāmapakaraṇaṃ
gandhato paññāsadhikāni aṭṭhasatāni samattāni
abhidhammatthasaṅgaho niṭṭhito.

Kết thúc bộ Thắng Pháp Tập Yếu Luận do ngài trưởng lão Anuruddha sáng tác gom lại từ 850 bài kinh.



MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
MINH QUÁN NGHIỆP XỨ (Vipassanākammaṭṭhāna)	9
1- Thất Thanh Tịnh (Visuddhi)	9
2- Tam Tướng (Lakkhaṇa)	10
3- Ba Tùy Quán (Anupassanā).....	11
4- Mười Tuệ Quán (Vipassanāññāna)	11
5- Ba Giải Thoát (Vimokkha)	12
6- Ba Giải Thoát Môn (Vimokkhamukha).....	13
Trình bày 7 Thanh Tịnh Theo Thắng Pháp Tập Yếu Luận	15
1- Giới Thanh Tịnh (Sīlavisuddhi)	15
2- Tâm Thanh Tịnh (Cittavisuddhi)	16
3- Kiến Thanh Tịnh (Ditṭhivisuddhi)	16
4- Đoạn Nghi Thanh Tịnh	16
5- Đạo Phi Đạo Tri Kiến Thanh Tịnh Và 10 Tùy Phiền Não Quán (Maggāmaggaññadassanavisuddhi Vipassanūpakilesa)	17
6- Hành Lộ Tri Kiến Thanh Tịnh (Paṭipadāññadassanavisuddhi).....	19
7- Tri Kiến Thanh Tịnh (Ññadassanavisuddhi)	19
Trình Bày Phân Loại Về Giải Thoát	22

Phân Theo Người (Puggalabheda)	25
Trình Bày Phân Theo Nhập Thiên	26
LUẬN GIẢI Ý NGHĨA MINH QUÁN NGHIỆP XỨ THEO THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN	29
GIẢI THÍCH PĀLI ĐIỀU THỨ NHẤT	29
Trình Bày Đến 7 Thanh Tịnh	29
1- Giải Thích Về Giới Thanh Tịnh (Sīlavisuddhi)	31
2- Giải Thích Về Tâm Thanh Tịnh (Cittavisuddhi).....	33
3- Giải Thích Về Kiến Thanh Tịnh (Ditṭhivisuddhi).....	35
4- Giải Thích Về Đoạn Nghi Thanh Tịnh (Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi)	36
5- Giải Thích Về Đạo Phi Đạo Tri Kiến Thanh Tịnh (Maggāmaggaḍassanavisuddhi)	41
6- Giải Thích Về Hành Lộ Tri Kiến Thanh Tịnh (Paṭipadāññāḍassanavisuddhi).....	42
7- Giải Thích Về Tri Kiến Thanh Tịnh (Nāṇaḍassanavisuddhi).....	44
Tóm Lược Thất Thanh Tịnh	45
So Sánh 7 Thanh Tịnh	47
GIẢI THÍCH PĀLI ĐIỀU THỨ HAI	49
Trình Bày Đến Tam Tướng	49
Sự Khác Biệt Giữa Vô Thường, Khổ,	51
Vô Ngã Với Vô Thường Tướng, Khổ Tướng, Vô Ngã Tướng ...	51
GIẢI THÍCH PĀLI ĐIỀU THỨ BA	55
Trình Bày Về 3 Tùy Quán (Anupassanā).....	55

18 Đại Minh Quán (Mahāvipassanā) 56

Giải Thích Theo Tuần Tự Trong 18 Đại Minh Quán 60

1- Vô thường tùy quán (Aniccānupassanā)..... 60

 Vô Thường Tùy Quán Thật Và Giả..... 65

 Thực Hành Nhằm Cắt Đứt Liên Lưu Định Kiến Và Phá Vỡ
 Thuần Khô Định Kiến Để Tuệ Quán Đạt Đến Vô Thường Tùy
 Quán Thật..... 73

 Pháp Bị Đoạn Trừ Bằng Vô Thường Tùy Quán..... 80

 Sự Ngủ ngầm Của Phiền Não Tiềm Miên
 Và Pháp Đoạn Trừ..... 84

 Giải Thích Về Ngã Mạn 93

 Trình Bày Vô Thường Tướng, Khổ Tướng Theo Chế Định
 Và Vô Ngã Tướng 94

2- Khổ Tùy Quán (Dukkhānupassanā)..... 99

 Trình Bày Sự Khác Biệt Của 3 Từ 100

 Giải Thích Về Khổ Tùy Quán 101

 Sự Khác Biệt Giữa Người Không Có Niệm
 Với Người Có Niệm..... 106

 Sự Diệt Trừ Ba Pháp Điên Đảo... Bằng Khổ Tùy Quán..... 109

3- Vô Ngã Tùy Quán (Anattānupassanā)..... 111

 Sự Khác Biệt Giữa Vô Ngã,
 Vô Ngã Tướng, Vô Ngã Tùy Quán 115

 Việc Quán Xét Về Ngã Và Vô Ngã..... 116

 Chế Định Hiện Lộ Chơn Đế Diệt Mất,
 Chơn Đế Hiện Lộ Chế Định Diệt Mất 117

 Vấn Đề Đặc Biệt Của Chế Định Và Chơn Đế..... 119

GIẢI THÍCH PĀLI ĐIỀU THỨ TU.....	125
Trình bày 10 tuệ quán theo lý Thắng Pháp Tập Yếu Luận và 16 tuệ.....	125
1- Danh Sắc Phân Tích Tuệ (Namarūpaparicchedañāṇa)	125
4 Tướng Trạng Của Tâm	125
4 Tướng Trạng Của Tâm Sở.....	126
4 Tướng Trạng Của Sắc.....	126
Danh Sắc Phân Tích Tuệ	126
Việc Ghi Nhận Danh Sắc Theo Phương Pháp Tứ Đại	128
Việc Ghi Nhận Danh Sắc Theo Phương Pháp 18 Giới.....	131
Việc Ghi Nhận Danh Sắc Theo Phương Pháp 12 Xứ.....	133
Việc Ghi Nhận Danh Sắc Theo Phương Pháp 5 Uẩn	133
Việc Ghi Nhận Sắc Làm Cho Danh Hiện Lộ	134
Việc Hiện Lộ Của Danh Sắc	135
Như Thật Tri Kiến (Yathābhūtaḍassana).....	137
Quan Kiến Lạc Hậu Thái Quá.....	138
Danh Sắc Nương Vào Nhau	139
Danh Sắc Không Tự Mình Có Năng Lực.....	141
2- Duyên Đạt Tuệ (Paccayapariggahañāṇa).....	146
Tìm Kiếm Nguyên Nhân Của Danh Sắc	146
Nhân Duyên Của Danh Sắc Theo Lý Thắng Pháp.....	148
Ghi Nhận Biết Nhân Duyên Của Danh Sắc Theo Pháp Duyên Khởi Chiều Nghịch.....	149
Ghi Nhận Biết Nhân Duyên Theo Nghiệp Và Quả.....	149
Ví Dụ Giữa Nhân Với Quả.....	152

	Duyên Đạt Tuệ Trong Tên Gọi Khác	154
	Quả Báo Của Duyên Đạt Tuệ	155
3-	Thẩm Quán Tuệ (Sammānañāṇa)	157
	Tuệ Quán Trong Việc Biện Tri	159
	Cảnh Của Thẩm Quán Tuệ	160
	Thẩm Quán Tuệ Theo Riêng Biệt Nữa.....	163
	Phương Pháp Ghi Nhận Biết 11 Loại Pháp Theo Riêng Biệt Của Thẩm Quán Tuệ	163
	Thẩm Quán Tuệ Theo Trường Hợp Khác Nữa.....	165
	Việc Ghi Nhận Biết Ngũ Uẩn Theo 40 Trạng Thái.....	167
	Gom Lại 40 Thẩm Quán Tuệ Theo 3 Tùy Quán	172
	Phương Pháp Phát Triển Tuệ Quán Tăng Trưởng Lên.....	173
	Phương Pháp Ghi Nhận Danh Sắc Trong Thẩm Quán Tuệ..	174
	Phương Pháp Ghi Nhận Để Biết Danh.....	181
	Phương Pháp Ghi Nhận Biết Sắc Theo Bảy Cách	183
	Phương Pháp Ghi Nhận Biết Danh Pháp Theo Bảy Cách....	194
	Tóm Lược Trạng Thái Của Thẩm Quán Tuệ.....	198
4-	Sanh Diệt Tuệ (Udayabbayañāṇa)	201
	Sanh Diệt Tuệ Có Hai Loại	201
	50 Tướng Trạng Sanh Diệt Của Ngũ Uẩn.....	203
	Thấy Danh Sắc Bằng Duyên Và Sát Na.....	205
	Hành Giả Minh Quán Sơ Cơ (Āraddhavipassako).....	207
	Giải Thích Về Mười Tùy Phiền Não Quán	208
	Vấn Đề Đặc Biệt Liên Quan Đến Tùy Phiền Não Quán.....	218
	Phân 10 Tùy Phiền Não Quán (Upakilesa) Theo 3 Loại Chấp Trước (Gāha)	220

Người Không Tinh Thông Trong Tùy Phiền Não	221
Người Tinh Thông Trong Tùy Phiền Não	223
Sanh Diệt Tuệ Già Mạnh	225
5- Hoại Diệt Tuệ (Bhangañāṇa)	227
Thường Xuyên Ghi Nhận Thấy	228
Trạch Sát Minh Quán	230
Diệt Tướng Minh Quán	231
Thượng Tuệ Minh Quán	232
Quả Báo Của Hoại Diệt Tuệ	234
6- Kinh Hãi Tuệ (Bhayañāṇa)	235
Giải Thích Về 3 Loại Kinh Hãi Tuệ	235
Nói Về Sự Sợ Hãi Của Kinh Hãi Tuệ	237
Tam Tướng Với Sự Sợ Hãi	238
7- Quá Hoạn Tuệ (Ādīnavañāṇa)	240
Giải Thích Về Hai Loại Quá Hoạn Tuệ	240
Nguy Hại Của 15 Loại Hành	241
15 Tuệ Vắng Lặng (Santipādañāṇa)	244
8- Yếm Ó Tuệ (Nibbidāñāṇa)	248
Ví Dụ Về 4 Loại Yếm Ó Tuệ	249
7 Tùy Quán (Anupassanā)	250
3 Tuệ Quán (Vipassanāñāṇa)	256
Ví Dụ Về Danh Sắc	257
Vắng Lặng (Santipada)	261
Thực Hành Theo Tuần Tự	264
9- Dục Thoát Tuệ (Muñcītukamyatāñāṇa)	265

Luân Hồi (Samsāravatṭa).....	265
Ví Dụ Về 8 Loại Dục Thoát Tuệ.....	267
Thực Tánh Của 15 Loại Dục Thoát Tuệ.....	269
10- Trạch Sát Tuệ (Paṭisaṅkhāñāna).....	272
40 Trường Hợp Của Trạch Sát Tuệ.....	273
Phương Pháp Của Việc Thoát Khỏi.....	279
Ví Dụ So Sánh.....	282
11- Hành Xả Tuệ (Saṅkhārupekkhāñāna).....	286
Hành Xả Tuệ Theo Tam Đề Thiện.....	295
Sự Rỗng Không.....	296
Quả Của Hành Xả Tuệ.....	304
3 Tùy Quán (Anupassanā).....	307
3 Giải Thoát Môn (Vimokkhamukha).....	308
Tám Bậc Thánh Nhân.....	310
Bảy Bậc Thánh Nhân.....	311
Bậc Thánh Nhân Và Tam Tướng.....	314
Bậc Thánh Nhân Với Giải Thoát.....	316
Ba Tuệ Quán Theo Tuần Tự Có 15.....	320
Quán Xét Danh Sắc Là Khô.....	323
Quán Xét Danh Sắc Là Sợ Hãi.....	326
Quán Xét Danh Sắc Rồi Thản Nhiên.....	328
3 Tuệ Quán Giống Nhau.....	330
Đỉnh Cao Của Minh Quán.....	331
Sáu Chi Phần Của Hành Xả Tuệ.....	332
18 Phương Pháp Giải Thoát Chấp Thủ.....	333

Một Lý Khác Nữa Về Quả Của Hành Xả Tuệ	338
6 Ví Dụ Về Hành Xả Tuệ	340
Việc Chủ Tâm Thực Hành Không Thối Chuyển.....	350
Nên Hiểu Biết Về Hành Xả Tuệ	350
Nguyên Nhân Được Gọi Là Đạo.....	355
Giải Thoát (Vimutti) – Đoạn Trừ (Pahāna)	358
12- Thuận Thứ Tuệ (Anulomañāṇa)	360
Ví Dụ Về 3 Tuệ Thuận Thứ.....	362
Phận Sự Của Thuận Thứ Tuệ	363
Quả Của Thuận Thứ Tuệ	364
Quả Của 9 Tuệ Quán	364
13- Chuyển Tộc Tuệ (Gotrabhūñāṇa)	368
Phàm Nhân Có 2 Nhóm	369
Tướng Của Pháp Hành (Saṅkhāranimitta)	370
Chuyển Tộc Theo Lý Thứ Nhất	370
Chuyển Tộc Theo Lý Thứ Hai	374
Chuyển Tộc Theo Lý Thứ Ba.....	377
Chuyển Tộc Sinh Lên Từ Chí Tĩnh	379
Chuyển Tộc Sinh Lên Từ Minh Quán	381
Nhóm Ba Thiện Chuyển Tộc (Gotrabhūkusalatika).....	384
14- Đạo Tuệ (Maggañāṇa)	387
Nhập Lưu Đạo Tuệ (Sotāpattimaggañāṇa).....	387
Nhất Lai Đạo Tuệ (Sakagāṃimaggañāṇa)	390
Bất Lai Đạo Tuệ (Anāgāṃimaggañāṇa).....	391
A La Hán Đạo Tuệ (Arahantamaggañāṇa).....	391

15- Quả Tuệ (Phalañāṇa)	393
Nhập Lưu Quả Tuệ (Sotapannaphalañāṇa)	393
Nhất Lai Quả Tuệ (Sakadāgāmiṭhalañāṇa).....	399
Bất Lai Quả Tuệ (Anāgāmiṭhalañāṇa).....	402
Bậc Bất Lai Có 5	404
A La Hán Quả Tuệ (Arahattaphalañāṇa)	407
Quả Của Tứ Đạo.....	408
Bậc Lưu Tận Có 2.....	413
16- Phản Khán Tuệ (Paccavekkhaṇañāṇa).....	415
Tuệ Phản khán Của Bạc Thánh	415
Phiền Não Bị Phản khán.....	417
Tóm Lược 16 Tuệ Quán	418
5- Trình Bày Tập Yếu Về Giải Thoát (Vimokkhasaṅgaha)	421
6- Trình Bày Tập Yếu Về Giải Thoát Môn (Vimokkhamukhasaṅgaha)	424
Phân Loại Nhập Định.....	425
Quả Báo Của Nhập ĐịnhThiền Quả.....	427
Phân Loại Tâm Lộ Nhập Định Thiền Quả	428
Tên Gọi Của Thuận Thứ.....	429
Xuất Khỏi Nhập Định Thiền Quả.....	431
Thường An Trú (Sassataviharī) Và Không Thường An Trú (Nosassataviharī)	431
Nhập Thiền Diệt (Nirodhasamapatti).....	434
Lộ Tâm Nhập Thiền Diệt	437
Nhân Cận Của Việc Nhập Thiền	438

Đổng Lục Thiền Phi Tướng	
Phi Phi Tướng Xứ Sanh Lên 2 Lần	438
Cõi Dục Giới Nhập Thiền Diệt Chỉ Được 7 Ngày	439
Nhập Thiền Diệt Không Gọi Là Hữu Vi (Saṅkhata)	
Mà Gọi Là Thành Tựu (Nipphanna)	440
Kệ Sách Tấn Uyyojanagāthā	442
Kệ Ngôn Kết Thúc (Pakaraṇāvasānagāthā).....	443